BAOVIET Securities

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

NÂNG CAO CHUẨN MỰC NÂNG TẦM VỊ THẾ

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 - GIỚI THIỆU CHUNG

6 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
8 Thông tin chung về Công ty
20 Các chỉ số cơ bản KPIs

CHƯƠNG 2 - QUẢN TRỊ CÔNG TY

24 Cơ cấu tổ chức
26 Nhân sự chủ chốt: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành
30 Thông tin dành cho Cổ đông
39 Hội đồng Quản trị
50 Ban Kiểm soát
56 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban TGĐ
60 Kiểm toán nội bộ
64 Quản trị rủi ro
76 Thực hiện các quy định về Quản trị công ty

CHƯƠNG 3 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

84 Tổng quan nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán 2025
90 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
96 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
126 Đánh giá tình hình thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025 và Xây dựng chiến lược giai đoạn 2026-2030

CHƯƠNG 4 - MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT HÀNH ĐỘNG NĂM 2026

132 Dự báo nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2026
134 Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2026

CHƯƠNG 5 - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI

142 Thông điệp của Tổng Giám đốc
144 Gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) và GRI Standards trong quản trị vấn đề trọng yếu
150 GRI 1: Nguyên tắc lập báo cáo
152 GRI 2: Thông tin chung
166 GRI 3: Các chủ đề trọng yếu
204 Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo CAMEL
206 Phụ lục II: Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL

208 Báo cáo tài chính
278 Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính

NÂNG CAO
CHUẨN MỰC
NÂNG TẦM
VỊ THẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT, L=Hoàn Kiếm, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0100956399
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.06.12 19:24:07 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.1

Chương 1

GIỚI THIỆU CHUNG

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với nền tảng quản trị vững mạnh, cấu trúc quản trị rõ ràng, đề cao tính chuẩn mực và minh bạch trong công bố thông tin và trách nhiệm giải trình, luôn ý thức cải tiến theo thông lệ tốt trên thị trường khu vực và quốc tế, trong giai đoạn 2021-2025, BVSC liên tục được bình chọn trong TOP 10 DNNY nhóm vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất & Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất.

Doanh thu thực hiện

1.032

TỶ ĐỒNG

hoàn thành 101% kế hoạch

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác,

Năm 2025, bối cảnh môi trường quốc tế nhiều biến động, chính sách thuế quan của Mỹ và các xung đột địa chính trị gia tăng tại nhiều khu vực, tuy nhiên tại Việt Nam môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng GDP đạt 8,02%, là thành quả đạt được từ các giải pháp điều hành quyết liệt của Chính phủ như cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy hành chính, duy trì mặt bằng lãi suất thấp... Thị trường chứng khoán Việt Nam ("TTCK") tiếp tục hoạt động ổn định, an toàn, minh bạch, ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ về quy mô và điểm số. Cấu trúc thị trường thay đổi căn bản khi hệ thống KRX chính thức vận hành vào tháng 5, tạo tiền đề để FTSE Russell nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi vào tháng 10/2025. Sự kiện này, kết hợp cùng làn sóng IPO và niêm yết mới từ các doanh nghiệp lớn cuối năm đã giúp TTCK xác lập một quy mô vốn hóa mới. Kết thúc ngày 31/12/2025, chỉ số VN-Index đạt 1.784,49 điểm tăng 40,9% và giá trị giao dịch bình quân đạt 29,3 nghìn tỷ đồng/phiên tăng 40% so với năm 2024.

Diễn biến tích cực từ thị trường là tiền đề thuận lợi để BVSC phát huy hiệu quả các thế mạnh sẵn có, triển khai đồng bộ và linh hoạt các giải pháp kinh doanh, đồng thời chú trọng công tác quản trị rủi ro, với quyết tâm cao hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ giao. Kết quả năm 2025, BVSC tiếp tục cán đích thành công với Doanh thu thực hiện đạt 1.032 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 204,4 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch. Với kết quả này, BVSC đã khép lại thành công Chiến lược 2021–2025, theo đó tăng trưởng doanh thu thực hiện bình quân đạt 14,8%/năm, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế thực hiện bình quân đạt 14,2%/năm, ROE bình quân đạt 9,4%/năm. Song song với việc hoàn thành tốt các mục tiêu tài chính trong chiến lược giai đoạn 2021 – 2025, BVSC cũng hoàn thành tốt các mục tiêu phi tài chính, trong đó Công ty đặc biệt chú trọng đẩy mạnh chuyển đổi số & ứng dụng AI trong hoạt động kinh doanh lẫn quản trị công ty, từ đó định hình chuẩn mực công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường cung cấp hệ sinh thái dịch vụ đa dạng trên nền tảng số. Với nền tảng quản trị vững mạnh, cấu trúc quản trị rõ ràng, đề cao tính chuẩn mực và minh bạch trong công bố thông tin và trách nhiệm giải trình, luôn ý thức cải tiến theo thông lệ tốt trên thị trường khu vực và quốc tế, trong giai đoạn 2021 – 2025, BVSC liên tục được bình chọn trong TOP 10 DNNY nhóm vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất (các năm 2021, 2024) & Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết do UBCKNN và Sở GDCK TP. HCM tổ chức và TOP 10 DNNY thực hiện tốt quản trị công ty trong hai năm liên tiếp (2024 – 2025) tại Hội nghị thành viên của HNX.

Bước sang năm 2026, năm khởi đầu của một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của đất nước, cũng là năm đầu tiên trong chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 của BVSC, mặc dù tiềm ẩn nhiều thách thức từ xung đột địa chính trị tại Trung Đông, tuy nhiên môi trường chính trị - xã hội thống nhất, ổn định với động lực tăng trưởng kinh tế cao từ sự quyết tâm của toàn hệ thống chính trị, BVSC tiếp tục kiên định với định hướng phát triển bền vững trên nền tảng kế thừa thành quả đã đạt được trong giai đoạn 5 năm trước đó.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý khách hàng, Quý cổ đông và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty về sự tin tưởng và đồng hành cùng BVSC. Xin chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng./.
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch
Nguyễn Hồng Tuấn

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

SỨ MỆNH – TẦM NHÌN – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC") được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

BVSC là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999.
Vốn điều lệ	722.339.370.000 đồng.
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025	2.656.788.591.891 đồng.
Địa chỉ	Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(84-24) 3.928.8080.
Fax:	(84-24) 3.928.9888.
Website:	www.bvsc.com.vn
Mã cổ phiếu:	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX").

SỨ MỆNH

Trao **"Niềm tin vững chắc"** cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng **"Cam kết vững bền".**

TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số để mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, và sự hài lòng nhất cho cổ đông.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên.
- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY
(tiếp theo)

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999
- Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.

2000
- Thành lập Chi nhánh và khai trương Phòng Giao dịch ("PGD") tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2006
- Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.
- Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2008
- Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng.
- Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Khai trương Phòng Giao dịch ("PGD") số 1 tại 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2009
- Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng.
- Khai trương PGD số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

2010
- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.
- Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Thành lập PGD 11 Nguyễn Công Trứ tại số 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2011
- Khai trương PGD Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch, quận Từ Liêm, Hà Nội.

2015
- Thành lập PGD Láng Hạ tại số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Thành lập PGD 233 Đồng Khởi tại số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển PGD Mỹ Đình về địa chỉ số 519 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành PGD Kim Mã.

2016
- Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về số 90 Cao Thắng và đổi tên thành PGD Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2017
- Chuyển trụ sở chính từ số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thành lập PGD số 174 Lê Hồng Phong trực thuộc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2019
- Chuyển PGD Kim Mã về Tòa nhà Văn phòng Hapulico số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tên thành PGD Thanh Xuân.

2021
- Chuyển trụ sở chính từ tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm sang số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2022
- Chuyển PGD Láng Hạ về địa chỉ Tầng 10, tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội và đổi tên thành PGD Thành Công.
- Chuyển PGD Cao Thắng về địa chỉ 81 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2023
- Chuyển PGD 174 Lê Hồng Phong về địa chỉ Tòa nhà số 24A đường Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành PGD Phan Đăng Lưu.

2024
- Chuyển trụ sở chính Công ty từ tầng 4 và tầng 7 của Đơn nguyên A sang đơn nguyên B Tòa nhà Bảo Việt số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY
(tiếp theo)

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 26 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có hơn 92 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong suốt nhiều năm qua, BVSC đã xây dựng mối quan hệ đáng tin cậy với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp cả trong và ngoài nước. Với sứ mệnh "Đặt khách hàng vào trung tâm", BVSC không ngừng đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin cùng nguồn nhân lực, tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm để nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm với mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái sản phẩm hoàn chỉnh trên nền tảng số, nhằm đáp ứng mọi nhu cầu đầu tư của các tổ chức đối tác.

Bên cạnh đó, BVSC chú trọng vào việc hỗ trợ khách hàng tiếp cận tốt hơn với Thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua các chuỗi video ngắn, buổi thuyết trình và cuộc họp trực tuyến định kỳ để cập nhật thông tin mới nhất và chia sẻ kiến thức chuyên sâu, tổ chức nhiều chuyến tham quan để giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn về thị trường Việt Nam và tìm kiếm nhiều cơ hội đầu tư tiềm năng.

Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán, các giao dịch chứng khoán lô lẻ, đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước *("UBCKNN")* và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam *("VSD")*.

Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp *("M&A")* và các nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (Tư vấn đại chúng hóa và niêm yết, Tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước...)

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả" và mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

Phân tích và Tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích, mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp. Các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY
(tiếp theo)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán.

Cụ thể mạng lưới hoạt động BVSC như sau:

HỘI SỞ

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: (84-24) 3.928.8080

Fax: (84-24) 3.928.9888

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, Số 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 3.914.6888

Fax: (84-28) 3.914.7999

Hotline của Công ty: **19001018**

Email: **info@bvsc.com.vn**

Website: **www.bvsc.com.vn**

PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1
Địa chỉ: Số 94 phố Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THANH XUÂN
Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng (85 Vũ Trọng Phụng), phường Thanh Xuân, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH CÔNG
Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà ROX Tower, số 88 Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH 11 NGUYỄN CÔNG TRỨ
Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH CAO THẮNG
Địa chỉ: 81 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI
Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH PHAN ĐĂNG LƯU
Địa chỉ: Tầng trệt, Tòa nhà số 24A đường Phan Đăng Lưu, phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY
(tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG

Kể từ khi thành lập (năm 1999) đến nay, BVSC đã liên tục được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và nước ngoài, và của các Cơ quan quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu gần nhất:

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh

Thủ tướng chính phủ

- Cờ thi đua Chính phủ 2019.

Bộ Tài chính

- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018.
- Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Tài chính năm 2017.
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017 – 2021 – 2022.
- Bằng Khen Bộ Tài Chính cho giai đoạn 2022 – 2024.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012.
- Bằng khen về thành tích trong xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung giai đoạn 2018 – 2020.

Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX)

- Top 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất năm 2022 do VNX bình chọn tại Hội nghị thành viên năm 2023.

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Thành viên tiêu biểu trong 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2016.
- Vinh danh là một trong 10 đơn vị có đóng góp vào sự phát triển 20 năm của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện tốt quản trị công ty năm 2023 – 2024 và 2024 – 2025.

Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015.
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2016.
- Công ty Chứng khoán Thành viên Tiêu biểu Giai đoạn 2018 – 2019.
- Vinh danh là Công ty có đóng góp cho hoạt động của sở GDCK Hồ Chí Minh và thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2000 – 2025.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

- Top 10 Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền chứng khoán năm 2017.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 3 năm liên tiếp 2018 – 2020.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2024.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY
(tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG *(tiếp theo)*

Giải thưởng khác

Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam

- Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.

Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam

- Top 200 Sao Vàng Đất Việt 2015.
- Top 100 Sao Vàng Đất Việt 2018.

Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa 05 năm liên tiếp 2017 – 2021.
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2024 - Nhóm ngành Tài chính.
- Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất - Nhóm vốn hóa vừa.

Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững

- Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 08 năm liên tiếp 2018 – 2025.

Cuộc Bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tiến hành

- Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam 05 năm liên tiếp 2018 – 2022.
- Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021 – 2025.
- Top 1 Ngành Dịch vụ Tài chính năm 2023.

Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam

- Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021.

Giải thưởng "Doanh nghiệp yêu thích 2025 - khối doanh nghiệp vừa"

- Top 2 Ngành Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán.
- Top 7 Doanh nghiệp phát triển bền vững.
- Top 8 Doanh nghiệp được yêu thích nhất.

Diễn đàn cấp cao Cố vấn tài chính Việt Nam

- Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu.
- Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu.

Diễn đàn M&A thường niên

- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa /thoái vốn/M&A 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỷ 2009 – 2018.
- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023.
- Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu năm 2023 – 2024.

Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD)

- Top 50 Doanh nghiệp tiên phong & cam kết nâng cao quản trị công ty tại Việt Nam.

Hiệp Hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB)

- Top 7 Doanh nghiệp tiên phong thực hành ESG.

- Chứng nhận ESG theo hệ thống đánh giá Synesgy.

Giải thưởng Quốc tế

Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2015 – 2017.
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017.
- Công ty chứng khoán chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2021.
- Nền tảng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2022.
- Giải thưởng Top 100 doanh nghiệp toàn cầu 2022 & 2023 - Nền tảng giao dịch.
- Nền tảng giao dịch mới sáng tạo nhất Việt Nam 2024.
- 25 năm thành tựu xuất sắc – Ngành chứng khoán Việt Nam 2024.

Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- Tổ chức Tư vấn Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 – 2019.
- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018.

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
I - CHỈ TIÊU CƠ BẢN					
Tổng Doanh thu	**1.147,11**	**921,54**	**935,48**	**992,77**	**1.104,65**
Lãi từ đầu tư các tài sản tài chính	255,98	163,21	219,83	247,49	278,56
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (gồm lãi cho margin & ứng trước)	361,77	325,81	330,27	410,73	433,05
Doanh thu hoạt động môi giới CK	467,67	320,15	307,77	318,59	374,33
Doanh thu Tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đấu giá	41,02	32,45	2,21	3,47	4,64
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,23	9,50	7,20	6,86	8,32
Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	11,44	70,41	68,22	5,62	5,75
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**351,59**	**179,25**	**238,08**	**241,04**	**265,78**
Lợi nhuận khác	(0,56)	1,75	(0,19)	(0,12)	(0,72)
Lợi nhuận trước thuế	**351,03**	**181,00**	**237,90**	**240,93**	**265,06**
Lợi nhuận sau thuế	**282,94**	**146,89**	**197,86**	**199,95**	**224,52**
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	**232,20**	**213,69**	**159,78**	**206,42**	**204,41**
Tổng tài sản	5.719,30	3.857,65	6.016,42	5.628,66	7.033,00
Vốn chủ sở hữu	2.144,45	2.180,94	2.316,92	2.475,37	2.656,79
II - CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ					
• Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	489%	654%	445%	678%	576%
• Hệ số thanh toán tổng quát: *Tổng tài sản/Tổng nợ*	1,60	2,30	1,63	1,79	1,61
• Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	1,60	2,20	1,55	1,63	1,50
• Hệ số thanh toán nhanh *(Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn)*	1,54	2,11	1,53	1,94	1,94
• Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	3.042	2.782	2.080	2.688	2.661

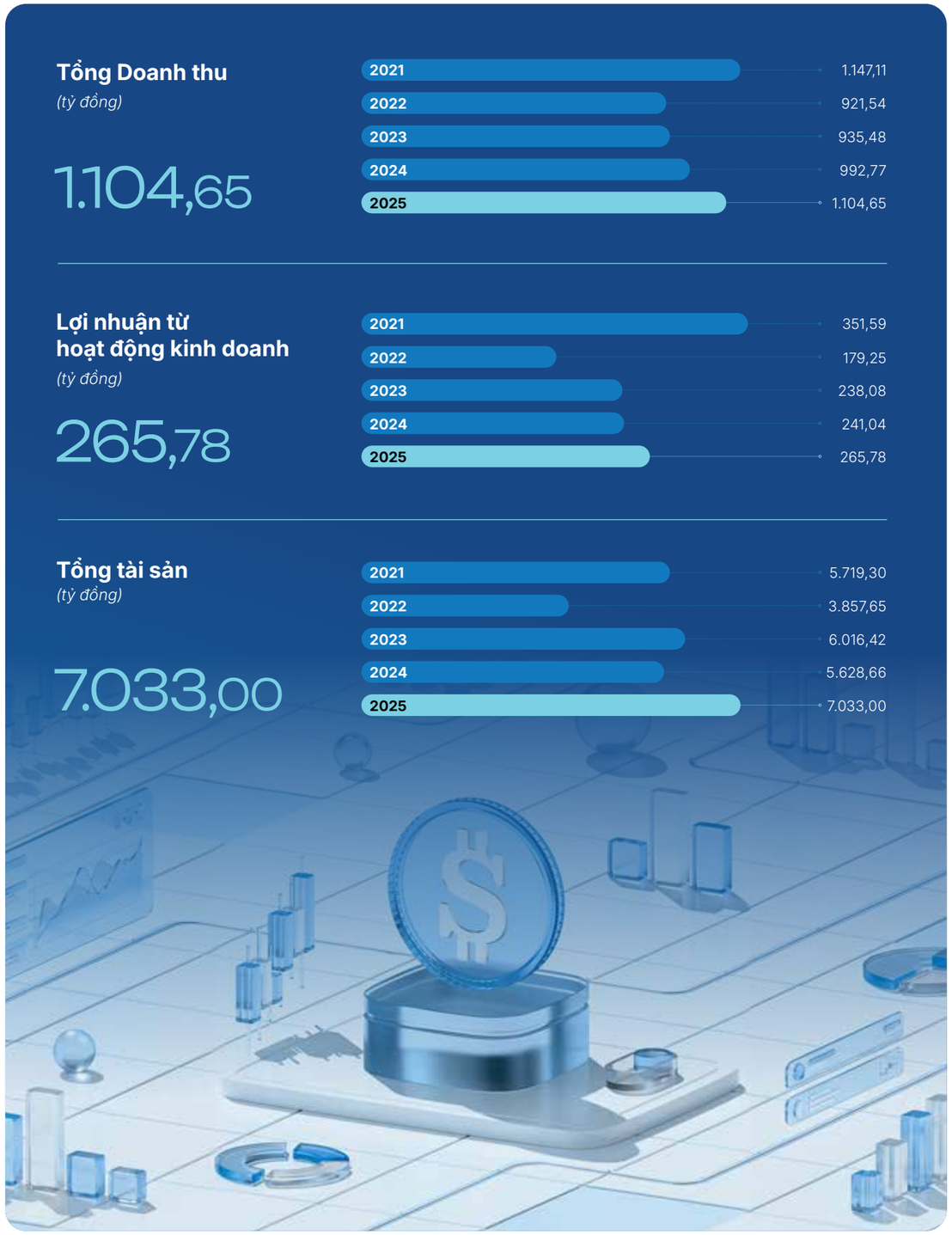

Chương 2

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nền tảng
minh bạch

Tăng trưởng
vững bền

CƠ CẤU TỔ CHỨC

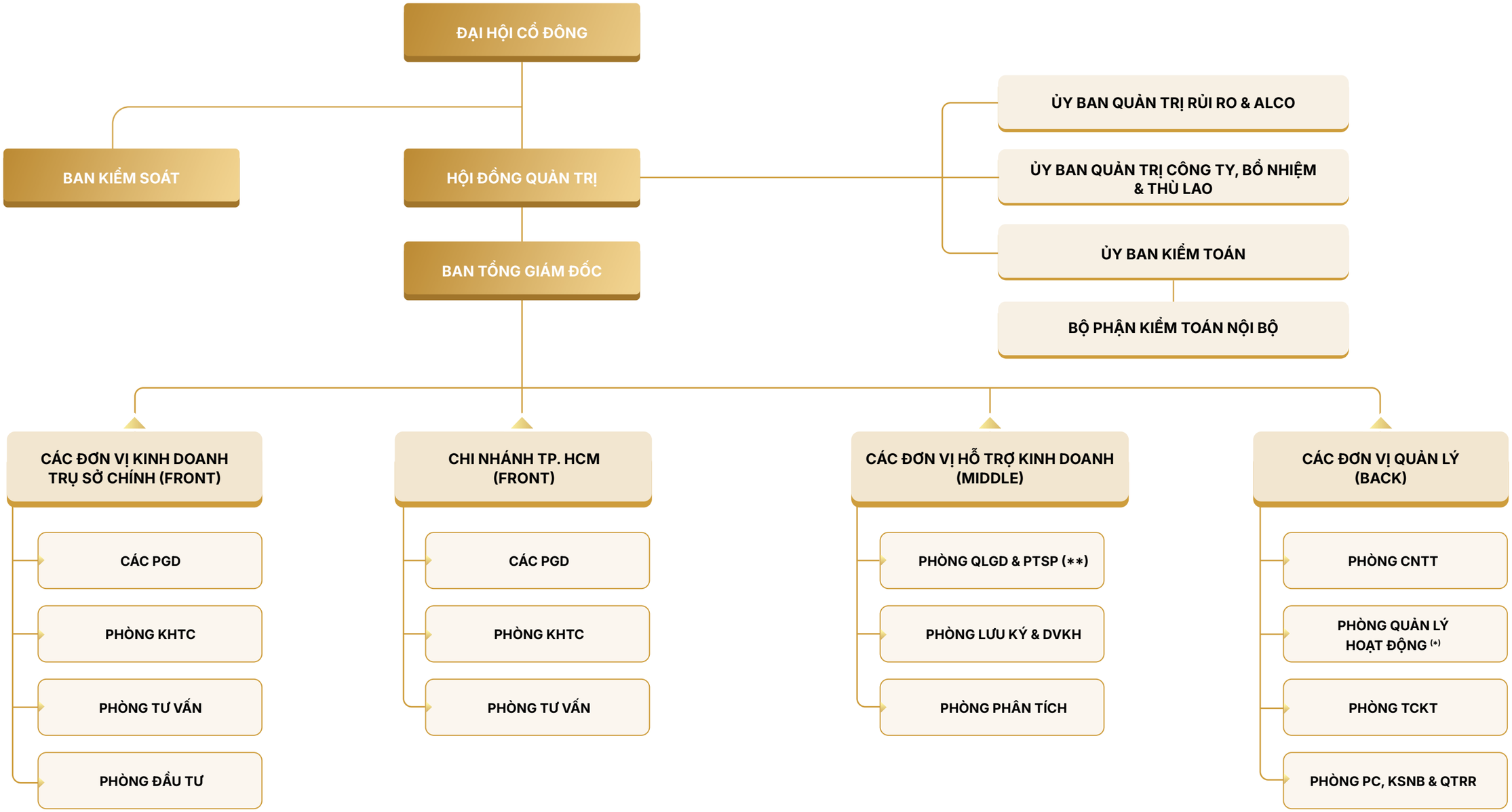

(*) *Phòng Quản lý Hoạt động thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), Kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.*

(**) *Trung tâm chăm sóc và phát triển khách hàng số (TT CSKH) thuộc Phòng Quản lý Giao dịch & Phát triển sản phẩm.*

*** ***Các công ty con, công ty liên kết: không có***

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN

Chủ tịch HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.
Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
Tuổi: 57
Học vấn: Cử nhân chuyên ngành tín dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2024 – 12/2025: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

11/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.

03/2022 – nay: Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

06/2017 – 11/2018: Thành viên HĐQT BVSC.

05/2014 – 01/2026: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2011 – 9/2017: Quyền TGĐ, TGĐ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2009 – 12/2011: Phó TGĐ kiêm GĐ Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2006 – 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Thành viên ban trù bị thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2006 – 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

4/1998 – 11/2005: Phó trưởng phòng Phòng Đầu tư vốn, Phó GĐ Trung tâm Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

12/1994 – 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG

Thành viên HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.
Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.
Tuổi: 52
Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

04/2025 – nay: Phó TGĐ Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

01/2015 – 04/2025: Phó TGĐ Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.

08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Phó TGĐ Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

ÔNG LẠI VĂN HẢI

Thành viên HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 23/04/2024.
Tuổi: 47
Học vấn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2024 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

09/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2019: Quyền Giám đốc Khối Hoạt động kiêm Phó GĐ Khối Quản lý tài chính – Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

03/2019: Phó GĐ Khối Quản lý tài chính – Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2016 – 2018: Phó, Trưởng phòng Phòng kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2013: Quản lý Ban TCKT – Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2008 – 2012: Cán bộ Ban TCKT – Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

ÔNG BÙI QUANG VŨ

Thành viên HĐQT

(TV độc lập HĐQT)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 23/04/2024.
Tuổi: 44
Học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2024 – nay: Thành viên độc lập HĐQT BVSC.

06/2020 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

04/2016 – 06/2020: Trưởng VP đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Khối VP và quản trị hoạt động, Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Phó phòng Giám sát tín dụng (Khối QLRR) – Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2011 – 3/2016: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Hội Tụ Việt.

2008 – 2010: Học Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh – Đại học RMIT.

2006 – 2008: Chuyên viên phân tích hệ thống – Ngân hàng TMCP Á Châu.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA

Thành viên HĐQT

(Điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 03/04/2010.
Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 20/06/2020.
Tuổi: 54
Học vấn: Thạc sĩ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC.

02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.

05/2024 – nay: Thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (TEDI).

Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC.

1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (TEDI).

**** Những thay đổi của HĐQT trong năm: ngày 09/12/2025 Công ty có nhận được Đơn từ nhiệm của ông Bùi Quang Vũ, theo quy định của Luật DN và Điều lệ hiện hành, Công ty sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2026 phê duyệt miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với ông Vũ. Công ty cũng đã thực hiện CBTT về việc từ nhiệm của Thành viên Hội đồng Quản trị nêu trên theo quy định pháp luật vào ngày 10/12/2025.*

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 14/11/2025.

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 15,108% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 15% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,108%).
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lại Văn Hải: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Bùi Quang Vũ: Thành viên độc lập HĐQT, sở hữu 0% cổ phần.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT *(tiếp theo)*

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.
Tuổi: 49
Học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc:

05/2025 – nay: Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt.

04/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.

01/2008 – nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế Toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt.

11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở – Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Công ty Tin học Duy Hùng.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Kế Toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt.

Chủ tịch HĐTV – Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc.

Chủ tịch HĐTV – Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt.

ÔNG HOÀNG GIANG BÌNH
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.
Tuổi: 40
Học vấn: Thạc sĩ Kế toán – Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

09/2015 – nay: Chuyên viên Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.

08/2012 – 09/2015: Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt.

12/2011 – 05/2012: Chuyên viên Chi nhánh Hoàn Kiếm – Ngân hàng TMCP Quân đội.

03/2009 – 09/2009: Chuyên viên Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Chuyên viên – Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.
Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.
Tuổi: 44
Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Giám đốc Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Phó Giám đốc Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

***** Những thay đổi của Ban Kiểm soát trong năm: năm 2025 BKS không phát sinh thay đổi.**
Thành phần BKS và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 14/11/2025
- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 9,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm lần đầu: 02/2010.
Tuổi: 54
Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 16 năm.
Học vấn: Thạc sĩ kế toán, Cử nhân quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

05/2024 – nay: Thành viên HĐQT độc lập Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (TEDI).

02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.

2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

2000 – 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.

1995 – 1999: Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (TEDI).

BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.
Tuổi: 50
Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc: 15 năm 09 tháng.
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

07/2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

09/2009 – 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.

09/2006 – 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.

10/2003 – 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
không có.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÀ NGUYỄN HỒNG THỦY
Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 26/04/2022.
Tuổi: 53
Thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng: 4 năm.
Học vấn: Cử nhân tài chính ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

04/2022 – nay: Kế toán trưởng.

01/2012 – 04/2022: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

12/2009 – 01/2012: Phó Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.

05/2009 – 11/2009: Phó Trưởng Phòng Pháp chế, Kiểm soát nội bộ & quản trị rủi ro.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
không có.

***** Những thay đổi trong Ban Điều hành: năm 2025 Ban Điều hành không phát sinh thay đổi.**
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 14/11/2025
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 15,108% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 15% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,108% Vốn Điều lệ).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty – nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU BVS TẠI NGÀY 31/12/2025

Tên cổ phiếu:
BVS là một trong cổ phiếu trong rổ chỉ số HNX 30

Sàn niêm yết
HNX

Thay đổi vốn điều lệ trong năm
Không

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS 2025)
2.661 đồng

Số lượng cổ phiếu niêm yết:
72.233.937 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:
72.200.145 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ:
33.792 cổ phiếu

Giá trị vốn hóa thị trường:
2.101 tỷ đồng

Cổ tức 2025:	Thanh toán cổ tức 8% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2024 vào ngày 26/11/2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):	37.253 đồng
Giá thị trường tại ngày 31/12/2025:	29.100 đồng/cổ phiếu
Giá cao nhất năm 2025:	43.200 đồng/cổ phiếu
Giá thấp nhất năm 2025:	26.800 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng giao dịch năm 2025:	160.706.032 cổ phiếu
Tổng giá trị giao dịch năm 2025:	5.834.837.206.500 đồng
Khối lượng giao dịch bình quân năm 2025:	645.106 cổ phiếu/ngày
P/B:	0,78 lần
P/E:	8,20 lần

Nguồn: FiinProX – Dữ liệu doanh nghiệp

Trong năm 2025, Giá cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BVS) đóng cửa tại ngày 31/12/2025 là 29.100 đồng, giảm 19,5% so với thời điểm đóng cửa phiên ngày 31/12/2024. Diễn biến giá cổ phiếu trong năm 2025 chủ yếu phản ánh các nhịp điều chỉnh và biến động chung của thị trường, đặc biệt trong giai đoạn đầu quý II; sau đó, cổ phiếu ghi nhận sự phục hồi cùng xu hướng chung của thị trường trong các tháng giữa năm.

Bên cạnh đó, thanh khoản giao dịch của cổ phiếu cũng có sự sụt giảm, khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2025 đạt lần lượt 645.106 cổ phiếu và 23,4 tỷ đồng, giảm 11,6% và 16,2% so với mức bình quân của năm 2024. Diễn biến này tương đồng với diễn biến chung của nhóm cổ phiếu chứng khoán thuộc nhóm vốn hóa vừa và nhỏ.

Diễn biến giao dịch cổ phiếu BVS trên Thị trường chứng khoán ("TTCK") trong năm 2025 thể hiện qua các biểu đồ như sau:

Biểu đồ 1 Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNXIndex từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

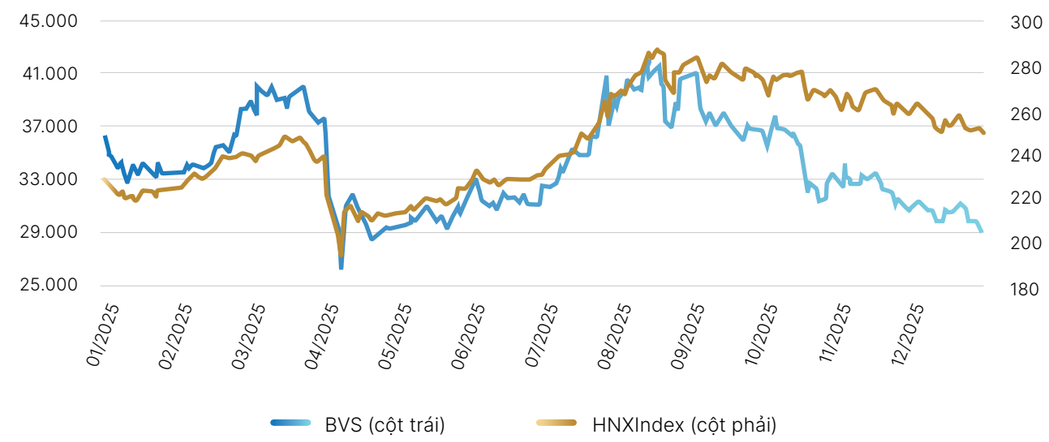

Biểu đồ 2 Khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

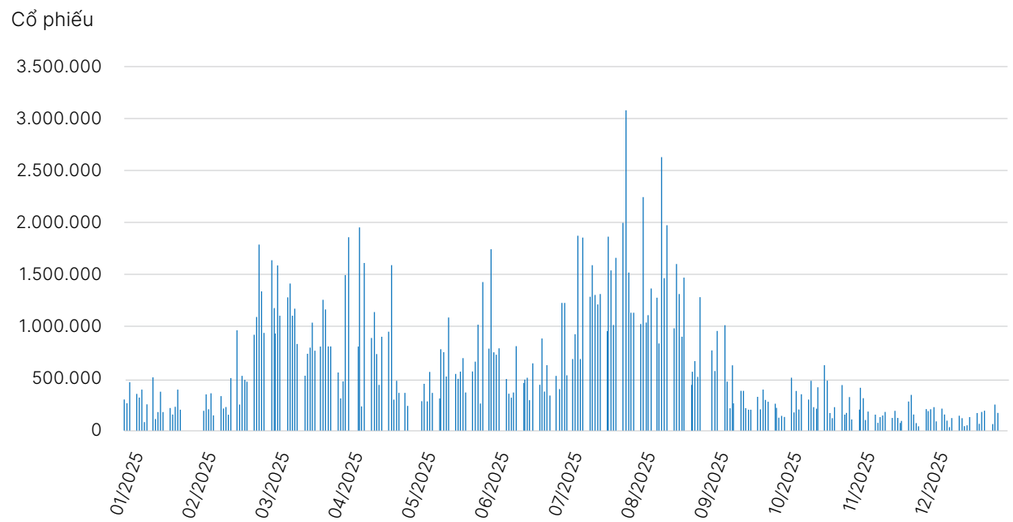

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG
(tiếp theo)

Biểu đồ 3 Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài (ĐVT: Tỷ VND)

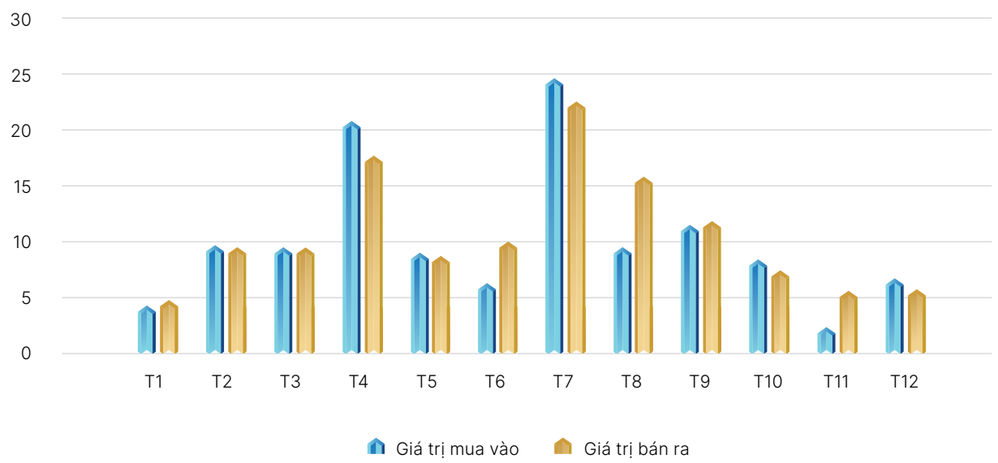

Biểu đồ 4 Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài

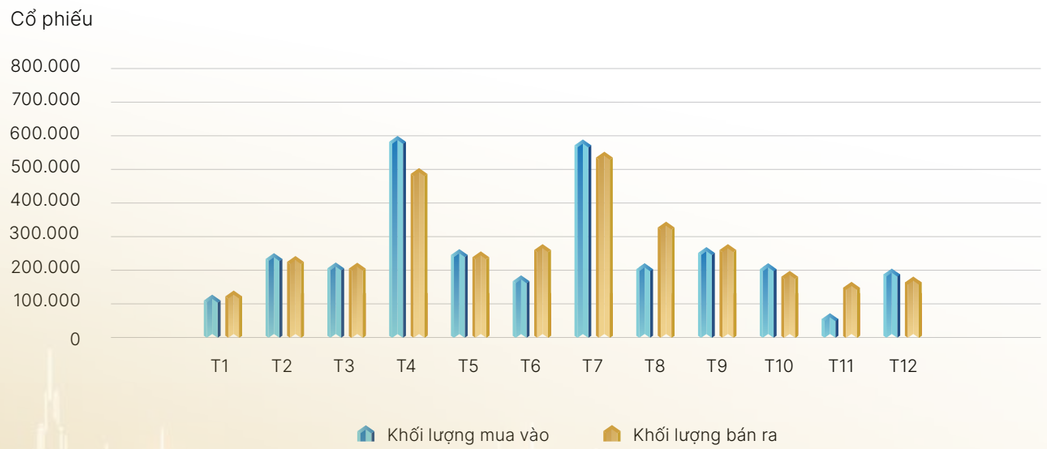

Danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2025

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ

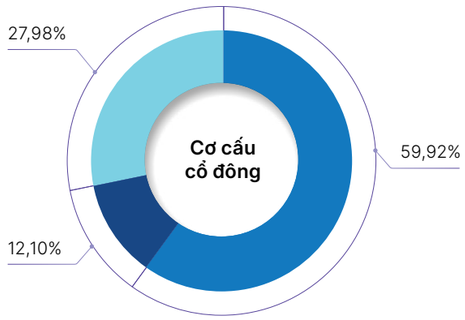

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2025: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2025: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Trong nước				**98,63%**
Cá nhân	4.593	27.404.506	274.045.060.000	37,94%
Tổ chức	27	43.842.345	438.423.450.000	60,69%
Nước ngoài				**1,37%**
Cá nhân	126	575.006	5.750.060.000	0,80%
Tổ chức	18	412.080	4.120.800.000	0,57%
Tổng cộng	**4.764**	**72.233.937**	**722.339.370.000**	**100%**

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	4.757	20.211.744	27,98%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	6	8.741.000	12,10%
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	43.281.193	59,92%
Tổng cộng	**4.764**	**72.233.937**	**100,00%**

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG
(tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR) NĂM 2025

Trong năm 2025 BVSC được bình chọn trong Top 50 Doanh nghiệp tiên phong & cam kết nâng cao quản trị công ty tại Việt Nam do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) trao tặng. Bên cạnh đó, BVSC được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện tốt quản trị công ty năm 2024 – 2025 tại Hội nghị Thành viên của HNX và tiếp tục được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất - Nhóm vốn hóa vừa, trong cuộc bình chọn DNNY do UBCK & Sở GD CK TP. HCM trao tặng. Đây là minh chứng rõ nét khẳng định vị thế của Công ty trong việc cam kết tuân thủ quy định pháp luật cũng như tiên phong thực hành vận dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong khu vực Asean, trong đó việc chú trọng cải thiện và nâng cao chất lượng quan hệ cổ đông là một nhiệm vụ được ưu tiên.

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là công ty chứng khoán niêm yết, đồng thời là đơn vị tư vấn tài chính doanh nghiệp, BVSC luôn đặt trọng tâm vào việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Công ty cam kết thực hiện nguyên tắc đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch đối với tất cả cổ đông, không phân biệt cổ đông trong nước hay nước ngoài, cá nhân hay tổ chức, cổ đông lớn hay nhỏ, cổ đông điều hành hay không điều hành.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 19 của Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 14. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2025 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2025 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên 2025

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 24/06/2025, BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông thông qua các phương thức: gửi thư có bảo đảm, qua email và tin nhắn SMS và công bố trên website Công ty 21 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Thư mời họp và toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài trong việc tiếp cận và nắm bắt thông tin trước phiên họp. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2025, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được công bố thông tin trên website Công ty bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.

Thành phần tham gia Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 có sự tham dự của: các cổ đông sở hữu 43.445.625 cổ phần chiếm 60,17% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc tham dự đầy đủ. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự Đại hội để trả lời các chất vấn của cổ đông (nếu có).

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông được hướng dẫn để đóng góp ý kiến trước ngày tham dự đại hội về các vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự. Cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng liên quan đến: Công tác quản trị rủi ro của Công ty trong hoạt động cho vay ký quỹ (margin); Triển vọng nâng hạng thị trường; Kế hoạch tăng vốn để đáp ứng nhu cầu vay margin và đầu tư nâng hạng thị trường; Hoạt động chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống CNTT và phát triển nguồn nhân lực... Các ý kiến đóng góp và nội dung chất vấn đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung trình bày Đại hội với tỷ lệ biểu quyết nhất trí cao, cụ thể như sau:

Nội dung	ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã biểu quyết thông qua	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Hoạt động kinh doanh	• Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.	100%
Các báo cáo	• Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của HĐQT.	100%
	• Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	99,99%
	• Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.	99,99%
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký công ty	• Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2024, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2025.	100%
	• Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký công ty năm 2024 và kế hoạch trả thù lao năm 2025.	100%

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội; cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG
(tiếp theo)

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Hoạt động quan hệ cổ đông của BVSC được thực hiện dựa trên các nguyên tắc quản trị công ty, hướng tới việc bảo đảm và thực thi đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Công ty xác định công bố thông tin minh bạch và trách nhiệm giải trình là các nguyên tắc cốt lõi trong quản trị, góp phần củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, BVSC không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ cổ đông trong những năm gần đây, với các nội dung cụ thể như sau:

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về công bố thông tin đối với công ty niêm yết, đồng thời thực hiện rà soát, sửa đổi và cập nhật quy chế công bố thông tin phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở triển khai thống nhất và minh bạch. Các thông tin định kỳ và bất thường được công bố kịp thời, đúng hạn. Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý về việc công bố song ngữ đối với các Công bố thông tin định kỳ, BVSC từng bước nâng cao chuẩn mực công bố thông tin thông qua việc triển khai mở rộng áp dụng đối với phần lớn các thông tin bất thường trong năm 2025. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao tính minh bạch, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của nhà đầu tư, đồng thời thể hiện định hướng nâng cao chuẩn mực quản trị của Công ty.

Năm 2025, Công ty tiếp tục được vinh danh là doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR AWARD 2025 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

Đa dạng hóa các kênh kết nối với cổ đông và nhà đầu tư, bao gồm hotline, hòm thư điện tử, fanpage và Zalo Công ty. Trong năm 2025, Bộ phận IR duy trì việc tiếp nhận, xử lý và phản hồi đầy đủ các thắc mắc, yêu cầu thông tin của cổ đông và nhà đầu tư một cách kịp thời, xuyên suốt trong năm, bao gồm: Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính Quý 4/2025; Đề xuất hình thức trả cổ tức năm 2026 bằng cổ phiếu thay vì bằng tiền nhằm tăng cường nguồn lực tài chính cho Công ty. Các thắc mắc này đã được Công ty phản hồi trong thời gian tối đa 48 giờ.

Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

Phát hành đều đặn Bản tin Quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh nhằm giúp cổ đông cập nhật thông tin toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như diễn biến giao dịch của cổ phiếu BVS, và những hoạt động nổi bật khác của Công ty.

Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài. BVSC được cấp Chứng nhận ESG theo hệ thống đánh giá Synesgy - Chứng nhận về phát triển bền vững – Mức bền vững Khá theo hệ thống Synesgy *(được xây dựng dựa trên CRIF ESG Score và các quy định của ESMA - Cơ quan Quản lý và Giám sát Chứng khoán châu Âu)* trong khuôn khổ dự án do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán phối hợp với CRIF.

Lịch công bố thông tin ("CBTT") định kỳ trong năm 2025

Ngày	Nội dung
17/01/2025	Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2024
23/01/2025	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 31.12.2024
24/01/2025	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2024
27/03/2025	Báo cáo tài chính và Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024
17/04/2025	Báo cáo thường niên năm 2024
18/04/2025	Báo cáo Tài chính Quý I năm 2025
17/07/2025	Báo cáo Tài chính Quý II năm 2025
25/07/2025	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 30.06.2025
30/07/2025	Báo cáo Quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2025
13/08/2025	Báo cáo tài chính và Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính bán niên năm 2025
17/10/2025	Báo cáo Tài chính Quý III năm 2025

Lịch công bố thông tin khác trong năm 2025

Ngày	Nội dung
26/02/2025	Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
26/02/2025	CBTT Kế hoạch tổ chức họp và Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
12/03/2025	CBTT v/v sửa đổi Quyết định chấp thuận thay đổi địa chỉ Phòng Giao dịch Phan Đăng Lưu
27/03/2025	CBTT Nghị quyết HĐQT phê duyệt hợp đồng, giao dịch giữa BVSC với Người có liên quan
18/04/2025	CBTT Kế hoạch tổ chức họp và ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
25/04/2025	CBTT Quyết định phê duyệt phương án vay vốn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội
29/04/2025	CBTT về việc tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
31/05/2025	CBTT Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Chương trình và Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
06/06/2025	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2025
25/06/2025	CBTT Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
14/07/2025	CBTT về việc tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
24/07/2025	CBTT Nghị quyết HĐQT phê duyệt giao dịch giữa BVSC với Người có liên quan
31/10/2025	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2024
31/10/2025	CBTT Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền thanh toán cổ tức năm 2024
10/12/2025	CBTT về việc nhận Đơn xin từ nhiệm của Thành viên Hội đồng Quản trị

****Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư trên website của Công ty; và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.*

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG
(tiếp theo)

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2026

Trong năm 2026, BVSC đẩy mạnh hơn nữa tính chuyên nghiệp trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số hoạt động chính cụ thể như sau:

- Tuân thủ công bố thông tin đầy đủ bằng song ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) theo quy định của cơ quan quản lý, áp dụng đối với các CBTT định kỳ, CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và các CBTT hoạt động khác của công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin của nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.
- Chủ động đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư: thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, toàn văn tài liệu ĐHCĐ thường niên công bố song ngữ Anh – Việt; và thông qua đa dạng các kênh thông tin kết nối như qua hotline, hòm thư điện tử, fanpage, zalo Công ty; qua đó nâng cao hơn nữa các hoạt động truyền tải, trao đổi thông tin với các cổ đông nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích cho các cổ đông và các bên liên quan.
- Phát hành bản tin IR đều đặn hàng quý (được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh); và duy trì các hoạt động truyền thông ra công chúng một cách chủ động để tăng tính minh bạch thông tin tới công chúng...
- Phát hành báo cáo thường niên phiên bản digital bao gồm cả phiên bản web lẫn mobile với các hiệu ứng đồ họa tăng tính tương tác nhằm tạo trải nghiệm thuận tiện cho cổ đông.

Để biết thêm thông tin, Quý cổ đông/Nhà đầu tư vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty Đơn nguyên B Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: (84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 604)

Email: info@bvsc.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	**Ông Nguyễn Hồng Tuấn**	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành).	Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT. Kể từ ngày 29/11/2018 – đến nay là Chủ tịch HĐQT BVSC.	
2	**Ông Nhữ Đình Hòa**	Thành viên HĐQT điều hành.	Kể từ ngày 03/04/2010	
3	**Ông Nguyễn Quang Hưng**	Thành viên HĐQT không điều hành.	Kể từ ngày 27/6/2017	
4	**Ông Lại Văn Hải**	Thành viên HĐQT không điều hành.	Kể từ ngày 23/04/2024	
5	**Ông Bùi Quang Vũ**	Thành viên độc lập HĐQT.	Kể từ ngày 23/04/2024	Đã gửi Đơn từ nhiệm từ ngày 09/12/2025, HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2026 phê duyệt từ nhiệm.

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại Chương II. Mục 2 - Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

HĐQT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN – *Chủ tịch HĐQT*

Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị công ty, thù lao & bổ nhiệm; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT chuyên trách theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của BVSC.

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA – *TV. HĐQT – Tổng Giám đốc*

Trực tiếp và là người đứng đầu điều hành các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG – *TV. HĐQT*

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty; quản lý rủi ro; pháp chế; là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG LẠI VĂN HẢI – *TV. HĐQT*

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; là Thành viên Ủy ban Quản trị công ty, thù lao & bổ nhiệm; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG BÙI QUANG VŨ – *TV độc lập HĐQT*

Phụ trách hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Cơ cấu HĐQT có 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 01 thành viên đảm trách vai trò thành viên độc lập xuyên suốt cả năm ; đồng thời thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động đối với mỗi thành viên, đã giúp các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của cổ đông; và sự phát triển bền vững của Công ty.

THƯ KÝ CÔNG TY

Để giúp việc cho HĐQT. HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các nhân sự sau:

Họ và tên	Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề	Kinh nghiệm tại BVSC	Ngày được bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Cử nhân Luật. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp. Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229 / QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.	21 năm làm việc tại BVSC	26/09/2013
Ông Vũ Duy Vương	Cử nhân Luật kinh doanh. Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013. Chứng chỉ quản trị Công ty số 40/QTCT 159/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 03/06/2022.	15 năm làm việc tại BVSC	10/09/2018

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Để hỗ trợ công tác quản trị công ty, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty, đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ năm 2020, để hỗ trợ HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích; vận dụng thông lệ tốt và các chuẩn mực tiên tiến về quản trị công ty như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD mới nhất và Thẻ điểm Quản trị Công ty của ASEAN, HĐQT BVSC đã thành lập 03 Ủy ban trực thuộc, cụ thể:

Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm & thù lao ("QTCT,BN&TL")

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT về tính hiệu quả của khung quản trị và chính sách về quản trị công ty cũng như giám sát các vấn đề quản trị công ty tại BVSC; hỗ trợ cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao, mô hình tổ chức bộ máy đáp ứng chuẩn mực về Quản trị Công ty cũng như bắt kịp những thông lệ tốt trên thị trường.

Thành phần của Ủy ban gồm: 04 Thành viên:

- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông **Lại Văn Hải** TV.HĐQT không điều hành – Thành viên.
- Bà **Bùi Thị Mai Hiên** Giám đốc Quản lý Hoạt động – Thành viên.

Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco ("QTRR&ALCO")

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro, thực hiện đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro cũng như kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc và giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính, quản lý và phát triển vốn và tài sản của Công ty.

Thành phần của Ủy ban gồm: 05 Thành viên:

- Ông **Nguyễn Quang Hưng** TV.HĐQT không điều hành – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** Phó Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.

Ủy ban Kiểm toán

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT khi thực hiện đánh giá về tính tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chính sách và quy định nội bộ của Công ty; Ủy ban có chức năng giám sát tính trung thực trong báo cáo tài chính & công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính của Công ty cũng như quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Thành phần của Ủy ban: gồm 05 Thành viên:

- Ông **Bùi Quang Vũ** Thành viên độc lập HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban
- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.
- Bà **Nguyễn Thị Hằng** Chuyên viên Kiểm toán nội bộ – Thành viên.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký công ty, cùng Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty dành cho công ty cổ phần đại chúng, do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và được cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học. Bên cạnh đó, các thành viên này và các cán bộ quản lý khác thường xuyên cập nhật nghiên cứu về các quy định pháp luật mới liên quan đến quản trị công ty, đồng thời tích cực tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo về quản trị công ty và thực hành phát triển bền vững.

Trong năm 2025 Thư ký công ty đã tham gia khóa học nâng cao nghiệp vụ Thư ký công ty tại các công ty đại chúng trong bối cảnh nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam... do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào ngày 22/8/2025.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ quản trị công ty:

- Anh **Nguyễn Hồng Tuấn** – Chủ tịch HĐQT:
  Chứng chỉ quản trị công ty số 11QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Anh **Nguyễn Quang Hưng** – Thành viên HĐQT:
  Chứng chỉ quản trị công ty số 21QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Anh **Nguyễn Xuân Hòa** – Trưởng Ban Kiểm soát:
  Chứng chỉ quản trị công ty số 13QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Chị **Nguyễn Thị Thanh Vân** – Kiểm soát viên:
  Chứng chỉ quản trị công ty số 24QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Anh **Hoàng Giang Bình** – Kiểm soát viên:
  Chứng chỉ quản trị công ty số 25QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:
  Chứng chỉ quản trị công ty số: 10/QĐ193-TTNC do UBCKNN ngày 31/07/2013.
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Phó Tổng Giám đốc:
  Chứng chỉ quản trị công ty số: 35 QTCT 216/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 26/10/2015.
- Bà **Bùi Thị Mai Hiên** – Thư ký công ty:
  Chứng chỉ quản trị công ty số: 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.
- Ông **Vũ Duy Vương** – Thư ký công ty kiêm Người quản trị Công ty:
  Chứng chỉ quản trị công ty số: 40/QTCT 159/QĐ-TTNC cấp ngày 03/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Thực hiện những nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, cũng như được ĐHĐCĐ giao, HĐQT đã triển khai các hoạt động trong năm như sau:

Tổ chức họp ĐHĐCĐ

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 24/06/2025 với những nội dung quan trọng được các cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết thống nhất rất cao. Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại Mục 3.2 Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2025 - ĐHĐCĐ thường niên năm 2025).

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền:
HĐQT thông qua các chính sách và các vấn đề

Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT: năm 2025, HĐQT đã tổ chức (04) cuộc họp định kỳ mỗi quý 01 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp này đều mời các Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 ngày 26/03/2025	• Kết quả kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán; • Kế hoạch kinh doanh năm 2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua; • Ước kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 và Kế hoạch Quý 2 năm 2025; • Ký Thỏa thuận về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân với Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên; • Kế hoạch đầu tư năm 2025; • Kế hoạch tiền lương năm 2025; • Kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư XDCB năm 2025; • Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025; • Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước; • Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 & các Nghị quyết của HĐQT Quý I/2025.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 2 ngày 20/06/2025	• Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 3 năm 2025; • Phê duyệt nguyên tắc quyết toán quỹ lương năm 2025; • Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; • Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 & các Nghị quyết của HĐQT 06 tháng đầu năm 2025.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 3 ngày 29/09/2025	• Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm & kết quả hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm quý 3 năm 2025; • Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2025; • Đánh giá ước kết quả thực hiện Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2021-2025; • Xây dựng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026 – 2030; • Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 & các Nghị quyết của HĐQT 09 tháng đầu năm 2025.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 4 ngày 23/12/2025	• Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2025; • Xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2026; • Đầu tư Hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở; • Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 & tình hình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT năm 2025. • Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc năm 2025. • Chế độ làm việc và chế độ chính sách đối với Chủ tịch HĐQT.	04/05	80%

Năm 2025, HĐQT tiến hành 45 lần lấy ý kiến bằng văn bản & ban hành 50 Nghị quyết quan trọng liên quan đến: Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Kế hoạch kinh doanh năm 2025; Kế hoạch tiền lương, Kế hoạch tự doanh và Kế hoạch mua sắm tài sản năm 2025; Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024; Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025 & Xây dựng Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026 – 2030; Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc công ty... & các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

Ngoài thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn là thành viên các ủy ban trực thuộc HĐQT, đồng thời tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản lý rủi ro; cuộc họp liên quan bổ nhiệm các lãnh đạo cao cấp của Công ty như tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc & Phó Tổng Giám đốc của Công ty. Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường; cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế; đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát diễn biến thực tế của thị trường chứng khoán trong năm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã triển khai các hoạt động sau đây để hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT quản lý Công ty một cách hiệu quả:

Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm & thù lao

Hoạt động trong năm 2025

Ủy ban QTCT,BN&TL đã triển khai các công việc tham mưu, hỗ trợ và báo cáo trình HĐQT các ý kiến tham mưu, thẩm định về các nội dung liên quan đến: đề xuất quyết toán quỹ lương năm 2024 & Kế hoạch quỹ lương năm 2025, đề xuất thưởng ban quản trị theo Nghị quyết ĐHCĐ; Triển khai thủ tục tái bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc công ty; Cho ý kiến đánh giá đối với việc bổ nhiệm các vị trí Trưởng Phòng theo đề nghị của Phòng Quản lý Hoạt động; Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; Tham mưu, tư vấn cho HĐQT những vấn đề chính sách quản lý lao động, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty; và thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của HĐQT liên quan đến các vấn đề về quản trị công ty.

Định hướng hoạt động năm 2026

Ủy ban QTCT,BN&TL tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: tham mưu, thẩm định về việc Quyết toán quỹ lương năm 2025 & Kế hoạch quỹ lương năm 2026; Triển khai các thủ tục và tham mưu cho HĐQT công tác bổ nhiệm lại & quy hoạch lãnh đạo cấp trung của Công ty; Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; Tham mưu, tư vấn cho HĐQT những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị công ty, hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty; Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty và Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco

Hoạt động của Ủy ban trong năm 2025

Ủy ban QTRR&ALCO đã thẩm định Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2025 báo cáo HĐQT phê chuẩn, tham dự; tham dự và cho ý kiến tại 04 cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro của Công ty nhằm mục đích rà soát, đánh giá hiệu quả toàn bộ hoạt động quản lý rủi ro đang được tiến hành tại Công ty và đưa ra các khuôn khổ, hành động, biện pháp cần được thực hiện để đảm bảo quản lý rủi ro một cách hài hòa, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.

Định hướng hoạt động năm 2026

Ủy ban QTRR&ALCO tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: Xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2026 trình HĐQT phê duyệt; Xem xét, đánh giá các hoạt động của Công ty về việc tuân thủ Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2026; Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên bảng cân đối kế toán đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty; Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán

Hoạt động của Ủy ban trong năm 2025

Ủy ban Kiểm toán đã thẩm định Báo cáo Kiểm toán năm 2024 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2025 do Bộ phận KTNB trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo và giám sát các hoạt động chuyên môn của Bộ phận KTNB; phối hợp với Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young đảm bảo các báo cáo tài chính đều tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. và thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của HĐQT liên quan đến việc đánh giá về các hoạt động của Công ty đối với việc tuân thủ các chính sách và quy định nội bộ của Công ty.

Định hướng hoạt động năm 2026

Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động; Chỉ đạo công tác chuyên môn của Bộ phận KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2026 đã được HĐQT phê duyệt; Giám sát tính trung thực lập báo cáo tài chính của Công ty; Tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2026 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Uỷ ban kiểm toán trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2026 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Tuân thủ theo quy định, Thành viên độc lập HĐQT gửi Báo cáo đánh giá về HĐQT trong năm 2025, với nội dung như sau:

Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với cơ cấu 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên thực thi vai trò thành viên độc lập xuyên suốt gần hết cả năm, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài việc, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT; HĐQT đã thành lập 03 ủy ban UBQTCT,BN&TL; UBKT; UBQTRR&ALCO nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, minh bạch, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông.

HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, các phiên họp đều có sự tham gia của BKS, Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của HĐQT được đưa ra trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận cao các Thành viên HĐQT thông qua.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: HĐQT giám sát Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các giải pháp kinh doanh theo các định hướng, chỉ đạo của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời đảm bảo phù hợp diễn biến của Thị trường chứng khoán. Trong quá trình giám sát, HĐQT luôn đảm bảo theo phân cấp quản trị quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định nội bộ; không gây cản trở hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với công ty niêm yết. Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành như không đồng thời làm thành viên HĐQT/thành viên Hội đồng thành viên quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty.

Giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc: Ngoại trừ việc thu phí giao dịch chứng khoán của một số Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo mức phí áp dụng chung như các khách hàng khác của Công ty; Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch, cũng như cung cấp các khoản vay, bảo lãnh cho những người này.

Giao dịch giữa Công ty với Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Công ty; giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của họ: Trong năm, Công ty có ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch với Tập đoàn Bảo Việt và các công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt. Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Công ty không cung cấp các khoản vay, bảo lãnh cho những người này. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng này đều tuân thủ theo đúng các quy định tại Điều lệ Công ty. Chi tiết giá trị giao dịch này đã được Công ty trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán E&Y, Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025. Các Báo cáo này đã được Công ty thực hiện công bố thông tin công chúng theo quy định.

Thù lao và thưởng của HĐQT: các Thành viên HĐQT đã nhận thù lao và thưởng theo đúng phê duyệt ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 nêu tại quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2025.

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định do HĐQT ban hành; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị công ty và hạn chế tối đa các xung đột lợi ích.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên như sau:

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	
3	Ông Hoàng Giang Bình	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	

Thông tin về các thành viên BKS vui lòng xem tại Chương II. Mục 2 - Nhân sự chủ chốt.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2025, BKS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp là các cuộc họp định kỳ mỗi quý. Việc tổ chức các cuộc họp của BKS đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS, quy định của Pháp luật. Các Kiểm soát viên đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp BKS và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Tại các cuộc họp này, BKS thảo luận và thông qua các vấn đề trọng yếu như:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên BKS tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 ngày 26/03/2025	• Ghi nhận Kết quả kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán và ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2025 của Công ty. • Thông qua nội dung thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024 của BVSC để báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2025. • Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của BKS để báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2025. • Thảo luận Kế hoạch hoạt động Quý II năm 2025 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 2 ngày 20/06/2025	• Ghi nhận Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2025 • Thảo luận Kế hoạch hoạt động Quý III năm 2025 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 3 ngày 29/09/2025	• Ghi nhận Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm. • Thảo luận Kế hoạch hoạt động Quý IV năm 2025 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 4 ngày 23/12/2025	• Ghi nhận Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty. • Thảo luận Kế hoạch hoạt động năm 2026 của BKS.	02/03	66,7%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2025, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025, kết quả giám sát như sau:

Giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, song song với đó là mức độ cạnh tranh cao, sự phân hóa rõ nét giữa các công ty chứng khoán và những giai đoạn biến động đáng kể. Trong bối cảnh đó, sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán (CTCK), đặc biệt về phí môi giới và lãi suất đối với các dịch vụ margin và ứng trước tiền bán, đã tạo áp lực lớn lên hoạt động kinh doanh. Với những hạn chế về quy mô vốn, năng lực cạnh tranh của BVSC so với các CTCK khác trên thị trường có phần suy giảm.

Tuy nhiên, Ban Kiểm soát (BKS) đánh giá cao việc Công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường, đồng thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm dịch vụ, quản trị rủi ro và tăng cường đảm bảo an toàn thông tin hệ thống. Nhờ đó, với quyết tâm cao, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

- Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2025 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng chuẩn mực & chế độ kế toán. Các BCTC bán niên, cả năm 2025 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam ("E&Y Việt Nam") với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- BKS thống nhất các BCTC năm 2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp quy định pháp luật về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

Giám sát công tác quản trị của Hội đồng Quản trị

- Trong năm, để triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025 và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT đã chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường chứng khoán và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết, định hướng kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc, hướng tới mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, đồng thời linh hoạt xin ý kiến bằng văn bản để kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp với diễn biến thị trường và thực tiễn hoạt động, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong quá trình ra quyết định. Các nghị quyết của HĐQT được thông qua với sự đồng thuận cao, đảm bảo phù hợp với quy định nội bộ và pháp luật hiện hành, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, văn bản nội bộ của Công ty và pháp luật liên quan; hoàn thành tốt vai trò quản lý. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các thành viên HĐQT nói riêng.

Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc đều là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, là những người tâm huyết và luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT; đồng thời luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty và văn bản nội bộ trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty.
- Định kỳ hàng tháng và hàng quý, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đầy đủ về tình hình hoạt động kinh doanh, cũng như xây dựng kế hoạch và định hướng cho giai đoạn tiếp theo, trình Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc luôn cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành linh hoạt, chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp về nhân sự, công nghệ, sản phẩm, định hướng khách hàng và quản trị rủi ro nhằm thực hiện mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025. Hoạt động của Công ty được duy trì ổn định, hướng tới phát triển bền vững. Ban Kiểm soát không ghi nhận dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát Quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Qua giám sát, BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 và thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của BVSC.

Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua giám sát BKS nhận thấy trong năm 2025, Công ty hoạt động tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Công ty thực hiện nghiêm quy định công bố thông tin cho công ty chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã được triển khai đầy đủ: Triển khai hoạt động kinh doanh hoàn thành vượt KHKD 2025; Hoàn thành việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và thanh toán cổ tức bằng tiền với 08% mệnh giá cổ phần; Hoàn thành việc chi thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Trong năm, ngoài việc triển khai các hoạt động nêu trên, BKS phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc: Tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Giám sát việc thực hiện đánh giá chiến lược giai đoạn 2021-2025 và xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030; Tham gia cho ý kiến góp ý xây dựng các văn bản quản trị của Công ty như xây dựng Quy chế công bố thông tin, sửa đổi Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty để đảm bảo tuân thủ quy định mới về quản trị công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp sửa đổi 2025 & Nghị định số: 245/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán để trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị , Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

Đối với HĐQT & Ban Tổng Giám đốc: trong quá trình thực thi quyền hạn, Ban Kiểm soát (BKS) phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông, đảm bảo hoạt động độc lập nhưng hiệu quả, trung thực, trách nhiệm, tuân thủ Điều lệ, văn bản nội bộ và pháp luật, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. BKS không cản trở quản trị của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc, và không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh.

Đối với cổ đông: Năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

Đánh giá kết quả Hoạt động của BKS

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ của BVSC và Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đối với công tác quản trị, điều hành Công ty;
- BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để tăng cường công tác quản trị, hệ thống hóa quy trình, quy chế, kiểm soát nội bộ với mục tiêu giảm thiểu rủi ro kinh doanh của Công ty;
- BKS đã giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết đã ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua;
- BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

- Các Kiểm soát viên đã tham gia đầy đủ các phiên họp BKS, các phiên họp HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp các ý kiến, tuân thủ Điều lệ BVSC, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; đồng thời hoạt động tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề: Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025-2026; Giám sát quá trình thực hiện chế độ kế toán, lập báo cáo tài chính của Công ty; xây dựng, sửa đổi các văn bản quản trị công ty. Đồng thời, các Kiểm soát viên phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chức năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Kiểm soát viên luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát giữa Hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2026-2027

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2026 - 2027 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và văn bản nội bộ;
- Giám sát tình hình tài chính của công ty, các hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác;
- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2025 đối với Công ty của đơn vị Kiểm toán độc lập (nếu có);
- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, và các phiên họp khác do Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát công tác quản trị và điều hành Công ty;
- Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc triển khai lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2027, 2028 & 2029 của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành; giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp tại Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Pháp luật.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2025, Tổng Giám đốc đã thực hiện giao dịch cổ phiếu và tuân thủ đầy đủ quy định về giao dịch của người nội bộ theo quy định tại khoản 1 điều 33 Thông tư 96/2020 TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Chi tiết về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ này đã được BVSC nêu chi tiết tại *Phụ lục 3: Giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty – Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn: https://www.bvsc.com.vn/danhmuc/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/*

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao

Đối với HĐQT và Ban Kiểm soát

Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số: 48/2025/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 23/12/2025.

Việc chi trả thù lao, các chi phí hoạt động và chế độ thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua vào ngày 24/06/2025; Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty và Quy chế chi tiêu của Công ty.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

MỨC LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025

Đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS: Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ. Mức chi cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	8.000.000đ/người/tháng
3	Trưởng Ban Kiểm soát	8.000.000đ/người/tháng
4	Thành viên Ban Kiểm soát	6.000.000đ/người/tháng

(*): Từ 11/12/2025, Chủ tịch HĐQT chuyển sang làm việc theo chế độ chuyên trách. Theo đó, lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi của chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số: 48/2025/NQ-HĐQT của HĐQT ngày 23/12/2025 về Chế độ làm việc và chế độ chính sách áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT, không hưởng theo chế độ thù lao.

Tổng Thù lao của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát là: 819.420.303 đồng.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

Tổng lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025: 1.985.477.953 đồng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Chế độ bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc được hưởng các chế độ bảo hiểm theo khoản 2 & 3 Điều 10 Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty. Cụ thể như sau:

Danh mục	Chế độ bảo hiểm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty.
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HealthCare)	Áp dụng theo chương trình Platinum là chương trình cao nhất của gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện dành cho người lao động tại BVSC có mức bồi thường tối đa là 5.25 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu.
Bảo hiểm Nhân thọ	Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên với mức phí 48 triệu đồng/người/năm. Năm 2025, được mua bổ sung 01 hợp đồng bảo hiểm Nhân thọ An Tâm Hoạch Định theo chương trình BHNT dành cho cán bộ chủ chốt của Công ty với tổng chi phí là 16,6 tỷ đồng.
Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care)	Áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1.17 tỷ đồng/người.
Khám sức khỏe định kỳ hàng năm	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam. Thành viên Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Hiện nay, các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên đều là lãnh đạo, cán bộ làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp khác nên một số hạng mục bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ hàng năm đã thực hiện theo chế độ tại các doanh nghiệp này thì không thực hiện tại BVSC.

Chế độ đối với phương tiện đi lại	Đối với chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty: Công ty áp dụng chế độ khoán phụ cấp phương tiện đi lại thay thế chế độ xe đưa đón riêng theo mức từ 10.000.000 đồng/người/tháng đến 15.000.000 đồng/người/tháng. Trong trường hợp đi công tác ngoại tỉnh, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được bố trí xe ô tô theo kế hoạch công tác hoặc sử dụng thẻ taxi và/hoặc taxi công nghệ.
Chế độ sử dụng điện thoại	Trang bị máy điện thoại: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/người đến 30.000.000 đồng/người trong khoảng thời gian 2 năm/lần. Thanh toán cước phí viễn thông: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty được áp dụng chế độ khoán phụ cấp cước viễn thông theo mức từ 4.000.000 đồng/người đến 5.000.000 đồng/người. Đối với các chức danh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chi phí cước viễn thông được thanh toán thực tế theo hóa đơn nhưng không vượt quá hạn mức quy định của Công ty.
Chế độ công tác phí	Chế độ công tác phí trong nước/nước ngoài được áp dụng theo Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty; Điều kiện và định mức cụ thể được áp dụng khác biệt giữa các cấp bậc, bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ. Đối với định mức công tác phí nước ngoài, Công ty xây dựng tham chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm, ngoại trừ việc thu phí giao dịch chứng khoán của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của Công ty, Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch đối với những người này.

Đối với việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc; với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: trong năm 2025. Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, do đó theo Điều 52.3 của Điều lệ Công ty hiện hành và Điều 167. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Luật doanh nghiệp 2020, các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(Chi tiết các giao dịch này, vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính và xem tại Mục 2 và Tiểu mục 4.1, Mục 4 Phần VII Danh sách về người có liên quan của Công ty và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 số:03/2026/BVSC-HĐQT ngày 28/01/2026 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn: https://www.bvsc.com.vn/danhmuc/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/)

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

MÔ HÌNH BA TUYẾN TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO

BVSC áp dụng Mô hình Ba tuyến trong quản trị và quản lý rủi ro, qua đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm của HĐQT và từng tuyến kiểm soát, bảo đảm công tác quản trị rủi ro được triển khai xuyên suốt, đồng bộ trong toàn Công ty. Công ty định hướng quản lý rủi ro theo nguyên tắc cân bằng và hợp lý, không chỉ đơn thuần phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro mà còn gắn quản trị rủi ro với quá trình ra quyết định và điều hành. Các Phòng ban phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo tính minh bạch, tin cậy của thông tin phục vụ công tác quản trị và ra quyết định trên cơ sở rủi ro.

Chịu trách nhiệm, báo cáo

Phân quyền, chỉ đạo, phân bổ nguồn lực, giám sát

Trao đổi, phối hợp, hợp tác

1 Tuyến thứ nhất

Bao gồm các Phòng ban chức năng/bộ phận kinh doanh trực tiếp gắn với hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng và các Phòng ban thực hiện chức năng hỗ trợ như nhân sự, hành chính, công nghệ thông tin... Đây là tuyến chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc triển khai hoạt động kinh doanh và cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Đồng thời, tuyến thứ nhất thực hiện nhận diện, đánh giá, kiểm soát, báo cáo và theo dõi rủi ro phát sinh trong quá trình tác nghiệp; chủ động thực hiện tự đánh giá và giám sát hiệu quả các biện pháp kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

2 Tuyến thứ hai

Tập trung vào chức năng quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ, với trọng tâm là đảm bảo tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, an toàn công nghệ thông tin, tính bền vững và chất lượng hoạt động. Tuyến này có vai trò xây dựng khung quản lý rủi ro, ban hành chính sách, giám sát độc lập và tư vấn, phản biện đối với hoạt động của tuyến thứ nhất.

3 Tuyến thứ ba

Là bộ phận Kiểm toán nội bộ, thực hiện chức năng đảm bảo và tư vấn độc lập và khách quan về tính đầy đủ và hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ. Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp tới Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, qua đó, góp phần thúc đẩy cải tiến liên tục, nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị và kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty.

*****Chức năng, nhiệm vụ**

Bộ phận KTNB thuộc tuyến thứ ba trong hệ thống quản trị rủi ro, có chức năng cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp đối với các đơn vị, bộ phận được kiểm toán, cho Ủy ban Kiểm toán, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc BVSC. Trên cơ sở đó, Bộ phận KTNB khuyến nghị các biện pháp hoàn thiện, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, các quy trình, quy định nội bộ tại BVSC, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả điều hành.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ *(tiếp theo)*

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bước I: Lập kế hoạch kiểm toán → **Bước II:** Thực hiện kiểm toán → **Bước III:** Lập báo cáo KTNB → **Bước IV:** Giám sát sau kiểm toán

CÁC GIAI ĐOẠN TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Đánh giá rủi ro
- Lập kế hoạch năm
- Phê duyệt kế hoạch
- Đánh giá lại kế hoạch
- Kế hoạch từng cuộc
- Lập chương trình kiểm toán chi tiết
- Thông báo kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Kết thúc thực hiện kiểm toán
- Báo cáo kiểm toán
- Lưu trữ hồ sơ kiểm toán
- Thông báo thực hiện khuyến nghị kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán khuyến nghị
- Báo cáo sau kiểm toán

Tóm lược 4 bước của quy trình kiểm toán nội bộ tại BVSC:

1 — Lập kế hoạch kiểm toán

Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm cho Ủy ban Kiểm toán có ý kiến xem xét trước khi trình HĐQT phê duyệt ban hành. Kế hoạch kiểm toán gồm: kết quả thực hiện công tác kiểm toán nội bộ năm gần nhất, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, kết quả đánh giá rủi ro, phạm vi và thời gian thực hiện của các cuộc kiểm toán dự kiến, kiến nghị và đề xuất khác (nếu có).

2 — Thực hiện kiểm toán

Bộ phận KTNB lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về mục tiêu, phạm vi, căn cứ, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia và yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu... Trên cơ sở đó, bộ phận KTNB triển khai các thủ tục kiểm toán, bao gồm: chọn mẫu kiểm toán; kiểm tra - đối chiếu chứng từ, ghi nhận các phát hiện kiểm toán; trao đổi, thống nhất nội dung phát hiện với đơn vị được kiểm toán trước khi kết thúc cuộc kiểm toán.

3 — Lập báo cáo kiểm toán nội bộ

Bộ phận KTNB lập báo cáo từng cuộc kiểm toán, trong đó trình bày đầy đủ mục tiêu, phạm vi, kết quả kiểm toán và các phát hiện trọng yếu; đồng thời đưa ra các khuyến nghị và biện pháp khắc phục phù hợp nhằm hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp.

Bộ phận KTNB lập báo cáo KTNB hàng năm: Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước lên HĐQT và gửi đồng thời đến Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc.

Đồng thời, Bộ phận KTNB thực hiện các báo cáo khác hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán và HĐQT trong năm.

4 — Giám sát sau kiểm toán

Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo các đơn vị được kiểm toán triển khai đầy đủ các biện pháp khắc phục theo khuyến nghị tại báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa thống nhất biện pháp cải thiện, bộ phận KTNB yêu cầu giải trình, làm rõ nguyên nhân và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2025

Trong năm 2025, bộ phận KTNB tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự phối hợp giữa hai bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, qua đó, tiết kiệm thời gian, nguồn lực của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa hai bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, trong năm 2025, bộ phận KTNB BVSC đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Phạm vi của các cuộc kiểm toán tập trung vào rủi ro hoạt động gắn với các quy trình tác nghiệp của các phòng ban nghiệp vụ, đồng thời, mở rộng phạm vi kiểm toán tại một số quy trình, nghiệp vụ mới ban hành cũng như một số lĩnh vực còn tiềm ẩn rủi ro.

Kết quả kiểm toán cho thấy: tổng quan chung, công tác tuân thủ pháp luật, quy trình, quy định nội bộ của Công ty được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của bộ phận KTNB, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2026

Trên cơ sở kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2025; tham chiếu báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý tại các cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được kiểm soát ở mức thấp đến trung bình.

Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KTNB năm 2026 là tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB triển khai các hoạt động kiểm toán định kỳ, tập trung vào các rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp của các phòng nghiệp vụ để đảm bảo nâng cao tính tuân thủ, hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro tại các quy trình, hoạt động kinh doanh của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro BVSC, đánh giá hoạt động QTRR trong năm 2025 và định hướng năm 2026.

Với các vai trò nằm trong tuyến thứ hai của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR có chức năng quản lý tổng thể các loại rủi ro, bao gồm cả các rủi ro tích tụ phát sinh trong quá trình hoạt động. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đề xuất giải pháp để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tổ chức các cuộc họp nhằm rà soát những vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá hiệu quả của công tác quản trị rủi ro, đồng thời xác định các giải pháp và kế hoạch hành động nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro trên phạm vi toàn Công ty.

Để phục vụ công tác quản trị rủi ro, BVSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC xác định khẩu vị rủi ro ở mức thấp đến trung bình, phản ánh định hướng quản trị thận trọng nhưng vẫn phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, vốn chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động của thị trường. Các rủi ro trọng yếu BVSC nhận diện và chủ động quản trị bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng.

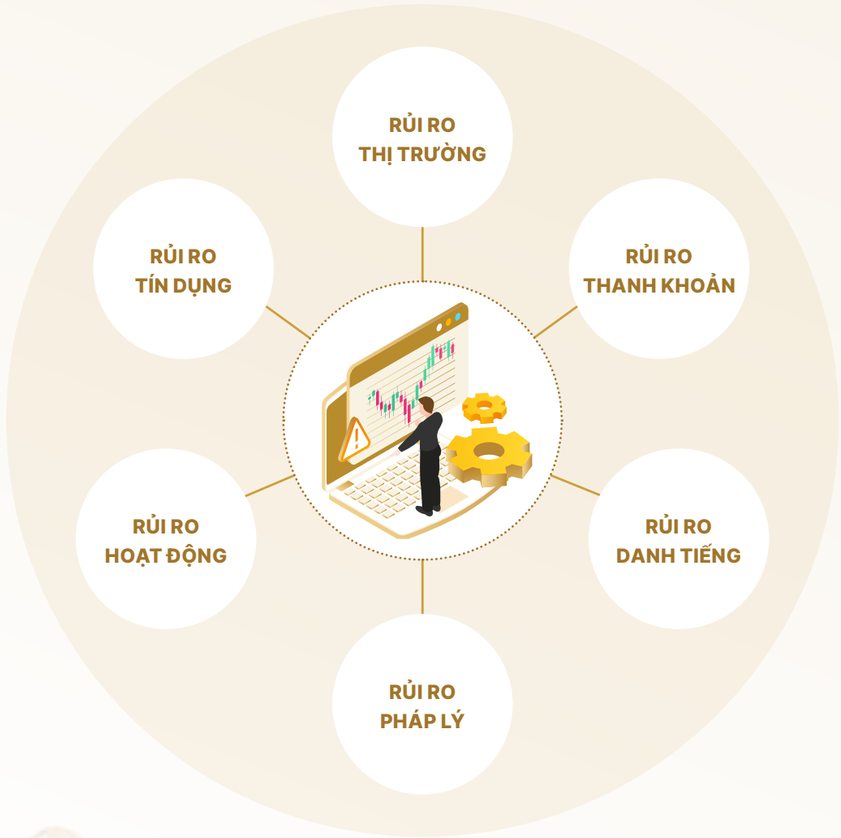

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tại BVSC, rủi ro thị trường chủ yếu phát sinh từ biến động giá cổ phiếu và biến động lãi suất trên thị trường tài chính.

Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi thực hiện các quyết định đầu tư, bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty chú trọng thực hiện phân tích toàn diện các yếu tố có thể ảnh hưởng đến danh mục đầu tư. Các yếu tố được xem xét bao gồm tình hình kinh tế vĩ mô, các yếu tố bên ngoài như biến động địa chính trị, các cú sốc trên thị trường, cùng với các yếu tố cơ bản và kỹ thuật của cổ phiếu được lựa chọn đầu tư.

Danh mục đầu tư sau giải ngân được BVSC theo dõi chặt chẽ và thường xuyên thông qua các công cụ đo lường và đánh giá rủi ro như phân tích kịch bản (scenario analysis) và mô hình giá trị rủi ro (VAR – Value at risk). Trên cơ sở xây dựng các kịch bản thị trường với các mức độ biến động khác nhau, Công ty tiến hành đánh giá và lượng hóa các tác động tiềm tàng đối với danh mục cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh, qua đó chủ động đưa ra các biện pháp quản trị và điều chỉnh danh mục khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất có thể ảnh hưởng đến cả tài sản sinh lãi và chi phí vốn của Công ty, bao gồm hoạt động đầu tư tiền gửi, đầu tư trái phiếu và cho vay ký quỹ.

Đối với danh mục trái phiếu, rủi ro lãi suất ở mức thấp do các khoản đầu tư chủ yếu được nắm giữ đến đáo hạn. Đối với tiền gửi, Công ty chủ động theo dõi diễn biến thị trường để lựa chọn kỳ hạn và lãi suất phù hợp, tối ưu hiệu quả đầu tư. Đối với hoạt động cho vay ký quỹ, trong năm 2025 Công ty duy trì ổn định lãi suất cho vay, do đó chưa phát sinh tác động đáng kể từ biến động lãi suất.

Về nguồn vốn, rủi ro lãi suất phát sinh khi chi phí vốn tăng có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận; Công ty quản lý thông qua theo dõi thị trường và điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Trong năm 2025, không ghi nhận sự kiện rủi ro lãi suất nào ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO *(tiếp theo)*

RỦI RO TÍN DỤNG

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa và kiểm soát rủi ro tín dụng, BVSC đã triển khai các biện pháp quản trị rủi ro đối với từng hoạt động có khả năng phát sinh rủi ro. Cụ thể:

Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi được HĐQT phê duyệt hàng năm cũng như lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt. Trước khi thực hiện các khoản đầu tư tiền gửi, Công ty luôn chủ động đánh giá, phân tích ngân hàng, tình hình thị trường, cân nhắc mục tiêu cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn vốn.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu

Đối với cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT phê duyệt. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thẩm định và đánh giá cẩn trọng về mức độ tín nhiệm và khả năng thanh toán của tổ chức phát hành. Đồng thời, đối với trái phiếu doanh nghiệp, Công ty ưu tiên các khoản đầu tư có tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc quản lý, xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phát sinh rủi ro tín dụng từ phía tổ chức phát hành.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ

Công ty tiếp tục duy trì các biện pháp quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài vận hành. Đó là:

- Ban hành Hạn mức rủi ro hàng năm, trong đó quy định các chỉ tiêu liên quan đến giao dịch ký quỹ: tổng dư nợ gốc cho vay giao dịch ký quỹ, dư nợ tối đa trên 01 khách hàng, tổng giá trị giải ngân/1 mã cổ phiếu và số lượng cho vay ký quỹ/tổng số chứng khoán niêm yết. Bộ phận QTRR giám sát chặt chẽ đảm bảo việc tuân thủ theo đúng hạn mức rủi ro đã ban hành.
- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát các tài khoản có dấu hiệu rủi ro tích tụ là các tài khoản có dư nợ ký quỹ lớn và tài sản bảo đảm tập trung vào một hoặc một vài mã chứng khoán.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN về giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của các Sở Giao dịch chứng khoán. Định kỳ rà soát Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ căn cứ trên các tiêu chí như thanh khoản, biến động giá cổ phiếu, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường để sớm nhận diện dấu hiệu rủi ro và đưa ra biện pháp xử lý đối với các mã có tình trạng giảm giá và mất thanh khoản; các mã bị hai Sở loại khỏi danh mục cho vay ký quỹ.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và thực hiện công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

RỦI RO THANH KHOẢN

Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền và tài sản của Công ty, qua đó đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ đối với khách hàng. Đối với dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày thông qua việc theo dõi và cân đối dòng tiền thu chi. Đồng thời, Công ty duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan trong việc báo nguồn, đăng ký kế hoạch sử dụng nguồn cũng như thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường và tình hình thanh khoản trong ngày nhằm điều tiết dòng tiền một cách hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ phát sinh rủi ro thanh khoản.

Bên cạnh đó, Công ty luôn duy trì một mức dự trữ thanh khoản hợp lý bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời các nhu cầu thanh toán phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Các đệm thanh khoản của Công ty được củng cố thông qua việc đầu tư vào các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao đồng thời chủ động tìm kiếm và đa dạng hóa các nguồn tài trợ vốn từ bên thứ ba để nâng cao khả năng ứng phó trong các tình huống căng thẳng thanh khoản.

Trong năm 2025, BVSC luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán, các Sở Giao dịch, các đối tác và khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tỷ lệ an toàn tài chính là một chỉ báo quan trọng phản ánh năng lực thanh khoản của công ty chứng khoán thì tại BVSC, trong năm 2025, tỷ lệ này hàng tháng luôn duy trì trên mức 500%, vượt xa ngưỡng tối thiểu 180% theo quy định của UBCKNN.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính có sai sót hoặc chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài. Là một công ty niêm yết, BVSC có trách nhiệm công bố báo cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định pháp luật, với thông tin cung cấp đảm bảo tính chính xác và minh bạch.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong bốn công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ công tác tài chính - kế toán, đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định nội bộ cũng như các chuẩn mực và chế độ tài chính - kế toán. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán, phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời của thông tin.

QUẢN TRỊ RỦI RO *(tiếp theo)*

RỦI RO HOẠT ĐỘNG *(tiếp theo)*

Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt nhờ quá trình hoạt động lâu dài, qua đó xây dựng được hệ thống quản trị nhân sự đồng bộ từ khâu tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện đến kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực trong Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Đối với cán bộ nhân viên BVSC, ngoài việc đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn được coi trọng và được xem là ưu tiên hàng đầu.

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này, khi bắt đầu triển khai bất kỳ hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, đồng thời, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và tổ chức đào tạo nhân sự để đảm bảo việc vận hành tuân thủ đúng quy trình đã ban hành.

Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB định kỳ tổ chức các đợt kiểm soát tuân thủ nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, từ đó thực hiện rà soát, hoàn thiện, cải tiến quy trình, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình tác nghiệp.

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro trọng yếu đối với các công ty chứng khoán. BVSC định kỳ đánh giá các sự kiện đã xảy ra và các kịch bản tiềm ẩn nhằm nhận diện và xây dựng các biện pháp quản trị phù hợp.

Trong công tác vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Công ty chú trọng đầu tư hạ tầng nhằm đảm bảo tính liên tục và ổn định của hệ thống. Hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu được đặt tại trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời triển khai các cơ chế dự phòng, sao lưu và phục hồi dữ liệu với các chỉ tiêu kiểm soát như RTO và RPO, nhằm hạn chế tối đa gián đoạn dịch vụ.

Trước xu hướng gia tăng các mối đe dọa an ninh mạng, BVSC triển khai mô hình bảo mật nhiều lớp, bao gồm tường lửa, giải pháp phòng chống tấn công DDoS và hệ thống giám sát an ninh mạng (SOC) hoạt động 24/7. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện kiểm tra, đánh giá an ninh định kỳ, rà soát lỗ hổng và đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho nhân sự. Song song, BVSC xây dựng và vận hành các quy trình quản trị CNTT như quản lý truy cập, quản lý thay đổi, kiểm soát vận hành và quy trình sao lưu – phục hồi dữ liệu, nhằm đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng của hệ thống thông tin.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, BVSC hiện đại hóa hệ thống theo hướng tăng cường tích hợp, nâng cao năng lực xử lý dữ liệu và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các rủi ro phát sinh từ việc mở rộng hệ thống và phụ thuộc công nghệ. Bên cạnh đó, Công ty triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu và tự động hóa quy trình trên cơ sở thận trọng, có kiểm soát, nhằm hạn chế các rủi ro liên quan đến chất lượng dữ liệu, sai lệch mô hình và bảo mật thông tin.

Nhằm nâng cao năng lực quản trị an toàn thông tin, BVSC đang từng bước triển khai hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001, hướng tới chuẩn hóa quy trình, tăng cường kiểm soát và đáp ứng các yêu cầu tuân thủ.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được triển khai đồng bộ thông qua cơ cấu tổ chức rõ ràng, với sự phân định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm từ vị trí lãnh đạo cấp cao tới các cấp quản lý và cán bộ nhân viên.

Nhân sự của Phòng Pháp chế Công ty đều là những cán bộ có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và có kiến thức thực tiễn sâu rộng trong các lĩnh vực pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, thương mại, dân sự; trong đó có những nhân sự có chứng chỉ hành nghề luật sư, thực hiện chức năng tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban nghiệp vụ.

Toàn bộ quy trình, hướng dẫn tác nghiệp nội bộ cũng như các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng và đối tác đều được Phòng Pháp chế rà soát trước khi ban hành hoặc ký kết để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Phòng Pháp chế thường xuyên cập nhật, phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo cán bộ, nhân viên trong Công ty kịp thời nắm bắt các thay đổi của hệ thống pháp luật, qua đó nâng cao ý thức tuân thủ trong quá trình thực hiện công việc.

RỦI RO DANH TIẾNG

Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro danh tiếng thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ bền vững với khách hàng, cổ đông và đối tác.

Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn được Công ty coi là nguồn thông tin quan trọng để tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời củng cố và mở rộng mối quan hệ hợp tác. Thông qua đó, Công ty hướng tới việc duy trì và khẳng định vị thế là một công ty chứng khoán năng động, chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng và triển khai chiến lược phát triển bền vững nhằm chủ động phòng ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng đến uy tín và danh tiếng của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO *(tiếp theo)*

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

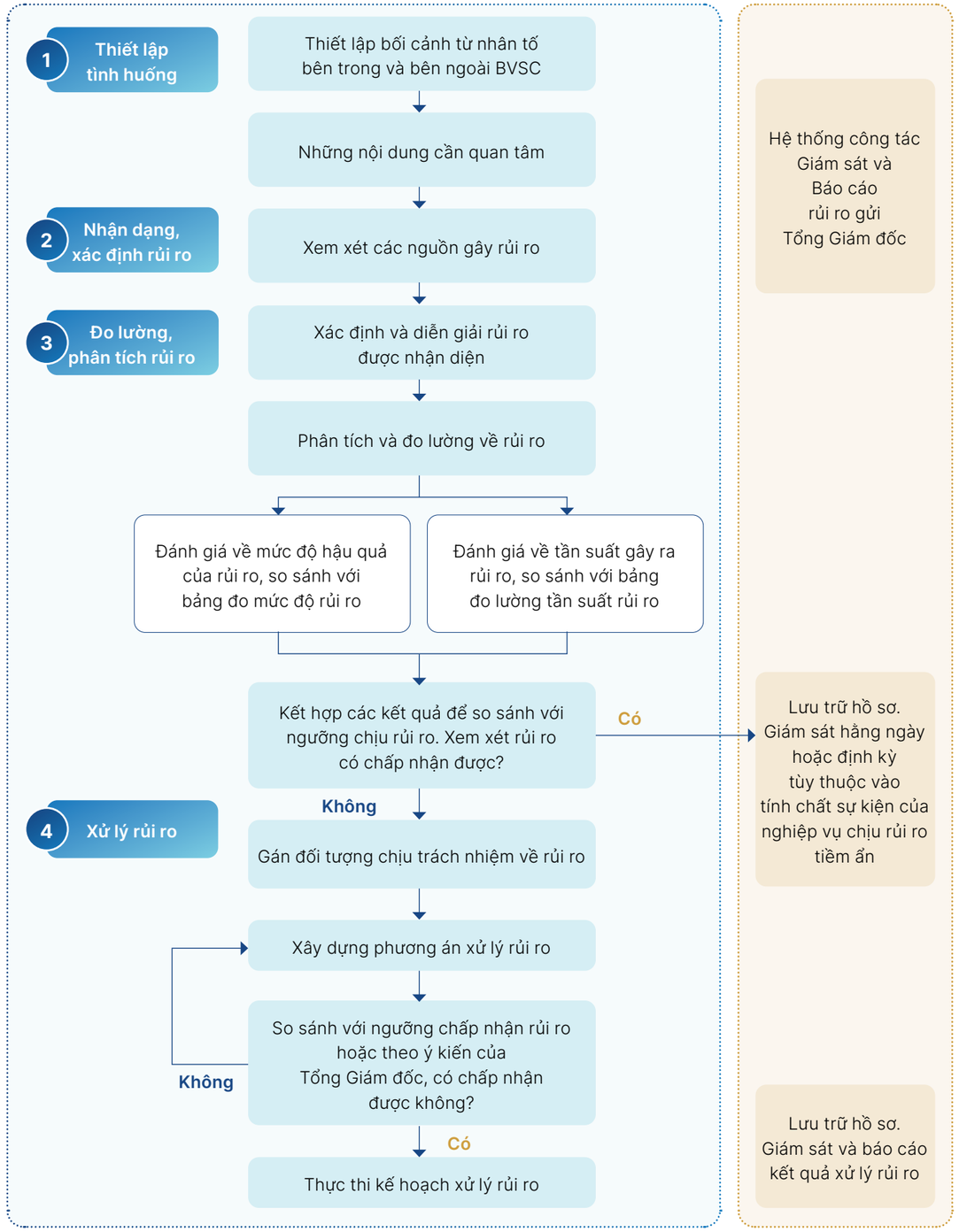

Tóm lược Quy trình quản trị rủi ro tại BVSC gồm những bước như sau:

1 Thiết lập tình huống

Nhằm xác định các thông số cơ bản cho hoạt động quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi, tiêu chí cũng như tiêu chuẩn cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được xây dựng thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau như: sự thay đổi trong chiến lược kinh doanh, thay đổi trong chính sách của cơ quan quản lý, việc triển khai sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị từ kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước...

2 Nhận diện, xác định rủi ro

Là quá trình nhận diện và ghi nhận các rủi ro có thể phát sinh, trong đó cần làm rõ ít nhất 03 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro và Đối tượng chịu tác động bởi rủi ro.

3 Đo lường, phân tích rủi ro

Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính và/hoặc định lượng nhằm đánh giá tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro, qua đó xác định mức độ rủi ro để làm cơ sở cho việc đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp.

4 Xử lý rủi ro

Các biện pháp xử lý rủi ro bao gồm: chấp nhận rủi ro; giảm thiểu rủi ro, chia sẻ rủi ro hoặc tránh rủi ro. Việc lựa chọn phương án phụ thuộc vào mức độ rủi ro đã được xác định, đồng thời cân nhắc sự cân bằng giữa chi phí thực hiện và hiệu quả kiểm soát rủi ro.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ theo tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại rủi ro. Mục tiêu của hoạt động giám sát và báo cáo là đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Trong trường hợp rủi ro phát sinh hoặc tiệm cận ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro để xây dựng kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

QUẢN TRỊ RỦI RO *(tiếp theo)*

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2025

Công tác QTRR tại BVSC trong năm 2025 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, góp phần tăng cường khả năng nhận diện, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro trong các hoạt động tại các Phòng ban chức năng. Các hoạt động nổi bật được triển khai bao gồm:

Quản lý, theo dõi và giám sát rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh

Nhận thức quản trị rủi ro là trách nhiệm chung của tất cả các cán bộ trong Công ty, việc quản trị rủi ro được các Phòng ban trong Công ty thực hiện ngay trong quá trình tác nghiệp hàng ngày. Đối với các rủi ro trọng yếu phát sinh, các Phòng nghiệp vụ báo cáo tới Ban Tổng Giám đốc và thông báo tới bộ phận QTRR để cùng phối hợp xử lý kịp thời.

Hàng tháng, bộ phận QTRR là đầu mối phối hợp với các phòng nghiệp vụ trong việc tiếp nhận, thu thập thông tin liên quan đến rủi ro và lập báo cáo rủi ro gửi Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo theo dõi và đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro được BVSC nhận diện; đồng thời, cập nhật tiến độ thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp Hội đồng QLRR.

Hàng tháng, bộ phận QTRR lập báo cáo chuyên biệt về rủi ro tích tụ trong dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, trong đó đánh giá mức độ tập trung của các tài khoản khách hàng có dư nợ lớn và tài sản đảm bảo tập trung vào số ít mã chứng khoán.

Tăng cường công tác an ninh bảo mật đối với hệ thống công nghệ thông tin

Tiến hành kiểm tra và đánh giá mức độ bảo mật trên toàn bộ hệ thống máy, thiết bị đầu cuối và hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến của Công ty, nhằm phát hiện và kịp thời khắc phục các điểm yếu về bảo mật.

Đưa vào vận hành hệ thống giám sát và điều hành an toàn, an ninh mạng 24/7, đồng thời hợp tác với Tập đoàn Viettel là đơn vị cung cấp dịch vụ SOC (Security Operation Center) nhằm tăng cường khả năng giám sát và ứng phó với các sự cố an ninh mạng.

Tăng cường quản lý quyền truy cập mạng đối với các thiết bị kết nối vào hệ thống của Công ty, đồng thời nâng cấp hệ thống tường lửa, triển khai các giải pháp phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DDoS), cũng như cập nhật, nâng cấp phần mềm diệt virus cho hệ thống máy chủ và máy tính cá nhân.

Định kỳ tổ chức các cuộc họp Hội đồng QLRR

Định kỳ hàng quý, Công ty tổ chức họp Hội đồng QLRR của BVSC gồm có Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Chi nhánh, các Lãnh đạo Phòng, Bộ phận QTRR và có sự tham gia tư vấn, phản biện đến từ Ủy ban QLRR & ALCO của BVSC. Các kỳ họp Hội đồng QLRR được thực hiện hàng quý và bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp trước.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng tới hoạt động Công ty và nhận diện xu hướng rủi ro trong giai đoạn tiếp theo.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong thời gian tới.

Xây dựng văn hóa và đào tạo về QTRR

Triển khai khóa đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho toàn thể cán bộ BVSC, từ đó nâng cao hiểu biết, ý thức phòng ngừa và khả năng ứng phó của cán bộ nhân viên đối với các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến an ninh mạng.

Để phát huy văn hóa tuân thủ trong Công ty cũng như ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự, năm 2025 Công ty đã thiết lập quy trình khẳng định cam kết tuân thủ áp dụng đối với toàn bộ người lao động ở các cấp bậc khác nhau, đồng thời xây dựng chuyên đề đào tạo về văn hóa tuân thủ, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC và thực hiện đào tạo cho toàn bộ học viên chương trình tuyển dụng Next Gen cũng như đối với toàn bộ lao động mới tuyển dụng trong năm. Với cách làm này, BVSC đã từng bước hình thành văn hóa tuân thủ lan tỏa trong toàn bộ hệ thống.

Xây dựng ngân hàng câu hỏi về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ để đưa vào kỳ kiểm tra nghiệp vụ định kỳ hàng năm của BVSC. Các câu hỏi được xây dựng trên cơ sở các tình huống đã từng phát sinh hoặc có khả năng xảy ra, giúp cán bộ tại BVSC nắm chắc hơn quy trình, quy định, có thêm hiểu biết về các tình huống nghiệp vụ và tăng cường nhận thức trong công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

Hàng năm, bộ phận QTRR và tất cả các phòng nghiệp vụ phối hợp rà soát lại hồ sơ rủi ro để cập nhật danh mục rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro và đưa ra các giải pháp quản trị phù hợp. Việc rà soát chủ động giúp các Phòng ban kịp thời phát hiện những vấn đề tiềm ẩn, từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa hoặc khắc phục phù hợp. Bộ phận QTRR đóng vai trò phản biện và tổng hợp thông tin từ các Phòng ban, xây dựng hồ sơ rủi ro của toàn Công ty, qua đó, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và khả năng ứng phó với các tình huống phát sinh.

Rà soát và cập nhật Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro

BVSC thực hiện xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro hàng năm đảm bảo phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và điều kiện thị trường. Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro là cơ sở để bộ phận QTRR và các phòng nghiệp vụ quản lý, theo dõi và giám sát rủi ro phát sinh, đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả kinh doanh.

QUẢN TRỊ RỦI RO *(tiếp theo)*

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2025 *(tiếp theo)*

Tăng cường giám sát đối với giao dịch của khách hàng

Thực hiện theo định hướng chung của Cơ quan quản lý Nhà nước về việc nâng cao vai trò giám sát của các công ty chứng khoán đối với giao dịch của khách hàng để tăng cường tính minh bạch của thị trường, BVSC đã xây dựng và triển khai các hệ thống giám sát giao dịch. Trong trường hợp phát hiện thấy các giao dịch bất thường, Bộ phận QTRR phối hợp với các Phòng ban liên quan để làm rõ và đưa ra những cảnh báo kịp thời, góp phần nâng cao tính minh bạch và an toàn cho hoạt động của Công ty cũng như thị trường.

BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trọng yếu trong năm 2025

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động, chịu ảnh hưởng từ các yếu tố khó lường của môi trường kinh tế và thương mại toàn cầu, hoạt động quản trị rủi ro của BVSC vẫn được thực hiện hiệu quả với một số kết quả nổi bật như sau:

- Hệ thống CNTT được vận hành thông suốt, không có sự cố về an ninh bảo mật hay sự cố gây gián đoạn hệ thống kéo dài. An ninh, an toàn của hệ thống tiếp tục được nâng cấp, góp phần nâng cao khả năng phòng ngừa tấn công mạng, bảo vệ dữ liệu khách hàng và thông tin nội bộ của Công ty.
- Diễn biến thị trường của các mã chứng khoán trong danh mục cho vay ký quỹ và tình trạng tài khoản khách hàng được theo dõi, giám sát chặt chẽ, từ đó, công tác gọi bổ sung ký quỹ và xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện đầy đủ và kịp thời. Không phát sinh rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ký quỹ trong giai đoạn thị trường sụt giảm mạnh vào tháng 04/2025, do tác động từ việc Hoa Kỳ công bố chính sách thuế quan.

- Rủi ro thanh khoản của Công ty được giám sát thường xuyên, đảm bảo không phát sinh sự kiện rủi ro về thanh khoản. Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. Văn hóa quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì và củng cố, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.
- Các quy trình, quy chế được ban hành, sửa đổi, bổ sung đảm bảo tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các chương trình, chính sách, sản phẩm và dịch vụ trực tuyến của Công ty được triển khai và vận hành ổn định, hiệu quả, không phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành, đem tới cho khách hàng dịch vụ với chất lượng cao.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2026

Năm 2026, dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ phải đối mặt với những thách thức như bất ổn địa chính trị trên thế giới, diễn biến tỷ giá, lạm phát, cùng với những thay đổi của môi trường pháp lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, có thể tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVSC. Theo đó, công tác quản trị rủi ro cần tiếp tục được chú trọng và triển khai trên cơ sở một số định hướng như sau:

1. Tiếp tục triển khai và nâng cấp các giải pháp an toàn bảo mật đối với hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến cũng như toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin tại BVSC, trong đó chú trọng cập nhật và hoàn thiện các quy trình công việc liên quan đến hệ thống CNTT; xây dựng các phương án ứng phó khi gặp sự cố an ninh mạng.
2. Rà soát, sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật về chứng khoán. Triển khai đào tạo, phổ biến cho các Phòng ban các quy định mới của pháp luật, các quy trình, sản phẩm, dịch vụ mới của Công ty để nâng cao ý thức tuân thủ, nhận thức về rủi ro pháp lý cũng như củng cố văn hóa quản trị rủi ro tại Công ty.
3. Theo dõi và quản lý thường xuyên, liên tục các loại rủi ro trọng yếu để đánh giá xu hướng rủi ro và kịp thời có những biện pháp quản trị phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có thể xuất hiện những cú sốc từ cả yếu tố trong nước và quốc tế.
4. Tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới ngay từ khâu xây dựng và phát triển, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ được triển khai trên nền tảng số, đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và yêu cầu quản trị rủi ro. Đồng thời, chuẩn hóa quy trình và tổ chức đào tạo nghiệp vụ khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới để giảm thiểu các rủi ro, sai sót phát sinh trong quá trình vận hành.
5. Tiếp tục cập nhật và mở rộng các chương trình đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho đối tượng nhân sự mới tuyển dụng tại các chương trình Next Gen để nâng cao năng lực chuyên môn, đồng thời phát triển văn hóa tuân thủ và quản trị rủi ro trong toàn Công ty.
6. Triển khai các hoạt động giám sát giao dịch cũng như phòng chống rửa tiền theo yêu cầu của các cơ quan quản lý cũng như đảm bảo sự minh bạch của thị trường.
7. Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2026 theo phê duyệt của HĐQT. Thực hiện các hoạt động giám sát, báo cáo định kỳ phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc cũng như hoạt động quản trị của Ủy ban QTRR & ALCO và Hội đồng Quản trị.

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2025 TẠI BVSC

Năm 2025, BVSC tiếp tục kiên định xây dựng hệ thống quản trị dựa trên 4 trụ cột cốt lõi: *công bằng – trách nhiệm – giải trình – minh bạch*. Đây là những nguyên tắc nền tảng trong quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

Do đó việc thực hiện các quy định về quản trị công ty luôn được BVSC chú trọng thực hiện nghiêm túc và đầy đủ, cụ thể như sau:

Cơ cấu tổ chức: là công ty niêm yết hoạt động theo mô hình ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, Ban Điều hành; để tăng cường công tác quản trị và quản lý rủi ro do Công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán BVSC đã thành lập các bộ phận chuyên trách Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Điều hành và Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Bên cạnh, để hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản trị công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích, HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban QTCT,BN&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán; đồng thời bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty. Công ty đã thành lập Bộ phận chuyên trách Quan hệ cổ đông (IR), với nhiệm vụ kết nối và duy trì mối quan hệ giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.

Cơ cấu HĐQT luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 276 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP); có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Các thành viên không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty;

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm một (01) Trưởng Ban Kiểm soát và hai (02) Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC;

BVSC tuân thủ nghiêm túc quy định trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 280 và Điều 290 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;

BVSC thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và quản trị công ty, lập và công bố Báo cáo thường niên tích hợp báo cáo phát triển bền vững tới cổ đông và công chúng theo đúng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Quy chế công bố thông tin nội bộ. Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu công bố thông tin song ngữ đối với các báo cáo định kỳ theo quy định, trong năm 2025, BVSC còn chủ động nâng cao tính minh bạch bằng cách mở rộng áp dụng công bố song ngữ cho phần lớn các thông tin bất thường. Đồng thời, BVSC đa dạng hóa các kênh kết nối với cổ đông và nhà đầu tư, bao gồm hotline, hòm thư điện tử, fanpage và Zalo Công ty; chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư. Công ty Phát hành đều đặn Bản tin Quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh nhằm giúp cổ đông cập nhật thông tin toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như diễn biến giao dịch của cổ phiếu BVS, và những hoạt động nổi bật khác của Công ty. Các thắc mắc và yêu cầu thông tin của cổ đông, nhà đầu tư được Công ty phản hồi trong thời gian tối đa 48 giờ.

Các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; công khai các lợi ích liên quan; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Công ty tiếp tục duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định với tỷ lệ cổ tức

8% mệnh giá cổ phần

Công ty tiếp tục duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định với tỷ lệ cổ tức 8% mệnh giá cổ phần qua đó thể hiện cam kết đảm bảo lợi ích và giá trị bền vững cho cổ đông (từ năm 2018 đến nay mặc dù thị trường chứng khoán đối mặt với nhiều biến động, BVSC vẫn duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định với tỷ lệ chi trả từ 8%–10% mệnh giá cổ phần). Việc thanh toán cổ tức đảm bảo tuân thủ thời hạn và trình tự thanh toán cổ tức theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty niêm yết (cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025).

Việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cổ đông nội bộ, hoặc với các bên liên quan đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan; Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho những người này.

Song hành với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, BVSC xác định bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội là những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đã định hướng và chỉ đạo Công ty tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội vào hoạt động quản trị, đồng thời triển khai các chương trình hành động cụ thể, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả phát triển bền vững trong toàn hệ thống. Năm 2025, các chương trình an sinh xã hội của BVSC tiếp tục được mở rộng cả về quy mô và đối tượng thụ hưởng, tập trung vào các mô hình hỗ trợ bền vững. Cụ thể, Công ty đẩy mạnh các hoạt động như: xây dựng nhà ở theo chủ trương "Xóa nhà tạm, nhà dột nát" của Chính phủ; xây dựng trường học và các công trình thiết yếu; hỗ trợ chi phí sinh hoạt dài hạn nhằm góp phần ổn định đời sống cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời hỗ trợ kịp thời đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Tổng ngân sách thực hiện các chương trình này đạt hơn 1 tỷ đồng.

Năm 2025, BVSC được vinh danh các giải thưởng về quản trị công ty từ các cơ quan quản lý và tổ chức uy tín, tiêu biểu như: Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện tốt quản trị công ty, năm thứ hai liên tiếp tại "Hội nghị doanh nghiệp thường niên" do HNX tổ chức; Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất - Nhóm vốn hóa vừa tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu năm 2025; Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR AWARD 2025 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức; Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 08 năm liên tiếp 2018 – 2025; Chứng nhận về phát triển bền vững – Mức bền vững Khá theo hệ thống Synesgy (được xây dựng dựa trên CRIF ESG Score và các quy định của ESMA - Cơ quan Quản lý và Giám sát Chứng khoán châu Âu).

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY *(tiếp theo)*

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN PHẢI TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO VIỆC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI BVSC

Để hệ thống quản trị công ty của từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, BVSC luôn tự đánh giá và đặt mục tiêu cải thiện các yếu tố quản trị công ty như sau:

Năm 2026, Công ty triển khai bầu HĐQT nhiệm kỳ mới đảm bảo thiết lập một HĐQT có năng lực, chuyên nghiệp, độc lập và cân đối thành phần. Cơ cấu HĐQT đa số là các Thành viên không điều hành & có tối thiểu (1/3) tổng số thành viên là thành viên độc lập. HĐQT có sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn, kỹ năng, hành vi, văn hóa, độ tuổi và giới tính; có tối thiểu một (01) thành viên HĐQT là nữ để tối ưu hoá lợi ích của sự đa dạng về giới trong HĐQT.

Bên cạnh tiếp tục duy trì việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty tuân thủ các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin; Công ty chủ động mở rộng phạm vi công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững và rủi ro trọng yếu có thể dự báo gắn với mục tiêu, chiến lược, quản trị, và hiệu quả hoạt động của công ty, để thúc đẩy thành công trong dài hạn của Công ty theo các chuẩn mực Nguyên tắc 7: Tăng cường công bố thông tin và minh bạch quy định của Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam, Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD ban hành năm 2023.

Cải thiện chính sách thù lao dành cho Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và các Thành viên thuộc các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo hướng gắn với kết quả thực hiện công việc, đồng thời đảm bảo tương xứng với vai trò và mức độ trách nhiệm của từng cá nhân. Chính sách này nhằm thu hút, giữ chân và tạo động lực cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao, qua đó thúc đẩy sự gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững và giá trị dài hạn của công ty cũng như lợi ích của cổ đông.

Tiếp tục kiện toàn và nâng cao vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ trong khung quản trị của Công ty, nhằm đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ vận hành hiệu quả, minh bạch và chính xác. Qua đó, tăng cường năng lực chống chịu trước các rủi ro tài chính, liên quan ESG, an ninh mạng, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; đồng thời nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, đóng vai trò là các tuyến phòng thủ vững chắc trong việc bảo vệ an toàn vốn đầu tư và tạo lập giá trị bền vững cho cổ đông và các bên liên quan.

Rà soát sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT để đảm bảo tuân thủ quy định mới về quản trị công ty áp dụng đối với doanh nghiệp niêm yết của Luật doanh nghiệp sửa đổi 2025, Nghị định số: 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam năm 2026 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

*** ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THEO QUY CHẾ CAMEL

Khi thực hiện phân tích góc độ quản trị, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố: Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán).

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2025, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 90,9/100 điểm, tương đương mức điểm năm 2024 (91,7 điểm), thể hiện năng lực điều hành hiệu quả và mức độ duy trì ổn định trong chất lượng quản trị. Đây tiếp tục là nền tảng vững chắc giúp Công ty duy trì định hướng phát triển bền vững và chủ động thích ứng với sự vận động và các tiêu chuẩn ngày càng nâng cao của thị trường chứng khoán Việt Nam.

(Tham khảo Phụ lục 1 – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL)

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY *(tiếp theo)*

*****ĐÁNH GIÁ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM NĂM 2026 VÀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN**

BVSC xác định quản trị doanh nghiệp là một trong những trụ cột then chốt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tính minh bạch và đảm bảo sự phát triển bền vững, lâu dài của Công ty. Đây đồng thời là nền tảng quan trọng để xây dựng niềm tin và bảo vệ tối ưu quyền lợi của cổ đông cũng như các bên liên quan. Với định hướng đó, BVSC luôn chú trọng thực hành quản trị công ty theo hướng chuẩn mực và hiệu quả, không chỉ tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật hiện hành mà còn liên tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế. Trong đó, Công ty đặc biệt tham chiếu và áp dụng các thông lệ tốt trong khu vực và trên thế giới như Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN ("ACGS"), Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD năm 2023 và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026.

Từ năm 2016, với mục tiêu tiệm cận các chuẩn mực quản trị tiên tiến trong khu vực, BVSC đã chủ động thực hiện tự đánh giá hệ thống quản trị nội bộ theo các tiêu chí của ACGS. Kết quả cho thấy, BVSC đạt được mức độ tuân thủ cao tại 5 nhóm tiêu chí trọng yếu, bao gồm: Quyền của cổ đông (đạt 19/21 tiêu chí cấp độ 1), Đối xử bình đẳng với cổ đông (15/15), Vai trò của các bên liên quan (11/13), Công bố thông tin minh bạch (31/32) và Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị (58/65).

Đồng thời, khi đối chiếu với Bộ nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam 2026, hệ thống quản trị của BVSC cũng ghi nhận các kết quả tích cực, kết quả đạt được cụ thể như sau:

Phần 1

Trách nhiệm của HĐQT: BVSC đáp ứng 22/23 tiêu chí thuộc 5 Nguyên tắc về trách nhiệm của Hội đồng Quản trị (HĐQT). Tiêu chí chưa đạt liên quan đến việc HĐQT chưa ban hành một Bộ Quy tắc ứng xử riêng nhằm thiết lập văn hóa doanh nghiệp với các chuẩn mực đạo đức phù hợp trong toàn công ty. Hiện nay, các quy định về ứng xử và xây dựng văn hóa doanh nghiệp đang được quy định phân tán trong nhiều văn bản nội bộ khác nhau, bao gồm: Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS), Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Quy chế công bố thông tin, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, Nội quy lao động và các văn bản nội bộ liên quan khác.

Phần 2

Môi trường kiểm soát: BVSC đáp ứng 7/7 tiêu chí của Nguyên tắc 6: thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh.

Phần 3

Công bố thông tin và minh bạch: BVSC đáp ứng 7/7 tiêu chí của Nguyên tắc 7 Tăng cường hoạt động công bố thông tin bao gồm công bố thông tin về phát triển bền vững của công ty.

Phần 4

Quyền của Cổ đông: BVSC đáp ứng 5/5 tiêu chí của Nguyên tắc 8 Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông.

Phần 5

Phát triển bền vững và vai trò tham gia của các bên có quyền lợi liên quan: BVSC cơ bản đáp ứng 5/5 tiêu chí của Nguyên tắc 9 Phát triển bền vững và tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan. Đối với nội dung "HĐQT cần cân nhắc thành lập một ủy ban riêng chịu trách nhiệm về phát triển bền vững", tại BVSC chưa thành lập Ủy ban này, chức năng phát triển bền vững tích hợp trong Ủy ban quản trị công ty, bổ nhiệm và thù lao.

Trong lộ trình nâng cao chất lượng quản trị công ty, từ năm 2020, BVSC đã triển khai thành lập ba Ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT hướng dẫn và khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất năm 2019 dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam. Việc kiện toàn cơ cấu này nhằm từng bước tiệm cận các chuẩn mực cao của Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN. Cụ thể, các Ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm và Tiền lương (phù hợp với tiêu chí E.2.8 & E.2.13 của ACGS và Nguyên tắc 3.3 của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026); Ủy ban Quản trị rủi ro và ALCO; cùng Ủy ban Kiểm toán (phù hợp với tiêu chí E.2.18 của ACGS; Nguyên tắc 3.1 & 3.2 của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026). Đồng thời, Công ty đã thực hiện bầu một Thành viên HĐQT độc lập giữ vai trò Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán, đáp ứng các tiêu chí E.2.20 và E.2.22 của ACGS và Nguyên tắc 3.1 của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026.

Song song với việc tăng cường năng lực giám sát và điều hành, BVSC đặc biệt chú trọng bảo đảm quyền lợi và sự đối xử công bằng đối với tất cả cổ đông, bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Từ năm 2021, Công ty đã tiến hành rà soát, sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, trong đó bổ sung các quy định cho phép tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến. Theo đó, cổ đông có thể tham gia và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các phương thức điện tử như bỏ phiếu trực tuyến hoặc gửi phiếu biểu quyết qua thư, fax hoặc email. Các nội dung này được triển khai phù hợp với khuyến nghị tại tiêu chí A.3.9 của ACGS, cũng như tiêu chí 8.2 của Nguyên tắc 8 trong Bộ Nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam năm 2026.

Chương 3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kết tinh
thành quả

Tỏa sáng
tương lai

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

Cơ hội

Trong năm 2025, GDP tăng trưởng tích cực 8,02% cao hơn so với trung bình giai đoạn 2021-2025 là 6,22%/năm.

Xuất khẩu hồi phục mạnh mẽ, tăng trưởng xuất khẩu ở mức xấp xỉ 17% cao hơn so với mức 14,34% trong năm 2024. Sự hồi phục của sản xuất và xuất khẩu là động lực quan trọng giúp cho tăng trưởng GDP đạt 8,02%.

Đầu tư công tăng trưởng tích cực. Giải ngân đầu tư công đạt 858.621,8 tỷ đồng, đạt 94,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) diễn ra tích cực. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 38,43 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ, trong đó vốn FDI thực hiện tăng 9% lên 27,62 tỷ USD, cao nhất trong 5 năm.

Lạm phát trong tầm kiểm soát. CPI cả năm tăng 3,31% YoY, thấp hơn so với mục tiêu 4,5% đề ra. Lạm phát được kiểm soát tạo tiền đề để NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và mặt bằng lãi suất thấp trong năm 2025.

Lãi suất huy động ở mức thấp, hỗ trợ cho tăng trưởng. Kết thúc năm 2025, lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 12 tháng đạt 5,25-5,5%. Lãi suất huy động ở mức thấp đã tạo môi trường giúp lãi suất cho vay giảm tích cực trong năm nay, qua đó giúp doanh nghiệp và người dân tiếp cận dòng vốn dễ dàng hơn, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 đạt 19,01%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2010 cho tới nay.

Thách thức

Chính sách thuế quan của Mỹ, với việc Mỹ đầu năm tuyên bố áp dụng các thuế ngành hàng, thuế đối ứng cao gây áp lực đến triển vọng xuất khẩu của Việt Nam. Mức thuế đối ứng với hàng hóa Mỹ nhập khẩu từ Việt Nam sau đó giảm xuống còn 20%, không bất lợi hơn các nước khác trong khu vực.

Đồng VND giảm giá 3,09% tới cuối năm 2025. Trong năm, có thời điểm áp lực đối với tỷ giá đã khiến cho NHNN phải sử dụng linh hoạt các công cụ để giữ ổn định các cân đối vĩ mô, về lạm phát, tỷ giá.

Tăng trưởng tiêu dùng vẫn ở mức thấp. Năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9,2%, thấp hơn so với mục tiêu tăng trưởng khoảng 10% mà Chính phủ đặt ra từ đầu năm. Mức tăng trưởng này cũng đang thấp hơn so với mức tăng trưởng trung bình giai đoạn trước dịch (11-12%). Tiêu dùng tăng trưởng thấp một mặt cho thấy nhu cầu tiêu dùng kém, đồng thời cũng phản ánh những khó khăn của khu vực kinh tế trong nước.

Mặt bằng lãi suất tăng trong những tháng cuối năm, việc thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ có thể bộc lộ những "khoảng trống" dẫn đến áp lực trong việc điều hành chính sách tiền tệ.

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025 *(tiếp theo)*

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Cơ hội

Với mục tiêu tăng trưởng cao (mục tiêu tăng trưởng GDP 8% trong năm 2025), các định hướng phát triển rõ ràng, thủ tục hành chính được giảm bớt khi tinh gọn bộ máy còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố; Chính phủ đã đẩy nhanh tiến trình tái cấu trúc thể chế, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và phân quyền mạnh mẽ hơn cho các địa phương nhằm thúc đẩy vai trò của khu vực tư nhân trong phát triển kinh tế tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các công ty niêm yết.

Mặt bằng lãi suất trong nước trong những tháng đầu năm tiếp tục được duy trì ở mức thấp cùng với tăng trưởng tín dụng có sự cải thiện tốt đã giúp dòng tiền trong nước duy trì ổn định và trở thành động lực nâng đỡ thị trường trước áp lực bán mạnh của khối ngoại. Mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp cũng hỗ trợ cho lợi nhuận của các doanh nghiệp và tạo điều kiện để định giá cổ phiếu được cải thiện.

Áp lực tỷ giá giảm bớt, Fed đã có 3 lần cắt giảm lãi suất trong năm 2025 do những lo ngại về việc tăng trưởng kinh tế Mỹ chậm lại và sức ép lạm phát giảm. Điều này làm suy yếu chỉ số DXY, khiến cho áp lực từ bên ngoài đối với VND được giảm bớt.

Đầu tháng 5/2025, hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động, giúp thị trường vận hành ổn định hơn, tạo nền tảng vững chắc để triển khai hàng loạt sản phẩm tài chính hiện đại trong tương lai.

Tháng 10/2025, FTSE Russell đã công bố quyết định nâng Việt Nam từ nhóm thị trường cận biên lên nhóm thị trường mới nổi thứ cấp. Đây là kết quả của những nỗ lực, quyết tâm của cơ quan quản lý và thành viên thị trường trong công tác phát triển thị trường, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế và thu hút dòng vốn đầu tư tổ chức trong những năm tới.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam giai đoạn cuối năm 2025 chứng kiến sự sôi động khi hàng loạt doanh nghiệp lớn khởi động kế hoạch IPO và niêm yết. Tâm điểm của diễn biến này là thương vụ IPO kết hợp niêm yết của các CTCK lớn như: TCX, VPX, VCK...

Thách thức

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh trong năm 2025. Nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng kỷ lục hơn 90 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX trong năm 2024 và xu hướng này được tiếp diễn trong năm 2025 đã làm ảnh hưởng xấu tới thị trường tài chính. Lũy kế từ đầu năm 2025, Tổng giá trị mua vào là 726.700 tỷ đồng và tổng giá trị bán ra là 862.030 tỷ đồng, chênh lệch mua - bán ròng là -135.330 tỷ đồng tương đương gần 5,2 tỷ USD. Thông qua các quỹ ETF, số vốn bị nhà đầu tư nước ngoài rút ra khoảng 15 nghìn tỷ đồng. Nhà đầu tư nước ngoài đã duy trì bán ròng trong 3 năm liên tiếp.

Rủi ro từ chính sách thương mại của Mỹ. Ngay từ đầu năm, Chính phủ Mỹ đã ban hành bản ghi đề ra các trọng tâm thương mại, làm dấy lên lo ngại về các rủi ro từ chính sách thương mại mới của Mỹ đối với các nước khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đầu tháng 4, Mỹ công bố thuế đối ứng cao và bất ngờ lên các đối tác nhập khẩu (mức thuế đối với Việt Nam là 46%, một trong những mức thuế cao nhất) gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường tài chính toàn cầu. Việt Nam đã chủ động đàm phán với Mỹ và đã đạt được những kết quả tích cực, mức thuế mới chỉ còn 20%.

Rủi ro căng thẳng địa chính trị leo thang trên thế giới. Các điểm nóng xung đột trên thế giới diễn biến phức tạp khiến giá năng lượng và hàng hóa cơ bản biến động khó lường.

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025 *(tiếp theo)*

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2025

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ và là một trong những điểm sáng của khu vực. Động lực tăng điểm trong giai đoạn đầu năm đến từ kỳ vọng về các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong nước, cùng với nền tảng vĩ mô ổn định và kết quả kinh doanh khả quan của doanh nghiệp. Đến đầu tháng 4, chỉ số VN-Index ghi nhận nhịp điều chỉnh mạnh, giảm hơn 200 điểm trong chưa đầy 5 phiên, do phản ứng trước thông tin liên quan đến chính sách thuế quan của Mỹ. Tuy nhiên, thị trường nhanh chóng hồi phục khi thời điểm áp dụng chính sách được điều chỉnh, qua đó lấy lại đà tăng và duy trì diễn biến tích cực đến đầu quý IV. Trong giai đoạn cuối năm, thị trường chuyển sang trạng thái đi ngang với các nhịp tăng giảm đan xen trong khoảng từ 1.600 điểm đến 1.800 điểm. Lực nâng đỡ chủ yếu đến từ một số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như Vingroup, Gex, nhóm cổ phiếu Ngân hàng, trong khi nếu loại trừ sự ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu này thì thực chất chỉ số chỉ tăng trưởng khoảng 12%.

Về chỉ số: Kết thúc năm 2025, VN-Index đóng cửa tại mức 1.784,49 điểm, tăng 517,71 điểm, tương đương 40,9% so với cuối năm 2024. HNX-Index đạt 248,77 điểm, tăng 21,34 điểm, tương đương mức tăng 9,4%. Sau nhịp điều chỉnh mạnh vào đầu tháng 4, VN-Index nhanh chóng phục hồi và liên tiếp thiết lập các mức cao mới, có thời điểm vượt mức 1.800 điểm trong phiên 25/12/2025.

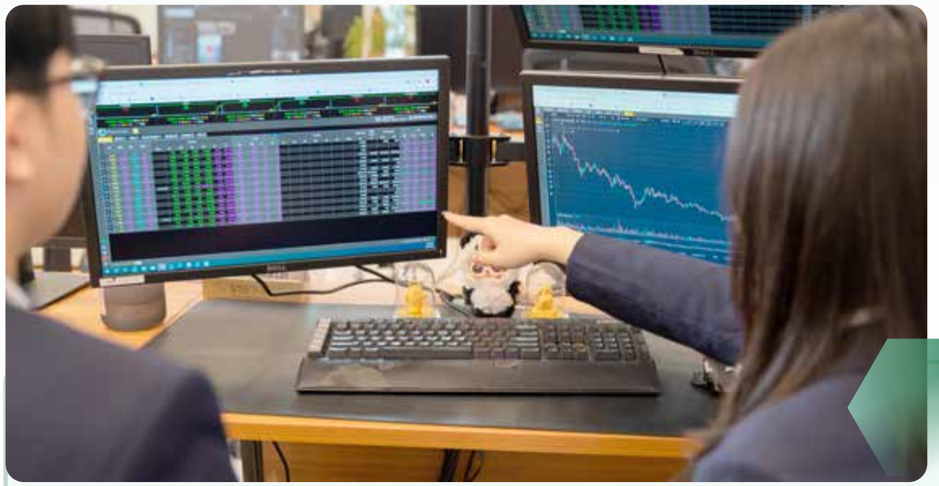

Về thanh khoản: GTGD bình quân phiên trên cả 3 sàn trong năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, đồng thời ghi nhận sự biến động đáng kể giữa các giai đoạn trong năm. Thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt từ mức khoảng 21,3 nghìn tỷ đồng/phiên trong 6 tháng đầu năm lên 44 nghìn tỷ đồng/phiên trong Quý III. Đây là giai đoạn thị trường liên tiếp thiết lập các kỷ lục mới, trong đó có thời điểm tổng giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt 86 nghìn tỷ đồng trong phiên ngày 05/08/2025. Tuy nhiên sang quý IV, GTGD giảm mạnh về mức 29,5 nghìn tỷ đồng/phiên. Tính chung cả năm, GTGD bình quân đạt 29,3 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 40% so với năm 2024 và trở thành thị trường chứng khoán có thanh khoản tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.

CHỈ SỐ VNINDEX VÀ HNXINDEX NĂM 2025

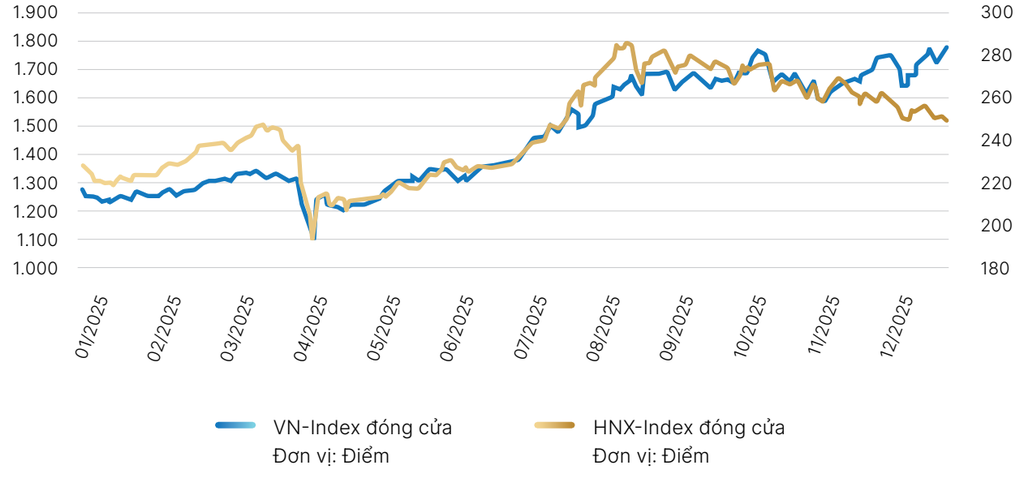

Biểu đồ giá trị giao dịch bình quân (ĐVT: Tỷ đồng)

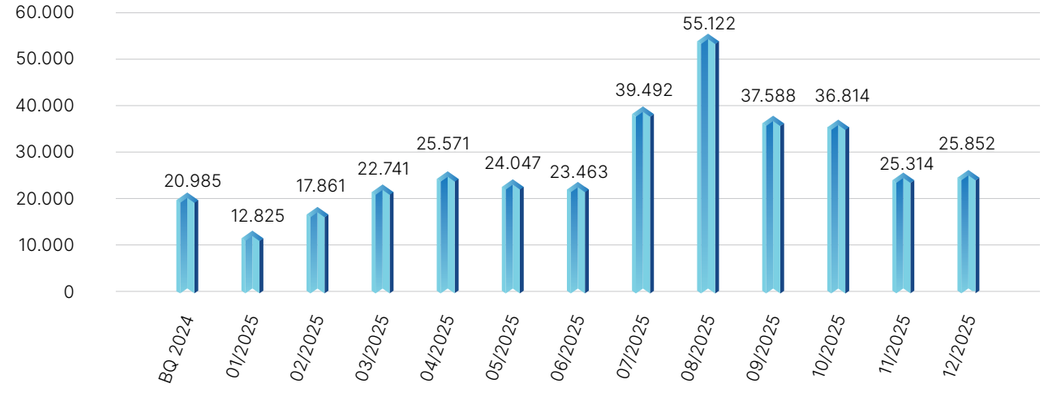

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2025

Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

Triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Để triển khai kế hoạch kinh doanh 2025 do ĐHĐCĐ giao, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm dịch vụ, quản trị rủi ro, tăng cường đảm bảo an toàn thông tin và đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số toàn diện trên toàn Công ty với quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2025, BVSC đã hoàn thành vượt KH kinh doanh đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt **1.104,66 tỷ đồng** hoàn thành 103,43% KH (1.068 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu thực hiện là **1.032,29 tỷ đồng** hoàn thành 100,71 % KH (1.025 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt **224,52 tỷ đồng** hoàn thành 115,27% KH (194,77 tỷ đồng) Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm đạt **204,41 tỷ đồng** hoàn thành 113,56 % KH (180 tỷ đồng).

Với kết quả kinh doanh như trên, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc và Công ty hoàn thành tốt triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2025.

Triển khai nhiệm vụ khác

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, HĐQT phối hợp BKS, Ban Tổng Giám đốc triển khai các nhiệm vụ: Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm thanh toán cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 08% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban quản trị.

Triển khai đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025, theo đó Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu Chiến lược đề ra, đồng thời HĐQT chỉ đạo việc triển khai xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030. Nội dung chi tiết được trình bày tại Chương III. Mục 4 – Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025 và xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030.

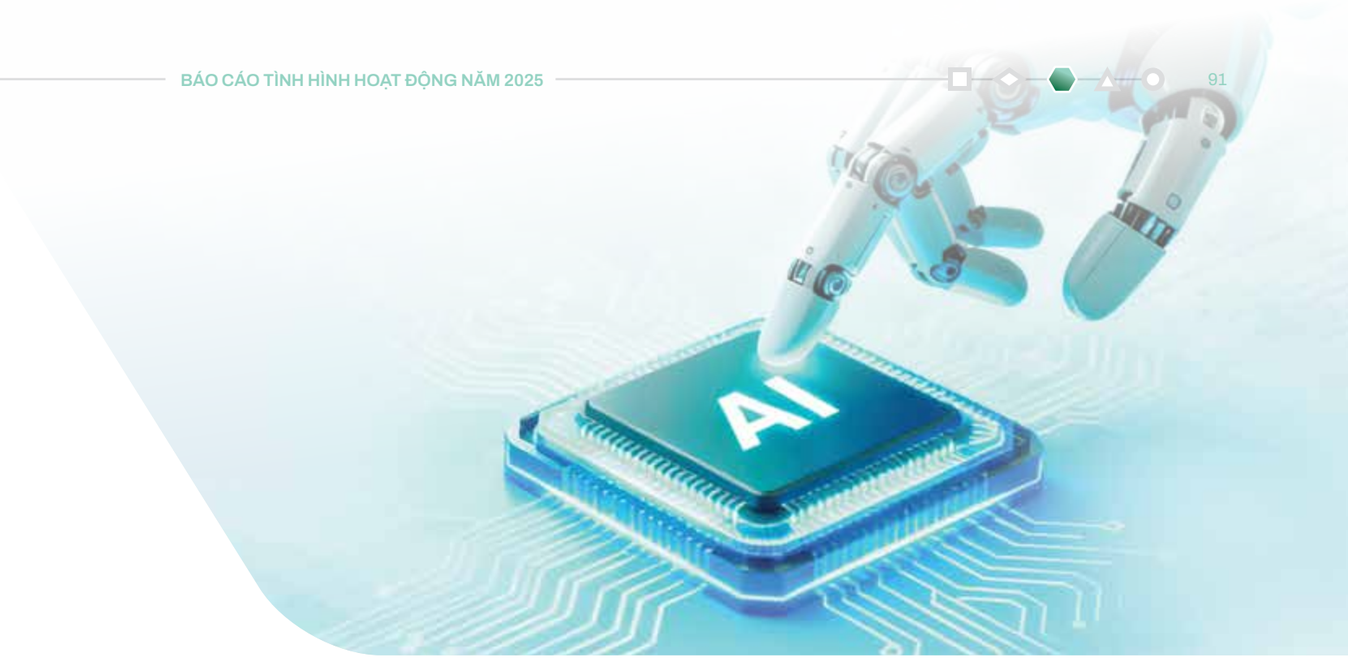

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó ưu tiên

1. Tập trung đầu tư vào chất lượng dịch vụ gia tăng trải nghiệm khách hàng và tăng cường công tác chăm sóc như: xây dựng các chính sách ưu đãi linh hoạt như phí giao dịch cạnh tranh, ưu đãi cho khách hàng mở mới, lãi suất margin hấp dẫn chỉ từ 5,8%, tặng khách hàng của BVSC voucher mua Bảo hiểm của BHBV... Bên cạnh đó, Công ty đã hoàn thành kết nối hệ thống giao dịch của BVSC với hệ thống giao dịch KRX nhằm đáp ứng sự tăng trưởng quy mô và dịch vụ của thị trường; tiếp tục nâng cấp các nền tảng giao dịch Bwise và BVSC Invest và bổ sung các tiện ích hỗ trợ giao dịch, đồng thời mở rộng hợp tác với các ngân hàng như Vietcombank, BIDV trong triển khai dịch vụ thu hộ, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

2. Đảm bảo sử dụng linh hoạt nguồn vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty, tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn hạn, cũng như chủ động tìm kiếm các kênh huy động vốn khác đáp ứng nhu cầu khách hàng.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào môi trường làm việc: Các công cụ như Copilot AI và AI Agent được triển khai trong nhiều tác vụ như nhân sự, báo cáo, truyền thông và hỗ trợ nghiệp vụ, góp phần rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hiệu quả vận hành.

4. Đẩy mạnh các chương trình hợp lực trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt: Công ty đẩy mạnh các hoạt động hợp lực với các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái Bảo Việt nhằm khai thác hiệu quả tệp khách hàng chung và gia tăng giá trị cung cấp dịch vụ tài chính. Một số chương trình tiêu biểu như: "60 năm giữ trọn niềm tin – Người Bảo Việt ưu tiên dùng hàng Bảo Việt" dành cho nhóm khách hàng nội bộ toàn hệ thống; Chương trình "Giao dịch vững vàng – Voucher ngập tràn" phối hợp với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, theo đó khách hàng giao dịch chứng khoán được tặng voucher mua bảo hiểm phi nhân thọ. Các chương trình này góp phần tăng cường kết nối khách hàng và thúc đẩy khai thác chéo sản phẩm, dịch vụ trong hệ sinh thái.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua cơ chế báo cáo định kỳ, Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT, & vai trò của các ủy ban trực thuộc HĐQT và cơ quan Kiểm toán nội bộ & qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc:

- Công ty đã luôn đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường nhằm đề ra giải pháp linh hoạt, đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người, công nghệ và quản trị rủi ro để Công ty thực hiện hoàn thành KHKD năm 2025;
- Công ty phát triển được những sản phẩm, dịch vụ mới & các hoạt động chuyển đổi số toàn diện bám sát định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025;
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cẩn trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, HĐQT xác định bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội là những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của BVSC. Trên cơ sở đó, HĐQT đã định hướng và chỉ đạo Công ty tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội vào hoạt động quản trị và triển khai các chương trình hành động cụ thể, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả phát triển bền vững trong toàn hệ thống. Một số hoạt động tiêu biểu đã triển khai trong năm 2025 như sau:

Tổng kinh phí triển khai chương trình thường niên "Mang hơi ấm tới vùng cao" và "Sẻ chia chi thức - xây dựng tương lai"

400.000.000 VNĐ

1 BVSC tiếp tục chương trình thiện nguyện thường niên "Mang hơi ấm tới vùng cao 2025" năm thứ 13 tại Trường PTDT bán trú TH&THCS Lao Chải, tỉnh Tuyên Quang, với các hoạt động cải tạo cơ sở vật chất trường học, tài trợ trang thiết bị bán trú và trao quà cho 629 học sinh. Đồng thời, tại khu vực phía Nam, hành trình "Sẻ chia tri thức – Xây dựng tương lai" cũng được triển khai sang năm thứ 3. Công đoàn BVSC Chi nhánh Hồ Chí Minh đã triển khai xây dựng công trình giao thông nông thôn tại Cà Mau, trao tặng 113 phần quà và 13 suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần cải thiện điều kiện học tập và sinh hoạt tại địa phương. Tổng kinh phí triển khai hai chương trình là hơn 400.000.000 đồng.

Kinh phí từ nguồn Quỹ phúc lợi của Công ty với số tiền hơn

300.000.000 VNĐ

để ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung & Tây nguyên chịu ảnh hưởng bởi bão lũ số 12, 13, 14

2 Các chương trình thiện nguyện của Công ty tiếp tục gắn với chủ trương của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là hưởng ứng Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Trên cơ sở đó, Công ty đã tài trợ xây dựng công trình "Nhà khăn quàng đỏ" cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở tại tỉnh Lạng Sơn, đồng thời hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà cho 9 hộ gia đình bị cuốn trôi, hư hại nặng do bão số 11. BVSC cũng phát động kêu gọi cán bộ, nhân viên nhiệt tình tham gia ủng hộ, đồng thời trích kinh phí từ nguồn Quỹ phúc lợi của Công ty với số tiền hơn 300.000.000 VNĐ để ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung & Tây nguyên chịu ảnh hưởng bởi bão lũ số 12, 13, 14.

3 Song song với đó, dưới sự định hướng của HĐQT, Công ty chú trọng triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng môi trường làm việc bền vững thông qua việc ứng dụng công nghệ nhằm giảm thiểu tác động môi trường, tuân thủ các quy định trong thi công và ưu tiên sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng. BVSC tiếp tục duy trì "Văn hóa 5S" nhằm tạo môi trường làm việc ngăn nắp, nâng cao hiệu quả vận hành và ý thức trách nhiệm của cán bộ nhân viên.

Báo cáo phát triển bền vững năm 2025 đã được HĐQT xem xét và phê duyệt theo nội dung chi tiết tại *Chương V Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI.*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2026 (tham khảo tại Chương IV, Mục 1 – Dự báo nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2026), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành KHKD năm 2026 với các chỉ tiêu sau:

Tổng doanh thu và thu nhập khác:

1.104,66 tỷ đồng

trong đó Doanh thu thực hiện đạt:

1.032,29 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("Lợi nhuận sau thuế"):

223,73 tỷ đồng

trong đó Lợi nhuận sau thuế thực hiện:

210 tỷ đồng

Định hướng kinh doanh trong năm 2026, BVSC tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh; tăng cường quản trị rủi ro; đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ.

(KHKD năm 2026 gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại Chương IV. Mục 1 của Báo cáo này; và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2026)

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty

1. HĐQT bám sát diễn biến thị trường để đưa ra các định hướng và chỉ đạo kịp thời, nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy các mảng hoạt động trọng tâm của Công ty, bao gồm: môi giới, cho vay margin & ứng trước tiền bán chứng khoán, tư vấn – bảo lãnh phát hành, cũng như hoạt động tự doanh; liên tục cải tiến sản phẩm & tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng AI để gia tăng trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Công ty bám sát thị trường tài chính để có chính sách nguồn vốn linh hoạt và tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty; tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại gia tăng các khoản vay ngắn & dài hạn, triển khai phương án phát hành trái phiếu nhằm tiến tới cân bằng và ổn định hơn nữa cơ cấu về nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn của khách hàng.

2. HĐQT chỉ đạo Công ty triển khai xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030;

3. HĐQT chỉ đạo Công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác an sinh xã hội, các hoạt động vì cộng đồng gắn với phát triển bền vững, hỗ trợ quảng bá thương hiệu Công ty.

4. Nhằm phát huy lợi thế trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các chương trình hợp lực với các đơn vị thành viên, tập trung thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động. BVSC sẽ mở rộng hợp lực theo chiều sâu với Bảo Việt Nhân thọ thông qua các chương trình chăm sóc khách hàng VIP của các bên, qua đó mở rộng cơ hội sử dụng và bán chéo dịch vụ. Đây là bước tiếp theo nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị hợp lực trong hệ sinh thái, tối đa hóa khai thác tệp khách hàng chung và nâng cao hiệu quả kinh doanh liên đơn vị.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI BVSC

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán còn nhiều biến động như đã phân tích tại Phần I, thách thức lớn nhất đối với BVSC trong năm 2025 cũng như các năm gần đây tiếp tục là hạn chế về nguồn vốn kinh doanh. Việc tăng vốn điều lệ chưa thực hiện theo lộ trình khiến Công ty chưa đủ điều kiện triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, đồng thời hạn chế khả năng cung cấp các dịch vụ ký quỹ và ứng trước do các quy định pháp lý gắn với quy mô vốn.

Tuy nhiên, với nền tảng thương hiệu uy tín, kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường, cùng đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao và sự chủ động trong chuyển đổi số gắn với tăng cường quản trị rủi ro, Công ty vẫn hoàn thành vượt các mục tiêu kinh doanh năm 2025.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BVSC NĂM 2025

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2024	TH 2025	KH 2025	TH 2025 so với KH 2025	TH 2025 so với 2024
Tổng doanh thu	**992,77**	**1.104,65**	**1.068**	**103,43%**	**111,27%**
Trong đó: Doanh thu đã thực hiện	949,29	1.032,29	1.025	100,71%	108,74%
Tổng chi phí	**(751,72)**	**(838,87)**	**(825)**	**101,74%**	**111,59%**
Trong đó: Chi phí đã thực hiện	(701,86)	(791,80)	(800)	98,97%	112,81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**241,04**	**265,78**	**243,5**	**109,15%**	**110,26%**
Lợi nhuận khác	**(0,12)**	**(0,72)**	**-**	**-**	**-**
Lợi nhuận trước thuế	**240,93**	**265,06**	**243,5**	**108,85%**	**110,02%**
Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện	247,43	240,50	225	106,89%	97,20%
Lợi nhuận sau thuế	**199,95**	**224,52**	**194,77**	**115,27%**	**112,28%**
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	206,42	204,41	180	113,56%	99,02%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2025

Tổng doanh thu 2025
1.104,65
tỷ đồng

Doanh thu thực hiện
1.032,29
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
224,52
tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
265,06
tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế thực hiện
240,50
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện
204,41
tỷ đồng

Với quy mô vốn ở mức trung bình (hiện xếp thứ 56/80 về vốn điều lệ và 32/80 về vốn chủ sở hữu), BVSC vẫn đạt được kết quả kinh doanh tích cực, với các chỉ tiêu duy trì thứ hạng cao hơn tương đối so với quy mô vốn: doanh thu xếp thứ 23, lợi nhuận sau thuế xếp thứ 25 trên hơn 80 công ty chứng khoán trên thị trường, qua đó cho thấy hiệu quả khai thác nguồn lực và năng lực vận hành của Công ty. Cụ thể:

Tổng doanh thu năm 2025 của Công ty đạt 1.104,65 tỷ đồng, bằng 103,43% so với kế hoạch và bằng 111,27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, doanh thu thực hiện là 1.032,29 tỷ đồng bằng 100,71% so với kế hoạch và bằng 108,74% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 224,52 tỷ đồng, bằng 115,27% so với kế hoạch và bằng 112,28% so với cùng kỳ; trong đó, lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 204,41 tỷ đồng, bằng 113,56% kế hoạch và bằng 99,02% so với cùng kỳ năm trước. Phần lợi nhuận chưa thực hiện đạt 20,11 tỷ đồng là từ các tài sản tài chính được đánh giá lại theo giá thị trường tại thời điểm báo cáo và sẽ được ghi nhận khi các khoản đầu tư được thực hiện hóa.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KỀ

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2024	Thực hiện	KH 2025	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2025 so với KH 2025	Tỷ lệ TH 2025 so với TH 2024
I. Tổng Doanh thu, trong đó:	**992,77**	**1.104,65**	**1.068,00**	**103,43%**	**111,27%**
1. Doanh thu hoạt động	**990,56**	**1.101,24**	**1.066,50**	**103,26%**	**111,17%**
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	318,59	374,33	322,80	115,96%	117,49%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	410,73	433,05	360,70	120,06%	105,43%
• *Lãi cho vay margin*	*344,38*	*363,42*	*290,00*	*125,32%*	*105,53%*
• *Lãi cho vay ứng trước*	*66,35*	*69,63*	*70,70*	*98,49%*	*104,95%*
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính (hoạt động đầu tư)	247,49	278,56	368,19	75,66%	112,56%
• *Hoạt động đầu tư tự doanh:*	*202,33*	*221,64*	*222,69*	*99,53%*	*109,55%*
◦ Doanh thu thực hiện	158,21	149,27	179,69	83,07%	94,35%
◦ Doanh thu chưa thực hiện	44,11	72,37	43,00	168,30%	164,05%
• *Hoạt động đầu tư tiền gửi*	*45,17*	*56,93*	*145,50*	*39,13%*	*126,04%*
1.4. Doanh thu nghiệp vụ Tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3,47	4,64	8,00	57,95%	133,46%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6,86	8,32	5,50	151,25%	121,32%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	3,41	2,34	1,31	178,50%	68,60%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**2,21**	**3,41**	**1,50**	**227,20%**	**154,10%**
II. Tổng chi phí	**(751,72)**	**(838,87)**	**(824,50)**	**101,74%**	**111,59%**

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2024	Thực hiện	KH 2025	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2025 so với KH 2025	Tỷ lệ TH 2025 so với TH 2024
1. Chi phí hoạt động	(477,85)	(484,23)	(421,12)	114,99%	101,33%
Trong đó: Chi phí thực hiện	*(427,23)*	*(436,42)*	*(396,62)*	*110,04%*	*102,15%*
Chi phí chưa thực hiện	*(50,62)*	*(47,80)*	*(24,50)*	*195,12%*	*94,44%*
2. Chi phí hoạt động tài chính	(134,93)	(169,71)	(255,00)	66,55%	125,78%
3. Chi phí quản lý	(138,94)	(184,93)	(148,38)	124,63%	133,09%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**241,04**	**265,78**	**243,50**	**109,15%**	**110,26%**
IV. Lợi nhuận / Lỗ khác	**(0,12)**	**(0,72)**	**-**	**-**	**626,31%**
Trong đó: Thu nhập khác	*0,64*	*0,02*	-	-	*2,51%*
Chi phí khác	*(0,75)*	*(0,74)*	-	-	*97,69%*
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	**240,93**	**265,06**	**243,50**	**108,85%**	**110,02%**
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế	247,43	240,50	225,00	106,89%	97,20%
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	**(40,98)**	**(40,54)**	**(48,73)**	**83,20%**	**98,94%**
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(41,01)	(36,09)	(45,00)	80,20%	88,01%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0,03	(4,45)	(3,73)	119,38%	-
IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**199,95**	**224,52**	**194,77**	**115,27%**	**112,28%**
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế	206,42	204,41	180,00	113,56%	99,02%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	2.688	2.661	-	-	99,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KỀ *(tiếp theo)*

Về doanh thu

Nhờ điều kiện thuận lợi từ sự tăng trưởng tích cực của thị trường chứng khoán, các mảng hoạt động cốt lõi của BVSC đã ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu đáng kể, bao gồm môi giới, cho vay và các khoản phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính, cùng với dịch vụ lưu ký chứng khoán. Tổng doanh thu và doanh thu thực hiện của Công ty đều vượt mốc 1.100 tỷ đồng, qua đó phản ánh hiệu quả hoạt động cũng như khả năng tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường. Cụ thể như sau:

Doanh thu hoạt động môi giới

Giá trị giao dịch của thị trường tăng cao trong năm 2025 là tiền đề thuận lợi đối với hoạt động môi giới, theo đó doanh thu môi giới của Công ty cũng tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 374,33 tỷ đồng, hoàn thành 115,96% so với kế hoạch, bằng 117,49% so với cùng kỳ năm trước.

Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu

Năm 2025 doanh thu hoạt động cho vay (gồm cho vay margin & ứng trước) đạt 433,05 tỷ đồng, hoàn thành 120,06% so với kế hoạch và bằng 105,43% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời là mức doanh thu cao nhất ghi nhận từ trước đến nay.

Nhu cầu vay margin, ứng trước của nhà đầu tư tăng trong năm 2025 dẫn đến dư nợ cho vay margin & ứng trước bình quân trong năm 2025 đạt 4.050,61 tỷ đồng tăng 10,86% so với năm trước. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và duy trì mức dư nợ cho vay margin & ứng trước ở mức khá cao, trong khi quy mô vốn của Công ty ở mức vừa phải, Công ty đã tích cực làm việc với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn và dài hạn với lãi suất đầu vào tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, kiểm soát và ngăn ngừa tránh để xảy ra thiệt hại đối với các khoản cho vay.

Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính

Đạt 278,56 tỷ đồng bằng 75,66% kế hoạch và bằng 112,56% so với cùng kỳ năm trước bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tiền gửi. Trong đó:

- Doanh thu đầu tư chứng khoán đạt 221,64 tỷ đồng bằng 99,53% kế hoạch và bằng 109,55% so với cùng kỳ năm trước. Công ty duy trì quy mô đầu tư vào cổ phiếu và chứng chỉ quỹ dao động ở mức 10% đến 13% Vốn chủ sở hữu. Trong năm, Công ty đầu tư vào những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt đồng thời đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ giao dịch với các quỹ đầu tư. Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu dài hạn: Công ty không đầu tư, mua mới trái phiếu. Khoản 300 tỷ đồng trái phiếu ngân hàng đang có trong danh mục được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu vốn của Công ty.
- Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi, Công ty chủ động giảm tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn nhằm tập trung nguồn lực cho vay margin và ứng trước. Theo đó, số dư tiền gửi giảm từ 850,50 tỷ đồng cuối năm 2024 xuống còn 773,50 tỷ đồng vào cuối năm 2025 nhưng mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi tại các Ngân hàng tăng dần về cuối năm, do vậy doanh thu từ hoạt động đầu tư tiền gửi trong năm 2025 vẫn đạt 56,93 tỷ đồng và tăng 26,04% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán

Đạt 4,64 tỷ đồng, hoàn thành 57,95% kế hoạch, bằng 133,46% so với cùng kỳ năm trước. Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động tư vấn đăng ký công ty đại chúng, tư vấn IPO, tư vấn niêm yết; đồng thời tiếp tục tập trung tìm kiếm các hợp đồng tư vấn mua bán – sáp nhập (M&A),... Một số hợp đồng tư vấn đang triển khai thực hiện trong năm 2025 và sẽ được hoàn tất, ghi nhận trong năm 2026.

Doanh thu hoạt động lưu ký

Đạt 8,32 tỷ đồng, bằng 151,25% so với kế hoạch và bằng 121,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận doanh thu từ việc thực hiện lưu ký chứng khoán cho các công ty chưa niêm yết và niêm yết trên HSX, HNX và UPCOM. Ngoài ra, Công ty cũng tìm kiếm các hợp đồng quản lý sổ cổ đông, quản lý chứng khoán... để bổ sung vào tăng trưởng doanh thu hoạt động lưu ký.

Doanh thu khác

Đạt 2,34 tỷ đồng, đạt 178,50% so với kế hoạch và bằng 68,60% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ hoạt động tài chính

Đạt 3,41 tỷ đồng, bằng 227,20% so với kế hoạch và bằng 154,10% so với cùng kỳ năm trước.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KỀ *(tiếp theo)*

Về Chi phí

Tổng chi phí năm 2025 là 838,87 tỷ đồng bằng 101,74% so với kế hoạch và bằng 111,59% so với năm trước. Mức tăng chi phí 11,59% tương đương với mức tăng trưởng 11,27% doanh thu so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi phí hoạt động kinh doanh

Là 484,23 tỷ đồng bằng 114,99% so với kế hoạch và bằng 101,33% so với cùng kỳ năm trước.

Mức tăng này chủ yếu xuất phát từ chi phí của hoạt động môi giới, lưu ký, hoạt động tư vấn, chi phí tài chính (chi phí lãi vay). Tổng các khoản mục này tăng lên khoảng 23,21% với cùng kỳ, phản ánh chiến lược của Công ty trong việc tập trung vào hoạt động môi giới và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.

Ngược lại, chi phí hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán giảm mạnh so với năm trước là 61,13%, chủ yếu do giảm lỗ thực hiện bán chứng khoán tự doanh và thu hồi được một phần gốc khoản đầu tư tự doanh đã trích dự phòng những năm trước, làm chi phí dự phòng giảm.

Việc phân bổ chi phí như trên cho thấy Công ty đang tập trung nguồn lực để ưu tiên các hoạt động có tính chất ổn định và mang lại dòng tiền đều đặn như môi giới, cho vay và phải thu. Đồng thời, Công ty kiểm soát chặt chẽ và giảm đáng kể chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tự doanh, góp phần gia tăng hiệu quả đầu tư.

Năm 2025, phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái nhưng không đáng kể nên không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí quản lý

Phát sinh trong năm 2025 là 184,93 tỷ đồng, bằng 124,63% so với số kế hoạch và bằng 133,09% với cùng kỳ năm trước. Khoản chi phí này chủ yếu là chi phí hoạt động mua ngoài, các khoản chi cho người lao động nhằm gia tăng tính cạnh tranh về chính sách đãi ngộ để thúc đẩy phát triển kinh doanh cũng như đầu tư đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong trung và dài hạn. Trong năm 2025, Công ty có ghi nhận tăng khoản chi phí khấu hao và phân bổ do cải tạo sửa chữa tòa nhà văn phòng đi thuê tại trụ sở chính và Chi nhánh HCM.

Lợi nhuận

Năm 2025 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 224,52 tỷ đồng bằng 115,27% so với số kế hoạch và bằng 112,28% với cùng kỳ năm trước, trong đó lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 204,41 tỷ đồng bằng 113,56% so với kế hoạch và bằng 99,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm, Công ty đã nắm bắt, tận dụng các nhịp tăng trưởng của thị trường, tập trung nguồn lực vào các hoạt động mũi nhọn như môi giới, cho vay margin & ứng trước, đầu tư tài sản tài chính..., thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ để tăng trưởng doanh thu, kèm theo đó là giảm chi phí dự phòng và kiểm soát chi phí kinh doanh, chi phí quản lý, hạn chế rủi ro để đem lại hiệu quả kinh doanh tăng trưởng vượt mức doanh thu và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2024	Tỷ trọng	Thực hiện 2025	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	**990,56**	**99,78%**	**1.101,24**	**99,69%**	**11,17%**
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	318,59	32,09%	374,33	33,89%	17,49%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (bao gồm lãi cho vay margin & ứng trước)	410,73	41,37%	433,05	39,20%	5,43%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	247,49	24,93%	278,56	25,22%	12,56%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ Tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3,47	0,35%	4,64	0,42%	33,46%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6,86	0,69%	8,32	0,75%	21,32%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	3,41	0,34%	2,34	0,21%	(31,40%)
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**2,21**	**0,22%**	**3,41**	**0,31%**	**54,10%**
Tổng Doanh thu (1) + (2)	**992,77**	**100%**	**1.104,65**	**100%**	**11,27%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2025

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động kinh doanh chính như: môi giới chứng khoán, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính, lưu ký, tư vấn và doanh thu khác. Trong đó doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lãi các khoản cho vay và phải thu, lãi từ đầu tư tài sản tài chính là ba mảng nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, đem lại 98,31% tổng doanh số của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu chi phí	Thực hiện 2024	Tỷ trọng	Thực hiện 2025	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(477,85)	63,57%	(484,23)	57,72%	1,33%
2. Chi phí tài chính	(134,93)	17,95%	(169,71)	20,23%	25,78%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(138,94)	18,48%	(184,93)	22,04%	33,09%
Tổng chi phí	**(751,72)**	**100,00%**	**(838,87)**	**100%**	**11,59%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2025

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó: chi phí cho hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính năm 2025 chiếm 77,96%; chi phí quản lý bằng 22,04% trong tổng chi phí. Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, chủ yếu tập trung cho các mảng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty như môi giới, hoạt động cho vay, đầu tư tự doanh. Việc phân bổ, kiểm soát chi phí hợp lý đã góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Môi giới & dịch vụ tài chính kèm theo

Kết quả hoạt động Môi giới & dịch vụ tài chính kèm theo năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	KH năm 2025	% TH so với KH	% TH so với cùng kỳ
Thị phần Môi giới CP&CCQ	**1,86%**	**2,39%**	**77,9%**	**85,3%**
Doanh thu Môi giới	**374,3**	**322,8**	**116%**	**117,3%**
Doanh thu dịch vụ tài chính. Trong đó:	**493,4**	**507,7**	**97,2%**	**107,7%**
Cho vay margin & ứng trước	433,1	360,7	120,1%	105,4%

Ghi chú: Thị phần Môi giới CP & CCQ tính chung trên cả 3 sàn. Trong đó, doanh thu môi giới BVSC nằm trong TOP 15/80 công ty chứng khoán trên thị trường (theo FiinProX – Dữ liệu doanh nghiệp)

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng tích cực cả về điểm số và thanh khoản. Bên cạnh diễn biến thuận lợi của thị trường, mức độ cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng khi các công ty chứng khoán đẩy mạnh các chính sách ưu đãi như giảm sâu hoặc miễn phí giao dịch ("zero-fee"), hạ hoặc miễn lãi margin và ứng trước, đồng thời áp dụng cơ chế hoa hồng môi giới hấp dẫn, có thể lên tới 80% doanh thu. Những yếu tố này tạo áp lực đáng kể đối với hoạt động môi giới. Trong bối cảnh đó, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp để duy trì tăng trưởng doanh thu, cụ thể như sau:

Phát triển khách hàng

Trong năm, Công ty tập trung phát triển nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn và khách hàng tổ chức, đồng thời đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới và gia tăng mở tài khoản trực tuyến thông qua hệ thống eKYC. Đối với phân khúc khách hàng tổ chức, BVSC tăng cường tiếp xúc, thuyết trình với các quỹ trong và ngoài nước nhằm nắm bắt nhu cầu và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp. Bên cạnh đó, BVSC phối hợp với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("BHBV") trong các chương trình bán chéo và đẩy mạnh tư vấn đầu tư cho nhóm khách hàng nội bộ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2025 *(tiếp theo)*

Sản phẩm, dịch vụ

Thiết kế chính sách phí ưu đãi, tặng tiền vào tài khoản cho khách hàng mới, tặng quà, miễn lãi 5 ngày đầu của khoản vay, lãi suất margin chỉ từ 5,8%, tặng khách hàng của BVSC voucher mua Bảo hiểm của BHBV... Đồng thời phối hợp với Tập đoàn triển khai các chương trình khuyến mại trong khuôn khổ chuỗi chương trình hướng tới 60 năm thành lập Tập đoàn mang tên ***"60 năm giữ trọn niềm tin – Người Bảo Việt ưu tiên dùng hàng Bảo Việt"***.

Duy trì nguồn vốn ổn định phục vụ cho hoạt động margin, ứng trước cho khách hàng và tăng cường triển khai giao dịch không ký quỹ (non - prefunding) cho nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài.

Công nghệ thông tin

Kết nối thành công hệ thống giao dịch của BVSC với hệ thống giao dịch KRX vào ngày 5/5/2025. Đồng thời, nâng cấp BVSC Invest/Bwise theo Core mới KRX.

Triển khai và hoàn tất các dự án thu hộ Fmoney với Vietcombank, BIDV.

Liên tục phát triển và nâng cấp các tính năng và tiện ích của hệ thống giao dịch Bwise và App Mobile: gồm tích hợp Microsite FiinGroup (tra cứu dữ liệu thị trường); Thực hiện kết nối FIX cho KHTC nước ngoài, nâng cấp màn hình đặt lệnh; Nâng cấp an toàn bảo mật ứng dụng BVSC Invest theo chuẩn SDK mới của Apple/Google...

Giải pháp về nguồn nhân lực

Tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới có kinh nghiệm trên thị trường song song với việc tuyển dụng và đào tạo toàn diện thông qua chương trình Next Gen 2025 tại Hà Nội và TP. HCM. Bên cạnh đó BVSC tiếp tục đổi mới các chương trình thi đua nội bộ với nhiều phần thưởng hấp dẫn nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV như: "Chương trình Thi đua môi giới"; "Chương trình dự đoán chỉ số VN-Index".

Nguồn vốn

Công ty tăng cường làm việc với các ngân hàng thương mại nhằm mở rộng hạn mức vay ngắn và dài hạn, đồng thời tìm kiếm đối tác để triển khai phương án phát hành trái phiếu, phục vụ nhu cầu cho vay margin và ứng trước của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đã được Hội đồng Quản trị chấp thuận nâng tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ và hạn mức non-prefunding từ mức 180% lên 200% vốn chủ sở hữu, qua đó gia tăng dư địa cấp vốn cho hoạt động môi giới.

Tự doanh

Tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trong danh mục tự doanh của BVSC tăng nhẹ từ khoảng 10% lên mức 13% vốn chủ sở hữu trong năm 2025. Công ty tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng, linh hoạt trong giải ngân trên cơ sở bám sát diễn biến thị trường. Trong bối cảnh thị trường diễn biến thuận lợi, danh mục tự doanh được hưởng lợi từ xu hướng tăng của thị trường và việc hoàn nhập dự phòng, qua đó ghi nhận hiệu quả tích cực, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.

Lưu ký chứng khoán

Công ty luôn luôn tuân thủ các quy định và quy trình nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện nghiệp vụ nộp, rút tiền của khách hàng, chốt danh sách, làm thông báo thực hiện quyền, quản lý sổ cổ đông,... không để xảy ra sai sót. Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 8,3 tỷ đồng, hoàn thành 151,3% so với kế hoạch.

Doanh thu hoạt động lưu ký đạt
8,3 tỷ đồng
hoàn thành 151,3% so với kế hoạch.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Công ty đẩy mạnh các hoạt động tư vấn đăng ký công ty đại chúng, tư vấn IPO, tư vấn niêm yết; đồng thời tiếp tục tập trung tìm kiếm các hợp đồng có giá trị cao như tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp và tư vấn mua bán – sáp nhập (M&A). Tuy nhiên, kể từ khi Luật Chứng khoán được sửa đổi, các quy định pháp lý mới được ban hành, cùng với yêu cầu kiểm soát chất lượng chứng khoán phát hành ra chặt chẽ hơn khiến cho hoạt động tư vấn phát hành cổ phiếu và trái phiếu gặp nhiều thách thức, trách nhiệm rà soát của tổ chức tư vấn cũng được yêu cầu cao hơn đòi hỏi công tác kiểm tra và đánh giá hồ sơ phải tăng cường hơn, qua đó làm gia tăng khối lượng công việc và kéo dài tiến độ thực hiện. Bên cạnh đó, mảng M&A cũng kém sôi động khi nhà đầu tư nước ngoài gặp thách thức tại chính thị trường nội địa của họ, khiến nhu cầu tìm kiếm thương vụ tại Việt Nam giảm. Tỷ giá USD duy trì ở mức cao làm chi phí vay quốc tế tăng, qua đó hạn chế khả năng thu xếp nguồn vốn nước ngoài cho khách hàng. Các yếu tố đó đã khiến doanh thu hoạt động tư vấn của Công ty duy trì ở mức khá khiêm tốn, đạt 4,6 tỷ đồng, hoàn thành 57,9% KH, nhưng so với năm 2024 đã có chuyển biến tích cực, và đạt 133,5%.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ

Công nghệ thông tin & Phát triển sản phẩm

Trong năm 2025, BVSC tiếp tục duy trì vận hành ổn định và an toàn hệ thống công nghệ thông tin, đồng thời tăng cường năng lực an ninh mạng nhằm đảm bảo hoạt động liên tục trong bối cảnh hệ thống KRX chính thức đi vào vận hành (từ 05/05/2025) và các yêu cầu về công nghệ ngày càng cao. Công ty đã hoàn thành kết nối hệ thống KRX theo đúng kế hoạch, góp phần đảm bảo hệ thống giao dịch vận hành thông suốt.

Đồng thời, BVSC tiếp tục nâng cấp hạ tầng, hoàn thiện hệ thống dự phòng và khôi phục sau thảm họa (DR), hoàn thành Bộ quy trình an toàn thông tin làm nền tảng triển khai các tiêu chuẩn ISO về an toàn thông tin và quản lý liên tục hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

BVSC đẩy mạnh triển khai các dự án chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản trị, bao gồm ứng dụng Copilot AI cho các cán bộ chủ chốt và phát triển AI Agent hỗ trợ các hoạt động nội bộ, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc...

BVSC tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng giao dịch số như BVSC Invest, iBroker, tập trung bổ sung các tiện ích hỗ trợ đầu tư và nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiêu biểu như mở rộng dịch vụ thu – chi hộ với Vietcombank, BIDV; phát triển tính năng điều chỉnh giá vốn, tra cứu hiệu quả đầu tư và gia hạn margin trực tuyến.

Nghiên cứu phân tích

Trong năm, Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm báo cáo phân tích, với tổng số 621 báo cáo, bao gồm báo cáo ngành, doanh nghiệp, vĩ mô và định kỳ, đạt mức bao phủ 91% và 60% vốn hóa thị trường trên HOSE và HNX.

Bên cạnh đó, BVSC mở rộng cách thức cung cấp thông tin thông qua các kênh tương tác trực tuyến như webinar, livestream trên các nền tảng số, góp phần cập nhật kịp thời diễn biến thị trường, giới thiệu cơ hội đầu tư và gia tăng mức độ tương tác với nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty phát triển các định dạng nội dung ngắn gọn, trực quan như chuỗi video "Giải mã thị trường" phát hành định kỳ trên Facebook, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, đặc biệt đối với nhóm nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư mới tham gia thị trường.

Truyền thông và phát triển thương hiệu

Trong năm 2025, BVSC đẩy mạnh hoạt động marketing và truyền thông theo hướng số hóa, đa kênh và gắn với mục tiêu kinh doanh. Công ty triển khai các chiến dịch digital marketing, bao gồm xây dựng template chuẩn cho Facebook Page, tối ưu khung nội dung và gia tăng sản xuất nội dung trên YouTube.

Trên nền tảng đó, BVSC phát triển các nội dung chuyên đề như "Giải mã KRX" và "Giải mã Thị trường" trên Facebook và YouTube, kết hợp với các chương trình livestream và hội thảo trực tuyến, qua đó thu hút hơn 50.000 lượt xem và tăng cường tương tác với nhà đầu tư.

Đồng thời, BVSC triển khai các hoạt động marketing trực tiếp thông qua các sự kiện chuyên ngành, triển lãm A80, hội chợ việc làm và chuỗi chương trình "Từ Giảng đường đến Thị trường" tại 6 trường đại học. Các chương trình này góp phần mở rộng tiếp cận phân khúc nhà đầu tư trẻ, đặc biệt là thế hệ Gen Z, với hơn 1.600 tài khoản giao dịch mở mới trong năm, trong đó riêng các chương trình tại các trường đại học đóng góp khoảng 250 tài khoản.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường hoạt động truyền thông nội bộ thông qua chuỗi hoạt động kỷ niệm 26 năm thành lập "Together to the next 2026", xoay quanh 4 trụ cột xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, nổi bật với "Hội thao 2025" tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và cuộc thi "Người đồng hành", qua đó góp phần tăng cường kết nối nội bộ, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và củng cố tinh thần đoàn kết, hợp tác trong toàn Công ty.

Trong năm qua, Công ty tiếp tục củng cố vị thế thương hiệu trong ngành khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là một trong các đơn vị có đóng góp tích cực vào quá trình hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, Công ty tiếp tục được ghi nhận tại nhiều giải thưởng uy tín như: **Top 10 doanh nghiệp niêm yết trên HNX** thực hiện tốt quản trị công ty giai đoạn 2024 – 2025, năm thứ hai liên tiếp; **Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa vừa** tại "Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2025 (VLCA)"; **Top 100 Doanh nghiệp Bền vững, năm thứ 8 liên tiếp;**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ *(tiếp theo)*

Phát triển nguồn nhân lực

Cơ cấu nhân sự

Tổng số nhân sự	Trụ sở chính	Chi nhánh tại TP. HCM
709 người	464 người	245 người

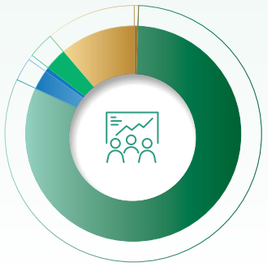

Cơ cấu lao động phân theo chức năng

- 0,6% Ban Điều hành
- 81,2% Khối Môi giới và DVKH
- 3,1% Khối Tư vấn TCDN
- 0,6% Khối đầu tư
- 3,1% Khối Phân tích & TVĐT
- 11,4% Khối Hỗ trợ & Quản lý

Tuyển dụng

Trong năm 2025 vừa qua, công tác tuyển dụng luôn bám sát với nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Với định hướng đẩy mạnh hoạt động môi giới, Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ nhân viên tư vấn đầu tư tại khối môi giới, các vị trí khác thuộc khối quản lý và hỗ trợ được tuyển dụng để bù đắp nhân sự nghỉ việc và/hoặc thay thế nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc. Tỷ lệ tuyển dụng mới năm 2025 là 11%, trong đó, tuyển dụng mới đội ngũ nhân viên tại khối môi giới chiếm tỷ trọng 89%.

Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng thông qua nhiều hoạt động như tham gia ngày hội việc làm tại Trường Đại học Tài chính – Marketing và Trường Đại học Đại Nam; Tài trợ cuộc thi Race of Finance do Học viện Tài chính tổ chức và cuộc thi Nhà Ngân Hàng Tương Lai - TOMORROW BANKER 2025 do Học viện Ngân hàng tổ chức; BVSC đồng thời giữ vai trò đối tác chuyên môn và diễn giả trong các sự kiện chuyên môn như: Phối hợp tổ chức với SAPP Academy tổ chức hội thảo "Pursuing a professional path in Finance and Wealth Management" và hội thảo "Professional Finance Summit", tham gia với vai trò diễn giả trong hội thảo "Trách nhiệm xã hội với Doanh nghiệp" tại Học viện Hành Chính & Quản trị công và Trường ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia HN,...

Năm 2025, BVSC tiếp tục nằm trong TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam - khối doanh nghiệp vừa do Anphabe thực hiện thường niên với báo cáo được kiểm chứng bởi Công ty nghiên cứu thị trường Intage Việt Nam, bảo trợ của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Đồng thời BVSC cũng được vinh danh tại Lễ trao giải "Doanh nghiệp yêu thích 2025 – Enterprise of Choice" với ba hạng mục quan trọng: Top 2 Ngành Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán, Top 7 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững & Top 8 Doanh nghiệp Được Yêu Thích Nhất do CareeViet, đơn vị uy tín trong lĩnh vực đánh giá thương hiệu tuyển dụng và xu hướng nhân sự tại Việt Nam thực hiện.

Đào tạo

Trong năm 2025, BVSC tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ nhân viên trước những thay đổi của thị trường. Công ty đã tổ chức 07 khóa đào tạo Nhận thức về An toàn thông tin cho cán bộ nhân viên tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và phát động văn hóa cam kết tuân thủ tới mỗi người lao động. Đồng thời, các chương trình đào tạo nội bộ về sản phẩm dịch vụ, hệ thống, quy định và quy chế mới tiếp tục được triển khai, kết hợp với việc kiểm tra, đánh giá định kỳ nghiệp vụ đối với khối môi giới, lưu ký và Trung tâm Chăm sóc khách hàng nhằm kịp thời nhận diện các nội dung cần củng cố, từ đó xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ, BVSC thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên môn và hội thảo nghiệp vụ nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng làm việc, quản lý như ứng dụng AI trong quản lý, quản trị rủi ro tại công ty chứng khoán, chăm sóc và phát triển khách hàng trung thành... Công ty cũng khuyến khích cán bộ chủ động tham gia các chương trình đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như CFA, CMT, IIA,... thông qua việc hỗ trợ các chi phí liên quan. Trong năm, BVSC đã ban hành quy định về chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo cho cán bộ nhân viên nhằm chính thức văn bản hóa chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo một cách rõ ràng hơn.

Chương trình tuyển dụng & đào tạo thường niên Next Gen 2025 tiếp tục được triển khai để tìm kiếm và đào tạo xây dựng nguồn lực nhân sự trẻ kế cận cho Công ty. Trong năm 2025, BVSC đã ra mắt Chuỗi sự kiện "Từ Giảng đường đến Thị trường" với 12 lớp tại 6 trường Đại học thu hút hàng trăm sinh viên tham gia. Đây là chương trình này được thiết kế dành cho sinh viên tham gia trải nghiệm giao dịch chứng khoán thực tiễn với mục tiêu dài hạn là đào tạo phát triển nguồn nhân lực trẻ trong ngành tài chính từ sớm. Cùng với đó, sức hút của chương trình đã hình thành một kênh phát triển khách hàng tiềm năng cho BVSC.

Trong năm, BVSC đã cử 73 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán tổ chức; 23 cán bộ tham gia thi cấp CCHN; hoàn tất thủ tục cấp CCHN cho 21 cán bộ. Tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán tại BVSC tính đến thời điểm 31/12/2025 là 173 người, tăng 05% so với thời điểm cuối năm 2024.

Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 480 lượt.

Tổng số giờ đào tạo: 15.557 giờ đào tạo.

Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo	Tổng số giờ đào tạo
480 lượt	15.557 giờ đào tạo

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ *(tiếp theo)*

Đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ dành cho người lao động tại BVSC được xây dựng theo nguyên tắc gắn kết chặt chẽ giữa thu nhập với hiệu quả làm việc, qua đó xây dựng môi trường làm việc tích cực và duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động với Công ty. Hệ thống lương thưởng được xây dựng theo phương pháp 3P (Position – Vị trí; Person – Con người; Performance – Hiệu quả làm việc), đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường và gắn với kết quả thực hiện công việc của từng phòng ban, từng cá nhân. Năm 2025, BVSC tiếp tục mở rộng áp dụng hệ thống chỉ tiêu KPIs tới nhiều vị trí tại các phòng ban nhằm duy trì và phát triển như một công cụ quản trị hiệu quả, góp phần nâng cao tính minh bạch và khách quan trong công tác đánh giá, đồng thời tạo cơ sở cho việc phân bổ các khoản thưởng theo hiệu quả làm việc.

Danh mục đãi ngộ tài chính

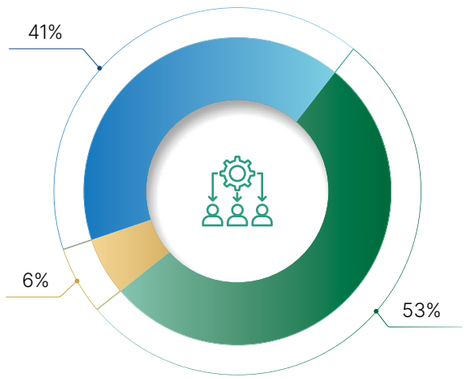

TIỀN LƯƠNG

Lương theo công việc
Lương tháng thứ 13
Lương làm thêm giờ lên đến 350%
Lương cho những ngày chưa nghỉ phép hàng năm

TIỀN THƯỞNG

Thưởng HQLV
Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với khối kinh doanh)
Thưởng theo các chương trình thi đua tháng, quý, năm

PHÚC LỢI VÀ PHỤ CẤP

Phúc lợi bằng tiền
Ăn trưa
Viễn thông
Đi lại
Công việc đặc thù

Bên cạnh những chính sách đãi ngộ về tài chính tốt. BVSC tiếp tục triển khai các chương trình phúc lợi toàn diện hướng tới mục tiêu bảo vệ & chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động.

Danh mục chính sách phúc lợi của Công ty dành cho người lao động trong năm 2025

Các gói phúc lợi có tính chất bảo vệ và chăm sóc sức khỏe	Phúc lợi bằng tiền	Phúc lợi khác
BHXH, BHYT, BHTN	Phúc lợi cho NLĐ dựa trên thâm niên công tác theo Chương trình Loyalty Reward hàng năm của Công ty	Chế độ nghỉ phép từ 12 – 16 ngày
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện	Phúc lợi bằng tiền nhân dịp sinh nhật, ngày 8/3 và 20/10, ngày 30/4 và ngày quốc khánh, các dịp Tết, các sự kiện đặc biệt của Công ty...	Chế độ nghỉ ngày sinh nhật được hưởng nguyên lương – My Birthday My Choice. Năm 2025 Công ty đã sửa đổi quy định mở rộng thêm phạm vi thời gian sử dụng để cán bộ có thể hưởng quyền lợi linh hoạt hơn
Bảo hiểm các bệnh ung thư K – Care		Chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác, điện thoại
Bảo hiểm Nhân thọ *(triển khai chương trình BHNT định kỳ cho toàn thể CBNV & chương trình BHNT dành riêng cho cán bộ chủ chốt năm 2025)*		Chương trình Happy Friday hàng tháng
Chương trình hưu trí tự nguyện		Tổ chức hoạt động cho NLĐ thông qua các CLB bao gồm: CLB Bóng đá, CLB Yoga, CLB Chạy bộ, CLB Âm nhạc, CLB Pickleball
Chính sách ưu đãi phí mua bảo hiểm sức khỏe dành cho người nhà		Triển khai chương trình BVSC Milestones nhằm ghi nhận và động viên về mặt tinh thần đối với đội ngũ lao động có tính gắn kết cao
Khám sức khỏe định kỳ		

Những thay đổi về quy định, chính sách liên quan đến nhân sự

- Thực hiện chuỗi sự kiện "Từ Giảng đường đến thị trường" tại các trường Đại học nhằm quảng bá thương hiệu nhà tuyển dụng đồng thời kết hợp phát triển khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Ban hành Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo.
- Triển khai chương trình "BVSC Milestones" nhằm ghi nhận sự cống hiến của CBNV.

(Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương V- Phát triển bền vững - Chủ đề xã hội).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ *(tiếp theo)*

Các công tác khác

Pháp chế: Công ty thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới và chủ động rà soát, sửa đổi, ban hành 21 quy trình, quy chế nội bộ và hệ thống biểu mẫu liên quan đến giao dịch, quản lý tiền và chứng khoán nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống KRX và các quy định của VSDC/SGDCK. Một số nội dung tiêu biểu gồm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, chính sách an toàn thông tin và các quy trình nghiệp vụ giao dịch, lưu ký chứng khoán...

Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro: Công ty tăng cường công tác kiểm soát nội bộ với phạm vi tra soát được mở rộng, đặc biệt đối với hệ thống công nghệ và quản lý giao dịch, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát và năng lực quản trị rủi ro. Song song, công tác nhận biết khách hàng và kiểm soát hồ sơ trực tuyến, cùng nhiều giải pháp an ninh bảo mật được triển khai đồng bộ để đảm bảo an toàn hệ thống và minh bạch trong giao dịch. Trong năm, không ghi nhận sự kiện rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Tài chính, kế toán: Năm 2025, công tác tài chính – kế toán được triển khai hiệu quả, đảm bảo cân đối nguồn vốn và đáp ứng kịp thời nhu cầu cho hoạt động kinh doanh, qua đó góp phần hỗ trợ tăng trưởng các mảng trọng yếu. Công tác thanh toán, bù trừ và chuyển tiền được thực hiện an toàn, chính xác, đảm bảo hoạt động giao dịch thông suốt. Đồng thời, hệ thống kế toán – báo cáo được duy trì chặt chẽ, tuân thủ quy định, đảm bảo ghi nhận đầy đủ, minh bạch và hỗ trợ hiệu quả công tác quản trị, thanh tra, kiểm tra.

Đầu tư cơ sở vật chất: Công ty đã hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp Phòng giao dịch số 1 tại 94 Bà Triệu (Hà Nội), đồng thời đầu tư bổ sung tài sản, trang thiết bị theo hướng thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng môi trường làm việc, hiệu suất lao động và chất lượng dịch vụ khách hàng.

Tổ chức thành công Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2025-2030: Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2025-2030 của BVSC được lựa chọn là đại hội điểm theo kế hoạch của Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt, với tinh thần đoàn kết, dân chủ, trí tuệ, trách nhiệm và quyết tâm xây dựng Chi bộ trong sạch, vững mạnh, Đại hội đã diễn ra vào ngày 14/3/2025 thành công tốt đẹp.

Ngoài ra, trong năm 2025, BVSC đã tổ chức thành công Đại hội Chi đoàn, Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn tại Trụ sở và Chi nhánh, qua đó thực hiện tốt vai trò chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua nhiều hoạt động phong phú, đa dạng được triển khai xuyên suốt cả năm.

Triển khai hoạt động hợp lực trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2025, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp lực với các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái Bảo Việt nhằm khai thác hiệu quả tệp khách hàng chung và gia tăng giá trị cung cấp dịch vụ tài chính. Một số chương trình tiêu biểu như "60 năm giữ trọn niềm tin – Người Bảo Việt ưu tiên dùng hàng Bảo Việt" dành cho nhóm khách hàng nội bộ toàn hệ thống và chương trình "Giao dịch vững vàng – Voucher ngập tràn" phối hợp với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, theo đó khách hàng giao dịch chứng khoán được tặng voucher mua bảo hiểm phi nhân thọ. Các chương trình này góp phần tăng cường kết nối khách hàng và thúc đẩy khai thác chéo sản phẩm, dịch vụ trong hệ sinh thái.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khái quát tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	% tăng giảm
Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:				
Tổng giá trị tài sản	5.628,66	7.033,00	1.404,34	24,95%
Doanh thu thuần	992,77	1.104,65	111,88	11,27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	241,04	265,78	24,74	10,26%
Lợi nhuận khác	(0,12)	(0,72)	(0,61)	526,31%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	240,93	265,06	24,13	10,02%
Trong đó: Lợi nhuận trước thuế thực hiện	247,43	240,50	(6,94)	(2,80%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	199,95	224,52	24,56	12,28%
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế thực hiện	206,42	204,41	(2,02)	(0,98%)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – EPS (VNĐ)	2.688	2.661	(27)	(1,00%)
Tỷ lệ chi trả cổ tức (Cổ tức/Thu nhập ròng)	27,98%	28,26% (*)	0,28%	0,99%

(*) tính theo mức chi trả dự kiến 08%/mệnh giá cổ phần)

Nguồn: BCTC kiểm toán 2025

Tổng tài sản năm 2025 đạt 7.033 tỷ đồng, tăng 1.404,34 tỷ đồng, tương đương mức tăng 24,95% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng Doanh thu đạt 1.104,65 tỷ đồng và Tổng Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty năm 2025 đạt 224,52 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu này đã được phân tích cụ thể trong Mục 3.3 nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025 đạt 204,41 tỷ đồng, hoàn thành 113,56% kế hoạch, giảm nhẹ 0,98% so với cùng kỳ năm trước, do vậy, chỉ tiêu EPS cũng giảm nhẹ 27 đồng, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước và đạt mức 2.661 đồng/cổ phiếu.

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Theo Nghị quyết số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2025 của ĐHĐCĐ thường niên 2025, dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền là 08%/mệnh giá cổ phần cho cổ đông. Nếu tính theo mức kế hoạch này, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2025 là 28,26%. Mức chi trả cổ tức 2025 cụ thể sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 quyết định. Với quy mô vốn của Công ty còn hạn chế như hiện nay, việc duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền ổn định là sự nỗ lực của Công ty đối với cam kết đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024 (a)	Năm 2025 (b)	Tăng/giảm (b)/(a) - 1
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Khả năng thanh toán chung (tổng quát) (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả)	lần	1,79	1,61	(9,97)%
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1,63	1,50	(8,15)%
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn	lần	1,60	1,48	(7,59)%
2. Chỉ tiêu về vốn				
2.1. Quy mô vốn				
+ Vốn điều lệ	tỷ đồng	722,34	722,34	0,00%
+ Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	2.475,37	2.656,79	7,33%
+ Tổng tài sản có	tỷ đồng	5.628,66	7.033,00	24,95%
+ Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	%	678%	576%	(15,04)%
2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,27	1,65	29,31%
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	56,02%	62,22%	11,07%
+ Vốn chủ/Tổng Nguồn vốn	%	43,98%	37,78%	(14,10)%

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024 (a)	Năm 2025 (b)	Tăng/giảm (b)/(a) - 1
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)	lần	14,65	17,79	21,40%
+ Vòng quay Vốn lưu động (Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)	lần	0,50	0,54	7,70%
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	lần	0,1701	0,1739	2,25%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	20,19%	20,39%	1,00%
Trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế/DT thuần		20,84%	18,56%	(10,93)%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,34%	8,75%	4,85%
Trong đó hệ số Lợi nhuận thực hiện sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)		8,61%	7,97%	(7,54)%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,43%	3,55%	3,27%
Trong đó hệ số Lợi nhuận thực hiện sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)		3,55%	2,91%	(18,02)%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	24,33%	24,13%	(0,82)%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Phân tích các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2025, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 576% bằng 3,2 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép (180%), thể hiện nguồn vốn của Công ty được vận hành an toàn, lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Về khả năng thanh toán

Năm 2025, chỉ tiêu về hệ số thanh toán của BVSC năm 2025 đều giảm so với năm 2024, cụ thể: hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,50 lần giảm 0,13 lần tương đương mức giảm 8,15% so với cùng kỳ năm trước; hệ số thanh toán nhanh là 1,48 lần giảm 0,12 lần tương đương mức giảm 7,59% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù chỉ tiêu về khả năng thanh toán có giảm đi so với năm trước do tăng khoản nợ phải trả về cuối kỳ, nhưng vẫn ở mức cao hơn ngưỡng an toàn là 1 lần, cho thấy tài sản của Công ty vẫn luôn đáp ứng để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trong năm không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và đối tác/ khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như quy định cũng như cam kết giữa các bên.

Các chỉ tiêu về quy mô và cơ cấu vốn

Năm 2025 Vốn điều lệ của Công ty không đổi ở mức 722,34 tỷ đồng; nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 2.656,79 tỷ đồng tăng 181,42 tỷ đồng tăng 7,33% so với cùng kỳ năm trước do tăng từ lợi nhuận của năm 2025 và chưa thực hiện phân phối.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2025, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 576% bằng 3,2 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép (180%), thể hiện nguồn vốn của Công ty được vận hành an toàn, lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Về cơ cấu vốn: Công ty tăng các khoản Nợ phải trả cuối kỳ (nợ vay ngắn hạn) để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh dẫn đến các Hệ số nợ đều tăng so với kỳ trước, cụ thể: Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 1,65 lần, tăng 29,31% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn rất nhiều lần mức quy định cho phép về tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (không vượt quá 5 lần). Hệ số Nợ/Tổng Tài sản đạt 62,22% tăng 11,07% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số Vốn chủ/Tổng Nguồn vốn đạt 37,78% tương ứng mức giảm 14,10%. Nhìn chung, cơ cấu vốn của Công ty được phân bổ hợp lý để đảm bảo tính linh hoạt trong từng giai đoạn của thị trường nhưng vẫn đảm bảo quản trị an toàn nguồn vốn và các khoản phải trả.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết hiệu quả sử dụng của Công ty trong năm tài chính 2025, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2025 đạt 17,79 lần, tăng 3,14 lần tương đương mức tăng 21,40% so với cùng kỳ năm trước, thể hiện việc theo dõi và thu hồi công nợ phát sinh trong năm được kiểm soát tốt, hầu hết các khoản nợ được thu hồi đúng hạn và hạn chế được các rủi ro.
- Vòng quay vốn lưu động của Công ty đạt 0,54 lần, tăng 0,04 lần, tương ứng 7,70% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này cải thiện chủ yếu do doanh thu tiếp tục tăng trưởng, trong khi vốn lưu động bình quân giảm so với năm trước. Đây là dấu hiệu tích cực, cho thấy Công ty sử dụng vốn lưu động hiệu quả, linh hoạt hơn, tối ưu hóa dòng tiền ngắn hạn và khoản phải thu, qua đó nâng cao khả năng tạo doanh thu trên mỗi đồng vốn luân chuyển.
- Trong năm 2025, vòng quay tổng tài sản đạt 0,17 lần, tăng 2,25% so với cùng kỳ. Mức cải thiện này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tiếp tục được nâng lên. Tài sản được khai thác tương đối hiệu quả và việc đầu tư thêm tài sản không làm giảm hiệu suất tăng trưởng doanh thu. Công ty đang quản trị tài sản tốt, tránh tình trạng tài sản nhàn rỗi hoặc phân bổ vốn kém hiệu quả. Điều này hỗ trợ Công ty duy trì thị phần ổn định, tăng trưởng doanh số qua các năm và nâng cao hiệu quả hoạt động tổng thể.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Năm 2025, tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN bằng 112,28% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên lợi nhuận thực hiện sau thuế lại giảm nhẹ, bằng 99,02% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, các chỉ số ROE và ROA trên tổng lợi nhuận có sự tăng trưởng, nhưng tính theo Lợi nhuận thực hiện lại giảm nhẹ, cụ thể:

- Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần của Công ty đạt 18,56% giảm 10,93% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 8,75% tăng 4,85% so với cùng kỳ năm trước; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 7,97% giảm 7,54% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản ROA đạt 3,55% tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện trên Tổng tài sản ROA đạt 2,91% giảm 18,02% so với cùng kỳ năm trước.

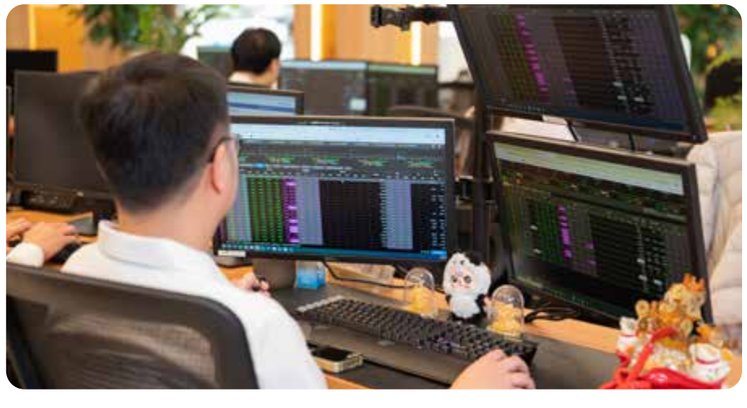

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	**5.080,99**	**90,27%**	**6.479,78**	**92,13%**	**1.398,78**	**27,53%**
I. Tài sản tài chính	**5.074,65**	**90,16%**	**6.473,91**	**92,05%**	**1.399,26**	**27,57%**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	167,85	2,98%	367,91	5,23%	200,06	119,18%
2. Đầu tư tài sản tài chính	1.332,38	23,67%	1.495,73	21,27%	163,35	12,26%
3. Các khoản cho vay	3.503,74	62,25%	4.557,15	64,80%	1.053,41	30,07%
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	70,69	1,26%	53,13	0,76%	(17,56)	(24,84)%
II. Tài sản ngắn hạn khác	**6,34**	**0,11%**	**5,86**	**0,08%**	**(0,48)**	**(7,55)%**
B. Tài sản dài hạn	**547,67**	**9,73%**	**553,22**	**7,87%**	**5,56**	**1,01%**
I. Tài sản tài chính dài hạn	471,21	8,37%	482,78	6,86%	11,57	2,46%
II. Tài sản cố định	19,66	0,35%	22,03	0,31%	2,37	12,05%
III. Tài sản dài hạn khác	56,79	1,01%	48,40	0,69%	(8,38)	(14,76)%
Tổng cộng tài sản:	**5.628,66**	**100,00%**	**7.033**	**100,00%**	**1.404,34**	**24,95%**

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2025

Cơ cấu tài sản

Tài sản năm 2025 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 92,13% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 7,87% tổng tài sản.

- Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản cho vay ngắn hạn chiếm 64,80% và đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn chiếm 21,27% trong tổng tài sản.

Các khoản còn lại bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền chiếm 5,23% trong tổng tài sản, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 0,84% trong tổng tài sản.

- Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 6,86% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 1,0% trong tổng tài sản.

Biến động của Tài sản

Tổng tài sản năm 2025 của Công ty đạt 7.033 tỷ đồng, tăng 1.404,3 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 24,95% chủ yếu tăng từ tài sản ngắn hạn 1.398,78 tỷ đồng trong khi tài sản dài hạn tăng 5,56 tỷ đồng, cụ thể:

- Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu từ các khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn, cụ thể là khoản tiền và tương đương tiền tăng cuối kỳ tăng 200,06 tỷ đồng tương ứng mức tăng 119,18% so với cùng kỳ năm trước; khoản đầu tư chứng khoán cũng tăng 163,35 tỷ đồng tương ứng mức tăng 12,26% so với cùng kỳ năm trước. Dư nợ margin & ứng trước trong cả năm cũng tăng và số dư nợ ở thời điểm cuối kỳ là 4.557,15 tỷ đồng tương ứng mức tăng 1.053,41 tỷ đồng, tăng 30,07% so với cùng kỳ năm trước. Quy mô của thị trường tăng lên, để đáp ứng nhu cầu hoạt động và cho vay margin & ứng trước, Công ty đã chủ động khai thác các nguồn vay ngắn hạn để tăng vốn lưu động ngắn hạn.
- Tài sản dài hạn tăng 5,56 tỷ đồng tương ứng mức tăng 1,01% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng khoản đầu tư vào cổ phiếu; ngoài ra, năm 2025 Công ty ghi nhận khoản tăng chi phí sửa chữa cải tạo sửa chữa, mua sắm tài sản, công cụ đồ dùng cho tòa nhà đi thuê.

Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN, NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Nợ phải trả	**3.153,29**	**56,02%**	**4.376,21**	**62,22%**	**1.222,92**	**38,78%**
I. Nợ ngắn hạn	3.118,98	55,41%	4.330,69	61,58%	1.211,71	38,85%
II. Nợ dài hạn	34,31	0,61%	45,52	0,65%	11,21	32,69%
B. Vốn chủ sở hữu	**2.475,37**	**43,98%**	**2.656,79**	**37,78%**	**181,42**	**7,33%**
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332,10	23,67%	1.332,10	18,94%	-	0,00%
II. Các quỹ và LN chưa phân phối	1.143,28	20,31%	1.324,69	18,84%	181,42	15,87%
Tổng cộng nguồn vốn	**5.628,66**	**100%**	**7.033,00**	**100%**	**1.404,34**	**24,95%**

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2025

Cơ cấu Nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nợ phải trả chiếm 62,22% Tổng nguồn vốn trong đó chủ yếu là các khoản Nợ ngắn hạn phải trả chiếm đến 61,58% tổng nguồn vốn; Nợ dài hạn phải trả chiếm đến 0,65% tổng nguồn vốn.

Phần còn lại là Vốn chủ sở hữu chiếm 37,78% gồm vốn góp của Chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối.

Biến động Nguồn vốn

Nợ phải trả: năm 2025 nợ phải trả của Công ty là 4.376,21 tỷ đồng tăng 1.222,92 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 38,78%, cụ thể:

- Nợ ngắn hạn tăng 1.211,71 tỷ đồng tương ứng mức tăng 38,85% chủ yếu tăng từ các khoản vay ngắn hạn 1.161,82 tỷ đồng, các khoản phải trả còn lại tăng 49,89 tỷ đồng chủ yếu là tăng khoản dự phòng quỹ lương và khoản phải trả khác.
- Nợ dài hạn tăng 11,21 tỷ đồng tương ứng mức tăng 32,69% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu tăng từ khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả cuối kỳ.
- Năm 2025, Công ty tập trung khai thác các khoản vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý nhằm ổn định và duy trì tối đa nguồn vốn phục vụ cho nhu cầu đầu tư, cho vay margin & ứng trước để đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng; đồng thời cũng duy trì nguồn vốn để Công ty đầu tư tài sản tài chính và các hoạt động kinh doanh khác trong từng giai đoạn của thị trường một cách linh hoạt, qua đó mang lại hiệu quả cao trong việc sử dụng vốn của Công ty. Nguồn vốn luôn được tăng cường kiểm soát, đảm bảo khả năng thanh khoản trong mọi trường hợp.

Vốn chủ sở hữu: năm 2025 đạt 2.656,79 tỷ đồng tăng 181,42 tỷ đồng tương ứng mức tăng 7,33% so với cùng kỳ năm trước. Vốn chủ sở hữu tăng do được bổ sung chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2025, sau khi trừ các khoản phân phối lợi nhuận của năm trước như chi trả cổ tức cho cổ đông và trích lập các quỹ theo quy định.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2025 cho thấy Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra. Trong bối cảnh thị trường tài chính quốc tế và trong nước có nhiều biến động, Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các CTCK cùng ngành trong điều kiện nguồn vốn của BVSC hạn chế, Công ty đã định hướng đúng, xây dựng kế hoạch kinh doanh và có nhiều giải pháp phù hợp, linh hoạt, nắm bắt và tận dụng cơ hội trong từng giai đoạn để từng bước hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đặt ra. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của Công ty luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quan quản lý và các bên liên quan.

Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp theo Quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố: Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán). Năm 2025, nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt **82/100 điểm**, tương đương mức điểm năm 2024 (83/100 điểm), trong đó điểm các yếu tố thành phần bao gồm Mức độ đủ vốn, Chất lượng tài sản, Khả năng sinh lời và Chất lượng thanh khoản đều ở mức tốt. Tình hình tài chính ổn định, vững mạnh là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

(Tham khảo Phụ lục II Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM

BVSC tiếp tục duy trì và nâng cao các chuẩn mực quản trị công ty theo hướng minh bạch và tiệm cận thông lệ tốt. Công ty tăng cường công bố thông tin bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Trên cơ sở đó, năm 2025 BVSC tiếp tục được ghi nhận qua các vinh danh uy tín như Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững (lần thứ 8), Top 10 doanh nghiệp niêm yết thực hiện tốt quản trị công ty giai đoạn 2024–2025 (HNX) và lần đầu tiên được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất – nhóm vốn hóa vừa tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2025.

Năm 2025, BVSC ghi nhận nhiều chuyển dịch trong cách tiếp cận thị trường và phát triển khách hàng theo hướng số hóa và gắn chặt với mục tiêu kinh doanh. Trên nền tảng số, Công ty đẩy mạnh đổi mới nội dung theo hướng trực quan, kịp thời và tăng tính tương tác thông qua các chuỗi video chuyên đề, livestream và hội thảo trực tuyến, thu hút hơn 50.000 lượt xem, qua đó nâng cao hiệu quả kết nối với nhà đầu tư.

Bà Bùi Thị Mai Hiên – Giám đốc QLHĐ BVSC tham gia chia sẻ tại Professional Finance Education Summit 2025

Chủ động thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào môi trường làm việc nhằm nâng cao năng suất nội bộ và gia tăng hàm lượng công nghệ trong hoạt động. Các công cụ như Copilot AI và AI Agent được triển khai trong nhiều tác vụ như nhân sự, báo cáo, truyền thông và hỗ trợ nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích người lao động ứng dụng AI thông qua việc tham gia cuộc thi "Sáng tạo AI – Tương lai bền vững" do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức, với kết quả đạt 02 giải cá nhân và 02 giải tập thể, từ các dự án tiêu biểu như "AI Agent hướng dẫn quy trình nghiệp vụ nội bộ tại BVSC", "AutoAI Enterprise Hub", "Ứng dụng AI trong chăm sóc khách hàng tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt" và "Tự động hóa phân tích cổ phiếu và tìm kiếm cơ hội đầu tư tiềm năng bằng AI"; qua đó thể hiện tinh thần chủ động đổi mới, sáng tạo và khả năng đưa AI vào thực tiễn của đội ngũ cán bộ nhân viên BVSC.

Song song với việc tăng cường ứng dụng công nghệ, BVSC tiếp tục củng cố năng lực quản trị trong bối cảnh vận hành hệ thống KRX, đặt ra yêu cầu cao hơn về tính ổn định và bảo mật hạ tầng công nghệ thông tin. Trong năm, Công ty đã triển khai các chương trình đào tạo an toàn thông tin cho toàn bộ cán bộ nhân viên, góp phần nâng cao nhận thức và văn hóa tuân thủ. Đồng thời, BVSC hoàn thành hệ thống dự phòng và khôi phục sau thảm họa (DR), tổ chức diễn tập kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục (BCP) và hoàn thiện quy trình an toàn thông tin, làm nền tảng cho việc từng bước triển khai các tiêu chuẩn ISO về an toàn thông tin và quản lý liên tục hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM

Rà soát, sửa đổi Quy chế công bố thông tin nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật mới về công bố thông tin (sửa đổi từ cuối năm 2024 và năm 2025) như bổ sung quy định thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh; qua đó bảo đảm việc công bố thông tin kịp thời, chính xác, minh bạch và công bằng về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty.

Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí hoạt động, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động kinh doanh và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời nâng cao quyền lợi cho người lao động so định mức cũ, cụ thể: tăng định mức chi phí phòng nghỉ từ 120%-150%; tăng phụ cấp ăn trưa tăng lên 200%; tăng mức chi phúc lợi cho lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam tăng lên 200%...

Ban hành chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo cho cán bộ nhằm thống nhất công tác quản lý và triển khai đào tạo, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng trong công việc. Qua đó, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó, không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026-2030

BVSC đã hoàn thành tốt các mục tiêu Chiến lược giai đoạn 2021-2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt, với kết quả đạt được như sau:

MỤC TIÊU TỔNG THỂ

BVSC **đã và đang tiếp tục giữ vững vị thế CTCK hàng đầu trên TTCK, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số.**

MỤC TIÊU CỤ THỂ

Tính đến hiện tại, BVSC đã và đang bám sát các mục tiêu cụ thể trong chiến lược giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt, kết quả đạt được như sau:

Đối với mục tiêu về thị phần môi giới: Năm 2022, BVSC được vinh danh trong Top 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2022 do VNX bình chọn tại Hội nghị thành viên năm 2023 dựa trên các yếu tố thị phần, tính tuân thủ,... Trong các năm 2024 và 2025, Công ty duy trì trong Top 10 công ty có thị phần giao dịch lớn nhất trên sàn HNX; hiện tại, BVSC nằm trong Top 15 công ty có thị phần môi giới lớn nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng nằm trong Top 10 công ty có thị phần giao dịch Trái phiếu chính phủ các năm 2023, 2024, 2025 (thuộc nhóm có thị phần dưới 5%).

Đối với mục tiêu về lĩnh vực tư vấn: Công ty đã được vinh danh là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023" tại Diễn đàn M&A Việt Nam 2023 và "Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu năm 2023 – 2024" tại Diễn đàn M&A Việt Nam năm 2024.

Đảm bảo đủ năng lực cung cấp các dịch vụ giao dịch online: đạt 100%.

Đối với mục tiêu tài chính:

- Đối với mục tiêu tăng trưởng doanh thu thực hiện: kết quả BQ giai đoạn 2021-2025 đạt 14,8%; so với mục tiêu chiến lược đặt ra trong 5 năm (2021-2025) là từ 10%-15%, **Công ty hoàn thành tốt mục tiêu tăng trưởng doanh thu thực hiện.**
- Đối với mục tiêu tăng trưởng LNST: kết quả bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 11,1%; so với mục tiêu chiến lược đặt ra trong 5 năm (2021-2025) là 7%-8,5%, **Công ty hoàn thành tốt mục tiêu tăng trưởng LNST.**
- Đối với mục tiêu tăng trưởng LNST thực hiện: kết quả bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 14,2%; so với mục tiêu chiến lược đặt ra trong 5 năm (2021-2025) là 6,5%, **Công ty vượt mục tiêu ở mức khá cao, đạt 220% KH đặt ra.**
- **Đối với mục tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):** kết quả ước bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,4%/năm (trong đó, LNST TH/VCSH đạt 9,0%/năm), **vượt mục tiêu ở mức khá cao, đạt 141% KH đề ra (6,4%/năm) & cao hơn nhiều so với đầu tư tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân dự kiến trong giai đoạn 2021 – 2025** (BQ khoảng 6,89%/năm).
- Đối với chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (ROCC) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 28,3%/năm, **cao hơn nhiều so với mục tiêu chiến lược đã đề ra là 18%/năm (tính trên VĐL 722 tỷ đồng)**

Trong bối cảnh vốn điều lệ của BVSC còn ở mức thấp (hiện xếp thứ 56/80 công ty chứng khoán, trong khi vốn chủ sở hữu xếp thứ 33/80 công ty chứng khoán trên thị trường), đồng thời do các yếu tố khách quan và chủ quan nên Công ty chưa hoàn thành lộ trình tăng vốn theo Chiến lược giai đoạn 2021–2025 (vốn điều lệ dự kiến đạt 1.083 tỷ đồng vào năm 2022 và 1.500 tỷ đồng vào năm 2023), BVSC chưa đủ điều kiện để được cấp phép kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Điều này đã ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh về sản phẩm, làm suy giảm thị phần trên thị trường cơ sở. **Tuy nhiên, Công ty vẫn hoàn thành và vượt toàn bộ các mục tiêu tài chính đã đề ra trong giai đoạn 2021–2025.**

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026-2030 *(tiếp theo)*

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU ĐỀ RA

Căn cứ vào định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025, Công ty đã chủ động đẩy mạnh chuyển đổi số, đồng thời triển khai đồng bộ các hoạt động theo các nhóm giải pháp trọng tâm như sau:

Về sản phẩm, dịch vụ

BVSC đã triển khai đồng bộ các dịch vụ giao dịch trực tuyến (mở tài khoản eKYC, ký hợp đồng mở tiểu khoản giao dịch ký quỹ online, kết nối thu-chi hộ với các ngân hàng BIDV, Vietinbank, Baovietbank...), đồng thời liên tục phát triển đa dạng các sản phẩm số như iBond, iMoney, iMoney On, các sản phẩm ủy thác đầu tư BVS–Value, BVS–Active và các dịch vụ giao dịch mới theo yêu cầu thị trường (giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, bán chứng khoán lô lẻ trên HOSE...)

Về phát triển khách hàng

Tập trung khai thác nhóm khách hàng có giá trị lớn, khách hàng tổ chức trong nước và tại các thị trường Singapore, Hong Kong..., đồng thời đẩy mạnh phát triển khách hàng cá nhân thông qua eKYC. BVSC tập trung nâng cao tính chuyên nghiệp trong mảng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh khai thác tệp KH trên nền tảng số thông qua chính thức thành lập Trung tâm CSKH & Phát triển KH online vào tháng 5/2023.

Về phát triển công nghệ

BVSC tập trung nâng cấp toàn diện hạ tầng CNTT nhằm đáp ứng sự tăng trưởng quy mô và dịch vụ của thị trường. Công ty đã thực hiện kết nối thành công với hệ thống KRX của các Sở và VSD theo kế hoạch vào 5.5.2025, phát triển hệ thống kết nối và đặt lệnh ưu việt hơn dành cho khối KHTC. Song song, BVSC tăng cường các biện pháp an toàn bảo mật trong tất cả các hoạt động quản lý vận hành của công ty hướng tới mục tiêu đạt chuẩn PCI, DSS và ISO 27001 cũng như thực hiện đánh giá về an toàn thông tin đối với các thông tin quan trọng trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, BVSC đã số hóa đồng bộ nhiều hoạt động quản trị – vận hành (email, lưu trữ, quản lý công văn trực tuyến...) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát rủi ro. Đặc biệt, từ tháng 8/2024, ứng dụng BVSC Invest chính thức đưa vào vận hành thay thế app cũ, tích hợp nhiều tính năng mới, góp phần cải thiện trải nghiệm khách hàng và khẳng định định hướng phát triển công nghệ hiện đại, bền vững theo mục tiêu chiến lược của giai đoạn 2021–2025.

Về phát triển nguồn nhân lực

BVSC tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn sâu và khả năng thích ứng với chuyển đổi số. Công ty hình thành các nhóm dự án chuyên trách về quản lý danh mục, phát triển sản phẩm đầu tư và triển khai các sản phẩm ủy thác trên nền tảng công nghệ như sản phẩm ủy thác BVS–Value và BVS–Active. Song song, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện tài liệu đào tạo nội bộ để thực hiện tuyển dụng và đào tạo lực lượng bán hàng qua các chương trình Future Broker, Next Gen với 5 mùa tuyển sinh và đào tạo liên tiếp trong các năm từ 2021 đến 2025 nhằm xây dựng đội ngũ nhân viên môi giới có chất lượng và mang lại hiệu quả bền vững trong tương lai. Tăng cường các hoạt động phát triển thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhằm hướng tới việc tiếp cận thế hệ nhân sự GEN Y&Z thông qua các chương trình hợp tác với các trường đại học & các đối tác đào tạo trên thị trường như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học RMIT Vietnam, SAPP Academy...

Trong năm 2025, Công ty đã nghiên cứu & hoàn tất xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 với định hướng tăng trưởng doanh thu thực hiện và lợi nhuận sau thuế thực hiện bình quân 8%–10%/năm, dự kiến sẽ được trình báo cáo cổ đông thông qua trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Chương 4

MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT HÀNH ĐỘNG NĂM 2026

Mạng lưới
thông minh

Cộng hưởng
sức mạnh

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2026

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ

Tăng trưởng GDP năm 2026: Năm 2026 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới do đó mục tiêu tăng trưởng đặt ra 10% trở lên cho cả nhiệm kỳ, mức cao nhất từ trước tới nay. Dự toán thu ngân sách tăng 5,9%, Chi đầu tư phát triển 1,12 triệu tỷ đồng, mức cao nhất từ trước tới nay, nhiều Nghị quyết, Luật và chính sách được sửa đổi thông qua, đặc biệt là Nghị quyết 68 về kinh tế tư nhân năm 2025, Nghị quyết 79 về phát triển kinh tế nhà nước được ban hành vào đầu năm 2026... Khung pháp lý hoàn thiện tạo ra môi trường lành mạnh để thúc đẩy phát triển các thành phần, khu vực kinh tế, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với đa dạng các quốc gia và khu vực trên thế giới để thu hút dòng vốn FDI, đồng thời đa dạng hóa đối tác thương mại, các chính sách giúp gia tăng thu nhập cho người dân như miễn, giảm học phí, trả lương hưu sớm, tinh gọn tổ chức bộ máy... Tạo động lực kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Lạm phát trong ngưỡng mục tiêu 4,5% Quốc hội đặt ra, áp lực trong năm có thể đến từ giá các mặt hàng năng lượng và nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (giá thuê nhà, giá điện).

Ổn định tỷ giá trong năm 2026: Fed có thể chậm lại quá trình cắt giảm lãi suất trong 2026 nếu giá các mặt hàng năng lượng tăng. Tuy vậy, mặt bằng lãi suất trong nước đã tăng từ cuối 2025, giúp thu hẹp chênh lệch lãi suất VND và USD, giảm áp lực cho VND.

Mặc dù lãi suất huy động hiện tại vẫn đang ở vùng thấp trong lịch sử, vẫn đang thấp hơn giai đoạn dịch Covid-19 (5,7-5,8%), nhưng trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng được đẩy mạnh để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhu cầu vốn của các ngân hàng sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới, qua đó tạo áp lực tăng lên lãi suất huy động trong năm 2026. Dự báo lãi suất huy động có thể tăng thêm 50 điểm, lên mức 5,6-5,7% vào cuối năm 2026.

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2026

Các chỉ tiêu chính	2025	2026	
		Mục tiêu của Chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	8,02	10	8-10
Lạm phát bình quân (%)	3,31	4-4,5	3,5-4
Tăng trưởng tín dụng (%)	19,01	15	18
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	3,09	N/A	±2-±4

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2026

Cơ hội

Môi trường chính trị - xã hội thống nhất, ổn định.

Động lực tăng trưởng kinh tế cao. Đầu tư tư nhân được đẩy mạnh. Kết nối hạ tầng, đầu tư hạ tầng trọng điểm về giao thông, điện, dầu khí giúp Việt Nam tăng năng suất lao động và tạo điều kiện thu hút thêm dòng vốn FDI.

Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực trong năm 2026.

Việt Nam kỳ vọng có thể thu hút được dòng vốn ngoại lớn vào TTCK khi chính thức nâng hạng lên Thị trường mới nổi hạng 2 của FTSE vào tháng 9/2026.

Thách thức

1. Xung đột địa chính trị tại Trung Đông kéo dài có thể khiến dòng vốn toàn cầu rút khỏi các tài sản rủi ro và đẩy giá năng lượng lên cao, làm gián đoạn chuỗi cung ứng. Điều này có thể tạo ra rủi ro lạm phát và tỷ giá trong nước, qua đó khiến việc điều hành chính sách tiền tệ mở rộng gặp nhiều thách thức, triển vọng tăng trưởng kinh tế và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết có thể bị ảnh hưởng, kéo theo việc điều chỉnh kỳ vọng lợi nhuận, gây áp lực lên định giá thị trường và khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn.
2. Các kênh đầu tư ở các lĩnh vực khác hấp dẫn (vàng, đô la, trái phiếu,...) có thể thu hút dòng tiền ra khỏi kênh cổ phiếu. Trong khi đó hoạt động phát hành tăng vốn, IPO có thể hút dòng tiền ra khỏi thị trường và tăng nguồn cung cổ phiếu.
3. Các chính sách thuế quan mới của Mỹ đối với các nước trong đó có Việt Nam, đặc biệt khi xuất siêu vào Mỹ tiếp tục gia tăng trong năm 2025.
4. Rủi ro nắn lại dòng vốn tín dụng vào lĩnh vực sản xuất có thể ảnh hưởng đến các lĩnh vực tài chính, bất động sản.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN VỚI BVSC TRONG NĂM 2026

Thuận lợi

Là công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định và bền vững trên thị trường chứng khoán. BVSC có nguồn nhân lực lâu năm, giàu kinh nghiệm & am hiểu thị trường là những yếu tố thuận lợi.

Khó khăn

Vị thế vốn của BVSC trên thị trường đã suy giảm đáng kể trong bối cảnh các công ty chứng khoán đẩy mạnh tăng vốn; hiện Công ty xếp thứ 56/80 về vốn điều lệ và thứ 32 về vốn chủ sở hữu, qua đó hạn chế năng lực cạnh tranh. Quy mô vốn thấp khiến BVSC chưa đáp ứng điều kiện triển khai các sản phẩm như chứng khoán phái sinh, đồng thời bị giới hạn trong việc mở rộng các dịch vụ cốt lõi như cho vay margin, ứng trước, prefunding (dịch vụ giao dịch không ký quỹ tiền cho khách hàng là tổ chức nước ngoài) do các quy định gắn với quy mô vốn, từ đó đặt ra nhiều thách thức trong mục tiêu duy trì thị phần và tăng trưởng doanh thu.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam trong năm 2026, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của BVSC, các chỉ tiêu kinh doanh 2026 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua như sau:

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	+/- % KH 2026 so với TH 2025
A	**TỔNG DOANH THU**	**1.104,7**	**1.078,5**	**-2,4%**
I	***Doanh thu thực hiện***	***1.032,3***	***1.035,0***	***0,3%***
1	Môi giới	374,3	404,0	7,9%
2	Tự doanh	149,3	117,9	-21%
3	Lãi từ các khoản cho vay và lãi tiền gửi	491,9	494,5	0,5%
4	Tư vấn, BLPH	4,6	8,5	85%
5	Lưu ký chứng khoán	8,3	6,8	-17,8%
6	Doanh thu khác	3,8	3,3	-14,8%
II	***Doanh thu chưa thực hiện***	***72,4***	***43,5***	***-39,9%***
B	**TỔNG CHI PHÍ**	**839,6**	**798,8**	**-4,9%**
I	***Chi phí thực hiện***	***791,8***	***772,5***	***-2,4%***
II	***Chi phí chưa thực hiện***	***47,8***	***26,3***	***-44,9%***
C	**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**	**265,1**	**279,7**	**5,5%**
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	***240,5***	***262,5***	***9,1%***
D	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**	**224,5**	**223,7**	**-0,4%**
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	***204,4***	***210,0***	***2,7%***

Công ty đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2026 đạt mức tăng trưởng khoảng

3%

so với kết quả thực hiện năm 2025

Kế hoạch doanh thu năm 2026 dự kiến đạt 1.035 tỷ đồng, tương đương mức thực hiện năm 2025. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới và cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán dự kiến tăng lần lượt khoảng 8% và 11% so với năm 2025, phản ánh định hướng đẩy mạnh khai thác khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa doanh thu từ các mảng kinh doanh cốt lõi. Đây cũng là mục tiêu tương đối thách thức trong bối cảnh cạnh tranh trong ngành chứng khoán ngày càng gay gắt, với xu hướng tiếp tục gia tăng áp lực về phí giao dịch, lãi suất và chính sách thu hút khách hàng. Bên cạnh đó, việc Công ty chủ động triển khai chiến lược đầu tư thận trọng và tăng cường quản trị rủi ro, cùng với dư địa cho tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh nguồn còn hạn chế trong bối cảnh thị trường tài chính ít cơ hội, cũng ảnh hưởng đến doanh thu tự doanh và thu nhập từ lãi tiền gửi. Dù vậy, với định hướng kiểm soát hiệu quả chi phí và tối ưu vận hành, Công ty đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2026 đạt mức tăng trưởng khoảng 3% so với kết quả thực hiện năm 2025.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026 *(tiếp theo)*

CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

Để triển khai kế hoạch năm 2026, Công ty sẽ bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ & linh hoạt các giải pháp, cụ thể:

Hoạt động môi giới - dịch vụ tài chính

Phát triển khách hàng: Tập trung phát triển khách hàng, đặc biệt là khách hàng tổ chức trong nước và nước ngoài (Hong Kong, Singapore...); các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn; đẩy mạnh mở mới tài khoản thông qua kênh số và hệ thống eKYC, đồng thời tăng cường khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt.

Về sản phẩm và công nghệ:

- Công ty tiếp tục phát triển và nâng cấp các hệ thống giao dịch trực tuyến, tính năng phục vụ giao dịch và trải nghiệm khách hàng, bao gồm kết nối API với đối tác để mở rộng kênh mở tài khoản trực tuyến, nâng cấp ứng dụng BVSC Invest, iBroker và các chức năng đặt lệnh cho khách hàng trong và ngoài nước; xây dựng hệ thống chứng chỉ quỹ mở, hệ thống quản lý TPDNRL và đặt lệnh trực tiếp vào sở giao dịch HNX và triển khai trợ lý AI cho nhà đầu tư...
- Bên cạnh đó, Công ty còn chủ động xây dựng các chính sách về phí và lãi suất margin linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường, qua đó đảm bảo khả năng cạnh tranh cao và phù hợp với từng nhóm khách hàng. Đồng thời, Công ty tích cực thúc đẩy các chương trình phối hợp bán chéo trong hệ sinh thái của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm gia tăng giá trị và tiện ích mang lại cho khách hàng.

Nguồn nhân lực: Ngoài các kênh tuyển dụng truyền thống để tìm kiếm và phát triển đội ngũ môi giới có kinh nghiệm, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục tổ chức chương trình đào tạo Next Gen tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh trong năm 2026 nhằm thu hút tuyển dụng đội ngũ môi giới mới, chưa có nhiều kinh nghiệm để thực hiện đào tạo xây dựng đội ngũ môi giới kế cận có chất lượng và mang lại hiệu quả bền vững trong tương lai.

Nguồn vốn: Chủ động tối ưu và phân bổ hiệu quả nguồn vốn nội bộ, kết hợp tăng cường đàm phán với các NHTM để gia tăng các khoản vay ngắn và dài hạn tiến tới cân bằng và ổn định hơn nữa cơ cấu về nguồn vốn; qua đó gia tăng năng lực tài chính đáp ứng nhu cầu vay margin và ứng trước của khách hàng trên cơ sở quản lý rủi ro chặt chẽ.

Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành

Công ty tập trung đẩy mạnh các hoạt động tư vấn IPO, niêm yết, phát hành cổ phiếu, trái phiếu và thoái vốn; đồng thời tăng cường tìm kiếm và triển khai các hợp đồng tư vấn thu xếp vốn, mua bán – sáp nhập doanh nghiệp... Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động kết nối với các đối tác quốc tế như GuarantCo / CGIF để xây dựng các sản phẩm huy động vốn bền vững, giúp nâng cao khả năng triển khai các thương vụ trái phiếu.

BVSC gặp gỡ đại diện Viện CFA Hoa Kỳ (CFA Institute)

Hoạt động tự doanh

Trong năm 2026, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán bằng chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và dòng tiền để đưa ra các thời điểm giải ngân phù hợp, mang lại hiệu quả cho danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, BVSC tiếp tục triển khai dịch vụ hỗ trợ các công ty quản lý quỹ trong hoạt động tái cơ cấu danh mục ETF, đặc biệt là giao dịch redemption/creation nhằm hỗ trợ khách hàng chuyển đổi nắm giữ giữa các chứng chỉ quỹ ETF; đồng thời triển khai dịch vụ môi giới chứng chỉ quỹ với các quỹ đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, BVSC tìm kiếm cơ hội đầu tư mới vào Trái phiếu Doanh nghiệp có trái tức tốt và đáp ứng được các tiêu chí quản trị rủi ro của BVSC.

Hoạt động lưu ký

Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp, đảm bảo thanh toán của nhà đầu tư luôn kịp thời.

Nguồn vốn

Với quy mô nguồn vốn chủ sở hữu vẫn ở mức trung bình thấp trong ngành, để đáp ứng nhu cầu về vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh như đầu tư trái phiếu, cho vay margin, ứng trước, non-prefunding,... Công ty chủ động tìm kiếm gia tăng các nguồn vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng thương mại; đồng thời triển khai phương án phát hành trái phiếu nhằm gia tăng nguồn vốn dài hạn cho Công ty.

Công nghệ thông tin ("CNTT") & Phát triển sản phẩm

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường và VSDC, bao gồm các tính năng như giao dịch trong ngày (day trading), giao dịch xuyên trưa và kết nối với ngân hàng lưu ký để tra cứu số dư tài khoản không lưu ký. Đồng thời, BVSC triển khai nâng cấp hạ tầng dữ liệu (Oracle 26AI, máy chủ Oracle) và các hệ thống BDS, BPS nhằm tăng hiệu năng, bảo mật và đảm bảo vận hành ổn định.

Bên cạnh đó, BVSC tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung và chuẩn hóa luồng dữ liệu, hình thành kho tri thức thống nhất để hỗ trợ nhân viên trong quá trình tác nghiệp và thúc đẩy tự động hóa một số quy trình nội bộ như quản lý hợp đồng và chứng từ kế toán trên nền tảng MS365, công cụ hỗ trợ hậu kiểm eKYC, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát và tối ưu quy trình.

BVSC cũng đẩy mạnh phát triển sản phẩm và nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc cải tiến các tính năng trên Bwise và ứng dụng Mobile; xây dựng các hệ thống giao dịch TPDNRL, chứng chỉ quỹ mở, sản phẩm hoán đổi ETF, đồng thời nghiên cứu tham gia thị trường carbon. Song song, Công ty tiếp tục tối ưu chính sách sản phẩm và triển khai các chương trình ưu đãi phí, lãi suất margin linh hoạt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026 *(tiếp theo)*

CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI *(tiếp theo)*

Ông Lưu Văn Lương – Phó Giám đốc Khối Phân tích BVSC chia sẻ tại chương trình Professional Finance Summit 2025

Nghiên cứu Phân tích và tư vấn đầu tư

Tiếp tục đẩy mạnh & nâng cao chất lượng nhóm các sản phẩm cốt lõi gồm báo cáo ngành và công ty, báo cáo vĩ mô và thị trường, báo cáo định kỳ & báo cáo chiến lược năm, tuy nhiên đẩy mạnh việc tiếp cận nhà đầu tư trên các nền tảng trực tuyến thông qua webinar, livestream và chuỗi video "Giải mã thị trường", qua đó nâng cao hiệu quả tiếp cận và cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, tăng cường kết nối trực tiếp với các quỹ tại Hong Kong, Singapore thông qua các buổi trao đổi, thuyết trình, cập nhật thông tin cùng với các hoạt động chăm sóc khách hàng định chế.

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

Rà soát xây dựng kế hoạch quy hoạch nhân sự chủ chốt cho giai đoạn 2026-2031, đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao kỹ năng lãnh đạo và năng lực quản lý của đội ngũ Trưởng nhóm và quản lý cấp trung hiện tại.

Rà soát sửa đổi, bổ sung các chính sách đãi ngộ trong đó trọng tâm vào lao động tại khối môi giới để cạnh tranh và thu hút nhân sự, đặc biệt là đối với đội ngũ tư vấn đầu tư khách hàng cá nhân.

Tiếp tục nghiên cứu và thiết kế KPIs hoặc OKR cho các phòng ban thuộc khối quản lý và hỗ trợ nhằm triển khai công tác đánh giá hiệu quả làm việc nhằm đảm bảo sự khách quan, công bằng và minh bạch.

Triển khai chương trình tuyển sinh & đào tạo thường niên Next Gen 2026 & các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng... Bám sát theo khung năng lực của từng vị trí.

Truyền thông & phát triển thương hiệu & Quan hệ nhà đầu tư

Đẩy mạnh ứng dụng AI trong các hoạt động tiếp cận và chăm sóc khách hàng thông qua giải pháp AI Marketing Driven trên website, cho phép phân tích hành vi người dùng, cá nhân hóa nội dung và tối ưu trải nghiệm nhằm nâng cao tỷ lệ chuyển đổi. Trên cơ sở đó, Công ty triển khai hoạt động truyền thông theo hướng digital marketing và đa kênh, bao gồm báo chí, các nền tảng số, webinar, livestream và chuỗi video "Giải mã thị trường" trên Facebook và YouTube, nhằm cung cấp thông tin chuyên sâu, dễ tiếp cận và phù hợp với xu hướng truyền thông số, đồng thời triển khai các chương trình tiếp cận khách hàng như "Từ Giảng đường đến Thị trường" nhằm mở rộng tệp khách hàng và gia tăng nhận diện thương hiệu.

Tăng cường truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đổi mới sáng tạo và hiệu suất cao trên nền tảng tư duy AI-first, qua đó nâng cao mức độ gắn kết và hiệu quả vận hành.

Đối với hoạt động quan hệ nhà đầu tư, Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, song ngữ cả Tiếng Việt và Tiếng Anh bao gồm cả thông tin định kỳ và bất thường nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin của nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài; đồng thời duy trì và đa dạng các kênh trao đổi thông tin với cổ đông và các bên liên quan.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định; đồng thời duy trì và đa dạng các kênh tương tác với cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng thông qua các nền tảng trực tuyến (email, Zalo OA, Facebook...), góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và trải nghiệm khách hàng.

Công ty tiếp tục duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định với tỷ lệ cổ tức 8% mệnh giá cổ phần qua đó thể hiện cam kết đảm bảo lợi ích và giá trị bền vững cho cổ đông (từ năm 2018 đến nay mặc dù thị trường chứng khoán đối mặt với nhiều biến động, BVSC vẫn duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định với tỷ lệ chi trả từ 8%–10% mệnh giá cổ phần).

Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ

Chủ động nắm bắt cập nhật các quy định mới của pháp luật, các chính sách mới của các cơ quan quản lý nhằm chuẩn hóa kịp thời các quy trình, quy chế đảm bảo kinh doanh có hiệu quả & an toàn, đồng thời tăng cường vai trò giám sát của kiểm toán nội bộ và công tác quản trị rủi ro đối với các mảng hoạt động của Công ty. Phạm vi tra soát sẽ được mở rộng, tập trung sâu hơn vào các hoạt động kinh doanh trọng yếu và các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, qua đó củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao tính tuân thủ và đảm bảo sự phát triển an toàn, bền vững của Công ty.

Đẩy mạnh các hoạt động bán chéo với các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt

Trên nền tảng các hoạt động hợp lực đã được triển khai hiệu quả trong năm 2025, năm 2026, BVSC tiếp tục đẩy mạnh phối hợp với các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt nhằm khai thác tối ưu tệp khách hàng chung và gia tăng giá trị cung cấp dịch vụ tài chính, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh. Cụ thể, mở rộng hợp lực với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, đồng thời tăng cường hợp tác theo chiều sâu với Bảo Việt Nhân thọ thông qua các chương trình chăm sóc khách hàng VIP, góp phần thúc đẩy hoạt động bán chéo; đồng thời tiếp tục triển khai Chương trình "60 năm giữ trọn niềm tin – Người Bảo Việt ưu tiên dùng hàng Bảo Việt" với các ưu đãi dành cho nhóm khách hàng nội bộ toàn hệ thống Bảo Việt. Bên cạnh đó, phối hợp với đơn vị thành viên nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính tích hợp, có tính liên kết cao, nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu đa dạng của các phân khúc khách hàng, từ cá nhân đến doanh nghiệp.

Chương 5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI

Hài hòa
lợi ích

Lan tỏa
giá trị

THÔNG ĐIỆP
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong giai đoạn tiếp theo, chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định định hướng phát triển bền vững với việc đặt ra các mục tiêu thách thức hơn & hướng đến các chuẩn mực cao hơn nhằm nâng tầm vị thế, mang lại giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng, người lao động & các bên liên quan.

Ngân sách dành cho các hoạt động xã hội bình quân

▲19 %/NĂM

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và các Đối tác,

Năm 2025 khép lại chiến lược hoạt động 5 năm giai đoạn 2021–2025 của BVSC, với kết quả kinh doanh tích cực, tạo bước chuyển tiếp thuận lợi nhưng cũng đầy thử thách cho chu kỳ phát triển tiếp theo. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang dần tiệm cận tiêu chuẩn của một thị trường mới nổi, đặt ra những yêu cầu ngày càng cao về tính minh bạch, quản trị rủi ro và bảo vệ nhà đầu tư, BVSC đã khẳng định năng lực thích ứng cao với những thay đổi từ môi trường kinh doanh trong thực thi chiến lược phát triển bền vững đặt ra từ nhiều năm trước đó.

Trong năm 2025 vừa qua, BVSC tập trung nâng cao hạ tầng công nghệ và năng lực an toàn, bảo mật nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường, với trọng tâm là hoàn thiện kết nối và vận hành ổn định trên nền tảng KRX. Công ty cũng đẩy nhanh tiến trình số hóa & chủ động ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phát triển sản phẩm, dịch vụ và quy trình vận hành. Nỗ lực này không chỉ góp phần tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và năng lực quản trị rủi ro, mà còn là cam kết của BVSC hướng đến mục tiêu nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Trong năm 2025 BVSC được bình chọn trong Top 50 Doanh nghiệp tiên phong & cam kết nâng cao quản trị công ty tại Việt Nam do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) trao tặng. Bên cạnh đó, BVSC được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện tốt quản trị công ty năm 2024 – 2025 tại Hội nghị Thành viên của HNX và tiếp tục được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất - Nhóm vốn hóa vừa, trong cuộc bình chọn DNNY do UBCK & Sở GDCK TP. HCM trao tặng.

Song song với các mục tiêu kinh tế, BVSC chủ động thúc đẩy các thực hành thân thiện với môi trường trong hoạt động của Công ty thông qua các sáng kiến tiết kiệm năng lượng và xây dựng văn hóa 5S, qua đó xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và hạnh phúc. Các hoạt động an sinh xã hội cũng được triển khai theo hướng dài hạn và bền vững hơn, với trọng tâm chuyển dịch từ hỗ trợ trực tiếp sang đầu tư vào hạ tầng thiết yếu tại các địa phương khó khăn, tiêu biểu như: xây dựng trường học, cầu dân sinh, nhà ở cho học sinh nghèo và hỗ trợ tái thiết lập sau thiên tai... Cùng với việc mở rộng quy mô và đối tượng, ngân sách dành cho các hoạt động xã hội của Công ty tăng bình quân khoảng 19%/năm.

Khép lại chặng đường 5 năm giai đoạn 2021–2025 với kết quả tích cực đồng thời cả các mục tiêu tài chính và phi tài chính, bao trùm toàn diện các chủ đề kinh tế, quản trị và xã hội là sự khẳng định thuyết phục về thực thi phát triển bền vững của Công ty. Trong giai đoạn tiếp theo, chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định định hướng phát triển bền vững với việc đặt ra các mục tiêu thách thức hơn & hướng đến các chuẩn mực cao hơn nhằm nâng tầm vị thế, mang lại giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng, người lao động & các bên liên quan.

Trân trọng./.

Tổng Giám đốc
Nhữ Đình Hòa

GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS) VÀ GRI STANDARDS TRONG QUẢN TRỊ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals – SDGs), còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu, là mục tiêu phổ quát được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên hiệp quốc (LHQ). 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) dựa trên sáu chủ đề bao gồm: nhân phẩm, con người, hành tinh, quan hệ đối tác, công lý và thịnh vượng.

- XOÁ NGHÈO
- KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI
- SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT
- GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG
- BÌNH ĐẲNG GIỚI
- NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
- NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ
- CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
- CÔNG NGHIỆP, SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
- GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG
- CÁC THÀNH PHỐ VÀ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG
- TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM
- HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU
- TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN
- TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT LIỀN
- HOÀ BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ
- QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU

BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở đối chiếu các chỉ tiêu GRI Standards với các Mục tiêu Phát triển bền vững toàn cầu (SDGs), BVSC đã tiến hành xác định các vấn đề trọng yếu, đồng thời xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động dựa trên quá trình đánh giá, phân tích chiến lược phát triển chung của công ty. Từ đó, tiến hành lựa chọn các mục tiêu đưa vào định hướng hành động nhằm đảm bảo phát triển bền vững là một trong những chiến lược cốt lõi của doanh nghiệp, cụ thể:

KINH TẾ

SDGs

- 8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
- 16 HOÀ BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ VỮNG MẠNH

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GRI 201	Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định gắn liền với lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.	• Công ty giữ vững ổn định tăng trưởng hiệu quả kinh tế tạo ra: › Tổng doanh thu và thu nhập khác 2025: 1.104,66 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2024. › Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 224,5 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2024; trong đó, lợi nhuận sau thuế thực hiện là 204,4 tỷ đồng, giảm nhẹ 1% so với năm 2024. • Trong năm 2025, Công ty tập trung nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, hoàn tất kết nối hệ thống giao dịch KRX, qua đó hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh, gia tăng giá trị cho khách hàng; đồng thời cải thiện chính sách phúc lợi, chế độ lương, góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, hạnh phúc cho người lao động. • Mức chi trả cổ tức ổn định (8-10%) tạo ra giá trị cho cổ đông. • Quản trị Công ty theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. • Đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cổ đông thông qua việc công bố thông tin đúng, đầy đủ, minh bạch và công bằng theo quy định của pháp luật.

MÔI TRƯỜNG

SDGs

- 3 SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT
- 7 NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ
- 12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
VẬT LIỆU GRI 301 NĂNG LƯỢNG GRI 302 NƯỚC GRI 303	Sử dụng năng lượng, nước, vật liệu (giấy) hiệu quả và tiết kiệm trong quá trình hoạt động thường ngày. • Phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm hiệu quả, chống lãng phí. • Thực hiện mua sắm, nâng cấp thiết bị, công nghệ tiết kiệm tài nguyên hiệu quả, chống lãng phí.	• Các cán bộ BVSC chủ yếu sử dụng các nền tảng họp trực tuyến và hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử. • Duy trì chính sách 5S giúp nâng cao ý thức của cán bộ trong việc giữ gìn vệ sinh khu vực văn phòng, bảo vệ môi trường. • Không ghi nhận trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường.
PHÁT THẢI GRI 305	Kiểm soát tối đa lượng khí thải ra ngoài Môi trường.	• BVSC luôn trang bị, sử dụng những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. • Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp đúng lịch trình các thiết bị theo hướng dẫn của nhà cung cấp, để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng. • Luôn khuyến khích các CBNV sử dụng các phương tiện công cộng để di chuyển, nhằm giảm tải lượng khí CO_2 ra ngoài môi trường. • Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *(tiếp theo)*

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413	• Tổ chức các chương trình từ thiện đến các địa bàn, các hộ gia đình nghèo, gặp khó khăn, hoặc các tỉnh gặp thiên tai, bão lũ,... • Thực hiện quyên góp các nhu yếu phẩm cần thiết đến các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách trên toàn quốc.	• Năm 2025, BVSC đã triển khai nhiều chương trình dành cho cộng đồng, bao gồm: tài trợ chi phí sinh hoạt hàng tháng, chi phí xây dựng & sửa chữa nhà cửa, trao tặng quà và nhu yếu phẩm cho hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho trường học và tặng quà cho em học sinh; thực hiện các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; và kêu gọi ủng hộ đồng bào vùng thiên tai, lũ lụt. Tổng ngân sách thực hiện hơn 1 tỷ đồng. • Hưởng ứng và đồng hành cùng chính phủ trong chương trình "Xóa nhà tạm, nhà dột nát". Trong năm 2025 Công ty đã hỗ trợ kinh phí xây dựng 02 ngôi nhà tại Lạng Sơn và 09 ngôi nhà tại Thái Nguyên giúp các hộ gia đình khó khăn ổn định cuộc sống. • Không phát sinh tác động tiêu cực đáng kể đến cộng đồng địa phương.

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
VIỆC LÀM GRI 401	Mở rộng cơ hội việc làm cho người lao động, xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.	• Tỷ lệ tuyển dụng mới trong năm: 11%. • Thu nhập bình quân của người lao động: 39 triệu đồng/người/tháng, tăng 15% so với 2024. • 100% cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành.
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403	Cải thiện môi trường làm việc tốt, an toàn; sức khỏe của người lao động được bảo vệ và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra liên quan đến sức khỏe.	• 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. • Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động: › Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: 2,1 tỷ đồng. › Bảo hiểm các bệnh ung thư: 290 triệu đồng. › Bảo hiểm nhân thọ: 19,6 tỷ đồng. › Bổ sung chương trình Hưu trí tự nguyện. • Bổ sung chương trình "BVSC Milestones" & mở rộng điều kiện sử dụng quyền lợi nghỉ sinh nhật. • Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. • Tiếp tục cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm mới các thiết bị công cụ dụng cụ nhằm cải thiện chất lượng môi trường làm việc.
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404	Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn và kỹ năng tốt, có khả năng thích nghi với sự thay đổi.	• Tổng số giờ đào tạo: 15.557 giờ, tăng 6% so với năm 2024. • Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 480 lượt, tăng 8% so với năm 2024. • Tổng số lao động có chứng chỉ hành nghề CK: 173 người. Tăng 5% so với 2024. • Tổng chi phí đào tạo: 1,4 tỷ đồng.
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405	Xây dựng môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng, người lao động được tôn trọng, được phát huy tối đa năng lực của bản thân.	• Không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số trong tất cả các chính sách nhân sự của Công ty. • Lao động nữ chiếm 50% trên tổng số nhân sự. • 45% lãnh đạo quản lý là nữ. • Dân tộc thiểu số: 03 người.

GRI 1.

NGUYÊN TẮC LẬP BÁO CÁO

"Tại BVSC, Báo cáo Phát triển bền vững được lập định kỳ hàng năm nhằm rà soát định hướng chiến lược, đánh giá toàn diện các tác động của Công ty trên các khía cạnh Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG). Báo cáo không chỉ góp phần giúp Công ty nhận diện các vấn đề trọng yếu và nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin, mà còn đóng vai trò nền tảng để tích hợp các yếu tố ESG vào hệ thống quản trị, điều hành và ra quyết định."

Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo phát triển bền vững của BVSC được xây dựng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Báo cáo được lập có tham chiếu theo Bộ tiêu chuẩn GRI 2021 *(with reference to GRI Standards 2021)*

Nguyên tắc báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

- **Bối cảnh phát triển bền vững:**

Năm 2025, phát triển bền vững không còn mang tính khuyến khích mà đang dần trở thành yêu cầu bắt buộc, với các tiêu chuẩn công bố thông tin ESG ngày càng chặt chẽ trên toàn cầu. Các cam kết Net Zero được cụ thể hóa thông qua các chính sách và rào cản kỹ thuật xanh, trong đó Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu đang trong giai đoạn hoàn tất trước khi chính thức áp dụng từ năm 2026, buộc các doanh nghiệp phải minh bạch hơn về lượng phát thải trong toàn bộ chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, dòng vốn tài chính xanh tiếp tục được phân bổ có chọn lọc, ưu tiên các tổ chức và doanh nghiệp có năng lực quản trị rủi ro khí hậu và chiến lược phát triển bền vững rõ ràng.

Tại Việt Nam, năm 2025 ghi nhận những bước tiến trong việc hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tài chính xanh, tạo điều kiện cho việc huy động vốn phục vụ tăng trưởng xanh và chuyển dịch năng lượng. Đồng thời, yêu cầu công bố thông tin ESG đối với các doanh nghiệp niêm yết ngày càng được nâng cao, không chỉ nhằm đáp ứng quy định mà còn trở thành yếu tố quan trọng để các nhà đầu tư đánh giá mức độ minh bạch, năng lực quản trị và khả năng thích ứng với các rủi ro phi tài chính.

Bên cạnh đó, tháng 02/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế đã công bố Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam (CG Code 2026) gồm 9 nguyên tắc, bao quát các nội dung cốt lõi của quản trị công ty hiện đại. Một điểm nhấn nổi bật của bộ nguyên tắc này là việc tăng cường tích hợp các yếu tố phát triển bền vững và ESG vào khuôn khổ quản trị. Theo đó, Hội đồng Quản trị được khuyến nghị chủ động xem xét các rủi ro và cơ hội liên quan đến môi trường, xã hội đặc biệt là rủi ro biến đổi khí hậu trong quá trình hoạch định chiến lược và giám sát hoạt động doanh nghiệp. Đây được xem là bước tiến quan trọng, giúp Việt Nam tiệm cận hơn với các thông lệ quốc tế và các chuẩn mực công bố thông tin bền vững đang được áp dụng trên toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, các tổ chức tài chính, bao gồm các công ty chứng khoán, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy dòng vốn hướng tới các hoạt động đầu tư bền vững. Với định hướng phát triển bền vững được kiên trì theo đuổi trong nhiều năm qua, BVSC tiếp tục nỗ lực duy trì tăng trưởng ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ và quản trị doanh nghiệp, đồng thời tích cực đóng góp cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của thị trường tài chính.

- **Tính đầy đủ:** Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng.
- **Tính chính xác:** Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
- **Tính cân đối:** Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có).
- **Tính rõ ràng:** Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
- **Khả năng so sánh:** Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
- **Tính kịp thời:** Báo cáo được lập vào tháng 3/2026 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2025 đến 31/12/2025 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.
- **Khả năng có thể kiểm chứng:** Thông tin trong báo cáo được thu thập và tổng hợp từ các hệ thống dữ liệu nội bộ, đảm bảo có thể truy xuất, đối chiếu và kiểm tra khi cần thiết.

Mục lục GRI

Báo cáo này được lập tham chiếu theo Bộ tiêu chuẩn GRI 2021 (with reference to GRI Standards 2021), bao gồm các nội dung công bố theo các chuẩn: GRI 2: Thông tin chung; GRI 3: Các chủ đề trọng yếu; GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế 2016; GRI 301: Vật liệu; GRI 302: Năng lượng 2016; GRI 303: Nước và nước thải 2018; GRI 305: Phát thải 2016; GRI 401: Việc làm 2016; GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp 2018; GRI 404: Giáo dục và đào tạo 2016; GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016; GRI 413: Cộng đồng địa phương.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG

HỒ SƠ TỔ CHỨC

2-1

Thông tin tổ chức

Tên pháp lý

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Địa chỉ trụ sở chính

Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Quyền sở hữu và hình thức pháp lý

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt có cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Giấy phép hoạt động kinh doanh số: 01/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999.

Các địa điểm hoạt động

BVSC hoạt động chủ yếu tại Việt Nam, với trụ sở chính và các chi nhánh/phòng giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

2-2

Các đơn vị thuộc phạm vi báo cáo

Phạm vi báo cáo bao gồm phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC). BVSC là một pháp nhân độc lập và không có công ty con hoặc đơn vị thành viên. Do đó, các số liệu được trình bày trên cơ sở riêng lẻ và áp dụng thống nhất cho tất cả các công bố liên quan.

2-3

Kỳ báo cáo, tần suất và liên hệ

Chu kỳ báo cáo

Báo cáo Thường niên

Kỳ báo cáo

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 1/1/2025 đến 31/12/2025.

Ngày phát hành báo cáo gần nhất

Phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên ngày 17/04/2025.

Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo

- **Họ và tên: Bùi Thị Mai Hiên**.
- **Chức vụ:** Giám đốc hoạt động, Thư ký Công ty.
- **E-mail:** hienbtm@bvsc.com.vn
- **Điện thoại:** 0243 928 8080 – 600

2-4

Điều chỉnh lại thông tin

Không có sự điều chỉnh hoặc trình bày lại thông tin so với các báo cáo trước.

2-6

Hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động

Dịch vụ tài chính - chứng khoán.

Hoạt động, sản phẩm và dịch vụ

BVSC hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính - chứng khoán, cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, tư vấn doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư, tự doanh và các dịch vụ tài chính liên quan, phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài.

(Mô tả hoạt động của tổ chức xem chi tiết tại Chương I - Giới thiệu chung.)

Chuỗi giá trị hoạt động và các mối quan hệ kinh doanh của BVSC

Chuỗi giá trị của BVSC được hình thành từ sự kết nối giữa nền tảng vận hành, các hoạt động kinh doanh cốt lõi và nhóm khách hàng/đối tác. Trên cơ sở hệ thống công nghệ, dữ liệu thị trường và hạ tầng tài chính, Công ty triển khai các hoạt động như môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, ngân hàng đầu tư và cung cấp các dịch vụ tài chính. Các sản phẩm và dịch vụ của BVSC được cung cấp tới nhà đầu tư cá nhân, tổ chức, các quỹ đầu tư và định chế tài chính trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

BVSC duy trì các mối quan hệ kinh doanh với các tổ chức tài chính, ngân hàng, các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, cũng như các quỹ đầu tư và định chế tài chính trong và ngoài nước. Đồng thời, Công ty tăng cường hợp tác với các hiệp hội nghề nghiệp và các đơn vị thành viên trong hệ sinh thái Bảo Việt nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Trong kỳ báo cáo, không có thay đổi trọng yếu liên quan đến lĩnh vực hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh của Công ty.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

NGƯỜI LAO ĐỘNG

2-7

Thông tin về người lao động

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số lao động làm việc tại Công ty là 709 người, giảm không đáng kể (-1,4%) so với năm 2024. Trong đó, lao động làm việc chính thức toàn thời gian là 294 người, ngoài ra Công ty có sử dụng lao động theo hình thức hợp tác nhằm hỗ trợ hoạt động môi giới giới thiệu khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty.

Số liệu được ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ báo cáo và được tổng hợp từ hệ thống quản lý nhân sự tập trung của Công ty.

	Theo giới tính		
Chỉ tiêu	**Nữ**	**Nam**	**Tổng**
Số lượng người lao động	356	353	709
Số lao động chính thức	158	136	294
Số lao động toàn thời gian	158	136	294
Số lao động bán thời gian	198	217	415

	Theo khu vực		
Chỉ tiêu	**Hà Nội**	**TP. HCM**	**Tổng**
Số lượng người lao động	427	282	709
Số lao động chính thức	171	123	294
Số lao động toàn thời gian	171	123	294
Số lao động bán thời gian	256	159	415

QUẢN TRỊ

2-9

Cơ cấu và thành phần Hội đồng Quản trị

Chi tiết xem tại Chương II - Quản trị Công ty.

2-10 + 2-17

Đề cử và lựa chọn Hội đồng Quản trị

Theo quy định Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty: tất cả các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người đại diện đề cử ứng viên bầu là Thành viên HĐQT, Thành viên BKS. Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT và Thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 28 của Điều lệ công ty.

HĐQT Công ty luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành; có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Các thành viên không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty.

Ban Kiểm soát gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC;

2-11 ↓ 2-14

Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong quản trị và phát triển bền vững; Vai trò của Bộ máy quản trị trong Giám sát và Báo cáo tác động

BVSC duy trì khung quản trị hiệu quả nhằm đảm bảo các nguyên tắc phát triển bền vững được tích hợp xuyên suốt trong hoạt động kinh doanh. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, xác lập tầm nhìn dài hạn và lồng ghép các yếu tố ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) vào chiến lược phát triển. Đồng thời, HĐQT giám sát hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ pháp luật và cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan.

Ban Điều hành giữ vai trò trung tâm trong việc hiện thực hóa các định hướng phát triển bền vững thành các kế hoạch hành động cụ thể. Ban Điều hành chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các mục tiêu bền vững gắn với hoạt động kinh doanh, phân bổ nguồn lực hợp lý, tổ chức thực hiện trên toàn hệ thống và giám sát, đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ số đo lường cụ thể. Đồng thời, Ban Điều hành đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, quản trị rủi ro liên quan đến ESG và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng bền vững. Không chỉ dừng lại ở hoạt động vận hành, Ban Điều hành còn góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp có trách nhiệm và tăng cường gắn kết với các bên liên quan, qua đó đưa phát triển bền vững trở thành một yếu tố cốt lõi và lợi thế cạnh tranh của Công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty được xây dựng theo tham chiếu tiêu chuẩn GRI và được tích hợp trong Báo cáo thường niên. Quá trình lập báo cáo có sự phối hợp của các phòng ban nghiệp vụ liên quan, dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đồng thời được báo cáo và giám sát ở cấp HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Chi tiết các hoạt động của Hội đồng Quản trị xem tại Báo cáo Hội đồng Quản trị - Chương III - Báo cáo tình hình hoạt động 2025.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

2-15

Xung đột lợi ích

Công ty luôn duy trì các tiêu chuẩn cao nhất về liêm chính, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hoạt động kinh doanh. Chính sách quản lý xung đột lợi ích được thiết lập nhằm nhận diện, phòng ngừa và xử lý kịp thời các tình huống trong đó lợi ích cá nhân có thể ảnh hưởng, hoặc bị xem là ảnh hưởng, đến tính khách quan và độc lập trong quá trình ra quyết định của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Điều hành, cán bộ, nhân viên, cổ đông và các bên liên quan của Công ty.

Xung đột lợi ích có thể phát sinh trong nhiều bối cảnh, bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch với bên liên quan, hoạt động đầu tư cá nhân, quan hệ thân nhân trong chuỗi cung ứng, hoặc việc tiếp nhận quà tặng và lợi ích không phù hợp. Công ty yêu cầu tất cả nhân sự, bao gồm Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Thành viên Ban Điều hành, cán bộ, nhân viên và người lao động, phải chủ động kê khai đầy đủ, trung thực và kịp thời các xung đột lợi ích tiềm ẩn hoặc thực tế theo quy trình nội bộ.

Công ty áp dụng các cơ chế kiểm soát nhằm đảm bảo xung đột lợi ích được quản lý hiệu quả, bao gồm: (i) ban hành các quy định nội bộ để kiểm soát xung đột lợi ích và ngăn ngừa giao dịch tư lợi, được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS, Nội quy lao động và các văn bản nội bộ khác của Công ty; (ii) xây dựng quy trình phê duyệt độc lập đối với các giao dịch có liên quan; (iii) áp dụng nguyên tắc loại trừ cá nhân có xung đột lợi ích khỏi quá trình thảo luận và quyết định; và (iv) thiết lập hệ thống giám sát, kiểm toán nội bộ định kỳ.

Thông tin về người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, các giao dịch với bên liên quan, được Công ty công bố theo quy định tại Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty và các công bố thông tin của Công ty.

2-18

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

Chi tiết xem tại Chương III - Báo cáo tình hình hoạt động 2025.

2-19

2-20

Chính sách thù lao

Chi tiết xem tại Mục 6 - Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc - Chương II - Quản trị Công ty.

CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN

2-22

Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững

Chi tiết xem tại Thông điệp của Tổng Giám đốc.

2-23

Cam kết về chính sách

BVSC cam kết tuân thủ pháp luật, các chuẩn mực quản trị và nguyên tắc kinh doanh có trách nhiệm, đảm bảo minh bạch thông tin, quản trị rủi ro và bảo vệ quyền lợi của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan. Công ty đề cao các giá trị liêm chính, minh bạch và trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động.

BVSC tôn trọng các quyền cơ bản của con người, xây dựng môi trường làm việc công bằng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính minh bạch, an toàn cho khách hàng.

Các cam kết và nguyên tắc này được thể hiện trong hệ thống Quy chế nội bộ, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các chính sách liên quan, được phê duyệt, giám sát bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, áp dụng trong toàn bộ hoạt động và các mối quan hệ kinh doanh. Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật các chính sách nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quản trị.

Các chính sách được phổ biến tới người lao động thông qua đào tạo và truyền thông nội bộ, đồng thời được truyền đạt tới khách hàng và đối tác qua các quy định giao dịch và kênh công bố thông tin của Công ty. Chi tiết hệ thống quy chế được công bố tại:

https://www.bvsc.com.vn/danhmuc/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/dieu-le-va-quy-che/

2-24

Triển khai các cam kết chính sách

Các cam kết về kinh doanh có trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững của BVSC được triển khai thông qua:

- Hệ thống quy chế nội bộ và quy trình nghiệp vụ
- Cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro
- Các chương trình đào tạo định kỳ cho người lao động
- Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc gắn với tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp.

Ban Điều hành và các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách này trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN *(tiếp theo)*

2-25 + 2-26

Cơ chế tiếp nhận phản ánh và khiếu nại và khắc phục các tác động tiêu cực

BVSC thiết lập đa dạng kênh tiếp nhận phản ánh, khiếu nại nhằm đảm bảo kịp thời, minh bạch, bảo mật và tuân thủ pháp luật, gồm: hotline, email, website/cổng thông tin, hòm thư góp ý và ứng dụng nội bộ. Việc tiếp nhận do các bộ phận chuyên trách thực hiện: Trung tâm Chăm sóc khách hàng 24/7 (khách hàng, đối tác và các bên liên quan khác), Quan hệ nhà đầu tư (cổ đông, nhà đầu tư) và Nhân sự & Công đoàn (người lao động).

Quy trình xử lý khiếu nại tại BVSC được thực hiện minh bạch theo các bước: tiếp nhận và ghi nhận đầy đủ thông tin, phân loại mức độ; xác minh, điều tra khách quan (có thể có bên thứ ba); phản hồi ban đầu trong 1-2 ngày làm việc; đưa ra kết luận và phương án xử lý phù hợp (xin lỗi, bồi thường, điều chỉnh hoặc xử lý vi phạm); thông báo kết quả chính thức kèm giải thích rõ ràng; cuối cùng lưu trữ, tổng hợp hồ sơ để báo cáo và cải thiện quy trình.

Trong trường hợp khiếu nại tiêu cực được xác định là đúng, Công ty triển khai khắc phục theo quy trình toàn diện: xác định tác động về môi trường, xã hội và kinh tế; áp dụng biện pháp theo từng giai đoạn gồm ngắn hạn (dừng hoạt động gây hại, giảm thiểu ngay), trung hạn (điều chỉnh quy trình, đào tạo lại) và dài hạn (đầu tư công nghệ, nâng cao quản trị). Đồng thời, thực hiện bồi thường, hỗ trợ phục hồi cho các bên bị ảnh hưởng và tăng cường phòng ngừa tái diễn thông qua cập nhật quy chế, kiểm soát chặt chẽ và hệ thống cảnh báo sớm; cơ chế được giám sát, đánh giá và cải tiến định kỳ nhằm bảo đảm minh bạch, hiệu quả.

2-28

Thành viên các hiệp hội

BVSC là hội viên của:

Hiệp hội kinh doanh chứng khoán	Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính	Hiệp hội kinh doanh trái phiếu

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

2-29

Cách tiếp cận với các bên liên quan

Danh sách các nhóm liên quan và mức độ quan tâm

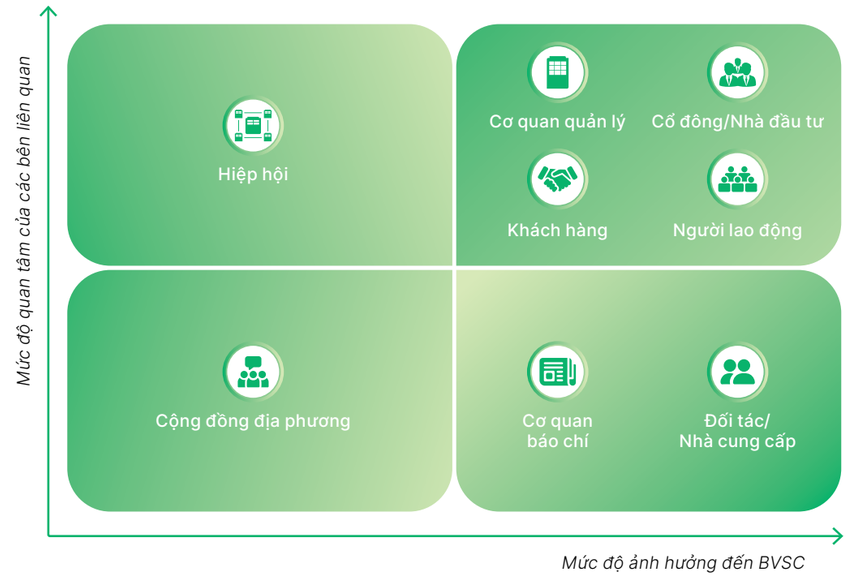

(*) Các bên liên quan trong cùng một ô được xem là có mức độ ảnh hưởng và mức độ quan tâm tương đương; việc sắp xếp không hàm ý thứ tự ưu tiên trong từng nhóm.

Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan

BVSC xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Công ty không chỉ lắng nghe mà còn xây dựng đối thoại hai chiều, qua đó các ý kiến đóng góp được coi trọng, định hình những quyết sách quan trọng, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường. Chính qua những tương tác trọng yếu này, đã giúp BVSC không chỉ có được những sáng kiến tối ưu cho doanh nghiệp mà còn đảm bảo rằng mọi hành động đều hướng đến lợi ích chung, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

2-29

Cách tiếp cận với các bên liên quan *(tiếp theo)*

Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan

CÁC BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TRUYỀN THÔNG / GẶP GỠ	TẦN SUẤT
Cổ đông/Nhà đầu tư	• Đại hội cổ đông. • Bộ phận quan hệ cổ đông (email/hotline). • Bản tin nhà đầu tư. • Gặp gỡ trực tiếp/trực tuyến nhà đầu tư. • Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí. • Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư. • Website, Fanpage, Zalo công ty.	• Thường niên hoặc bất thường (ĐHĐCĐ). • Thường xuyên/khi phát sinh (trả lời thắc mắc, gặp gỡ NĐT). • Hàng quý (bản tin NĐT).
Khách hàng	• Đội ngũ nhân viên môi giới/tư vấn. • Tiếp xúc trực tiếp/trực tuyến từ sàn giao dịch. • Hội nghị tri ân khách hàng. • Trung tâm chăm sóc khách hàng số. • Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư. • Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại, mạng xã hội).	• Hàng ngày/thường xuyên. • Định kỳ hàng năm (hội nghị khách hàng). • Định kỳ hoặc khi phát sinh (webinar, chăm sóc khách hàng).
Cơ quan quản lý	• Thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý. • Thông qua hội nghị, hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức. • Tiếp xúc trực tiếp/trực tuyến. • Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại).	• Định kỳ theo quy định. • Khi phát sinh/theo yêu cầu.
Hiệp hội	• Sinh hoạt thường kỳ. • Thông qua các hội thảo, diễn đàn, sự kiện. • Thông qua các thảo luận, đóng góp ý kiến trong các chương trình sinh hoạt định kỳ.	• Định kỳ. • Khi có chương trình/sự kiện.
Cơ quan báo chí	• Tổ chức họp báo (trực tiếp/trực tuyến). • Các chương trình gặp mặt phóng viên báo chí thường niên. • Tiếp xúc trực tiếp qua phỏng vấn/giao lưu kết nối.	• Định kỳ hàng năm. • Khi phát sinh.
Đối với người lao động	• Đối thoại định kỳ/đối thoại theo yêu cầu tại nơi làm việc và Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm. • Các hội nghị sơ kết/tổng kết. • Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp. • Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận nhân sự. • Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp. • Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ. • Thông qua kênh truyền thông nội bộ Email, Fanpage, Zalo.	• Định kỳ hàng năm (Hội nghị NLĐ). • Định kỳ hoặc theo chương trình (Sự kiện Happy Friday, gặp mặt đầu xuân...). • Thường xuyên/hàng ngày.
Cộng đồng	• Thông qua chính quyền địa phương/cơ quan sở tại. • Các ấn phẩm, sản phẩm mới ra mắt của Công ty. • Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội (Website, Fanpage, Zalo...).	• Khi triển khai hoạt động. • Thường xuyên.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

2-29

Cách tiếp cận với các bên liên quan *(tiếp theo)*

Các vấn đề quan tâm của các bên liên quan và phản hồi của BVSC

BVSC duy trì trao đổi thường xuyên với các bên liên quan nhằm hiểu rõ các mối quan tâm và kỳ vọng của họ. Thông qua các kênh tương tác đa dạng, Công ty tiếp nhận ý kiến phản hồi và triển khai các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường và cộng đồng.

NHÓM/ BÊN QUAN TÂM	CÁC VẤN ĐỀ QUAN TÂM CHÍNH	PHẢN HỒI / HÀNH ĐỘNG CỦA BVSC
Cổ đông/ Nhà đầu tư	Hiệu quả hoạt động kinh doanh; minh bạch thông tin; nâng cao năng lực quản trị; tăng trưởng giá trị doanh nghiệp; chính sách cổ tức ổn định.	Hoàn thành kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua; chủ động công bố thông tin minh bạch và đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông; nâng cao hệ thống quản trị công ty và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR; duy trì chính sách cổ tức ổn định; đa dạng hóa các kênh kết nối với nhà đầu tư.
Cơ quan quản lý	Tuân thủ pháp luật; thực hiện nghĩa vụ thuế; tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Ban hành được đề ra bởi các cơ quan chức năng; đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.	Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và nghĩa vụ thuế; thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn; tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho thị trường; tích cực tham gia hoạt động của các Sở giao dịch.
Các Hiệp hội	Tham gia tích cực vào hoạt động của các hiệp hội nghề nghiệp; thực hiện nghĩa vụ thành viên.	• Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. • Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội.
Khách hàng	• Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. • Địa điểm giao dịch thuận lợi. • Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật. • Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm. • Sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.	• Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. • Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt. • Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch. • Đầu tư xây dựng nâng cấp toàn diện nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise và cho ra mắt App BVSC Invest thay thế ứng dụng cũ với nhiều tiện ích đi kèm, dịch vụ non-prefunding. • Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân xuyên suốt năm và hướng tới kỷ niệm 26 năm thành lập Công ty, các chương trình CSKH trong hệ sinh thái Bảo Việt trong sự kiện kỷ niệm 60 năm thành lập Tập đoàn, nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng. • Thực hiện các chuỗi series Giải mã thị trường, webinar Giải mã xu hướng. • Tăng cường CSKH trên nền tảng số thông qua vai trò của trung tâm CSKH. • Đầu tư nhiều nguồn lực đảm bảo an ninh thông tin, đảm bảo an toàn cho hệ thống và thông tin khách hàng.
Cơ quan báo chí	• Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi. • Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường.	Chủ động cung cấp thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ; cập nhật thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện và hoạt động của Công ty; cung cấp các phân tích, đánh giá thị trường; cử chuyên gia tham gia phỏng vấn và trao đổi với báo chí.

GRI 2.

THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

2-29

Cách tiếp cận với các bên liên quan *(tiếp theo)*

Các vấn đề quan tâm của các bên liên quan và phản hồi của BVSC *(tiếp theo)*

NHÓM/ BÊN QUAN TÂM	CÁC VẤN ĐỀ QUAN TÂM CHÍNH	PHẢN HỒI / HÀNH ĐỘNG CỦA BVSC
Người lao động	• Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự. • Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. • Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân. • Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. • Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh. • Môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp.	• Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. • Triển khai chương trình tuyển dụng, đào tạo bài bản các học viên nhằm tạo nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự. • Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người lao động. • Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. • Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. • Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. • Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để Công đoàn, Đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở. • Các chính sách liên quan đến người lao động hướng tới mục tiêu công bằng trong nội bộ và có tính cạnh tranh với bên ngoài. • Xây dựng môi trường làm việc chuẩn 5S.
Cộng đồng xã hội	• Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo. • Đầu tư cho giáo dục, thế hệ tương lai. • Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả. • Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. • Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn cần được động viên và chia sẻ.	• Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo. • Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa. • Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. • Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường. • Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước.
Đối tác, nhà cung cấp	Quy trình lựa chọn minh bạch; hợp đồng tuân thủ pháp luật; thanh toán đúng tiến độ; hợp tác ổn định và lâu dài.	BVSC xây dựng quy trình đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp minh bạch; các hợp đồng được rà soát pháp lý trước khi ký kết và kiểm soát trong quá trình thực hiện.

2-30

Thỏa ước thương lượng tập thể

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể: **100%**.

GRI 3.

CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

3-1 QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

BVSC xác định các chủ đề trọng yếu về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) thông qua quy trình đánh giá toàn diện, nhằm đảm bảo các nội dung công bố phản ánh đầy đủ tác động của Công ty và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan. Quy trình xác định chủ đề trọng yếu được thực hiện qua các bước chính sau:

1

Bước 1: Xác định các chủ đề liên quan đến phát triển bền vững

BVSC tiến hành rà soát và xác định danh sách các chủ đề phát triển bền vững trên cơ sở các xu hướng ESG trong nước và quốc tế, quy định pháp lý hiện hành và đặc thù hoạt động của ngành chứng khoán. Đồng thời, Công ty tham chiếu các khuôn khổ, chuẩn mực báo cáo và thông lệ quốc tế (như GRI, SDGs) nhằm đảm bảo các chủ đề được xác định phù hợp với yêu cầu công bố và thông lệ thị trường.

2

Bước 2: Đánh giá tác động và mức độ quan tâm của các bên liên quan

Trên cơ sở danh sách các chủ đề đã xác định, BVSC thực hiện đánh giá mức độ tác động của từng chủ đề đối với hoạt động của Công ty, đồng thời xem xét mức độ quan tâm của các bên liên quan (bao gồm cả bên ngoài và nội bộ)

3

Bước 3: Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được quan tâm

Dựa trên kết quả đánh giá, BVSC tổng hợp và lựa chọn các chủ đề có mức độ ưu tiên cao để xác định là các chủ đề trọng yếu. Danh sách các chủ đề này được trình Ban lãnh đạo xem xét, phê duyệt và làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung Báo cáo phát triển bền vững.

BVSC thực hiện rà soát và cập nhật các chủ đề trọng yếu định kỳ hằng năm, nhằm đảm bảo phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh và kỳ vọng của các bên liên quan.

3-2 DANH SÁCH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Dựa trên kết quả đánh giá tại mục 3-1, BVSC xác định các chủ đề trọng yếu phản ánh những tác động kinh tế, môi trường và xã hội quan trọng phát sinh từ hoạt động của Công ty, đồng thời có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định của các bên liên quan.

Các chủ đề trọng yếu được tổng hợp và trình bày trong bảng dưới đây:

Chủ đề trọng yếu	Tác động chính	Phạm vi tác động (Nội bộ/bên ngoài)	Nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GRI 201 Hiệu quả kinh tế	Tạo ra giá trị kinh tế cho cổ đông, người lao động và Nhà nước thông qua hoạt động kinh doanh	Nội bộ và bên ngoài	Cổ đông, người lao động, cơ quan quản lý Nhà nước
NĂNG LƯỢNG GRI 302 Năng lượng	Tiêu thụ điện năng trong vận hành → gián tiếp phát thải khí nhà kính	Nội bộ và bên ngoài	Người lao động, môi trường
NƯỚC GRI 303 Nước	Sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động văn phòng	Nội bộ và bên ngoài	Môi trường, cộng đồng
VẬT LIỆU GRI 301 Vật liệu	Sử dụng giấy và vật tư văn phòng → tiêu thụ tài nguyên	Nội bộ và bên ngoài	Môi trường

GRI 3. CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

3-2 DANH SÁCH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

Chủ đề trọng yếu	Tác động chính	Phạm vi tác động (Nội bộ/bên ngoài)	Nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng
PHÁT THẢI GRI 305 Phát thải	Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ tiêu thụ điện và nhiên liệu	Nội bộ và bên ngoài	Môi trường, xã hội
VIỆC LÀM GRI 401 Việc làm	Tạo việc làm ổn định, thu nhập và phúc lợi cho người lao động	Nội bộ	Người lao động
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, giảm thiểu rủi ro tai nạn nghề nghiệp	Nội bộ	Người lao động
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404 Giáo dục và đào tạo	Nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn và cơ hội phát triển cho người lao động	Nội bộ	Người lao động
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405 Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng	Thúc đẩy môi trường làm việc đa dạng, công bằng và không phân biệt đối xử	Nội bộ	Người lao động
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413 Cộng đồng địa phương	Đóng góp tích cực thông qua các hoạt động an sinh xã hội; không phát sinh tác động tiêu cực đáng kể	Bên ngoài	Môi trường, Cộng đồng, xã hội

KINH TẾ

KINH TẾ GRI 200

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GRI 201

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

BVSC xác định hiệu quả hoạt động kinh tế thông qua các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và tăng trưởng tài sản, qua đó tạo ra giá trị kinh tế cho cổ đông, khách hàng, người lao động và Nhà nước. Hoạt động kinh doanh ổn định góp phần bảo đảm quyền lợi tài chính cho cổ đông/nhà đầu tư khách hàng, nâng cao thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách nhà nước.

Các tác động tiêu cực tiềm ẩn bao gồm rủi ro từ biến động thị trường tài chính, gián đoạn hệ thống công nghệ thông tin và rủi ro vận hành có thể ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh. Các tác động này phát sinh trong hoạt động môi giới, đầu tư, cung cấp dịch vụ tài chính và trong mối quan hệ với khách hàng, đối tác công nghệ.

3-3 c

Chính sách và cam kết

BVSC ban hành và áp dụng các chính sách về quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, an toàn thông tin và tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán. Công ty cam kết duy trì nền tảng tài chính bền vững, bảo vệ quyền lợi khách hàng và bảo đảm tính liên tục của hoạt động kinh doanh.

3-3 d

Các hoạt động quản lý tác động

BVSC quản trị hiệu quả kinh tế dựa trên hệ thống chỉ tiêu tài chính và phi tài chính. Các chỉ tiêu tài chính gồm Tổng tài sản, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng... Và các chỉ tiêu phi tài chính gồm thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...

Trong năm 2025, Công ty bố trí đầy đủ nguồn lực tài chính, nhân sự và công nghệ nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh. Đặc biệt, BVSC đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động marketing và phát triển khách hàng thông qua các chuỗi video, livestream và hội thảo trực tuyến, qua đó nâng cao hiệu quả tiếp cận và chuyển đổi khách hàng. Việc chuyển dịch sang kênh số giúp Công ty mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt ở phân khúc nhà đầu tư trẻ, đồng thời tối ưu chi phí tiếp cận và nâng cao hiệu quả khai thác khách hàng.

Song song, BVSC triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các hoạt động nội bộ như báo cáo, truyền thông và hỗ trợ nghiệp vụ, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm tải cho nhân sự và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Công ty đã hoàn tất kết nối và vận hành hệ thống KRX, đi cùng với việc nâng cấp hạ tầng công nghệ, hoàn thiện hệ thống dự phòng (DR) và kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục (BCP), qua đó hạn chế rủi ro gián đoạn, đảm bảo các hoạt động giao dịch và cung cấp dịch vụ được duy trì ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. BVSC tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và an toàn hệ thống để phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn, bảo đảm tính liên tục của hoạt động kinh doanh.

(Chi tiết vui lòng xem tại Chương III. Mục 2 & 3 – Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động quản lý

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế. Công ty thực hiện quản lý thông qua các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt hàng năm. Năm 2025, BVSC đặt kế hoạch doanh thu 1.025 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 180 tỷ đồng.

Hiệu quả của các hành động được giám sát thông qua hệ thống báo cáo quản trị, báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cơ chế kiểm soát của các bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ. Các chỉ tiêu trọng yếu bao gồm doanh thu, lợi nhuận sau thuế, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng cung cấp dịch vụ trên nền tảng số và mức độ hài lòng của khách hàng.

3-3 f

Tham vấn các bên liên quan

BVSC tiếp nhận ý kiến của cổ đông, khách hàng, cơ quan quản lý và người lao động thông qua báo cáo định kỳ, các cuộc họp, kênh chăm sóc khách hàng và khảo sát nội bộ. Các phản hồi này được sử dụng để điều chỉnh sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và đánh giá hiệu quả các biện pháp quản lý đã triển khai.

KINH TẾ *(tiếp theo)*

KINH TẾ GRI 200

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GRI 201

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ *(tiếp theo)*

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

201-1

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra
1.032.294.888.258 VNĐ

Chi phí hoạt động vận hành
288.984.282.874 VNĐ

Lương và phúc lợi của nhân viên
361.558.366.382 VNĐ

Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn và cổ đông
227.474.177.265 VNĐ

Đầu tư cho cộng đồng
1.069.086.150 VNĐ

Tổng số phải nộp cho chính phủ (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân của người lao động và nhà đầu tư, thuế nhà thầu)
36.846.529.976 VNĐ

Giá trị kinh tế chưa phân phối: "Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra" trừ đi "Giá trị kinh tế được phân bổ"
116.362.444.611 VNĐ

Năm 2025, giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra của BVSC ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, tạo cơ sở để gia tăng lợi ích chia sẻ tới các Bên liên quan. Trong đó, Công ty đặc biệt chú trọng đảm bảo thu nhập và phúc lợi cho người lao động, duy trì quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác cung cấp dịch vụ, đồng thời tiếp tục thực hiện các cam kết đóng góp cho cộng đồng. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính, BVSC kiên định mục tiêu bảo đảm quyền lợi cho cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt ổn định và đúng quy định.

Giải thích, bao gồm phân tích các khoản phải nộp cho chính phủ theo quốc gia (nếu có)

BVSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước. Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế giá trị gia tăng, trong năm 2025, BVSC cũng thực hiện khấu trừ và nộp thay thuế thu nhập cá nhân của người lao động, nhà đầu tư và thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định pháp luật, nâng tổng giá trị các khoản nộp ngân sách Nhà nước lên hơn 240 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2024.

201-3

Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Giá trị ước tính: 29.449.051.001 VNĐ.

Có quỹ riêng để chi trả cho các nghĩa vụ trợ cấp theo chế độ hưu trí không? Không. Tuy nhiên, Công ty luôn tuân thủ việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đó quyền lợi hưu trí của người lao động tại BVSC được đảm bảo thực hiện theo luật pháp của Việt Nam. Bên cạnh đó, kể từ năm 2025, Công ty đã triển khai chương trình Quỹ hưu trí tự nguyện do Công ty quản lý quỹ Dragon Capital cung cấp. Đây là giải pháp tài chính được thiết kế như một công cụ tích lũy tài sản dài hạn và đều đặn, nhằm mục đích nâng cao thu nhập hưu trí của người tham gia.

Tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động và Công ty: Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động với tỷ lệ đóng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Người lao động đóng: 10,5%
- Người sử dụng lao động đóng: 21,5%

Việc triển khai và duy trì các chế độ phúc lợi ưu việt trong những năm qua đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo Công ty dành cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn xảy ra cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.

MÔI TRƯỜNG

MÔI TRƯỜNG

GRI 300

NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – VẬT LIỆU – PHÁT THẢI

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

BVSC hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, do đó các tác động môi trường chủ yếu phát sinh gián tiếp từ hoạt động vận hành. Các tác động chính bao gồm tiêu thụ điện năng, sử dụng nước và vật liệu văn phòng, từ đó gián tiếp góp phần phát sinh phát thải khí nhà kính và tiêu hao tài nguyên tự nhiên.

Các tác động tiêu cực tiềm ẩn bao gồm việc sử dụng năng lượng và tài nguyên chưa tối ưu, phát sinh lãng phí trong hoạt động vận hành hoặc gia tăng phát thải gián tiếp từ tiêu thụ điện và nhiên liệu. Các tác động này chủ yếu xảy ra trong phạm vi nội bộ Công ty và có thể ảnh hưởng đến môi trường và hiệu quả sử dụng tài nguyên.

3-3 c

Chính sách và cam kết

BVSC cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên trong hoạt động vận hành, qua đó giảm thiểu tác động đến môi trường.

3-3 d

Các hoạt động quản lý tác động

BVSC triển khai các biện pháp kiểm soát và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên trong hoạt động nội bộ, bao gồm điện năng, nước, vật liệu và phát thải liên quan, trên cơ sở theo dõi định kỳ thông qua hệ thống hóa đơn và báo cáo nội bộ. Song song, Công ty thúc đẩy các chương trình nâng cao nhận thức như phong trào "Văn hóa 5S – Sàng lọc (Seiri), Sắp xếp (Seiton), Sạch sẽ (Seiso), Săn sóc (Seiketsu) và Sẵn sàng (Shitsuke)" và "BVSC – Chung tay tiết kiệm", góp phần hình thành thói quen sử dụng tài nguyên hiệu quả trong toàn hệ thống.

Đối với điện năng:

- BVSC thực hiện kiểm soát tiêu thụ điện định kỳ, kết hợp triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Công ty tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm điện của người lao động; duy trì thực hiện tắt các thiết bị điện không cần thiết khi không sử dụng.
- Các thiết bị điện, bao gồm hệ thống điều hòa và chiếu sáng, được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và từng bước thay thế, nâng cấp theo hướng tiết kiệm năng lượng. Hệ thống chiếu sáng được bố trí hợp lý, tận dụng ánh sáng tự nhiên và kiểm soát tại các khu vực không sử dụng; các thiết bị chiếu sáng ngoài trời được vận hành theo chế độ tự động.
- Hệ thống điều hòa được cài đặt và duy trì theo tiêu chuẩn vận hành phù hợp (khoảng 24–26°C vào mùa hè và 20°C vào mùa đông), đồng thời áp dụng cơ chế tự động tắt ngoài giờ làm việc. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng quản lý và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin theo hướng tối ưu hóa sử dụng điện năng, phù hợp với nhu cầu hoạt động và quy mô vận hành. Công ty cũng khuyến khích các sáng kiến nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng điện.
- Các biện pháp này góp phần giảm tiêu thụ năng lượng, hạn chế lãng phí và gián tiếp giảm phát thải.

Đối với nước:

- BVSC thực hiện theo dõi và kiểm soát lượng nước tiêu thụ trong hoạt động hàng ngày, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm sử dụng nước hiệu quả và hạn chế thất thoát. Công ty tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về tiết kiệm nước và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này.
- Các hoạt động kiểm tra, rà soát định kỳ được thực hiện nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các điểm rò rỉ, thất thoát nước. BVSC khuyến khích sử dụng các bình nước dùng chung tại văn phòng, kết hợp sử dụng cốc cá nhân nhằm giảm thiểu chai nhựa dùng một lần. Ngoài ra, Công ty áp dụng các biện pháp tái sử dụng nước sạch cho các mục đích phù hợp như tưới cây, góp phần giảm tiêu thụ nước và hạn chế tác động đến môi trường.

Đối với vật liệu (giấy và vật tư văn phòng):

- BVSC đẩy mạnh triển khai các giải pháp số hóa nhằm giảm thiểu sử dụng giấy trong hoạt động vận hành. Công ty sử dụng các phần mềm quản lý văn bản và lưu trữ điện tử, đồng thời ứng dụng mã QR trong phân phối tài liệu tại các cuộc họp nhằm hạn chế in ấn và nâng cao hiệu quả tra cứu thông tin.
- Bên cạnh đó, BVSC tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức về sử dụng giấy tiết kiệm, khuyến khích in ấn hợp lý và tái sử dụng giấy một mặt cho các mục đích phù hợp. Các biện pháp này giúp giảm tiêu thụ tài nguyên, tối ưu chi phí và góp phần bảo vệ môi trường.

Đối với phát thải:

- BVSC nhận diện phát thải khí nhà kính chủ yếu phát sinh từ tiêu thụ điện năng trong hoạt động vận hành, cùng với một phần phát thải trực tiếp từ nhiên liệu sử dụng cho phương tiện vận chuyển.
- Công ty quản lý phát thải thông qua việc kiểm soát tiêu thụ năng lượng và nhiên liệu, đồng thời lồng ghép mục tiêu giảm phát thải vào các biện pháp tối ưu hóa vận hành và chuyển đổi số đã triển khai. Các hoạt động như nâng cao hiệu quả sử dụng điện, sử dụng các phương tiện đáp ứng tiêu chuẩn khí thải và thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất vận hành và tiết kiệm nhiên liệu. Công ty đồng thời rà soát, đánh giá chất lượng phương tiện để kịp thời thay thế khi cần thiết. Bên cạnh đó, BVSC khuyến khích sử dụng phương tiện công cộng và tăng cường họp trực tuyến nhằm giảm nhu cầu di chuyển.
- Thông qua các biện pháp này, BVSC hướng tới kiểm soát và giảm thiểu phát thải phù hợp với đặc thù doanh nghiệp dịch vụ tài chính.

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả

Bộ phận hành chính/kế hoạch là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng trong Công ty dưới sự giám sát của Ban Tổng Giám đốc. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ hàng năm và khi có biến động lớn, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát.

Hiệu quả được đánh giá thông qua các chỉ tiêu như mức tiêu thụ điện năng, nước, khối lượng vật liệu sử dụng và xu hướng thay đổi qua các kỳ báo cáo, cũng như mức độ số hóa trong hoạt động vận hành. Kết quả theo dõi được sử dụng để điều chỉnh các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

3-3 f

Tham vấn các bên liên quan

BVSC tiếp nhận ý kiến từ người lao động thông qua các chương trình nội bộ và các kênh phản hồi liên quan đến việc sử dụng tài nguyên và môi trường làm việc. Các ý kiến này được xem xét nhằm cải thiện các biện pháp quản lý và nâng cao hiệu quả triển khai trong toàn Công ty.

MÔI TRƯỜNG *(tiếp theo)*

MÔI TRƯỜNG GRI 300

NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – VẬT LIỆU – PHÁT THẢI *(tiếp theo)*

NĂNG LƯỢNG GRI 302

NĂNG LƯỢNG

302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Điện năng:

Công tác quản lý năng lượng tại BVSC năm 2025 ghi nhận kết quả tích cực với tổng điện năng tiêu thụ đạt **499.208 kWh**, giảm nhẹ và duy trì sự ổn định so với năm 2024 (503.144 kWh). Kết quả này là minh chứng cho hiệu quả của các giải pháp tiết kiệm điện, đồng thời khẳng định ý thức trách nhiệm của tập thể cán bộ nhân viên trong việc tối ưu hóa nguồn lực và bảo vệ môi trường.

NƯỚC GRI 303

NƯỚC

303-5 Mức tiêu thụ nước

Nước:

Mặc dù công ty không trực tiếp chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong công ty.

Bộ phận hành chính thực hiện quy trình phối hợp với ban quản lý tòa nhà kiểm tra việc sử dụng nước thường xuyên để đảm bảo nước không bị rò rỉ, thông báo đến kỹ thuật tòa nhà sửa chữa kịp thời đường ống và van nước. Đặc biệt, dán thông báo, truyền thông sử dụng tiết kiệm nước tại khu vực sử dụng nước chung.

VẬT LIỆU GRI 301

VẬT LIỆU

301-1 Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc thể tích

Giấy:

Các biện pháp tuyên truyền và đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành đã mang lại hiệu quả thiết thực. Năm 2025, tổng lượng giấy tiêu thụ là 1.404 ream duy trì mức ổn định so với năm 2024 trong khi số lao động tăng thêm. Các CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch tích cực áp dụng mô hình trao đổi công việc bằng hình thức họp và trình chiếu trực tuyến giúp hạn chế tối đa lượng giấy và mực in; sử dụng chữ ký số và hợp đồng điện tử; các phần mềm để lưu trữ văn bản nhằm hạn chế tối đa việc in ấn và tối ưu hóa không gian lưu trữ. Bên cạnh đó, BVSC tiếp tục duy trì văn hóa tiết kiệm thông qua việc tái sử dụng giấy một mặt cho các tài liệu nội bộ góp phần hình thành thói quen tiêu dùng bền vững trong doanh nghiệp.

PHÁT THẢI GRI 305

PHÁT THẢI

Phương pháp quản lý phát thải khí nhà kính

BVSC thực hiện quản lý phát thải khí nhà kính nhằm kiểm soát tác động môi trường phát sinh từ các hoạt động vận hành văn phòng. Việc tính toán phát thải được thực hiện dựa trên hướng dẫn của GHG Protocol Corporate Standard - công cụ kiểm đếm được sử dụng rộng rãi trên thế giới để định lượng, nắm bắt và quản lý phát thải Khí nhà kính do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp thế giới về phát triển bền vững (WBCSD).

Phạm vi tính toán bao gồm:

- **Scope 1:** Phát thải trực tiếp từ việc sử dụng nhiên liệu cho phương tiện vận chuyển của Công ty.
- **Scope 2:** Phát thải gián tiếp từ tiêu thụ điện năng tại trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch.
- **Scope 3** (ước tính): Một số nguồn phát thải gián tiếp khác như tiêu thụ giấy và các hoạt động vận hành liên quan.

Nguồn dữ liệu được tổng hợp từ hệ thống quản lý nội bộ về tiêu thụ điện, nhiên liệu và vật tư văn phòng.

305-1

Phát thải khí nhà kính trực tiếp (Scope 1)

Phát thải trực tiếp của BVSC phát sinh chủ yếu từ việc sử dụng nhiên liệu cho phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động công việc.

Trong năm 2025, tổng lượng xăng tiêu thụ đạt 12.156,8 lít, tương ứng lượng phát thải khoảng 28,1 tấn CO_2.

305-2

Phát thải khí nhà kính gián tiếp từ năng lượng (Scope 2)

Phát thải gián tiếp chủ yếu phát sinh từ tiêu thụ điện năng phục vụ hoạt động vận hành văn phòng.

Năm 2025, tổng điện năng tiêu thụ của BVSC là **499.208 kWh**, tương ứng lượng phát thải khoảng **421,8 tấn CO_2**. Phát thải từ điện năng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng phát thải, phản ánh đặc thù hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ tài chính chủ yếu dựa trên vận hành văn phòng.

305-3

Phát thải khí nhà kính gián tiếp khác (Scope 3)

Các nguồn phát thải gián tiếp khác của BVSC chủ yếu liên quan đến tiêu thụ vật tư văn phòng

Trong năm 2025, lượng giấy sử dụng đạt 1.404 ream giấy, tương ứng lượng phát thải ước tính khoảng **4,6 tấn CO_2**.

Tổng phát thải khí nhà kính của BVSC trong năm 2025 ước đạt khoảng **451,7 tấn CO_2, giảm nhẹ so với năm 2024 (464 tấn CO_2)**. Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, tối ưu hóa vận hành văn phòng và nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên nhằm từng bước giảm phát thải trong các năm tới.

Mặc dù không kinh doanh trong lĩnh vực trực tiếp tác động tới môi trường, tuy nhiên, BVSC hiểu rằng trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi công dân đều phải chung tay gìn giữ và bảo vệ môi trường như một sự chuyển giao các giá trị bền vững cho thế hệ tương lai. Trong phạm vi hoạt động của mình, BVSC nỗ lực lồng ghép các chương trình hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng như một cách tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên điều quan trọng hơn là thông qua đó nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho đất nước.

XÃ HỘI

XÃ HỘI GRI 400

VIỆC LÀM GRI 401

VIỆC LÀM

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

Chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên giá trị sản phẩm và dịch vụ của Công ty, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phát triển bền vững của Công ty. Việc tăng trưởng và phát triển trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ giúp tăng quy mô việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

Tuy nhiên, hiện nay, nguồn nhân lực của Công ty chịu sự cạnh tranh đáng kể từ các công ty chứng khoán khác trong ngành, đặc biệt đối với đội ngũ môi giới – lực lượng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhân sự của Công ty và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, xu hướng phát triển nhanh chóng của công nghệ & trí tuệ nhân tạo (AI), được dự báo sẽ tác động ngày càng rõ nét hơn đến nhiều vị trí việc làm trong tương lai. Trong dài hạn, xu hướng này có thể làm thay đổi cơ cấu việc làm và tạo áp lực trong việc thực thi các chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho mục tiêu phát triển bền vững.

3-3 c

Chính sách và cam kết

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh, Công ty xây dựng và triển khai hệ thống chính sách nhân sự bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo, và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động nhằm quản lý hiệu quả các tác động liên quan đến chủ đề việc làm, đồng thời cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật lao động hiện hành và phù hợp với thông lệ quản trị tốt trên thị trường.

Trong công tác tuyển dụng, hàng năm công ty xây dựng kế hoạch định biên cụ thể, thiết kế mô tả công việc & xây dựng tiêu chí tuyển dụng dựa trên đánh giá khung năng lực theo mô hình ASK. Việc tuyển chọn được công bố công khai minh bạch, việc đánh giá ứng viên được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau bao gồm bài thi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, phỏng vấn trực tiếp, ứng viên thuyết trình... qua đó đảm bảo việc lựa chọn ứng viên thực sự phù hợp.

Về chính sách đãi ngộ, Công ty áp dụng hệ thống lương thưởng theo phương pháp 3P (Position – Vị trí; Person – Con người; Performance – Hiệu quả công việc), nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch và cạnh tranh trên thị trường lao động. Thu nhập của người lao động được xác định dựa trên giá trị công việc, năng lực cá nhân và kết quả thực hiện công việc. Chính sách thưởng được thiết kế phù hợp với từng nhóm vị trí, trong đó các bộ phận kinh doanh được đánh giá dựa trên các chỉ tiêu KPIs, trong khi các bộ phận hỗ trợ và quản lý được đánh giá theo mục tiêu công việc kết hợp với khảo sát mức độ hài lòng về dịch vụ nội bộ từ khối kinh doanh.

Đối với chính sách phúc lợi, Công ty xây dựng các chương trình phúc lợi hướng tới việc nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đồng thời đảm bảo tính bền vững và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Các chế độ phúc lợi được thiết kế theo từng nhóm đối tượng và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng nhằm tạo ra hệ thống đãi ngộ tổng thể, góp phần thu hút, khuyến khích và giữ chân người lao động. Các chính sách phúc lợi được triển khai dưới nhiều hình thức, bao gồm như chi phúc lợi bằng tiền, chế độ bảo hiểm theo quy định và các chương trình bảo hiểm bổ sung, chăm sóc sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, nghỉ sinh nhật có hưởng lương, và các chế độ phúc lợi khác...

3-3 d

Các hoạt động quản lý tác động

Để triển khai các chính sách và cam kết liên quan đến chủ đề việc làm, Công ty tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác nhân sự một cách có hệ thống, bám sát nhu cầu thực tế của Công ty.

Năm 2025, BVSC ghi nhận tỷ lệ tuyển dụng mới ở mức 11%, trong đó tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ môi giới với tỷ trọng chiếm 89%, phù hợp với định hướng đẩy mạnh hoạt động môi giới của Công ty và phù hợp với mục tiêu đề ra. Cơ cấu nhân sự tuyển mới tiếp tục được duy trì theo hướng cân bằng về giới tính và phân bổ giữa các khu vực hoạt động của Công ty.

Về độ tuổi, công tác tuyển dụng vẫn tập trung chủ yếu vào nhóm lao động trẻ, qua đó góp phần bổ sung nguồn nhân lực kế cận, tăng cường tính năng động và khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Bên cạnh chương trình tuyển dụng & đào tạo thường niên Next Gen 2025, Công ty vẫn duy trì tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm trên thị trường nhằm đảm bảo sự ổn định và tính kế thừa trong hoạt động chuyên môn.

Tỷ lệ tuyển dụng mới ở mức

11%

trong đó chủ yếu tuyển dụng môi giới với tỷ trọng chiếm 89%

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | VIỆC LÀM GRI 401

VIỆC LÀM *(tiếp theo)*

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động quản lý

Công ty thực hiện theo dõi và đánh giá hiệu quả việc triển khai các chính sách nhân sự thông qua các chỉ số chính bao gồm: tỷ lệ nhân sự tuyển mới, tỷ lệ nhân sự nghỉ việc, tỷ lệ cán bộ quay trở lại làm việc sau thời gian nghỉ thai sản, tỷ lệ cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành...

Trong năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Đồng thời, bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

3-3 f

Sự tham gia của các bên liên quan

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự.
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động.

VIỆC LÀM GRI 401

VIỆC LÀM

401 - 1

Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân sự tuyển mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

Tổng số nhân sự tuyển dụng mới trong năm: 75 người

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo giới tính

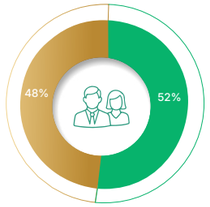

Nam · Nữ

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo khu vực

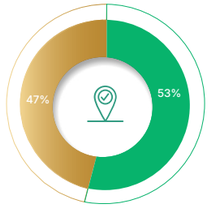

Hà Nội · Hồ Chí Minh

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo nhóm tuổi

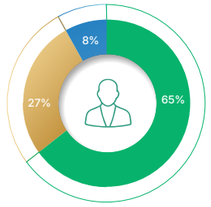

<30 · 30 - 50 · >50

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

Tổng số nhân sự nghỉ việc trong năm: 97 người

Cơ cấu nhân sự nghỉ việc theo giới tính

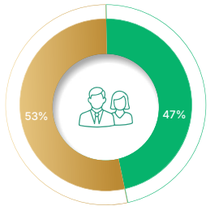

Nam · Nữ

Cơ cấu nhân sự nghỉ việc theo khu vực

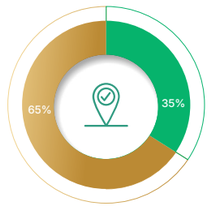

Hà Nội · Hồ Chí Minh

Cơ cấu nhân sự nghỉ việc theo nhóm tuổi

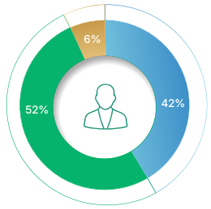

<30 · 30 - 50 · >50

Năm 2025, tỷ lệ nghỉ việc của BVSC là 13,7%, chủ yếu tập trung ở đội ngũ môi giới. Thông qua quá trình rà soát đánh giá định kỳ mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ môi giới dựa trên bộ chỉ tiêu KPIs giao, Công ty chủ động tái cơ cấu nhân sự nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400

VIỆC LÀM GRI 401

VIỆC LÀM *(tiếp theo)*

VIỆC LÀM *(tiếp theo)*

401 - 2

Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	Có	Có
Chăm sóc sức khỏe	Có	Có
Bảo hiểm các bệnh ung thư	Có	Có
Nghỉ thai sản	Có	Có
Trợ cấp hưu trí	Có	Có
Quyền sở hữu cổ phiếu	Không	Không
Các phúc lợi khác	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền cho NLĐ	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền cho NLĐ

401 - 3

Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	136	158
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	3	11
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	3	9
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc và còn tiếp tục làm việc cuối kỳ báo cáo	3	8
(*): Giảm 01 trường hợp do cán bộ thay đổi định hướng công việc và xin chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng cá nhân.		
Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên sau khi kết thúc nghỉ thai sản	100%	100%
Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản	100%	89%

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp là một trong những nội dung quan trọng nhằm đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả công việc, cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động và gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty. Việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và thân thiện cũng góp phần nâng cao hình ảnh và thương hiệu nhà tuyển dụng của Công ty trên thị trường lao động.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, các rủi ro về tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp nghiêm trọng tại Công ty là gần như không có phát sinh. Tuy nhiên, người lao động vẫn có thể chịu các tác động tiềm ẩn đến sức khỏe và tinh thần như căng thẳng công việc, áp lực tâm lý, các bệnh thường gặp của nhân viên văn phòng như đau lưng, cổ, mắt... Vì vậy, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động.

3-3 c

Chính sách và cam kết

Công ty có trách nhiệm trong việc đảm bảo điều kiện môi trường làm việc an toàn; phòng ngừa, giảm thiểu các tác động liên quan đến sức khỏe và an toàn của người lao động thông qua xây dựng và triển khai các chính sách liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc giúp người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bao gồm:

- *Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:* Công ty xây dựng hệ thống thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể, làm cơ sở để thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.
- *Chính sách bảo hiểm bổ sung khác:* Bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ các chính sách bảo hiểm bắt buộc, Công ty còn triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung khác thực hiện gia tăng quyền lợi cho người lao động. Công ty đã triển khai chương trình bảo hiểm sức khỏe cho người lao động trong hơn 16 năm qua, triển khai mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động để bổ sung quyền lợi bảo vệ sinh mạng và được hưởng giá trị tích lũy để an tâm tài chính khi nghỉ hưu. Một chương trình bảo hiểm bổ sung khác nữa được Công ty triển khai mua cho người lao động là chương trình bảo hiểm các bệnh ung thư K – care. Các chương trình bảo hiểm này được Công ty duy trì triển khai hàng năm đã tạo nên gói phúc lợi về sức khỏe toàn diện cho người lao động giúp người lao động an tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP *(tiếp theo)*

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

3-3 c

Chính sách và cam kết *(tiếp theo)*

- *Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:* Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện và phòng khám quốc tế uy tín, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật. Ngoài các danh mục khám tiêu chuẩn, Công ty còn bổ sung thêm các hạng mục nâng cao tầm soát ung thư, giúp người lao động theo dõi tình trạng sức khỏe và có phương án điều trị kịp thời trong trường hợp không may mắc phải bệnh.
- *Cơ sở vật chất và điều kiện làm việc:* Công ty cung cấp môi trường làm việc hiện đại theo tiêu chuẩn văn phòng hạng A với cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị tiên tiến, không gian làm việc khoa học. Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.
- *Hoạt động gắn kết nhân viên:* Nhận thức tầm quan trọng của việc gắn kết nhân viên như một phần quan trọng của chăm sóc sức khỏe tinh thần cho NLĐ, Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn và Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động gắn kết đội ngũ nhân sự như sự kiện Happy Friday hàng quý, các giải thi đấu thể thao, hoạt động thể chất bên ngoài... giúp tạo dựng môi trường làm việc thân thiện và đoàn kết.
- *Phong trào thể thao, văn nghệ:* Nhằm nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe của người lao động, Công ty đã thành lập các câu lạc bộ thể thao, văn nghệ như CLB Chạy bộ, Yoga, Bóng đá, Pickleball... không chỉ giúp nhân viên rèn luyện thể chất mà còn tạo điều kiện giao lưu, kết nối giữa các phòng ban trong Công ty.

Công ty cam kết đảm bảo người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, được chăm sóc bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

3-3 d

Các hoạt động quản lý tác động

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp như sau:

- BVSC tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời theo quy định của nhà nước. Cuối năm 2025 vừa qua, Công ty đã ban hành thang bảng lương cơ bản mới phù hợp với quy định của Luật nhằm gia tăng quyền lợi bảo hiểm cho người lao động. Đồng thời, Công ty tiếp tục tái tục các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ dành cho người lao động theo các chính sách đã ban hành. Trong năm 2025, BVSC đã triển khai mua bổ sung chương trình bảo hiểm nhân thọ dành riêng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt và đồng thời chính thức triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện với Dragon Capital cho cán bộ nhân viên.
- Trong năm, BVSC tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở y tế uy tín gồm Phòng khám T-Matsuoka (Hà Nội) và Phòng khám Bệnh viện Đại học Y Dược 1 (TP. HCM), nơi đáp ứng tốt các điều kiện khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế cũng như chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, danh mục khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế, Công ty còn bổ sung thêm các xét nghiệm tầm soát ung thư phổ biến, giúp người lao động chủ động theo dõi và bảo vệ sức khỏe tốt hơn.

- Các văn phòng làm việc của BVSC đều nằm trong các tòa nhà văn phòng hạng A tại Hà Nội và Hồ Chí Minh với những điều kiện cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn lao động & phòng cháy chữa cháy. Trong năm 2025, BVSC đã hoàn tất dự án cải tạo Phòng Giao dịch Hội sở và Phòng Giao dịch Số 1 theo tiêu chuẩn văn phòng cao hơn, giúp tạo ra một không gian làm việc mới tích cực cho người lao động. Thực hiện cải tạo không gian tại văn phòng Chi nhánh tại 233 Đồng Khởi do thay đổi công năng đáp ứng nhu cầu sử dụng phát sinh khi cơ cấu lại tổ chức bộ máy.
- Các hoạt động gắn kết nội bộ tiếp tục được chú trọng với nhiều chương trình phong phú như Happy Friday; sinh nhật tháng... Đặc biệt là chuỗi các hoạt động nội bộ hướng tới kỷ niệm 26 năm thành lập Công ty gồm cuộc thi Hội thao - thi đấu Pickleball tại Hội sở và thi đấu Pickleball & cầu lông tại Chi nhánh HCM, cuộc thi sáng tạo AI, chương trình thưởng Loyalty Reward, cuộc thi viết về "Người đồng hành" - hướng tới 4 trụ cột chính của BVSC để xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc: Thể lực sung sức – Trí lực vững vàng – Trưởng thưởng rõ ràng – Đồng nghiệp hợp tác. Ngoài ra, trong năm 2025, BVSC đã triển khai chương trình BVSC Milestones nhằm ghi nhận và động viên về mặt tinh thần đối với đội ngũ lao động có tính gắn kết cao. Việc làm tốt công tác truyền thông nội bộ có ý nghĩa sâu sắc và góp phần tạo nên sức mạnh tập thể, duy trì nguồn nhân lực ổn định, có tính cam kết cống hiến cao.
- BVSC khuyến khích người lao động rèn luyện sức khỏe thông qua việc duy trì các câu lạc bộ thể thao sôi động. CLB Pickleball, CLB Chạy bộ, CLB Bóng đá, CLB Yoga & CLB Âm nhạc mang đến nhiều hoạt động giúp người lao động nâng cao sức khỏe thể chất & tinh thần. Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty đã tổ chức buổi Hội thảo đào tạo sơ cấp cứu cho các cán bộ nhân viên của Công ty với diễn giả là Bác sỹ TATSUO TAKAMA – Giám đốc điều hành đội hỗ trợ y tế thảm họa Nhật Bản.

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động quản lý

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm.
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP *(tiếp theo)*

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

3-3 f

Sự tham gia của các bên liên quan

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động.
Bộ phận nhân sự	• Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban Điều hành cho áp dụng triển khai. • Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động. • Triển khai các công việc phát sinh có liên quan đến bảo vệ người lao động.
Ban chấp hành công đoàn	Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Tổ chức, duy trì các hoạt động thể thao để nâng cao rèn luyện sức khỏe cho người lao động.

BVSC phối hợp cùng Phòng khám T-Matsuoka tổ chức lớp học trang bị kỹ năng sơ cấp cứu cho CBNV

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

403-1

Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, các rủi ro về tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp nghiêm trọng là gần như không có phát sinh. Tuy nhiên, Công ty vẫn chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố rủi ro liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp bao gồm rủi ro về an toàn văn phòng (phòng cháy chữa cháy, hệ thống điện, điều kiện làm việc), rủi ro sức khỏe nghề nghiệp do đặc thù công việc sử dụng thiết bị công nghệ thông tin trong thời gian dài (ảnh hưởng đến thị lực, cơ xương khớp), cũng như các yếu tố rủi ro liên quan đến sức khỏe tinh thần phát sinh từ áp lực công việc và biến động của thị trường.

Trên cơ sở đó, Công ty triển khai các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa phù hợp như trang bị cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn làm việc an toàn, tổ chức đào tạo và diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đảm bảo tuân thủ theo quy định của nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc tích cực thông qua việc khuyến khích cân bằng giữa công việc và cuộc sống, góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến sức khỏe người lao động.

Các hoạt động liên quan đến an toàn & sức khỏe nghề nghiệp được triển khai áp dụng đối với toàn bộ người lao động làm việc tại Công ty. Tại thời điểm báo cáo, không có nhóm người lao động, hoạt động hoặc địa điểm làm việc trọng yếu nào bị loại trừ khỏi phạm vi quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của Công ty.

403-4

Sự tham gia của người lao động, tham vấn và trao đổi về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tại BVSC, người lao động được khuyến khích chủ động phản ánh các vấn đề liên quan đến điều kiện làm việc, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp thông qua trao đổi với cấp quản lý, bộ phận nhân sự, ban chấp hành công đoàn hoặc nêu ý kiến trực tiếp tại Hội nghị người lao động tổ chức hàng năm.

Công ty đảm bảo người lao động không bị phân biệt đối xử hoặc chịu bất kỳ hình thức bất lợi nào khi đưa ra các ý kiến phản hồi liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Các phản ánh được tiếp nhận, xử lý và phản hồi một cách kịp thời, góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, và hướng tới phát triển bền vững.

Ngoài ra, công ty đã thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên với sự tham gia của cán bộ tại các phòng ban. Mạng lưới này có trách nhiệm hỗ trợ triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động, phối hợp truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ về an toàn lao động, cũng như tham gia vào việc giám sát, đề xuất cải thiện điều kiện làm việc.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng giúp người lao động bổ sung kiến thức chuyên môn, hoàn thiện kỹ năng, thay đổi tư duy và thái độ làm việc, từ đó nâng cao hiệu quả công việc của cá nhân, cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ và đóng góp vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), hoạt động đào tạo càng trở nên quan trọng đòi hỏi người lao động nâng cao khả năng thích ứng, cập nhật kiến thức mới kịp thời để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc. Đồng thời, các chương trình đào tạo và phát triển cũng tạo điều kiện cho người lao động xây dựng lộ trình nghề nghiệp, cơ hội thăng tiến và phát triển lâu dài tại Công ty.

Hoạt động đào tạo được xem như một khoản đầu tư cho NLĐ và có tiềm ẩn rủi ro cho công ty khi có sự dịch chuyển nhân sự sau khi đào tạo. Do đó, thách thức đặt ra là Công ty cần triển khai các hoạt động đào tạo có định hướng trọng tâm, gắn với nhu cầu thực tiễn và lồng ghép với các mục tiêu về lộ trình phát triển nghề nghiệp và thăng tiến cho NLĐ, từ đó tạo động lực và giữ chân nhân sự, qua đó mới đạt hiệu quả tối ưu trong việc đầu tư ngân sách cho đào tạo.

3-3 c

Chính sách và cam kết

Công ty chủ động trong việc xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng các khung chương trình đào tạo cũng như đưa ra các chính sách và chương trình đào tạo dành cho người lao động theo từng nhóm chức danh và cấp bậc khác nhau, gắn hoạt động đào tạo với lộ trình phát triển nghề nghiệp, chính sách thăng tiến, chính sách đánh giá hiệu quả công việc, thi đua và khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động tham gia đào tạo và phát triển năng lực bản thân.

- *Chương trình đào tạo định hướng:* Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó cán bộ hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai.
- *Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:* Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể:
  - Đối với khối môi giới: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đào tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới;
  - Đối với khối hỗ trợ và quản lý: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của Pháp luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM...; các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn.

  - Bên cạnh đó, BVSC còn triển khai các chương trình đào tạo dành cho các bạn sinh viên sắp ra trường nhằm xây dựng thế hệ nhân sự mới có chất lượng tốt trong tương lai, điển hình như: chương trình Next Gen, chương trình "Từ giảng đường đến thị trường".
- *Chương trình đào tạo kỹ năng:* Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc và khả năng thích nghi với sự thay đổi trong công việc; kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

Công ty cam kết triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch đào tạo hàng năm và tạo điều kiện để người lao động tham gia các chương trình đào tạo nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp.

3-3 d

Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động quản lý

Năm 2025, Công ty đã triển khai một số cải tiến trong hoạt động đào tạo định hướng theo hướng nâng cao trải nghiệm hội nhập và tăng tính tương tác cho nhân sự mới. Ngoài việc tổ chức buổi đào tạo Hội nhập, cán bộ mới tuyển dụng còn được nhận tài liệu Welcome Package (bao gồm Welcome Card và các tài liệu hướng dẫn) thiết kế ấn tượng theo hướng gắn với thực tiễn vận hành và trực quan dễ hiểu góp phần rút ngắn thời gian hội nhập và tạo ấn tượng & trải nghiệm tích cực hơn cho cán bộ mới.

Các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ vẫn được tập trung chủ yếu triển khai cho khối môi giới, phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty. Các nội dung đào tạo bao gồm đào tạo chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định của cơ quan quản lý, cũng như các khóa đào tạo về quy trình nghiệp vụ, hệ thống giao dịch, sản phẩm dịch vụ mới và các kỹ năng phân tích, tư vấn khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục triển khai chương trình "Next Gen" tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm kiếm và đào tạo đội ngũ nhân sự trẻ, với nội dung chương trình được cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với các thay đổi về quy định, quy trình và mục tiêu đào tạo của chương trình. Đồng thời, trong năm 2025, Công ty đã triển khai chuỗi sự kiện "Từ Giảng đường đến Thị trường" tại nhiều trường đại học, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tiễn hoạt động giao dịch chứng khoán từ sớm, qua đó góp phần phát triển nguồn nhân lực cho ngành tài chính trong dài hạn.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo và hội thảo chuyên môn bên ngoài nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực làm việc, đặc biệt trong các lĩnh vực như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, quản trị rủi ro và kỹ năng chăm sóc & phát triển khách hàng. Đồng thời, Công ty khuyến khích người lao động chủ động nâng cao năng lực thông qua việc tham gia các chương trình đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như CFA, CMT, IIA,... thông qua việc hỗ trợ các chi phí liên quan.

Trong năm 2025, Công ty cũng đã tổ chức các chương trình đào tạo về nhận thức an toàn thông tin cho người lao động tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời thúc đẩy văn hóa tuân thủ trong toàn hệ thống. Hoạt động này góp phần nâng cao nhận thức, đảm bảo an toàn thông tin và hỗ trợ hoạt động kinh doanh bền vững.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *(tiếp theo)*

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả hoạt động

Công ty thực hiện theo dõi và đánh giá hiệu quả việc triển khai các hoạt động giáo dục và đào tạo thông qua các chỉ số chính bao gồm: Tổng số giờ đào tạo, Tổng chi phí dành cho hoạt động đào tạo, Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi đối tượng theo chức năng, cấp bậc nhân viên, thông qua kết quả các đợt kiểm tra định kỳ đối với lao động tại khối môi giới.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đánh giá mức độ tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí dựa trên dữ liệu phần mềm quản lý nhân sự, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ chưa tham gia đủ các chương trình đào tạo, cũng như thông qua hệ thống Elearn để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.

Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao tinh thần học tập qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

3-3 f

Sự tham gia của các bên liên quan

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo.
Bộ phận nhân sự	• Chịu trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện / phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch & theo nhu cầu phát sinh. • Trực tiếp xây dựng / phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo.
Ban chấp hành công đoàn	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và / hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ.
Đội ngũ giảng viên nội bộ	Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

404-1

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên.

Tên	Giới tính	Số giờ đào tạo trung bình
Kinh doanh	Nam giới	85,48
Kinh doanh	Nữ giới	76,59
Quản lý và hỗ trợ	Nam giới	15,42
Quản lý và hỗ trợ	Nữ giới	12,16

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên.

Tên	Giới tính	Số giờ đào tạo trung bình
Cấp nhân viên	Nam giới	79,77
Cấp nhân viên	Nữ giới	59,02
Cấp quản lý	Nam giới	8,21
Cấp quản lý	Nữ giới	12,36

Tổng số giờ đào tạo năm 2025: **15.557 giờ đào tạo**, trong đó có 12.285 giờ đào tạo nội bộ & on job training.

Tổng chi phí đào tạo năm 2025: **1,4 tỷ đồng.**

Năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung đào tạo cho đội ngũ môi giới phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công ty. Đồng thời, công ty đẩy mạnh triển khai đào tạo về an toàn thông tin trên diện rộng đối với toàn bộ cán bộ trong Công ty. Do vậy, số lượng giờ đào tạo của cấp nhân viên tăng đáng kể so với năm 2024 (tăng 6% so với năm 2024).Số giờ đào tạo giữa nam và nữ không có sự chênh lệch quá lớn trong từng nhóm theo chức năng cũng như theo cấp bậc nhân viên, cho thấy cơ hội tham gia đào tạo được đảm bảo đồng đều, không có sự phân biệt về giới tính, nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển hài hòa và bền vững của công ty trong thời gian tới.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *(tiếp theo)*

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *(tiếp theo)*

404-2

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Công ty triển khai các chương trình đào tạo và phát triển nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người lao động.

Đối với khối môi giới:

- *Đối với lao động mới tuyển, chưa có kinh nghiệm*: Công ty tiếp tục triển khai chương trình "Next Gen" tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm kiếm và đào tạo nguồn nhân lực trẻ. Nội dung chương trình được cập nhật thường xuyên để phù hợp với các thay đổi về quy định, quy trình và mục tiêu đào tạo.
- *Đối với lao động đang làm việc*: Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về sản phẩm, dịch vụ mới, quy trình và hệ thống, chủ yếu thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến (e-learning), giúp người lao động chủ động tham gia và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức. Đồng thời, các khóa đào tạo về kỹ năng chăm sóc và phát triển khách hàng cũng được triển khai nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả công việc.

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác:

Công ty khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động tham gia các chương trình đào tạo và chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế phù hợp với lĩnh vực chuyên môn như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM, thông qua các chính sách hỗ trợ chi phí.

Đối với cấp quản lý:

Công ty cử cán bộ tham gia các buổi hội thảo cập nhật quy định và/ hoặc xu hướng mới trên thị trường, huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, các chương trình đào tạo dành cho cấp quản lý.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các chương trình đào tạo về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công việc và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hội thảo liên quan chuyên đề này, tham gia các cuộc thi về AI do Tập đoàn Bảo Việt phát động nhằm nâng cao khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ.

404-3

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp

Phân loại nhân viên	% Nam giới	% Nữ giới
Cấp nhân viên	100	100
Cấp quản lý	100	100

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

Đa dạng và cơ hội bình đẳng trong môi trường làm việc có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động của Công ty. Việc đảm bảo sự đa dạng về giới tính, độ tuổi và kinh nghiệm giúp tạo ra nhiều góc nhìn đa dạng có tính bổ trợ cho nhau trong quá trình làm việc cũng như khi ra quyết định. Bên cạnh đó, việc xây dựng môi trường làm việc công bằng và không phân biệt đối xử góp phần thu hút và giữ chân người lao động, đồng thời nâng cao mức độ gắn kết, hợp tác giữa các cá nhân trong tổ chức và sự hài lòng của nhân viên.

Trường hợp nếu thiếu cân bằng về cơ cấu nhân sự hoặc cơ hội phát triển không đồng đều có thể dẫn đến rủi ro về phân biệt đối xử, vi phạm quy định về bình đẳng giới, ảnh hưởng đến động lực làm việc và gia tăng biến động nhân sự.

Do đó, việc thúc đẩy đa dạng và đảm bảo cơ hội bình đẳng là yếu tố quan trọng giúp Công ty phát triển nguồn nhân lực bền vững, nâng cao hiệu quả quản trị và củng cố uy tín trên thị trường.

3-3 c

Chính sách và cam kết

Hiện nay, các chính sách liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự, đánh giá hiệu quả làm việc, chính sách đãi ngộ đều phản ánh tính đa dạng và cơ hội bình đẳng tại Công ty. Tại BVSC, sự đa dạng và cơ hội bình đẳng được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành văn hóa Công ty.

Chính sách

- **Đối với chính sách tuyển dụng:** Công ty đảm bảo quá trình tuyển dụng được thực hiện minh bạch, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay dân tộc. Mọi ứng viên đều có cơ hội tiếp cận các vị trí tuyển dụng phù hợp dựa trên năng lực và tiềm năng phát triển.
- **Đối với chính sách đào tạo và phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ:** Công ty thực hiện chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trên nguyên tắc công bằng, đảm bảo mọi người lao động đều có cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo & các cơ hội thăng tiến mà không phân biệt giới tính, độ tuổi, vị trí hay loại hình hợp đồng. Các chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên khung năng lực và yêu cầu công việc, nhằm đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với định hướng phát triển nghề nghiệp của từng cá nhân. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm nhân sự được thực hiện minh bạch, công bằng, dựa trên năng lực và đóng góp thực tế, tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người.
- **Đối với các chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động:** Chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động được xây dựng và áp dụng chung cho toàn bộ người lao động, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số. Không những thế, Công ty còn có những chính sách riêng đối với lao động nữ. Bên cạnh việc đảm bảo chế độ thai sản, chế độ nghỉ 1 giờ trong giai đoạn nuôi con nhỏ..., lao động nữ còn được Công ty mua bổ sung quyền lợi thai sản trong bảo hiểm sức khỏe; được nghỉ mỗi ngày 10 phút trong 5 ngày liên tục của mỗi tháng, được tôn vinh trong những ngày lễ dành cho phụ nữ 8/3 & 20/10...

Cam kết

Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc thoải mái, an toàn, nơi người lao động được tôn trọng, đối xử bình đẳng, có cơ hội phát triển dựa trên năng lực và ghi nhận những đóng góp của mình.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG *(tiếp theo)*

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU *(tiếp theo)*

3-3 d

Các hoạt động quản lý tác động

Để đảm bảo các nguyên tắc về đa dạng và cơ hội bình đẳng được thực thi trong thực tiễn, Công ty triển khai các hoạt động quản lý nguồn nhân lực theo hướng minh bạch, công bằng và phù hợp với đặc thù của từng hoạt động.

Đối với công tác tuyển dụng: Công ty xây dựng tiêu chí lựa chọn ứng viên dựa trên năng lực và yêu cầu công việc của từng vị trí, đảm bảo cơ hội tiếp cận tuyển dụng bình đẳng cho các ứng viên. Các thông tin tuyển dụng được đăng tải công khai trên website của Công ty và các trang tin tuyển dụng. Quy trình tuyển dụng được thực hiện thông qua bài test chuyên môn, các vòng đánh giá và phỏng vấn với sự tham gia của các bộ phận liên quan, nhằm đảm bảo tính khách quan và hạn chế các yếu tố thiên lệch.

Đối với công tác đào tạo & phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ: Các chương trình đào tạo và phát triển nhân sự được triển khai theo kế hoạch xây dựng hàng năm, phù hợp với nhu cầu của từng phòng ban, từng vị trí công việc. Công tác đánh giá hiệu quả làm việc được thực hiện dựa trên các tiêu chí rõ ràng, làm cơ sở cho việc xét thưởng, tăng lương. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ được xem xét trên cơ sở năng lực và kết quả công việc của cán bộ trong một chu kỳ và các đánh giá về tiềm năng tương lai, được thực hiện theo quy trình, quy định của Công ty, góp phần đảm bảo cơ hội thăng tiến công bằng cho người lao động.

Việc chi trả lương, thưởng, triển khai các chính sách phúc lợi được thực hiện nhất quán theo các chính sách đã ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn công ty, đảm bảo người lao động được tiếp cận các quyền lợi đầy đủ mà không có sự phân biệt đối xử.

Các hoạt động này được triển khai với sự phối hợp của các phòng ban liên quan nhằm xây dựng môi trường làm việc đa dạng, bình đẳng và tạo cơ hội phát triển cho tất cả người lao động. Đồng thời, Ban chấp hành Công đoàn giữ vai trò giám sát việc thực thi các chính sách lao động, đồng hành, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động quản lý

Công ty thực hiện việc theo dõi và đánh giá hiệu quả của sự đa dạng và cơ hội bình đẳng thông qua các chỉ số bao gồm: cơ cấu lao động theo giới tính, tỷ lệ cán bộ tham gia chương trình đào tạo / số lượng giờ đào tạo theo giới tính; tỷ lệ chi trả lương và thu nhập giữa nữ giới và nam giới; và các thông tin liên quan đến nhân sự khác. Các thông tin này sẽ được phản ánh đầy đủ trong các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty.

Bên cạnh đó, các ý kiến phản hồi của người lao động được ghi nhận thông qua các lãnh đạo quản lý trực tiếp hoặc ban chấp hành công đoàn sẽ là cơ sở để Công ty nhận diện các vấn đề phát sinh (nếu có) và xử lý kịp thời.

3-3 f

Sự tham gia của các bên liên quan

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Đảm bảo xây dựng các chính sách dành cho người lao động được công bằng, minh bạch, và không phân biệt đối xử. Xây dựng văn hóa làm việc dựa trên các nguyên tắc đảm bảo sự đa dạng và cơ hội bình đẳng trong mọi hoạt động của Công ty.
Bộ phận nhân sự	Chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng các chính sách nhân sự / thực hiện / phối hợp triển khai các chính sách nhân sự đảm bảo theo nguyên tắc về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.
Phòng ban nghiệp vụ	Chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai các chính sách nhân sự, các hoạt động trong quá trình quản lý nhân sự hàng ngày đảm bảo theo nguyên tắc về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.
Ban chấp hành Công đoàn	• Đại diện cho người lao động tham gia góp ý khi xây dựng các chính sách liên quan đến người lao động. • Đồng hành cùng với người lao động bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.
Người lao động	• Trách nhiệm tuân thủ các quy định và chuẩn mực ứng xử trong công việc, đồng thời tôn trọng sự khác biệt và không có hành vi phân biệt đối xử trong môi trường làm việc. • Tham gia đóng góp ý kiến và phản hồi để hỗ trợ Công ty nhận diện và xử lý các vấn đề phát sinh một cách kịp thời và hiệu quả.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG *(tiếp theo)*

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

405-1

Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức

Theo giới tính

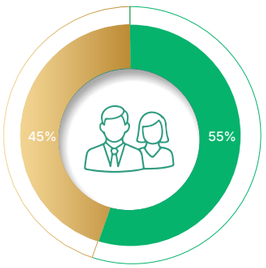

Nam Nữ

Theo độ tuổi

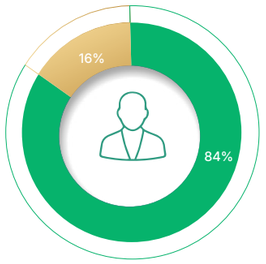

<30 30 - 50 >50

Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên

Theo giới tính

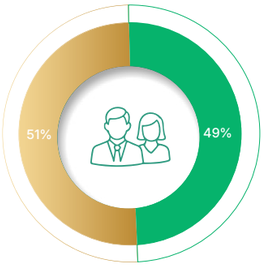

Nam Nữ

Theo độ tuổi

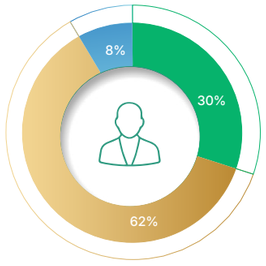

<30 30 - 50 >50

Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan, (chẳng hạn như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương)

Số lượng cán bộ là dân tộc thiểu số: 03 người

405-2

Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới

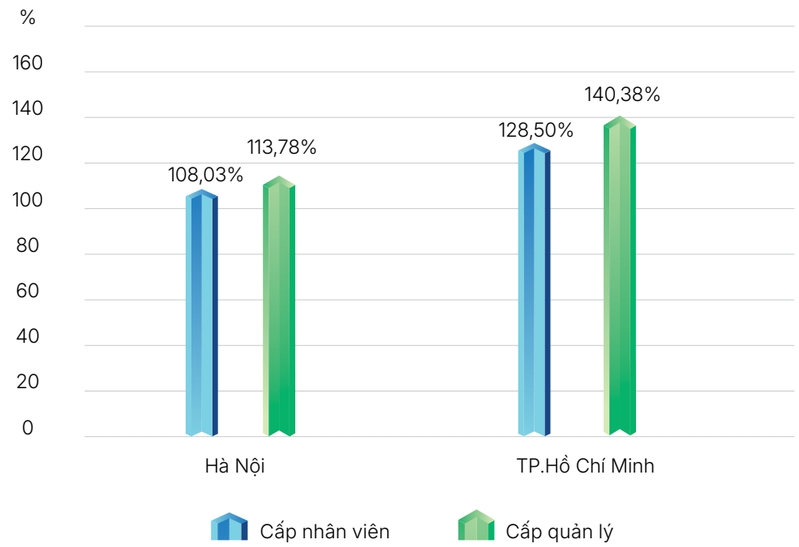

Cơ cấu nhân sự của Công ty phản ánh rõ nét sự đa dạng và bình đẳng thông qua sự cân bằng về giới tính giữa các cấp bậc và sự phân bổ hợp lý theo độ tuổi. Tỷ lệ lao động nữ cao hơn so với lao động nam nhưng cũng không đáng kể. Đội ngũ quản lý của Công ty chủ yếu tập trung trong nhóm tuổi từ 30 đến 50 đã giúp Công ty phát huy hiệu quả kinh nghiệm chuyên môn, năng lực quản lý cũng như khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường và công nghệ. Đối với cấp nhân viên, cơ cấu độ tuổi có sự đa dạng hơn, trong đó nhóm lao động dưới 30 tuổi chiếm tỷ trọng đáng kể. Trong những năm qua, Công ty đẩy mạnh việc tuyển dụng nhân sự trẻ nhằm xây dựng nguồn lực kế cận, đồng thời ghi nhận sự ổn định của đội ngũ khi người lao động có xu hướng gắn bó lâu dài và dịch chuyển dần sang các nhóm tuổi cao hơn. Công ty ký HĐLĐ với 03 cán bộ là người dân tộc thiểu số. Sự đa dạng về giới tính, độ tuổi góp phần tạo nên môi trường làm việc hài hòa, phát huy thế mạnh của từng cá nhân và hỗ trợ sự phát triển bền vững của Công ty.

Về chính sách đãi ngộ, Công ty áp dụng nguyên tắc trả lương thống nhất, không phân biệt giới tính và gắn với vị trí công việc, năng lực và hiệu quả làm việc. Theo số liệu trong kỳ báo cáo, tỷ lệ thu nhập của lao động nữ so với nam giới tại cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều ở mức cao hơn kể cả cấp nhân viên và cấp quản lý. Sự chênh lệch này chủ yếu do thu nhập của người lao động gắn với hiệu quả kinh doanh và đóng góp thực tế nên thưởng hiệu quả làm việc của nữ giới cao hơn nam giới. Điều này càng thêm khẳng định cam kết của Công ty trong việc đảm bảo bình đẳng giới trong chính sách đãi ngộ.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 3-3: QUẢN LÝ CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội.

Tại BVSC, các chương trình an sinh xã hội được thực hiện có trọng tâm gắn với những mục tiêu rõ ràng, bao gồm các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ, xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, tri ân người có công với cách mạng. Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội.

3-3 a-b

Tác động thực tế và tiềm ẩn

Các hoạt động cộng đồng của BVSC tạo ra tác động tích cực thông qua việc hỗ trợ các nhóm đối tượng:

- Đầu tư vào thế hệ tương lai (hỗ trợ giáo dục, học sinh – sinh viên);
- Tri ân các gia đình có công với cách mạng;
- Hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ y tế.

Các hoạt động này góp phần cải thiện điều kiện sống và hỗ trợ nhóm yếu thế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại rủi ro về phân bổ nguồn lực và hiệu quả tác động dài hạn chưa được đo lường đầy đủ.

3-3 c

Chính sách và cam kết

BVSC cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình minh bạch, đúng đối tượng và phù hợp nhu cầu thực tế. Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt và các bên liên quan để nâng cao hiệu quả triển khai.

3-3 d

Các hoạt động quản lý tác động

Các hoạt động cộng đồng được quản lý thông qua Công đoàn, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết. Trong năm 2025, BVSC tiếp tục duy trì các chương trình an sinh xã hội theo các nhóm trọng tâm, đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả và đúng mục tiêu. Việc quản lý tập trung và có kế hoạch giúp đảm bảo các nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và phù hợp với định hướng chung của Công ty.

3-3 e

Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động quản lý

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình. Ngoài ra công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

Công ty sẽ lên kế hoạch thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

3-3 f

Tham vấn các bên liên quan

BVSC tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan, bao gồm cơ quan quản lý, các tổ chức đoàn thể, đơn vị phối hợp, cộng đồng thụ hưởng và người lao động thông qua các chương trình triển khai, hoạt động phối hợp và các kênh thông tin chính thức. Các ý kiến phản hồi được tổng hợp và sử dụng để điều chỉnh nội dung, phương thức triển khai chương trình, nâng cao hiệu quả hỗ trợ cũng như hoàn thiện phương pháp quản lý và đánh giá các hoạt động cộng đồng.

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

Mang hơi ấm đến vùng cao 2025

Chương trình "Mang hơi ấm đến vùng cao" năm 2025 tiếp tục được triển khai theo định hướng tăng cường tính bền vững của các hoạt động hỗ trợ, tập trung vào đầu tư các công trình thiết yếu và cơ sở vật chất, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và học tập cho người dân địa phương, bên cạnh các hoạt động trao tặng quà và nhu yếu phẩm cho học sinh. Chương trình năm 2025 được tổ chức tại Trường PTDT bán trú TH&THCS Lao Chải, xã Lao Chải, tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) vào ngày 14/11/2025. Đây cũng là lần thứ ba BVSC quay trở lại tỉnh Hà Giang để tiếp tục đồng hành cùng các em học sinh vùng cao. Trên cơ sở ghi nhận thiệt hại do các cơn bão số 10 và số 11 gây ra, BVSC đã hỗ trợ cải tạo và xây dựng lại cơ sở vật chất nhà trường, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt cho học sinh và giáo viên. Đồng thời, BVSC còn tài trợ các thiết bị phục vụ hoạt động bán trú và trao quà cho 629 học sinh của nhà trường. Tổng kinh phí thực hiện chương trình khoảng 300 triệu đồng.

Trong khuôn khổ chương trình, đoàn công tác BVSC đã tổ chức lễ dâng hương tại Nghĩa trang Liệt sĩ Vị Xuyên nhằm tưởng nhớ và tri ân các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập và chủ quyền của Tổ quốc. Hoạt động không chỉ là dịp để tri ân những người đã ngã xuống vì Tổ quốc, mà còn góp phần bồi đắp tinh thần trách nhiệm, lòng tự hào dân tộc và ý thức gìn giữ các giá trị truyền thống đối với mỗi cán bộ nhân viên BVSC.

BVSC trao quà cho học sinh trong chương trình "Mang hơi ấm đến vùng cao 2025"

Tổng kinh phí các hoạt động từ thiện của BVSC trong năm 2025 xấp xỉ

1.000.000.000 đồng

Chương trình "Sẻ chia tri thức, xây dựng tương lai" tại tỉnh Cà Mau

Cuối tháng 10/2025, BVSC Chi nhánh HCM triển khai Chương trình thiện nguyện "**Sẻ chia tri thức – Xây dựng tương lai"** với các hoạt động gồm: trao tặng cầu dân sinh tại xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau góp phần giúp người dân và học sinh địa phương thuận tiện hơn việc di chuyển phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, học tập và sản xuất hằng ngày; tặng 113 phần quà và 13 suất học bổng cho các em học sinh hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, tiếp thêm động lực cho các em vững bước đến trường. Tổng kinh phí tài trợ khoảng 97 triệu đồng.

Đại diện BVSC trao quà cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Cà Mau

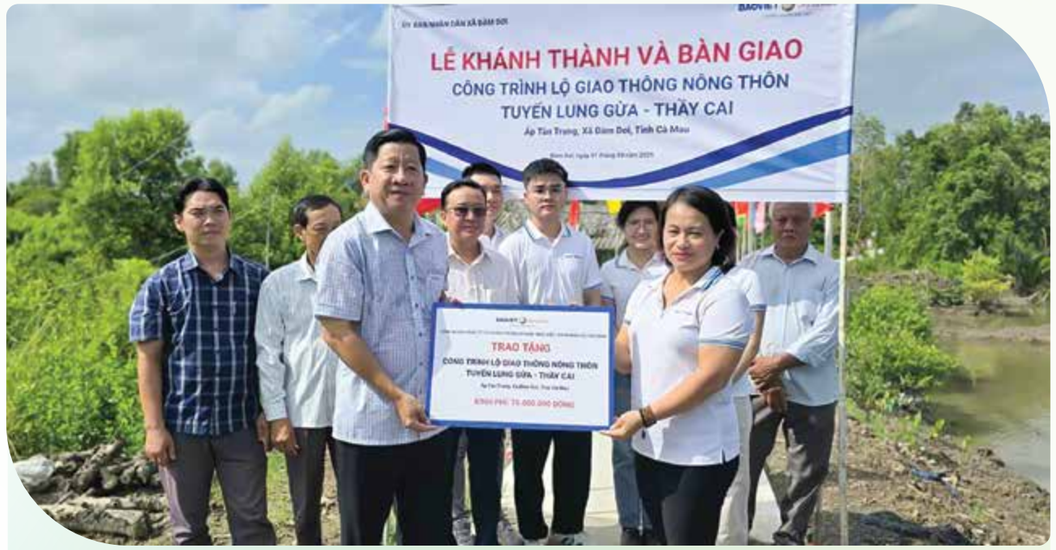

BVSC trao tặng cầu dân sinh tại xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

XÃ HỘI *(tiếp theo)*

XÃ HỘI GRI 400 | CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI *(tiếp theo)*

ĐẦU TƯ CHO XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ HỖ TRỢ Y TẾ

Kêu gọi ủng hộ nhân dân Cuba Nhân dịp Kỷ niệm 65 Năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Cuba (1965 – 2025)

Hướng tới kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Cuba, BVSC đã phát động chương trình quyên góp nội bộ nhằm hỗ trợ nhân dân Cuba vượt qua khó khăn do thiên tai và thách thức kinh tế. Hoạt động đã huy động được hơn 50 triệu đồng từ sự đóng góp của tập thể cán bộ nhân viên và được chuyển giao thông qua Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Thông qua sáng kiến này, BVSC khẳng định cam kết về trách nhiệm xã hội và tinh thần tương thân tương ái, góp phần thắt chặt mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai quốc gia.

Chương trình "Xóa nhà tạm, nhà dột nát"

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về chương trình "Xóa nhà tạm, nhà dột nát" trên phạm vi cả nước, năm 2025 BVSC phối hợp cùng Quỹ Khăn quàng đỏ hỗ trợ kinh phí xây dựng 02 ngôi nhà cho học sinh nghèo vượt khó tại Chiêu Vũ, Bắc Sơn, Lạng Sơn nhằm giúp hoàn thiện công trình nhà ở, góp phần cải thiện điều kiện sống cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

BVSC Đồng Hành Cùng "Chuyến Xe Mùa Xuân" Năm 2026

Năm 2025, BVSC tiếp tục năm thứ 2 đồng hành cùng chương trình "Chuyến xe mùa xuân" Tết Nguyên đán 2026, hỗ trợ 50 triệu đồng nhằm giúp sinh viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn về quê đón Tết. Hoạt động do Thành Đoàn, Hội Sinh viên Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên Thành phố phối hợp tổ chức, góp phần lan tỏa tinh thần sẻ chia, gắn kết cộng đồng và thể hiện cam kết của BVSC trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội.

Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn

Năm 2025, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các chương trình an sinh xã hội với định hướng dài hạn và thường xuyên hơn. Trong đó, Công ty duy trì chương trình hỗ trợ chi phí sinh hoạt hàng tháng cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn tại phường Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hoạt động này góp phần cải thiện đời sống của người dân và thể hiện sự gắn kết của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương nơi Công ty hoạt động.

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI VÀ MÔI TRƯỜNG

Hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai

Trong năm 2025, trước những thiệt hại nghiêm trọng do các đợt bão lũ liên tiếp gây ra tại nhiều địa phương, BVSC đã nhanh chóng triển khai các hoạt động hỗ trợ nhằm đồng hành cùng người dân khắc phục hậu quả thiên tai, trọng tâm gồm:

- Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, BVSC cũng phát động kêu gọi cán bộ, nhân viên nhiệt tình tham gia ủng hộ, đồng thời trích kinh phí từ nguồn Quỹ phúc lợi của Công ty với số tiền hơn 400 triệu đồng.
- Ngoài ra, Công ty hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà cho 09 hộ gia đình có nhà hư hại nặng, cuốn trôi do bão số 11 tại xã Thần Sa (huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên) bị ảnh hưởng bởi trận lũ lớn do bão số 11 gây ra.

Thông qua các hoạt động này, BVSC mong muốn góp phần chia sẻ khó khăn với người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng, đồng thời thể hiện tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội.

TRI ÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Thăm hỏi, trao quà tri ân các gia đình có công với Cách mạng tại BVSC

Hằng năm, nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/07, Công ty luôn tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc. Ban Lãnh đạo Công ty đã trực tiếp đến thăm hỏi và tặng quà các gia đình cán bộ, nhân viên Công ty thuộc diện gia đình có công với Cách mạng.

Đoàn Thanh niên BVSC tổ chức lễ dâng hương tại Nghĩa trang Liệt sĩ Vị Xuyên

PHỤ LỤC I

ĐIỂM YẾU TỐ CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ THEO CAMEL

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2024	Điểm số 2025	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT.	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Giám đốc/Tổng giám đốc.	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT.	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc.	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/ tổng số các vị trí này.	0%	80	100	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán.	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động.	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ.	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán.	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ.	100	100	5%
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính.	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố.	100	100	6%
11	Số năm hoạt động.	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở).	Từ 1% đến dưới 2%	80	60	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin.	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS.	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung.	Nhóm còn lại.	50	50	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ).	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao.	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất.	Từ 5% đến 10%	60	60	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất.	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty.	4 nghiệp vụ	100	100	5%
	Tổng điểm số		**91,7**	**90,9**	

PHỤ LỤC II

ĐIỂM YẾU TỐ TÀI CHÍNH THEO CAMEL

STT	Chỉ tiêu Tài chính theo Camel	Tỷ lệ		Áp điểm		Trọng số
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	
1	C1 = VCSH/TTS	44,0%	37,8%	20	20	10%
2	C2 = VCSH/VPĐ	990,1%	1.062,7%	100	100	10%
3	C3 = TL vốn khả dụng	624,0%	584,0%	100	100	10%
4	A1 = Tỉ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	93,21%	94,56%	100	100	5%
5	A2 = Tỉ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	2,4%	1,6%	80	80	10%
6	A3 = Tỉ lệ các khoản phải thu/TTS	1,3%	0,8%	100	100	10%
7	E1 = LNST/Tổng doanh thu	20,1%	20,3%	100	100	10%
8	E2 = LNST/VCSH bình quân	8,3%	8,7%	70	70	10%
9	L1 = Tỉ lệ TSNH/Nợ NH	162,9%	149,6%	100	80	15%
10	L2 = Tỉ lệ tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	18,7%	22,3%	60	80	10%
	Tổng điểm số			**83**	**82**	

ĐIỂM XẾP LOẠI

Điểm thành phần	Năm 2024	Năm 2025	Trọng số
Điểm cho yếu tố tài chính	83	82	70%
Điểm cho yếu tố quản trị	91,7	90,9	30%
Tổng điểm	**85,61**	**84,67**	

ĐIỂM THEO CÁC YẾU TỐ CỦA CAMEL

Điểm các yếu tố	Năm 2024	Năm 2025
C (Mức độ đủ vốn)	73,3	73,3
A (Chất lượng tài sản)	92,0	92,0
M (Quản trị)	91,7	90,9
E (Khả năng sinh lời)	85,0	85,0
L (Chất lượng thanh khoản)	84,0	80,0

Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị. Công ty được **xếp loại A** do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt **84,67 điểm**. Đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

Ghi chú: XẾP LOẠI A: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.656.788.591.891 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lại Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Quang Vũ	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số tham chiếu: 12816353/E-68638239

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 212 đến trang 277, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B01-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**6.479.776.240.903**	**5.080.994.655.407**
110	***I.***	***Tài sản tài chính***		***6.473.913.240.205***	***5.074.653.021.947***
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	5	367.910.939.027	167.854.336.536
111.1		*1.1 Tiền*		*367.910.939.027*	*167.854.336.536*
112	2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	596.931.012.196	416.563.567.584
113	3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	787.098.313.696	860.549.280.822
114	4.	Các khoản cho vay	7.4	4.557.146.139.544	3.503.735.501.065
115	5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	168.838.563.387	164.918.492.047
116	6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(57.136.773.335)	(109.653.683.194)
117	7.	Các khoản phải thu	8	73.118.360.649	57.967.118.793
117.1		*7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính*		*30.041.005.700*	*22.650.925.000*
117.2		*7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*		*43.077.354.949*	*35.316.193.793*
117.4		*7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*43.077.354.949*	*35.316.193.793*
118	8.	Trả trước cho người bán	8	3.756.693.164	10.152.924.445
119	9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	11.032.464.813	8.986.931.664
122	10.	Các khoản phải thu khác	8	12.970.197.288	13.048.922.259
129	11.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(47.752.670.224)	(19.470.370.074)
130	***II.***	***Tài sản ngắn hạn khác***	***9***	***5.863.000.698***	***6.341.633.460***
131	1.	Tạm ứng		271.000.000	205.700.000
132	2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		136.377.620	155.779.000
133	3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.361.623.078	5.914.154.460
134	4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		94.000.000	66.000.000
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**553.222.987.393**	**547.665.110.380**
210	***I.***	***Tài sản tài chính dài hạn***		***482.784.510.127***	***471.214.589.773***
212	1.	Các khoản đầu tư		482.784.510.127	474.155.973.773
212.1		*1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)*	*7.3*	*302.596.817.388*	*302.597.007.664*
212.4		*1.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)*	*7.2*	*180.187.692.739*	*171.558.966.109*
213	2.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	-	(2.941.384.000)
220	***II.***	***Tài sản cố định:***		***22.034.033.251***	***19.663.795.172***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	10	14.351.987.273	11.743.292.692
222		*1.1 Nguyên giá*		*58.858.404.192*	*51.080.662.613*
223a		*1.2 Giá trị khấu hao lũy kế*		*(44.506.416.919)*	*(39.337.369.921)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	11	7.682.045.978	7.920.502.480
228		*2.1 Nguyên giá*		*28.951.866.090*	*27.185.516.090*
229a		*2.2 Giá trị hao mòn lũy kế*		*(21.269.820.112)*	*(19.265.013.610)*
240	***III.***	***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***		***1.306.975.000***	***-***
250	***IV.***	***Tài sản dài hạn khác***		***47.097.469.015***	***56.786.725.435***
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.407.511.192	2.176.565.237
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	12	23.830.214.301	33.399.650.083
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.859.743.522	21.210.510.115
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.032.999.228.296**	**5.628.659.765.787**

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**4.376.210.636.405**	**3.153.287.233.438**
310	***I.***	***Nợ phải trả ngắn hạn***		***4.330.690.774.733***	***3.118.981.333.079***
311	1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		4.070.368.955.884	2.908.548.369.811
312		*1.1 Vay ngắn hạn*	*14*	*4.070.368.955.884*	*2.908.548.369.811*
318	2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	7.310.248.791	4.686.958.543
320	3.	Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.768.539.312	11.259.867.371
321	4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.184.580.000	21.326.000.000
322	5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	23.185.374.616	22.189.529.933
323	6.	Phải trả người lao động		117.470.841.136	113.102.490.705
324	7.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.373.456.171	1.682.252.723
325	8.	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	39.329.554.062	21.478.614.332
329	9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	3.025.728.393	2.827.318.436
330	10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		45.000.000.000	-
331	11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.673.496.368	11.879.931.225
340	***II.***	***Nợ phải trả dài hạn***		***45.519.861.672***	***34.305.900.359***
356	1.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	45.519.861.672	34.305.900.359
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.656.788.591.891**	**2.475.372.532.349**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***20***	***2.656.788.591.891***	***2.475.372.532.349***
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1		*1.1. Vốn góp của chủ sở hữu*		*722.339.370.000*	*722.339.370.000*
411.1a		*1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*722.339.370.000*	*722.339.370.000*
411.2		*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*610.253.166.720*	*610.253.166.720*
411.5		*1.3. Cổ phiếu quỹ*		*(496.682.500)*	*(496.682.500)*
412	2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	28	130.461.661.643	103.417.376.339
414	3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20	59.379.106.210	59.379.106.210
415	4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20	59.379.106.210	59.379.106.210
416	5.	Quỹ đầu tư phát triển	20	173.325.877.426	111.398.413.642
417	6.	Lợi nhuận chưa phân phối		902.146.986.182	809.702.675.728
417.1		*6.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện*		*861.117.418.850*	*788.784.464.886*
417.2		*6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện*		*41.029.567.332*	*20.918.210.842*
440		**TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**7.032.999.228.296**	**5.628.659.765.787**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B01-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	A.	**TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**			
004	1.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	2.	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	3.	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	4.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	21.1	335.799.650.000	251.061.040.000
009	5.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	21.2	-	214.580.000
010	6.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	21.3	2.372.000.000	300.000.000
012	6.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	21.4	443.548.208.700	491.849.222.900
	B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**			
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	21.5	30.431.498.850.400	30.822.487.644.000
021.1		*a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)*		*27.066.728.541.400*	*27.240.925.454.000*
021.2		*b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)*		*310.470.610.000*	*247.273.460.000*
021.3		*c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)*		*2.465.631.810.000*	*2.951.023.610.000*
021.4		*d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)*		*488.737.520.000*	*111.507.010.000*
021.5		*e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)*		*99.930.369.000*	*271.758.110.000*
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	21.6	63.852.230.000	155.046.150.000
022.1		*a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)*		*45.579.630.000*	*36.783.150.000*
022.2		*b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)*		*18.272.600.000*	*118.263.000.000*
023	3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		262.658.181.000	255.117.898.000
024b	4.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		461.322.300.000	661.322.300.000
026	5.	Tiền gửi của khách hàng (VND)		1.344.995.456.540	938.847.666.218
027		*a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)*	*21.7*	*552.781.949.486*	*530.836.444.058*
028		*b. Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)*	*21.7*	*732.124.689.414*	*395.900.015.767*
029		*c. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)*		*16.711.308.842*	-
030		*d. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)*		*43.377.508.798*	*12.111.206.393*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**			
031	6.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.8	1.301.647.367.012	926.765.480.460
031.1		*a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)*		*1.291.121.558.644*	*906.421.210.233*
031.2		*b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)*		*10.525.808.368*	*20.344.270.227*
032	7.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		33.161.043.639	2.034.576.639
035	8.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		10.187.045.889	10.047.609.119

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Vũ Thị Thuỷ Linh	Bà Nguyễn Hồng Thuỷ	Ông Nhữ Đình Hòa
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Phó phòng Tài chính Kế toán	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

B02-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**			
01	1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		197.915.130.547	185.911.798.747
01.1		*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*22.1*	*80.963.519.756*	*52.622.524.659*
01.2		*1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*22.2*	*72.369.190.137*	*44.113.830.678*
01.3		*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*22.3*	*44.582.420.654*	*89.175.443.410*
02	2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.3	74.366.854.927	52.740.536.523
03	3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.3	433.054.020.409	410.734.387.121
04	4.	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	22.3	6.282.879.000	8.838.018.000
06	5.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22.4	374.328.183.924	318.591.880.347
07	6.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	22.4	42.324.436	-
09	7.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	22.4	8.318.815.614	6.856.900.965
10	8.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán	22.4	4.593.454.546	3.473.613.635
11	9.	Thu nhập hoạt động khác	22.4	2.338.368.804	3.408.700.771
20		**Cộng doanh thu hoạt động**		**1.101.240.032.207**	**990.555.836.109**
	II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**			
21	1.	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(90.490.511.706)	(136.546.969.499)
21.1		*1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*22.1*	*(42.685.568.046)*	*(85.929.246.886)*
21.2		*1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*22.2*	*(47.804.943.660)*	*(50.617.722.613)*
24	2.	Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	23	28.458.293.859	(30.633.501.365)
26	3.	Chi phí hoạt động tự doanh		(4.307.629.448)	(3.470.305.948)
27	4.	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(367.576.283.423)	(263.491.214.050)
28	5.	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	-
30	6.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(22.789.393.331)	(19.572.919.080)
31	7.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(9.203.916.794)	(9.079.808.738)
32	8.	Chi phí các dịch vụ khác		(18.316.558.700)	(15.056.454.457)
40		**Cộng chi phí hoạt động**		**(484.225.999.543)**	**(477.851.173.137)**
	III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
41	1.	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		3.080.848	3.686.342
42	2.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		1.915.647.540	2.207.894.912
44	3.	Doanh thu khác về đầu tư		1.489.259.835	-
50		**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**3.407.988.223**	**2.211.581.254**

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**			
51	1.	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(544.878)	-
52	2.	Chi phí lãi vay	24	(169.714.061.265)	(134.926.880.166)
60		**Cộng chi phí tài chính**		**(169.714.606.143)**	**(134.926.880.166)**
62	**V.**	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**25**	**(184.926.668.530)**	**(138.944.723.607)**
70	**VI.**	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**265.780.746.214**	**241.044.640.453**
	VII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**			
71	1.	Thu nhập khác	26	16.057.965	638.965.997
72	2.	Chi phí khác	26	(736.630.984)	(754.016.714)
80		**Cộng kết quả hoạt động khác**		**(720.573.019)**	**(115.050.717)**
90	**VIII.**	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**265.060.173.195**	**240.929.589.736**
91	1.	Lợi nhuận đã thực hiện		240.495.926.718	247.433.481.671
92	2.	Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện		24.564.246.477	(6.503.891.935)
100	**IX.**	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**	**27**	**(40.542.790.200)**	**(40.975.728.123)**
100.1	1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(36.089.900.213)	(41.008.602.392)
100.2	2.	(Chi phí)/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(4.452.889.987)	32.874.269
200	**X.**	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**224.517.382.995**	**199.953.861.613**
		Trong đó:			
		Lợi nhuận thực hiện sau thuế		204.406.026.505	206.424.879.279
300	**XI.**	**THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**	**28**	**27.044.285.304**	**21.045.986.880**
301		Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		27.044.285.304	21.045.986.880
400		**Tổng thu nhập toàn diện**		**27.044.285.304**	**21.045.986.880**
500	**XII.**	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501		Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30.2	2.661	2.688

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Bà Vũ Thị Thuỳ Linh	Bà Nguyễn Hồng Thuỷ	Ông Nhữ Đình Hòa
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Phó phòng Tài chính Kế toán	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền chi mua các tài sản tài chính		(154.459.507.263.334)	(140.971.876.367.728)
02	2. Tiền thu từ bán các tài sản tài chính		153.437.482.173.078	141.481.801.356.105
04	3. Cổ tức đã nhận		45.741.318.133	70.519.147.087
05	4. Tiền lãi đã thu		502.103.502.321	484.507.479.347
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(110.937.836.400)	(87.686.641.206)
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK		(79.730.741.243)	(70.977.455.615)
08	7. Tiền chi trả cho người lao động		(266.209.484.688)	(254.225.093.459)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK		(239.088.483.804)	(208.927.117.778)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.009.698.513.469	7.431.346.608.066
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.514.174.100.681)	(7.289.601.468.557)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**(674.622.403.149)**	**584.880.446.262**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác		(9.294.727.000)	(6.961.767.675)
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(9.294.727.000)**	**(6.961.767.675)**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay gốc		9.266.672.866.431	10.412.120.000.000
33.2	*1.1. Tiền vay khác*		*9.266.672.866.431*	*10.412.120.000.000*
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.326.092.866.431)	(10.767.600.000.000)
34.3	*2.1. Tiền chi trả gốc vay khác*		*(8.326.092.866.431)*	*(10.767.600.000.000)*
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(56.606.267.360)	(56.637.033.720)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) hoạt động tài chính**		**883.973.732.640**	**(412.117.033.720)**
50	**IV. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**200.056.602.491**	**165.801.644.867**
60	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**167.854.336.536**	**2.052.691.669**
61	Tiền		167.854.336.536	2.052.691.669
70	**VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**367.910.939.027**	**167.854.336.536**
71	Tiền		367.910.939.027	167.854.336.536

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)*

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
01	1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		124.293.883.746.582	95.632.140.848.316
02	2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(116.069.681.847.019)	(92.136.133.807.140)
07	3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		22.124.992.116.069	17.416.053.409.759
11	4.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(6.560.073.032)	(6.622.343.641)
14	5.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.976.550.315.615	1.647.772.577.611
15	6.	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.971.151.678.605)	(1.610.692.319.466)
	7.	Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		140.290.024.895.553	123.251.264.421.722
	8.	Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(170.231.909.684.841)	(144.344.321.926.779)
20		***Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm***		***406.147.790.322***	***(150.539.139.618)***
30	**II.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**			
31		Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	21.7	938.847.666.218	1.089.386.805.836
32		- *Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*530.836.444.058*	*340.173.685.859*
33		- *Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng*		*395.900.015.767*	*703.169.849.306*
35		- *Tiền gửi của Tổ chức phát hành*		*12.111.206.393*	*46.043.270.671*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG *(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	**III.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**			
41		Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	21.7	1.344.995.456.540	938.847.666.218
42		- *Tiền gửi của đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*552.781.949.486*	*530.836.444.058*
43		- *Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng*		*732.124.689.414*	*395.900.015.767*
44		- *Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán*		*16.711.308.842*	-
45		- *Tiền gửi của Tổ chức phát hành*		*43.377.508.798*	*12.111.206.393*

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Vũ Thị Thuỳ Linh	Bà Nguyễn Hồng Thuỷ	Ông Nhữ Đình Hòa
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Phó phòng Tài chính Kế toán	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

B04-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2024	Ngày 01/01/2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220	-	-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		*722.339.370.000*	*722.339.370.000*	-	-	-	-	*722.339.370.000*	*722.339.370.000*
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		*610.253.166.720*	*610.253.166.720*	-	-	-	-	*610.253.166.720*	*610.253.166.720*
1.3 Cổ phiếu quỹ		*(496.682.500)*	*(496.682.500)*	-	-	-	-	*(496.682.500)*	*(496.682.500)*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		59.379.106.210	59.379.106.210	-	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		59.379.106.210	59.379.106.210	-	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
4. Quỹ đầu tư phát triển		64.107.298.271	111.398.413.642	47.291.115.371	-	61.927.463.784	-	111.398.413.642	173.325.877.426
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	28	82.371.389.459	103.417.376.339	42.050.485.372	(21.004.498.492)	49.944.970.484	(22.900.685.180)	103.417.376.339	130.461.661.643
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	1.215.797	(1.215.797)	2.153.226	(2.153.226)	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối		719.584.017.723	809.702.675.728	206.424.879.279	(116.306.221.274)	224.517.382.995	(132.073.072.541)	809.702.675.728	902.146.986.182
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		*692.194.789.215*	*788.784.464.886*	*206.424.879.279*	*(109.835.203.608)*	*204.406.026.505*	*(132.073.072.541)*	*788.784.464.886*	*861.117.418.850*
7.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		*27.389.228.508*	*20.918.210.842*	-	*(6.471.017.666)*	*20.111.356.490*	-	*20.918.210.842*	*41.029.567.332*
TỔNG CỘNG		**2.316.916.772.093**	**2.475.372.532.349**	**295.767.695.819**	**(137.311.935.563)**	**336.391.970.489**	**(154.975.910.947)**	**2.475.372.532.349**	**2.656.788.591.891**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2024	Ngày 01/01/2025	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	28	82.371.389.459	103.417.376.339	42.050.485.372	(21.004.498.492)	49.944.970.484	(22.900.685.180)	103.417.376.339	130.461.661.643
TỔNG CỘNG		**82.371.389.459**	**103.417.376.339**	**42.050.485.372**	**(21.004.498.492)**	**49.944.970.484**	**(22.900.685.180)**	**103.417.376.339**	**130.461.661.643**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Vũ Thị Thuỳ Linh	Bà Nguyễn Hồng Thuỷ	Ông Nhữ Đình Hòa
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Phó phòng Tài chính Kế toán	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Hội sở	Tầng 1, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1	94 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công	Tầng 10, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Phường Láng, Hà Nội
5. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ	11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch 81 Cao Thắng	Tầng 2, tòa 81 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu	Tầng G, Tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.656.788.591.891 VND, tổng tài sản là 7.032.999.228.296 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP *(tiếp theo)*

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:

  a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

  b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

  c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

  d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

  e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

  f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

  g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c,d,e đã nêu ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Ngày 26 tháng 4 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 18/2025/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 96/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

(a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty;
- Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

(a) Các khoản cho vay và phải thu;

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

(c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, trừ trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy. Trường hợp này, tài sản tài chính AFS sẽ tiếp tục được hạch toán theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần "Thu nhập toàn diện khác" trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá;
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 ("Thông tư 24") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
Tài sản khác	03 - 05 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.15 Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai ("các hợp đồng mua lại") không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.16 Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

- Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.19.2 Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc và mất việc

- Bảo hiểm thất nghiệp: Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.
- Trợ cấp thôi việc: Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.
- Trợ cấp mất việc làm: Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.
- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.30 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	**367.910.939.027**	**167.854.336.536**
Tiền mặt tại quỹ	-	76.867.494
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	367.910.600.737	167.777.469.042
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	338.290	-
TỔNG CỘNG	**367.910.939.027**	**167.854.336.536**

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Của Công ty		
Cổ phiếu	156.086.289	5.287.767.816.144
Trái phiếu	99.362.087	11.105.731.616.722
Chứng khoán khác	3.055.871	91.913.762.349
TỔNG CỘNG	**258.504.247**	**16.485.413.195.215**
2. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	10.951.402.235	267.143.344.857.890
Trái phiếu	215.395.275	22.123.558.274.825
Chứng khoán khác	206.240.335	403.649.356.270
TỔNG CỘNG	**11.373.037.845**	**289.670.552.488.985**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	268.201.783.880	304.842.936.190	238.099.845.216	257.888.984.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.385.722.454	15.060.014.575	2.688.655.127	2.456.516.211
Chứng chỉ quỹ	93.426.039.992	111.044.609.151	65.240.346.725	75.053.113.200
Trái phiếu chưa niêm yết	165.983.452.280	165.983.452.280	81.164.953.403	81.164.953.403
TỔNG CỘNG	**542.996.998.606**	**596.931.012.196**	**387.193.800.471**	**416.563.567.584**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND
NGẮN HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**21.576.432.682**	**114.673.330.000**	**114.673.330.000**	**16.576.432.682**	**81.439.670.000**	**81.439.670.000**
Chứng chỉ quỹ	*21.576.432.682*	*114.673.330.000*	*114.673.330.000*	*16.576.432.682*	*81.439.670.000*	*81.439.670.000*
Ghi nhận theo giá gốc	**54.165.233.387**	**54.165.233.387**	**25.106.886.005**	**83.478.822.047**	**83.478.822.047**	**32.728.401.392**
Đầu tư tự doanh khác	*12.723.117.619*	*12.723.117.619*	*-*	*13.123.117.619*	*13.123.117.619*	*-*
Cổ phiếu chưa niêm yết	*41.442.115.768*	*41.442.115.768*	*25.106.886.005*	*70.355.704.428*	*70.355.704.428*	*32.728.401.392*
TỔNG CỘNG	**75.741.666.069**	**168.838.563.387**	**139.780.216.005**	**100.055.254.729**	**164.918.492.047**	**114.168.071.392**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND
DÀI HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**93.000.000.000**	**162.980.179.739**	**162.980.179.739**	**93.000.000.000**	**157.408.483.109**	**157.408.483.109**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	*93.000.000.000*	*162.980.179.739*	*162.980.179.739*	*93.000.000.000*	*157.408.483.109*	*157.408.483.109*
Ghi nhận theo giá gốc	**17.207.513.000**	**17.207.513.000**	**17.207.513.000**	**14.150.483.000**	**14.150.483.000**	**11.209.099.000**
Cổ phiếu chưa niêm yết	*17.207.513.000*	*17.207.513.000*	*17.207.513.000*	*14.150.483.000*	*14.150.483.000*	*11.209.099.000*
TỔNG CỘNG	**110.207.513.000**	**180.187.692.739**	**180.187.692.739**	**107.150.483.000**	**171.558.966.109**	**168.617.582.109**

(*) Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	787.098.313.696	860.549.280.822
Dài hạn		
Trái phiếu tổ chức tín dụng (**)	302.596.817.388	302.597.007.664
TỔNG CỘNG	**1.089.695.131.084**	**1.163.146.288.486**

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,6%/năm; và được dùng toàn bộ để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(**) Các trái phiếu của các tổ chức tín dụng có kỳ hạn còn lại từ sáu (06) năm đến bảy (07) năm và được hưởng lãi suất từ 5,78%/năm và 5,88%/năm; và được dùng toàn bộ để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay margin (*)	3.934.272.627.957	2.949.435.728.483
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	622.873.511.587	554.299.772.582
TỔNG CỘNG	**4.557.146.139.544**	**3.503.735.501.065**

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 14.725.320.352.950 VND và 10.214.284.611.750 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
		Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá		
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính FVTPL								
Cổ phiếu niêm yết	268.201.783.880	46.660.729.693	(10.019.577.383)	304.842.936.190	238.099.845.216	32.439.014.894	(12.649.875.340)	257.888.984.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.385.722.454	219.766.500	(545.474.379)	15.060.014.575	2.688.655.127	6.000.000	(238.138.916)	2.456.516.211
Chứng chỉ quỹ	93.426.039.992	17.641.735.111	(23.165.952)	111.044.609.151	65.240.346.725	9.812.766.475	-	75.053.113.200
Trái phiếu	165.983.452.280	-	-	165.983.452.280	81.164.953.403	-	-	81.164.953.403
TỔNG CỘNG	**542.996.998.606**	**64.522.231.304**	**(10.588.217.714)**	**596.931.012.196**	**387.193.800.471**	**42.257.781.369**	**(12.888.014.256)**	**416.563.567.584**

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá		
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính AFS								
Ngắn hạn	***75.741.666.069***	***93.096.897.318***	***-***	***168.838.563.387***	***100.055.254.729***	***64.863.237.318***	***-***	***164.918.492.047***
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Chứng chỉ quỹ	21.576.432.682	93.096.897.318	-	114.673.330.000	16.576.432.682	64.863.237.318	-	81.439.670.000
Ghi nhận theo giá gốc								
Đầu tư tự doanh khác	12.723.117.619	-	-	12.723.117.619	13.123.117.619	-	-	13.123.117.619
Cổ phiếu chưa niêm yết	41.442.115.768	-	-	41.442.115.768	70.355.704.428	-	-	70.355.704.428
Dài hạn	***110.207.513.000***	***69.980.179.739***	***-***	***180.187.692.739***	***107.150.483.000***	***64.408.483.109***	***-***	***171.558.966.109***
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Chứng chỉ quỹ	93.000.000.000	69.980.179.739	-	162.980.179.739	93.000.000.000	64.408.483.109	-	157.408.483.109
Ghi nhận theo giá gốc								
Cổ phiếu chưa niêm yết	17.207.513.000	-	-	17.207.513.000	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000
TỔNG CỘNG	**185.949.179.069**	**163.077.077.057**	**-**	**349.026.256.126**	**207.205.737.729**	**129.271.720.427**	**-**	**336.477.458.156**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

7.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	***57.136.773.335***	***109.653.683.194***
Các khoản cho vay	28.078.425.953	27.835.262.539
- *Cho vay margin*	*28.078.425.953*	*27.835.262.539*
Các tài sản tài chính FVTPL	-	31.068.000.000
- Trái phiếu	-	31.068.000.000
Các tài sản tài chính AFS	29.058.347.382	50.750.420.655
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*16.335.229.763*	*37.627.303.036*
- *Đầu tư tự doanh khác*	*12.723.117.619*	*13.123.117.619*
Dài hạn	**-**	**2.941.384.000**
Các tài sản tài chính AFS	-	2.941.384.000
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*2.941.384.000*
TỔNG CỘNG	**57.136.773.335**	**112.595.067.194**

7.7 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

		Cơ sở lập dự phòng năm nay					
STT	Loại TSTC	Số lượng	Giá sổ sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)	Giá trị lập dự phòng năm nay (VND)	Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập)/ hoàn nhập năm nay (VND)
I	**HTM**	**2.106**	**1.089.695.131.084**	**1.089.695.131.084**	**-**	**-**	**-**
1	*Hợp đồng tiền gửi*	*6*	*787.098.313.696*	*787.098.313.696*	-	-	-
2	*Trái phiếu tổ chức tín dụng*	*2.100*	*302.596.817.388*	*302.596.817.388*	-	-	-
II	**Tài sản tài chính cho vay**		**4.557.146.139.544**	**4.529.067.713.591**	**(28.078.425.953)**	**(27.835.262.539)**	**(243.163.414)**
1	*Phải thu khách hàng về giao dịch margin*		*3.934.272.627.957*	*3.906.194.202.004*	*(28.078.425.953)*	*(27.835.262.539)*	*(243.163.414)*
2	*Các khoản cho vay ứng trước*		*622.873.511.587*	*622.873.511.587*	-	-	-
III	**FVTPL**		**-**	**-**	**-**	**(31.068.000.000)**	**31.068.000.000**
1	*Trái phiếu*		-	-	-	*(31.068.000.000)*	*31.068.000.000*
IV	**AFS**	**4.697.638**	**71.372.746.387**	**42.314.399.005**	**(29.058.347.382)**	**(53.691.804.655)**	**24.633.457.273**
1	***Ngắn hạn***	***2.252.016***	***54.165.233.387***	***25.106.886.005***	***(29.058.347.382)***	***(50.750.420.655)***	***21.692.073.273***
	Đầu tư tự doanh khác	-	*12.723.117.619*	-	*(12.723.117.619)*	*(13.123.117.619)*	*400.000.000*
	Cổ phiếu	*2.252.016*	*41.442.115.768*	*25.106.886.005*	*(16.335.229.763)*	*(37.627.303.036)*	*21.292.073.273*
	- Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	970.000	23.876.923.077	18.362.100.000	(5.514.823.077)	(5.940.075.000)	425.251.923
	- Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBland	-	-	-	-	(20.784.000.000)	20.784.000.000
	- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô 3-2	240.000	4.680.000.000	-	(4.680.000.000)	(4.680.000.000)	-
	- Khác	1.042.016	12.885.192.691	6.744.786.005	(6.140.406.686)	(6.223.228.036)	82.821.350
2	***Dài hạn***	***2.445.622***	***17.207.513.000***	***17.207.513.000***	**-**	***(2.941.384.000)***	***2.941.384.000***
	Cổ phiếu	*2.445.622*	*17.207.513.000*	*17.207.513.000*	-	*(2.941.384.000)*	*2.941.384.000*
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu (GPINVEST)	2.445.622	17.207.513.000	17.207.513.000	-	(2.941.384.000)	2.941.384.000
	TỔNG CỘNG		**5.718.214.017.015**	**5.661.077.243.680**	**(57.136.773.335)**	**(112.595.067.194)**	**55.458.293.859**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	30.041.005.700	22.650.925.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	43.077.354.949	35.316.193.793
Cổ tức, lãi trái phiếu doanh nghiệp	*5.505.800.500*	*7.347.831.800*
Dự thu lãi tiền gửi	*88.634.612*	*49.431.974*
Dự thu lãi margin	*37.482.919.837*	*27.918.930.019*
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	11.032.464.813	8.986.931.664
Phải thu khác	12.970.197.288	13.048.922.259
	97.121.022.750	**80.002.972.716**
Trả trước cho người bán	3.756.693.164	10.152.924.445
Công ty TNHH Nam Nhất	*2.800.000.000*	*2.800.000.000*
Công ty Cổ phần K-Deco Việt Nam	*408.694.754*	*-*
Công ty Cổ phần Xây Dựng PHCONS	*-*	*1.699.357.801*
Khác	*547.998.410*	*5.653.566.644*
	3.756.693.164	**10.152.924.445**
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán (*)	(47.752.670.224)	(19.470.370.074)
TỔNG CỘNG	**53.125.045.690**	**70.685.527.087**

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2025	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	**27.000.000.000**	**-**	**30.000.000.000**	**3.000.000.000**	**27.000.000.000**
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	**20.784.907.522**	**19.470.370.074**	**1.282.300.150**	**-**	**20.752.670.224**
Các khoản phải thu	*17.984.907.522*	*16.670.370.074*	*1.282.300.150*	*-*	*17.952.670.224*
Khách hàng H_CN1013	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
Khách hàng H_CN1022	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Khách hàng H_CN1012	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
Khác	10.519.907.522	9.205.370.074	1.282.300.150	-	10.487.670.224
Trả trước cho người bán	*2.800.000.000*	*2.800.000.000*	*-*	*-*	*2.800.000.000*
Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
TỔNG CỘNG	**47.784.907.522**	**19.470.370.074**	**31.282.300.150**	**3.000.000.000**	**47.752.670.224**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	271.000.000	205.700.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	136.377.620	155.779.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.361.623.078	5.914.154.460
- *Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên*	*850.938.094*	*938.181.978*
- *Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm*	*3.982.423.429*	*4.010.191.511*
- Khác	528.261.555	965.780.971
Khác	94.000.000	66.000.000
TỔNG CỘNG	**5.863.000.698**	**6.341.633.460**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	41.662.740.614	8.121.639.444	926.153.235	370.129.320	51.080.662.613
Mua trong năm	7.943.219.000	-	203.183.000	-	8.146.402.000
Thanh lý, nhượng bán	(368.660.421)	-	-	-	(368.660.421)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	49.237.299.193	8.121.639.444	1.129.336.235	370.129.320	58.858.404.192
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	34.390.962.546	4.523.604.812	323.354.850	99.447.713	39.337.369.921
Khấu hao trong năm	4.313.247.404	982.907.496	178.880.767	62.671.752	5.537.707.419
Thanh lý, nhượng bán	(368.660.421)	-	-	-	(368.660.421)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	38.335.549.529	5.506.512.308	502.235.617	162.119.465	44.506.416.919
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	7.271.778.068	3.598.034.632	602.798.385	270.681.607	11.743.292.692
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10.901.749.664	2.615.127.136	627.100.618	208.009.855	14.351.987.273

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.784.681.535 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 26.095.701.956 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	24.217.727.834	2.967.788.256	27.185.516.090
Tăng trong năm	1.766.350.000	-	1.766.350.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.984.077.834	2.967.788.256	28.951.866.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	16.297.225.354	2.967.788.256	19.265.013.610
Hao mòn trong năm	2.004.806.502	-	2.004.806.502
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	18.302.031.856	2.967.788.256	21.269.820.112
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	7.920.502.480	-	7.920.502.480
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	7.682.045.978	-	7.682.045.978

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 13.815.551.090 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.815.551.090 VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí vật dụng văn phòng	4.659.914.522	5.433.195.463
Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng	16.143.328.241	26.627.291.320
Chi phí công nghệ thông tin và bản quyền phần mềm	2.922.952.997	1.281.634.582
Khác	104.018.541	57.528.718
TỔNG CỘNG	**23.830.214.301**	**33.399.650.083**

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	**20.990.280.531**
Tiền lãi đã nhận trong năm	(990.280.531)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	1.210.510.115
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**21.210.510.115**
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.210.510.115)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	859.743.522
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**20.859.743.522**

14. VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngân hàng (*)	Dưới 7,9	2.182.420.000.000	9.266.672.866.431	8.326.092.866.431	3.123.000.000.000
Vay trong nước:					
- *Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam*		*298.000.000.000*	*270.000.000.000*	*568.000.000.000*	-
- *Ngân hàng TMCP Hàng Hải*		*295.000.000.000*	*596.000.000.000*	*891.000.000.000*	-
- *Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh*		*300.000.000.000*	*1.600.000.000.000*	*1.400.000.000.000*	*500.000.000.000*
- *Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam*		*384.000.000.000*	*2.188.012.866.431*	*1.822.012.866.431*	*750.000.000.000*
- *Ngân hàng TMCP TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam*		*98.000.000.000*	*882.000.000.000*	*882.000.000.000*	*98.000.000.000*
- *Các ngân hàng khác*		*660.000.000.000*	*3.730.660.000.000*	*2.615.660.000.000*	*1.775.000.000.000*
Vay nước ngoài:					
- *Ngân hàng Hua Nan*		*147.420.000.000*	-	*147.420.000.000*	-
Vay các đối tượng khác	Dưới 8,1	726.128.369.811	4.858.448.164.524	4.637.207.578.451	947.368.955.884
TỔNG CỘNG		**2.908.548.369.811**	**14.125.121.030.955**	**12.963.300.444.882**	**4.070.368.955.884**

(*) Các khoản vay ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, bao gồm vay thấu chi và vay có tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi, trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	6.548.471.247	4.054.479.137
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	761.777.544	632.479.406
TỔNG CỘNG	**7.310.248.791**	**4.686.958.543**

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan	716.139.734	754.650.473
Phải trả chi phí sửa chữa văn phòng	148.484.297	8.377.519.658
Phải trả khác	1.903.915.281	2.127.697.240
TỔNG CỘNG	**2.768.539.312**	**11.259.867.371**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	9.787.358.550	194.605.912.551	(190.955.066.100)	13.438.205.001
	- Của nhân viên Công ty	*2.495.038.599*	*53.779.556.030*	*(53.939.198.824)*	*2.335.395.805*
	- Của nhà đầu tư cá nhân	*7.292.319.951*	*140.826.356.521*	*(137.015.867.276)*	*11.102.809.196*
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh 27.1)*	11.708.452.849	36.089.900.213	(39.034.737.691)	8.763.615.371
3	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	52.018.421	756.629.764	(636.883.436)	171.764.749
4	Các loại thuế khác	641.700.113	8.631.885.959	(8.461.796.577)	811.789.495
	TỔNG CỘNG	**22.189.529.933**	**240.084.328.487**	**(239.088.483.804)**	**23.185.374.616**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả chi phí hoạt động môi giới	3.379.776.284	948.156.038
Phải trả phí dịch vụ mua ngoài	3.036.970.383	970.505.527
Phải trả tiền lãi vay ngân hàng	9.709.457.531	3.838.128.876
Phải trả tiền lãi cho tổ chức và cá nhân khác	23.203.349.864	15.721.823.891
TỔNG CỘNG	**39.329.554.062**	**21.478.614.332**

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác	3.025.728.393	2.827.318.436
TỔNG CỘNG	**3.025.728.393**	**2.827.318.436**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**	**59.379.106.210**	**59.379.106.210**	**111.398.413.642**	**103.417.376.339**	**809.702.675.728**	**2.475.372.532.349**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (*)	-	-	-	-	-	-	-	(57.760.116.000)	(57.760.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	-	(12.385.492.757)	(12.385.492.757)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	61.927.463.784	-	(61.927.463.784)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	-	224.517.382.995	224.517.382.995
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	-	27.044.285.304	-	27.044.285.304
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**	**59.379.106.210**	**59.379.106.210**	**173.325.877.426**	**130.461.661.643**	**902.146.986.182**	**2.656.788.591.891**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 6 năm 2025 về phương án sử dụng lợi nhuận năm 2024, Công ty trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 61.927.463.784 VND và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị số tiền 12.385.492.757 VND, ngoài ra Công ty sẽ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2024 là 8% (800 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 722.001.450.000 VND, tương đương với số tiền 57.760.116.000 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện trong tháng 11 năm 2025.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**	**59.379.106.210**	**59.379.106.210**	**64.107.298.271**	**82.371.389.459**	**719.584.017.723**	**2.316.916.772.093**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(57.760.116.000)	(57.760.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	(9.458.223.074)	(9.458.223.074)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	47.291.115.371	-	(47.291.115.371)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	-	199.953.861.613	199.953.861.613
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	-	21.045.986.880	-	21.045.986.880
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	4.674.250.837	4.674.250.837
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**	**59.379.106.210**	**59.379.106.210**	**111.398.413.642**	**103.417.376.339**	**809.702.675.728**	**2.475.372.532.349**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) Đơn vị	Giá trị (*) VND	Tỷ lệ sở hữu %
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
TỔNG CỘNG	**72.200.145**	**722.001.450.000**	**100,0%**

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	*72.233.937*	*72.233.937*
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	*72.233.937*	*72.233.937*
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	*33.792*	*33.792*
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	*72.200.145*	*72.200.145*

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

21.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	333.600.650.000	228.209.040.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.000.000	152.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.395.000.000	22.700.000.000
TỔNG CỘNG	**335.799.650.000**	**251.061.040.000**

21.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	-	214.580.000
TỔNG CỘNG	**-**	**214.580.000**

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	2.372.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG	**2.372.000.000**	**300.000.000**

21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	31.628.110.000	75.551.830.000
Chứng chỉ quỹ	111.920.098.700	103.229.392.900
Trái phiếu	300.000.000.000	313.068.000.000
TỔNG CỘNG	**443.548.208.700**	**491.849.222.900**

21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	27.066.728.541.400	27.240.925.454.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	310.470.610.000	247.273.460.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.465.631.810.000	2.951.023.610.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	488.737.520.000	111.507.010.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	99.930.369.000	271.758.110.000
TỔNG CỘNG	**30.431.498.850.400**	**30.822.487.644.000**

21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	45.579.630.000	36.783.150.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	18.272.600.000	118.263.000.000
TỔNG CỘNG	**63.852.230.000**	**155.046.150.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

21.7 Tiền gửi và phải thu của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	552.781.949.486	530.836.444.058
- *Của Nhà đầu tư trong nước*	*542.915.820.786*	*521.520.620.275*
- *Của Nhà đầu tư nước ngoài*	*9.866.128.700*	*9.315.823.783*
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng	732.124.689.414	395.900.015.767
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	43.377.508.798	12.111.206.393
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	16.711.308.842	-
TỔNG CỘNG	**1.344.995.456.540**	**938.847.666.218**

21.8 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
- *Của Nhà đầu tư trong nước*	*1.291.121.558.644*	*906.421.210.233*
- *Của Nhà đầu tư nước ngoài*	*10.525.808.368*	*20.344.270.227*
TỔNG CỘNG	**1.301.647.367.012**	**926.765.480.460**

21.9 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	2.183.595.682	1.505.540.935
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	2.173.122.450	997.986.672
TỔNG CỘNG	**4.356.718.132**	**2.503.527.607**

21.10 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nghiệp vụ margin	**3.971.755.547.794**	**2.977.354.658.502**
Phải trả gốc margin (Thuyết minh 7.4)	3.934.272.627.957	2.949.435.728.483
- *Của Nhà đầu tư trong nước*	*3.934.272.627.957*	*2.949.435.728.483*
Phải trả lãi margin	37.482.919.837	27.918.930.019
- *Của Nhà đầu tư trong nước*	*37.482.919.837*	*27.918.930.019*
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng tiền trước bán chứng khoán (Thuyết minh 7.4)	**622.873.511.587**	**554.299.772.582**
- *Của Nhà đầu tư trong nước*	*622.873.511.587*	*554.299.772.582*
TỔNG CỘNG	**4.594.629.059.381**	**3.531.654.431.084**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

22.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	**LÃI BÁN**				
1	Cổ phiếu niêm yết	1.333.221.300.435	1.263.552.474.610	69.668.825.825	37.067.024.677
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	47.346.380.000	42.975.134.856	4.371.245.144	3.373.513.398
3	Chứng chỉ quỹ	67.122.669.100	64.163.601.521	2.959.067.579	1.020.316.937
4	Trái phiếu niêm yết	3.536.154.780.000	3.534.677.728.571	1.477.051.429	164.430.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	50.970.424.442	50.096.953.403	873.471.039	7.871.474.857
6	Chứng chỉ tiền gửi	6.001.613.858.740	6.000.000.000.000	1.613.858.740	3.125.764.790
	TỔNG CỘNG	**11.036.429.412.717**	**10.955.465.892.961**	**80.963.519.756**	**52.622.524.659**
II	**LỖ BÁN**				
1	Cổ phiếu niêm yết	1.194.771.094.378	1.235.814.250.374	(41.043.155.996)	(65.495.334.048)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	30.719.133.500	32.292.334.121	(1.573.200.621)	(5.181.679.242)
3	Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
4	Trái phiếu niêm yết	383.064.180.000	383.133.391.429	(69.211.429)	(5.026.610.000)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	(10.166.013.196)
6	Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	(59.610.400)
	TỔNG CỘNG	**1.608.554.407.878**	**1.651.239.975.924**	**(42.685.568.046)**	**(85.929.246.886)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG *(tiếp theo)*

22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
I	**LOẠI FVTPL**							
1	Cổ phiếu niêm yết	268.201.783.880	304.842.936.190	36.641.152.310	19.789.139.554	16.852.012.756	59.043.422.238	(42.191.409.482)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	15.385.722.454	15.060.014.575	(325.707.879)	(232.138.916)	(93.568.963)	1.805.646.355	(1.899.215.318)
3	Chứng chỉ quỹ	93.426.039.992	111.044.609.151	17.618.569.159	9.812.766.475	7.805.802.684	11.520.121.544	(3.714.318.860)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	165.983.452.280	165.983.452.280	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	**542.996.998.606**	**596.931.012.196**	**53.934.013.590**	**29.369.767.113**	**24.564.246.477**	**72.369.190.137**	**(47.804.943.660)**
II	**LOẠI AFS**							
	Ngắn hạn	**21.576.432.682**	**114.673.330.000**	**93.096.897.318**	**64.863.237.318**	**28.233.660.000**	**30.341.430.000**	**(2.107.770.000)**
1	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	21.576.432.682	114.673.330.000	93.096.897.318	64.863.237.318	28.233.660.000	30.341.430.000	(2.107.770.000)
	Dài hạn	**93.000.000.000**	**162.980.179.739**	**69.980.179.739**	**64.408.483.109**	**5.571.696.630**	**19.603.540.484**	**(14.031.843.854)**
1	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	162.980.179.739	69.980.179.739	64.408.483.109	5.571.696.630	19.603.540.484	(14.031.843.854)
	TỔNG CỘNG	**114.576.432.682**	**277.653.509.739**	**163.077.077.057**	**129.271.720.427**	**33.805.356.630**	**49.944.970.484**	**(16.139.613.854)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG *(tiếp theo)*

22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	44.582.420.654	89.175.443.410
- Cổ phiếu	*37.616.383.833*	*61.473.819.337*
- Lãi từ trái phiếu FVTPL	*6.966.036.821*	*25.371.778.398*
- Lãi từ giấy tờ có giá	*-*	*2.329.845.675*
Từ tài sản tài chính HTM	74.366.854.927	52.740.536.523
- Trái phiếu	*17.439.809.724*	*7.575.196.246*
- Hợp đồng tiền gửi	*56.927.045.203*	*45.165.340.277*
Từ các khoản cho vay	433.054.020.409	410.734.387.121
- Cho vay margin	*363.420.804.863*	*344.384.603.723*
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	*69.633.215.546*	*66.349.783.398*
Từ tài sản tài chính AFS	6.282.879.000	8.838.018.000
- Cổ phiếu	*6.282.879.000*	*8.838.018.000*
TỔNG CỘNG	**558.286.174.990**	**561.488.385.054**

22.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	374.328.183.924	318.591.880.347
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	42.324.436	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	4.593.454.546	3.473.613.635
Doanh thu lưu ký chứng khoán	8.318.815.614	6.856.900.965
Thu nhập hoạt động khác	2.338.368.804	3.408.700.771
- Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	*62.344.042*	*-*
- Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	*402.770.450*	*1.086.010.472*
- Doanh thu khác	*1.873.254.312*	*2.322.690.299*
TỔNG CỘNG	**389.621.147.324**	**332.331.095.718**

23. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ *(Thuyết minh 7.7)*	243.163.414	1.869.924.305
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng tài sản tài chính AFS *(Thuyết minh 7.7)*	(28.701.457.273)	28.763.577.060
TỔNG CỘNG	**(28.458.293.859)**	**30.633.501.365**

24. CHI PHÍ LÃI VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	117.193.117.384	87.212.164.601
Chi phí lãi vay khác	52.520.943.881	47.714.715.565
TỔNG CỘNG	**169.714.061.265**	**134.926.880.166**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	105.597.808.673	71.944.555.791
- Lương và các khoản phúc lợi	*103.255.141.353*	*69.560.700.631*
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	*2.342.667.320*	*2.383.855.160*
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	12.749.068.884	2.347.245.600
Chi phí vật tư văn phòng	461.530.191	312.973.578
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.508.471.603	1.577.850.798
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.411.912.491	6.030.796.746
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.940.008.266	10.166.877.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.081.351.726	37.166.939.796
Chi phí khác	8.176.516.696	9.397.483.452
TỔNG CỘNG	**184.926.668.530**	**138.944.723.607**

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	16.057.965	638.965.997
- Thu nhập khác	*16.057.965*	*638.965.997*
Chi phí khác	(736.630.984)	(754.016.714)
- Chi phí khác	*(736.630.984)*	*(754.016.714)*
Kết quả hoạt động khác	**(720.573.019)**	**(115.050.717)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2024: 20%).

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**265.060.173.195**	**240.929.589.736**
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	17.179.594.171	32.064.935.657
Lỗ chưa thực hiện trong năm	-	6.503.891.935
Các khoản dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	243.163.414	2.695.952.563
Chi phí dự phòng tài sản tài chính được hoàn nhập trong năm	2.299.796.542	-
Dự phòng phải thu khó đòi	18.920.810.097	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(43.899.262.833)	(70.311.837.337)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	(24.564.246.477)	-
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(23.722.527.050)	(500.000.000)
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi về bán, đáo hạn từ các tài sản tài chính FVTPL	(31.068.000.000)	-
Chi phí dự phòng tài sản tài chính ghi nhận trong năm	-	(6.339.520.596)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**180.449.501.059**	**205.043.011.958**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**36.089.900.213**	**41.008.602.392**
Thuế TNDN hiện hành ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	**-**	**-**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	11.708.452.849	6.326.272.325
Thuế TNDN đã trả trong năm	(39.034.737.691)	(35.626.421.868)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**8.763.615.371**	**11.708.452.849**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP *(tiếp theo)*

27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	12.904.446.259	8.451.556.272	4.452.889.987	(32.874.269)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	32.615.415.413	25.854.344.087	6.761.071.326	5.261.496.721
TỔNG CỘNG	**45.519.861.672**	**34.305.900.359**	**11.213.961.313**	**5.228.622.452**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	227.599.308.361	171.529.501.796
Trong đó:		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	*64.522.231.304*	*42.257.781.369*
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	*163.077.077.057*	*129.271.720.427*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**45.519.861.672**	**34.305.900.359**

28. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	Số cuối năm VND
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	129.271.720.427	33.805.356.630	-	163.077.077.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(25.854.344.088)	(6.761.071.326)	-	(32.615.415.414)
TỔNG CỘNG	**103.417.376.339**	**27.044.285.304**	**-**	**130.461.661.643**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	27.044.285.304	26.323.901.796
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	*27.044.285.304*	*26.323.901.796*
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	-	(5.277.914.916)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	*(5.277.914.916)*
TỔNG CỘNG	**27.044.285.304**	**21.045.986.880**

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
- có quyền đồng kiểm soát Công ty;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc của Công ty;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bên liên quan có thành viên Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty
Quỹ ETF BVFVN DIAMOND	Bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt	Bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	Bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC *(tiếp theo)*

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	20.071.769	49.096.991
	Phí lưu ký	258.698.652	232.768.041
	Phí tư vấn	150.000.000	300.000.000
	Phí công nghệ thông tin	(68.719.538)	(53.916.834)
	Thuê văn phòng	(9.785.696.400)	(10.171.046.400)
	Cổ tức đã trả	(34.624.954.400)	(34.624.954.400)
	Phí chi trả cổ tức, quản lý số cổ đông	88.000.000	121.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Phí lưu ký	190.386.905	157.663.082
	Phí giao dịch chứng khoán	1.729.914.263	76.361.443
	Thuê văn phòng 11 Nguyễn Công Trứ	(3.039.960.000)	(3.314.480.000)
	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	(432.102.272)	(452.727.266)
	Phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	(19.592.947.303)	(2.940.252.575)
	Chi phí khác	(93.526.321)	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	139.792.970	208.688.843
	Phí lưu ký	17.595.250	117.216.645
	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(2.068.710.106)	(2.279.645.500)
	Phí Bảo hiểm ung thư	(343.896.030)	(292.232.325)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	1.019.527.770	1.410.967.777
	Phí lưu ký	74.514.426	466.123
	Phí tư vấn	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng 233 Đồng Khởi	(6.816.272.666)	(6.385.617.818)
	Phí quản lý tòa nhà	(2.406.347.339)	(2.191.544.539)
	Chi phí khác	(1.685.478.392)	(2.039.098.293)
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức đã nhận	4.000.000.000	6.800.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Vay ngắn hạn	-	(340.000.000.000)
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	Phí tư vấn	77.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC *(tiếp theo)*

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí tư vấn chuyển nhượng TNPQ	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
	Chi phí dịch vụ Công nghệ thông tin	(13.479.208)	68.719.538	(65.018.860)	(17.179.886)
	Đặt cọc thuê văn phòng tại số 8 Lê Thái Tổ	897.022.170	-	-	897.022.170
	Chi phí thuê văn phòng tại số 8 Lê Thái Tổ	-	9.785.696.400	(9.785.696.400)	-
	Phí lưu ký	-	258.698.652	(258.698.652)	-
	Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông	-	80.000.000	(80.000.000)	-
	Phí tư vấn	-	150.000.000	(150.000.000)	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	20.071.769	(20.071.769)	-
	Cổ tức đã trả	-	34.624.954.400	(34.624.954.400)	-
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Tiền ứng tư vấn	(90.000.000)	-	-	(90.000.000)
	Thuê văn phòng	-	3.472.062.272	(3.494.749.772)	22.687.500
	Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ	-	19.592.947.303	(19.592.947.303)	-
	Phí giao dịch chứng khoán	-	1.729.914.263	(1.729.914.263)	-
	Phí lưu ký	-	190.386.905	(190.386.905)	-
	Chi phí khác	-	93.526.321	(93.526.321)	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(754.650.473)	2.412.606.136	(2.479.410.583)	(687.846.026)
	Chi phí giao dịch chứng khoán	-	139.792.970	(139.792.970)	-
	Phí lưu ký	-	17.595.250	(17.595.250)	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Tiền đặt cọc thuê văn phòng tại 233 Đồng Khởi	496.864.277	141.756.750	-	638.621.027
	Chi phí thuê văn phòng	-	6.816.272.666	(6.816.272.666)	-
	Chi phí quản lý dịch vụ	-	2.406.347.339	(2.378.053.631)	(28.293.708)
	Chi phí khác	-	1.685.478.392	(1.685.478.392)	-
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức được nhận	6.800.000.000	4.000.000.000	(6.800.000.000)	4.000.000.000
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí giao dịch CK	-	1.019.527.770	(1.019.527.770)	
	Phí lưu ký	-	74.514.426	(684.504)	73.829.922
	Phí dịch vụ phân tích & tư vấn đầu tư cổ phiếu	-	400.000.000	(400.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Tiền gửi thanh toán	6.236.537.906	361.635.970.285	(367.133.240.285)	739.267.906
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	Phí tư vấn	-	77.000.000	(77.000.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC *(tiếp theo)*

30.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)*

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát; Tiền lương của Hội đồng quản trị chuyên trách, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, tiền lương của Hội đồng quản trị chuyên trách	819.420.303	1.339.262.502
Lương của Ban Tổng giám đốc Công ty	1.985.477.953	1.999.940.511
	2.804.898.256	**3.339.203.013**

30.2 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế - VND	224.517.382.995	199.953.861.613
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế - VND	20.111.356.490	(6.471.017.666)
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế - VND	204.406.026.505	206.424.879.279
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) – VND	(12.264.361.590)	(12.385.492.757)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	192.141.664.915	194.039.386.522
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	2.661	2.688

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban Quản trị được ước tính bằng 6% lợi nhuận sau thuế trong năm theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC *(tiếp theo)*

30.3 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	22.727.525.397	21.226.855.782
Trên 1 - 5 năm	57.773.953.849	55.331.778.425
Trên 5 năm	4.536.395.820	13.609.187.460
Tổng cộng	**85.037.875.066**	**90.167.821.667**

30.4 *Thông tin báo cáo bộ phận*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư tài sản tài chính VND	Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay					
1. Doanh thu bộ phận	815.701.019.947	278.564.864.474	4.635.778.982	5.762.414.992	1.104.664.078.395
2. Chi phí bộ phận	560.323.446.311	66.096.683.881	9.203.916.794	19.053.189.684	654.677.236.670
3. Chi phí phân bổ	136.552.708.724	46.633.246.581	776.054.169	964.659.056	184.926.668.530
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**118.824.864.912**	**165.834.934.012**	**(5.344.191.981)**	**(14.255.433.748)**	**265.060.173.195**
Năm trước					
1. Doanh thu bộ phận	736.183.168.433	247.490.353.270	3.473.613.635	6.259.248.022	993.406.383.360
2. Chi phí bộ phận	419.860.937.601	168.780.852.507	9.079.808.738	15.810.471.171	613.532.070.017
3. Chi phí phân bổ	102.967.696.378	34.615.721.528	485.843.754	875.461.947	138.944.723.607
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**213.354.534.454**	**44.093.779.235**	**(6.092.038.857)**	**(10.426.685.096)**	**240.929.589.736**

Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo rủi ro thường xuyên và liên tục đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp Hội đồng QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định và Công ty có chủ trương nắm giữ trái phiếu đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2025, thay thế cho phụ lục trước đó được ban hành vào ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục. Danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết cũng có xu hướng xấu đi nếu thị trường niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường niêm yết giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu, chứng chỉ quỹ. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 28,26%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh (tiếp theo)

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2025		
Kịch bản 1	+10%	6.504.115.093
Kịch bản 2	-10%	(15.330.526.514)
31 tháng 12 năm 2024		
Kịch bản 1	+10%	5.874.359.750
Kịch bản 2	-10%	(17.123.174.567)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo Quy định của Tập đoàn Bảo Việt và hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp, sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2025							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**1.089.695.131.084**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.089.695.131.084**
Trái phiếu	302.596.817.388	-	-	-	-	-	302.596.817.388
Hợp đồng tiền gửi	787.098.313.696	-	-	-	-	-	787.098.313.696
Tài sản tài chính khác	**4.595.766.595.219**	**-**	**-**	**-**	**683.373.113**	**2.306.346.799**	**4.598.756.315.131**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.859.743.522	-	-	-	-	-	20.859.743.522
Phải thu cổ tức	5.505.800.500	-	-	-	-	-	5.505.800.500
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.566.712.206.639	-	-	-	677.668.041	2.306.346.799	4.569.696.221.479
Khác	2.688.844.558	-	-	-	5.705.072	-	2.694.549.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	**367.910.939.027**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**367.910.939.027**
TỔNG CỘNG	**6.053.372.665.330**	**-**	**-**	**-**	**683.373.113**	**2.306.346.799**	**6.056.362.385.242**

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2024							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**1.163.146.288.486**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.163.146.288.486**
Trái phiếu	302.597.007.664	-	-	-	-	-	302.597.007.664
Hợp đồng tiền gửi	860.549.280.822	-	-	-	-	-	860.549.280.822
Tài sản tài chính khác	**3.533.356.409.658**	**-**	**-**	**-**	**788.284.863**	**3.090.296.999**	**3.537.234.991.520**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.210.510.115	-	-	-	-	-	21.210.510.115
Phải thu cổ tức	7.347.831.800	-	-	-	-	-	7.347.831.800
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.502.155.475.371	-	-	-	781.335.691	3.090.296.999	3.506.027.108.061
Khác	2.642.592.372	-	-	-	6.949.172	-	2.649.541.544
Tiền và các khoản tương đương tiền	**167.854.336.536**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**167.854.336.536**
TỔNG CỘNG	**4.864.357.034.680**	**-**	**-**	**-**	**788.284.863**	**3.090.296.999**	**4.868.235.616.542**

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính có cùng kỳ hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2025								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**603.981**	**1.153.510**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.757.491**
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	-	-	1.153.510	-	-	-	-	1.153.510
Cổ phiếu	-	603.981	-	-	-	-	-	603.981
Tài sản tài chính khác	**2.306**	**70.671**	**4.582.066**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.655.043**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.860	-	-	-	-	-	20.860
Phải thu cổ tức	-	-	5.506	-	-	-	-	5.506
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.306	-	4.567.390	-	-	-	-	4.569.696
Khác		49.811	9.170	-	-	-	-	58.981
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**367.911**	**-**	**-**	**-**	**-**	**367.911**
TỔNG CỘNG	**2.306**	**674.652**	**6.103.487**	**-**	**-**	**-**	**-**	**6.780.445**
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	4.070.369	-	-	-	-	4.070.369
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	6.393	-	-	-	-	6.393
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	7.310	-	-	-	-	7.310
Khác	-	-	3.991	-	-	-	-	3.991
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**4.088.063**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.088.063**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2024								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**495.815**	**954.495**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.450.310**
Trái phiếu	-	-	81.165	-	-	-	-	81.165
Hợp đồng tiền gửi	-	-	873.330	-	-	-	-	873.330
Cổ phiếu	-	495.815	-	-	-	-	-	495.815
Tài sản tài chính khác	**3.090**	**94.373**	**3.514.460**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.611.923**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	21.211	-	-	-	-	-	21.211
Phải thu cổ tức	-	-	7.348	-	-	-	-	7.348
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.090	-	3.502.937	-	-	-	-	3.506.027
Khác		73.162	4.175	-	-	-	-	77.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**167.854**	**-**	**-**	**-**	**-**	**167.854**
TỔNG CÔNG	**3.090**	**590.188**	**4.636.809**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5.230.087**
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	2.908.548	-	-	-	-	2.908.548
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	1.919	-	-	-	-	1.919
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	4.687	-	-	-	-	4.687
Khác	-	-	12.499	-	-	-	-	12.499
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**2.927.653**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.927.653**

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

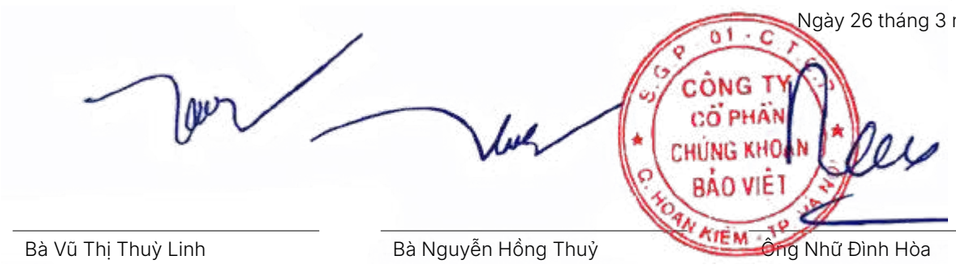

Bà Vũ Thị Thuỷ Linh	Bà Nguyễn Hồng Thuỷ	Ông Nhữ Đình Hòa
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt
Phó phòng Tài chính Kế toán	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.656.788.591.891 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lại Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Quang Vũ	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91"), Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 102") và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91, Thông tư 102, và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số tham chiếu: 12816353/E-68638239-ATTC

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: **CÁC CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 và được trình bày trang 282 đến trang 310. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91"), Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 102"), và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định của Thông tư 91, Thông tư 102 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của các kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91, Thông tư 102 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các văn bản pháp quy áp dụng và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara	Huỳnh Nhật Hưng
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1	Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Số:..... /2026/BVSC-TCKT
V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, Ngày 26 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91") và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91 ("Thông tư 102");

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Nguyễn Hồng Thủy	Ông Lê Thịnh Vượng	Ông Nhữ Đình Hòa
Kế Toán Trưởng	Phó Trưởng phòng Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ	Tổng Giám đốc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	đồng	4	178.192.125.488
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	đồng	5	99.240.529.259
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	đồng	6	160.401.310.486
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**	**đồng**		**437.833.965.233**
5	**Vốn khả dụng**	**đồng**	**7**	**2.521.963.762.986**
6	**Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)**	**%**		**576%**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Nguyễn Hồng Thủy	Ông Lê Thịnh Vượng	Ông Nhữ Đình Hòa
Kế Toán Trưởng	Phó Trưởng phòng Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ	Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Hội sở	Tầng 1, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1	94 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công	Tầng 10, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Phường Láng, Hà Nội
5. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ	11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch 81 Cao Thắng	Tầng 2, tòa 81 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu	Tầng G, Tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.656.788.591.891 VND, tổng tài sản là 7.032.999.228.296 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP *(tiếp theo)*

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:

  a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

  b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

  c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

  d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

  e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

  f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

  g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d, e đã nêu ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 91") và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91 ("Thông tư 102"). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng x 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ *(Thuyết minh 3.2.1)*;
- Các khoản tăng thêm *(Thuyết minh 3.2.2)*; và
- Vốn khác (nếu có).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá tài sản* (1 – Hệ số rủi ro thị trường));
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh chứng khoán và các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá tài sản * (1 - Hệ số rủi ro thị trường)). Trường hợp tài sản đảm bảo được sử dụng cho nhiều nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, khoản giảm trừ được tính theo tỷ lệ tương ứng cho mỗi nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh chứng khoán (Giá trị còn lại của nghĩa vụ/tài sản đảm bảo);
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
  - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị của tài sản bảo đảm khi tính khoản điều chỉnh giảm của phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng của các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102 trừ chứng khoán được phát hành bởi công ty con, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty mẹ của Công ty hoặc các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản theo quy định của Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102;
- Các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

3.2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính; và
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hoàn lại và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 của Thông tư 102.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với UBCKNN, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định đối với các tài sản được quy định tại khoản 2, Điều 9, Thông tư 91, bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

Giá trị rủi ro thị trường của chứng khoán chưa phân phối hết từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành, hợp đồng tương lai được xác định theo các công thức cụ thể được trình bày trong *Thuyết minh số 3.3.2*.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
  - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư 102.

3.3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn, các khoản tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá bình quân tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính từ kỳ trả lãi cuống phiếu gần nhất đến ngày giao dịch (nếu giá bình quân chưa bao gồm lãi lũy kế). Trường hợp trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc bị hủy niêm yết, giá trị của trái phiếu niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị: Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán cộng lãi lũy kế; Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá bình quân của giá trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính từ kỳ trả lãi cuống phiếu gần nhất đến ngày giao dịch (nếu giá bình quân chưa bao gồm lãi lũy kế). Trường hợp trái phiếu chưa được giao dịch tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc trái phiếu bị hủy đăng ký giao dịch, giá trị của trái phiếu niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán cộng lãi lũy kế; Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM là giá tham chiếu (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán; Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất hoặc giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

d. Chứng chỉ quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán/Quỹ ETF

Giá trị của Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết/Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày tính toán hoặc hủy niêm yết do chuyển Sở giao dịch chứng khoán, giá trị của Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết/Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng được xác định là giá trị lớn nhất trong các mức giá sau: (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu được công bố thông tin theo quy định tại ngày gần nhất trước ngày tính toán; (ii) Giá mua; (iii) Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của Chứng chỉ quỹ thành viên/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ là giá trị tài sản ròng trên một đơn vị phần vốn góp/cổ phiếu tại kỳ báo cáo/kỳ định giá gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin theo quy định tại ngày gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các Chứng chi quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

e. Hợp đồng tương lai

Giá trị rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai được xác định theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Max {((giá trị thanh toán cuối ngày - Giá trị chứng khoán mua vào) x Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ), 0}

Trong đó:

- Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.
- Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà tổ chức kinh doanh chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;
- Giá trị ký quỹ là phần giá trị tài sản mà tổ chức kinh doanh chứng khoán ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

3.3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào chứng khoán, phần vốn góp của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào chứng khoán, phần vốn góp của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào chứng khoán, phần vốn góp của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu trong hoạt động kinh doanh chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn; các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu trong hoạt động kinh doanh chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- Đối với các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn, các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự ngoài các giao dịch, hợp đồng trên, các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam ("DATC"), giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:
  - Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị khoản đặt cọc x 150%;
  - Các khoản cho vay, phải thu khách hàng: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị khoản cho vay, phải thu x 150%;
  - Các hợp đồng, giao dịch khác: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 100%.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

- Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới chín mươi (90) ngày (không bao gồm khoản được gia hạn, trường hợp gia hạn được tính giảm trừ vốn khả dụng theo quy định), giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán		Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro thanh toán
Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng	chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán
	chiếm từ trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50%	
	chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%	

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư 91.

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo điểm k khoản 1 Điều 10 Thông tư 91 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1, Điều 7 Thông tư 102	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2.	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3.	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng x (1- Hệ số rủi ro thị trường)),0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số rủi ro thị trường) - Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0}

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty (tiếp theo)

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá của các tài sản được xác định theo *Thuyết minh 3.3.2.*

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên) hoặc theo quy định cụ thể (đối với chứng khoán phái sinh).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng, trừ giao dịch, hợp đồng quy định tại điểm k khoản 1, điểm b khoản 10 Điều 10 Thông tư 91, sửa đổi bổ sung tại Khoản 1 và khoản 2 điều 7 Thông tư 102, khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo *Thuyết minh 3.3.2.*

3.4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;

Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5 Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật, tuỳ thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác, phần chênh lệch giảm về đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL"), chi phí lãi vay; chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành; chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện; chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ**			
1.	Tiền mặt (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	0	367.910.939.027	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II.	**Trái phiếu Chính phủ**			
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3	-	-
III.	**Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng**			
6.1	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
6.2	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
6.3	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG *(tiếp theo)*

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
III.	**Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng (tiếp theo)**			
6.4	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi (*)		302.596.817.388	60.519.363.478
	(*) Bao gồm trái phiếu do các ngân hàng sau phát hành:			
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV): Được xếp hạng tín nhiệm bởi Moody's tại thời điểm ngày 23/10/2025 với mức xếp hạng Ba2.			
	- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank): Được xếp hạng tín nhiệm bởi:			
	+ Fitch Ratings tại thời điểm ngày 14/11/2025 với mức xếp hạng BB+;			
	+ Moody's tại thời điểm ngày 09/10/2025 với mức xếp hạng Ba2.			
	Do mức xếp hạng tín nhiệm đều dưới ngưỡng BBB, trái phiếu do các ngân hàng trên phát hành được áp dụng hệ số rủi ro cộng thêm là 10% theo quy định.			
IV.	**Trái phiếu doanh nghiệp**			
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
7.1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
7.2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
7.3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
7.4	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG *(tiếp theo)*

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV.	**Trái phiếu doanh nghiệp (tiếp theo)**			
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết				
8.1	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi (*)		91.006.958.900	13.651.043.835
	(*) Trái phiếu có tổ chức phát hành là Công ty cổ phần Đầu tư MHC. Do tổ chức phát hành không có thông tin về xếp hạng tín nhiệm, trái phiếu do tổ chức trên phát hành được áp dụng hệ số rủi ro cộng thêm là 10% theo quy định.			
8.2	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
8.3	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
8.4	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
8.5	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi (*)		74.976.493.380	18.744.123.345
	(*) Trái phiếu có tổ chức phát hành là Công ty cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C. Do tổ chức phát hành không có thông tin về xếp hạng tín nhiệm, trái phiếu do tổ chức trên phát hành được áp dụng hệ số rủi ro cộng thêm là 10% theo quy định.			
8.6	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
8.7	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.8	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG *(tiếp theo)*

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
V.	**Cổ phiếu**			
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán	10	284.983.129.170	28.498.312.917
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết và đã đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	39.750.199.400	7.950.039.880
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	49.447.887.516	14.834.366.255
VI.	**Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán**			
12.	Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	257.796.066.891	25.779.606.689
13.	Quỹ thành viên	50	-	-
14.	Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII.	**Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch**			
15.	Chứng khoán bị cảnh báo	35	63.722.970	22.303.040
16.	Chứng khoán bị kiểm soát	40	18.163.993.170	7.265.597.268
17.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60	1.506.545.900	903.927.540
18.	Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70	5.162.290	3.613.603
19.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	24.784.548	19.827.638
VIII.	**Chứng khoán phái sinh**			
20.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
21.	Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ	3	-	-

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG *(tiếp theo)*

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IX.	**Chứng khoán khác**			
22.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
23.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
24.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
25.	Giao dịch chênh lệch giá	2	-	-
26.	Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80	-	-
27.	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
28.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành *(trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)*	10	-	-
29.	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	10	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				**178.192.125.488**

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán *(Thuyết minh 5.1)*	23.387.753.082
Rủi ro quá thời hạn thanh toán *(Thuyết minh 5.2)*	75.831.096.177
Rủi ro với các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác *(Thuyết minh 5.3)*	21.680.000
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	**99.240.529.259**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN *(tiếp theo)*

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch \ Hệ số rủi ro (%)		Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)	-	-	-	-	22.887.400.192	500.352.890	23.387.753.082
2.	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								**23.387.753.082**

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

(*) Chi tiết:

	Giá trị sổ sách VND	Giá trị tài sản đảm bảo VND	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VND	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác %	Giá trị rủi ro thanh toán VND
Tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	381.456.669.861	-	381.456.669.861	6,00	22.887.400.192
Dự thu cổ tức	5.505.800.500	-	5.505.800.500	8,00	440.464.040
Phải thu khác	748.610.626	-	748.610.626	8,00	59.888.850
	387.711.080.987	**-**	**387.711.080.987**		**23.387.753.082**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN *(tiếp theo)*

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	75.831.096.177	75.831.096.177
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				**75.831.096.177**

5.3 Rủi ro với các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

STT	Chi tiết tới từng đối tượng	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư 91 sửa đổi bởi Thông tư 102; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 10 Thông tư 91 sửa đổi Thông tư 102; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC):			
	- Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất (chi tiết từng đối tượng)	150	-	-
	- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm đ, g khoản 1 Điều 10 Thông tư 91 sửa đổi bởi Thông tư 102 (chi tiết từng đối tượng)	150	-	-
	- Các hợp đồng, giao dịch khác (chi tiết từng đối tượng)	100	-	-
	- Khoản tạm ứng (chi tiết từng đối tượng):			
	+ Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8	271.000.000	21.680.000
	+ Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50	-	-
	+ Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán.	100	-	-
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC				**21.680.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu		Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 31 tháng 12 năm 2025	880.146.695.400
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí *(Thuyết minh 6.1)*	238.541.453.456
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	641.605.241.944
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	160.401.310.486
V.	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		**160.401.310.486**

6.1 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ

	Giá trị VND
Chi phí khấu hao	7.542.513.921
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	243.163.414
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	(2.941.384.000)
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(4.068.000.000)
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn khác	(21.692.073.273)
Chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	-
Chi phí chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	47.804.943.660
Chi phí lãi vay	169.714.061.265
Chi phí khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	544.878
Chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán	41.937.683.591
Tổng cộng	**238.541.453.456**

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
A	**Vốn chủ sở hữu**			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ		496.682.500	
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	130.461.661.643		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	59.379.106.210		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	59.379.106.210		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	173.325.877.426		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	861.117.418.850		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	104.889.443.559		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		6.397.769.674	22.161.894.070
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	**Tổng**			**2.736.412.592.514**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG *(tiếp theo)*

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(3)
B	**Tài sản ngắn hạn**			
I	***Tài sản tài chính***			
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		1.679.178.400	
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4.	Các khoản cho vay			
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7.	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
8.	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
10.	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
11.	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
12.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
13.	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.756.693.164	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG *(tiếp theo)*

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(3)
B	**Tài sản ngắn hạn**			
II	***Tài sản ngắn hạn khác***			
1.	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
	- Tạm ứng còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		136.377.620	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.361.623.078	
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		94.000.000	
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7.	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	**Tổng**			**11.027.872.262**
C	**Tài sản dài hạn**			
I	***Tài sản tài chính dài hạn***			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2.	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		132.982.480.000	
II	***Tài sản cố định***		***22.034.033.251***	
III	***Bất động sản đầu tư***		***-***	
IV	***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***		***1.306.975.000***	
V	***Tài sản dài hạn khác***		***47.097.469.015***	
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.407.511.192	
2.	Chi phí trả trước dài hạn		23.830.214.301	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		20.859.743.522	
5.	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	***Các chỉ tiêu tài sản*** bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 91/2020/TT-BTC sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC		-	
1C	**Tổng**			**203.420.957.266**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG *(tiếp theo)*

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
D	**Các khoản ký quỹ đảm bảo**			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty chứng khoán và tổ chức, cá nhân khác (chi tiết từng đối tượng)		-	
1D	**Tổng**			**-**
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				**2.521.963.762.986**

Ghi chú:

	Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Bà Nguyễn Hồng Thủy	Ông Lê Thịnh Vượng	Ông Nhữ Đình Hòa
Kế Toán Trưởng	Phó Trưởng phòng Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ	Tổng Giám đốc

BAOVIET Securities

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

(84-24) 3.928.8080

(84-24) 3.928.9888

www.bvsc.com.vn